

# **LỐI VÀO CỬA PHẬT**

**(Patimokkha samvara)**

## **PHẢN BIỆN HIỆN TƯỢNG THÍCH THÔNG LẠC**



# **LỐI VÀO CỬA PHẬT**

**(Patimokkha samvara)**

**PHẢN BIỆN**  
**HIỆN TƯỢNG THÍCH THÔNG LẠC**



**NAM MÔ THÍCH CA MÂU NI PHẬT**  
**TÒÀN KHÔNG ĐỔ ĐĂNG TIẾN**

# LỐI VÀO CỬA PHẬT

## PHẢN BIỆN HIỆN TƯỢNG THÍCH THÔNG LẠC

### MỤC LỤC

THƯ NGỎ CỦA BAN BIÊN TẬP .....	5
SƠ LƯỢC VỀ TRƯỞNG LÃO THÍCH THÔNG LẠC .....	6
LỜI DẪN:.....	8
I). ĐẠI THỪA LÀ CỬA BÀ LA MÔN.....	9
II). THIỀN TÔNG LÀ CỬA ĐẠO LÃO.....	15
III). TỊNH, MẬT, THIỀN, PHÁP HOA LÀ CỬA BÀ LA MÔN .....	19
1). TỊNH ĐỘ LÀ PHÁP MÔN MÊ TÍN.....	19
2). MẬT TÔNG LÀ PHÁP MÔN TÀ THUẬT .....	23
3). PHÁP HOA TÔNG LÀ PHÁP MÔN PHI ĐẠO ĐỨC.....	31
4). THIỀN TÔNG LÀ PHÁP MÔN CHẤP NGÃ.....	37
IV). ĐẠI THỪA SAI LẦM VỀ VÔ NGÃ.....	43
1). Vô Ngã Ác Pháp là Niết Bàn .....	43
2). Không phải vô ngã là Niết Bàn .....	44
3). Vô ngã cả ác lẫn thiện là cây đá .....	45
4). Vô ngã ác pháp chứ không phải vô ngã thiện pháp.....	46
V). THIỀN TÔNG GIỐNG NHƯ GỖ ĐÁ.....	47
1./ Ngồi thiền không động, không nói nghĩ thì như gỗ đá .....	47
VI). THIỀN TÔNG LÀ PHÁT TRIỂN TƯỞNG TUỆ.....	52
VII). THIỀN TÔNG ỨC CHẾ Ý THỨC LÀ HÍ LUẬN .....	54
1). Thiền tông ức chế ý thức, đó là định ngoại đạo.....	54
2). Hết vọng phát sinh trí tuệ, thực sự là tưởng tri.....	57
3). Thiền sư hý luận, nói đông nói tây, la hét chỉ trò .....	60
VIII). KINH KIM CANG LÀ HÍ LUẬN.....	62
1). Kim Kim Cang không có pháp hành, toàn là hý luận xuống.....	63
2). Chưa ai làm được như kinh nói, toàn bánh vẽ.....	65
IX). KINH PHẠM VĨNG KHÔNG PHẢI LÀ CHÍNH PHÁP .....	66
X). KINH DUY MA CẬT NHƯ RẮN THÊM CHÂN.....	73
XI). KINH THỦ LĂNG NGHIÊM LỪA ĐẢO MỌI NGƯỜI .....	83
1). Tánh thấy nghe sáng suốt mà chui vào cái dây thối .....	84
2). Thiền sư luận thuyết trơn uồn như con lươn .....	86
3). Kinh Lăng Nghiêm lý luận thiếu chân thật .....	88
4). Có Phật tánh mà ngu như con bò .....	88

5). Kinh Lăng Nghiêm có nhiều cái sai .....	89
<b>XII). KINH VIÊN GIÁC KHÔNG PHẢI PHẬT THUYẾT .....</b>	<b>92</b>
<b>XIII). KINH DI LẶC ĐẶT RA ĐỂ LẬT ĐỔ PHẬT THÍCH CA.....</b>	<b>97</b>
1). Không có Di Lặc, chỉ là sản phẩm của Bà La Môn.....	97
2). Đưa Di Lặc ra để làm cách mạng lật đổ Đức Thích Ca.....	98
<b>XIV). TRUNG QUÁN LUẬN CỦA LONG THỌ LÀ HÍ LUẬN .....</b>	<b>100</b>
1). Trung Quán Luận của Ngài Long Thọ là hý luận.....	100
2). Các người tu theo đều chết đau đớn .....	112
<b>XV). HAI THIỀN SƯ NAM TRUYỀN CHƯA ĐẮC ĐẠO VIẾT SÁCH SAI.....</b>	<b>114</b>
1). Thiền sư Ajahn Chad viết Mật Hồ Tĩnh Lặng sai .....	114
2). Thiền sư Mahasi viết tập Vipassana sai ý Phật .....	119
<b>XVI). CÁC TỔ HIỂU SAI KHÔNG TÁNH.....</b>	<b>127</b>
<b>XVII). KINH ĐỊA TẠNG LÀ XẢO TRÁ GÂY MÊ TÍN.....</b>	<b>142</b>
1). Kinh Địa Tạng là của Bà La Môn mục đích lường gạt.....	142
2). Câu siêu làm tuần thất là mê tín .....	147
<b>XVIII). KINH ĐẠI THỪA KHÔNG PHẢI PHẬT NÓI.....</b>	<b>155</b>
1). Kinh sách Đại thừa không phải Phật thuyết .....	155
2). Đức Phật biết đời sau sẽ làm sai giáo pháp .....	157
3). Ba La Đề Mộc Xoa của Tổ không phù hợp Phật giáo .....	160
4). Kinh sách kết tập bởi những người chưa chứng đạo .....	161
5). Người trước tu sai, người sau đều tu tập sai hết .....	164
<b>XIX). TỔNG KẾT:.....</b>	<b>167</b>
<b>TRÍCH DẪN THAM KHẢO .....</b>	<b>173</b>

## LỐI VÀO CỬA PHẬT

### THƯ NGỎ CỦA BAN BIÊN TẬP

(Mạng Lưới Thư Viện Hoa Sen)

(12/18/2010)

Tác giả : Tâm Diệu

Hoa Kỳ ngày 16-6-2003

Kính gửi các bậc Tôn Túc, quý Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni.

Kính gửi quý Cư sĩ Phật tử,

Kính thưa quý vị,

Trong những tháng vừa qua Phật tử cũng như không là Phật tử Việt Nam ở khắp nơi trên thế giới đã được tiếp cận với đạo Phật qua các bài thuyết giảng của Hoà Thượng Thích Thông Lạc, Viện chủ Tu Viện Chơn Như ở Trảng Bàng, Tây Ninh, Việt Nam trên mạng lưới điện toán toàn cầu và qua các sách in ấn của Tu Viện Chơn Như. Một số đồng đã thư về cho ban biên tập chúng tôi hỏi ý kiến về pháp tu cũng như đường hướng hoằng pháp của Hoà Thượng Thích Thông Lạc. Họ bày tỏ niềm hoang mang trước những lời giảng rất khác thường của Hoà Thượng, bởi vì Hoà Thượng Thông Lạc là một trong mười đệ tử đầu tiên của Hoà Thượng Thích Thanh Từ, mà HT. Thanh Từ lại chính là một đại Thiền sư của Phật Giáo Việt Nam, người hiện đang hoằng dương Đại Thừa Thiền Tông, rất nổi tiếng trên khắp thế giới. Ngoài ra, chính HT. Thông Lạc cũng tự xưng mình đã chứng Tứ Thiền, đắc Tam Minh và đã được Hoà Thượng Thanh Từ ấn chứng, đồng thời còn yêu cầu HT. Thông Lạc trụ thế, như sau:

“...Hoà Thượng Thanh Từ sau khi đã ấn chứng Thầy chứng quả Thiền Tông, yêu cầu Thầy trụ thế, và duyệt lại kinh sách để cùng Hoà Thượng CHẤN HƯNG THIỀN TÔNG...” [TL-0]

Vì sự trường tồn của Phật Giáo và trước những hoang mang của Phật tử, nên chúng tôi trân trọng kính gửi thư này xin quý vị từ bi hoan hỷ cho biết tôn ý về việc Hoà Thượng Thông Lạc cho rằng từ các kinh điển Đại Thừa như các kinh Pháp Hoa, kinh Kim Cang, kinh Viên Giác, kinh Bát Nhã, kinh Phạm Võng, kinh Duy Ma Cật; tới chư vị Tổ Sư như các Ngài Long Thọ, Vô Trước, Thế Thân, Mã Minh, Bồ Đề Đạt Ma, Huệ Khả, Tổ Vĩnh Minh Diên Thọ v.v. [TL-8] của các truyền thống Đại Thừa, Thiền Tông, Mật Tông, và Tịnh Độ là ngoại đạo, là Bà La Môn giáo, trà trộn vào Phật giáo để đánh phá đạo Phật, biến Phật Giáo thành một thứ tà giáo ngoại đạo. [ĐVXP-T2]

*Hoà Thượng Thông Lạc cho biết Hoà Thượng đã bị chư Tổ lừa gạt và làm lạc pháp môn ngoại đạo (Đại Thừa, Thiền Tông, Mật Tông, Tịnh Độ Tông) và khuyên các Phật tử không nên đi vào con đường tu làm lạc đó. [ĐVXP-T5]*

*Trước những cáo giác Phật Giáo Đại Thừa và chư Tổ Phật giáo từ Tây Trúc đến Việt Nam là tà giáo ngoại đạo, ban biên tập Thư Viện Hoa Sen và Nguyệt San Liên Hoa Điện Tử do chúng tôi chủ trương đã thận trọng và âm thầm tìm hiểu xem từ nguyên nhân nào mà bỗng nhiên lại có hiện tượng một vị sư phát biểu như thế, nhưng vẫn chưa tìm ra được manh mối một cách rõ ràng. Trong khi chờ đợi, chúng tôi đã không phổ biến các tài liệu diễn giảng của Hoà Thượng Thích Thông Lạc. Tuy nhiên, trước những lời mạ lỵ quá nặng nề của Hoà Thượng dành cho kinh điển và chư Tổ Phật Giáo Đại Thừa, nhiều đạo hữu đã gửi tới chúng tôi những tài liệu mà chúng tôi xin đính kèm sau đây, trích trong một số bài giảng tiêu biểu của Hoà Thượng Thông Lạc để quý vị tham khảo.*

*Chúng tôi rất mong quý vị hoan hỷ góp ý kiến vì đối với một tôn giáo thì vấn đề kinh điển và nhân cách của chư vị Tổ Sư truyền giáo là vấn đề lớn, cần phải được chiếu rọi cho rõ ràng, tránh cho Phật tử bị rơi vào tình trạng hoang mang.*

*Xin quý vị thư về cho ban biên tập chúng tôi.*

*Trân trọng kính chào và kính chúc quý ngài vạn sự cát tường.*

*Kính thư,*

*Ban Biên Tập*

*Tâm Diệu*

*\**

*\* \**

## **SƠ LƯỢC VỀ TRƯỞNG LÃO THÍCH THÔNG LẠC**

Không thấy tài liệu nào nói đến tiểu sử Trưởng Lão Thích Thông Lạc, tìm trong mạng Nguyên Thủy Chơn Như và trong các tập sách của Trưởng Lão Thích Thông Lạc, chúng ta thấy tên là Lê Ngọc An, pháp danh THÍCH THÔNG LẠC sinh năm 1928, là người con thứ tư trong gia đình. Xuất gia lúc 8 tuổi không rõ với Thầy nào, khi là sinh viên tại Sài Gòn làm thẻ sinh viên và căn cước đề năm sinh 1935, nhờ đó tuổi học trò được kéo dài.



Tới năm 1972 lúc 44 tuổi, Trưởng Lão Thích Thông Lạc (Viết tắt: TL TTL) tu theo Thiền Tông của Hòa Thượng Thích Thanh Từ tới năm 1980 thì được trên 8 năm, TL TTL cho rằng tu quá lâu mà không có kết quả gì, nên chuyển qua tu Nam truyền. Sau một thời gian khoảng trên nửa năm, TL TTL tự cho mình đã đạt Tứ Thiền quả A La Hán, chứng tam minh, rồi đến gặp HT Thanh Từ xin ấn chứng đạt đạo. HT Thanh Từ có biết TL TTL đã tu theo Nam truyền hay không sự thể thế nào không rõ, nhưng đã chứng cho TL TTL đắc đạo!

Khi đó TL TTL xin phép nhập Niết Bàn, HT Thanh Từ khuyên nên ở lại để cùng Hòa Thượng chấn hưng Thiền Tông. Lúc đó TL TTL trở về, lập Tu Viện Chơn Như năm 1986 ở ấp Gia Lâm xã Gia Lộc Trảng Bàng Tây Ninh; nhập thất khoảng 10 năm, rồi thuyết pháp và viết sách chỉ trích đả phá Thiền Tông của HT Thanh Từ nói riêng và Phật giáo Bắc truyền nói chung suốt từ khoảng 1996, đến năm 2011 thì đã xuất bản 10 cuốn “Đường Về Xứ Phật” và 4 cuốn “Những Lời Gốc Phật Dạy”.

Trong lời thuyết giảng và trong các sách, từ Lời Nói Đầu cho đến các bài viết về Phật pháp, TL TTL đã luôn luôn lồng vào những lời đả phá tất cả các pháp môn tu và hầu hết các kinh tạng của Bắc truyền là của Đạo Bà La Môn, của Lão Giáo, là lường gạt tín đồ Phật giáo, là mê tín. TL Thích Thông Lạc cho rằng Chư Tổ của Bắc truyền và các Thiền Sư đều chưa đạt đạo và hành sai v.v...; ngược lại, TL TTL luôn luôn khen ngợi tu theo Nguyên Thủy mới là đúng.

Sau 25 năm, TL Thông Lạc đã đào tạo được một số đệ tử, và có một số ít người tin theo, do đó họ viết bài phụ họa với TL Thông Lạc. Họ tung các bài vở đả kích Phật giáo Bắc truyền trên các mạng toàn cầu mạnh mẽ như sóng thần. Họ còn lập ban phiên dịch để dịch số sách của TL Thông Lạc ra ngoại ngữ với mục đích sẽ đánh đổ Phật giáo Đại thừa tại các nước Á châu cũng như tại các nước Âu Mỹ, thật là kinh khủng như thế đó. Do đó đã có một số Phật tử bỏ Bắc truyền để theo Nam truyền, rất nhiều người hoang mang nghi ngờ Phật giáo, và nếu cứ cái đà như thế thì chỉ trong ít năm nữa, Phật giáo Bắc truyền sẽ tàn lụi dần hết.

TL TTL viết 2 bộ sách với mục đích chấn chỉnh lại Phật giáo và viết rằng: “Người nào chưa làm chủ được sinh già bệnh chết thì chưa đủ khả năng bình luận sách ông viết”. Đây là lời nói của kẻ cả vì cho mình đã đạt đạo nên chỉ có mình là đúng, còn mọi người là sai hết; vì muốn bịt miệng

người khác nên đã nói như thế, y như có lần TL TTL đang nói chuyện có một Ni Cô dơ tay, la lên muốn phát biểu phản đối, nhưng TL TTL không cho Ni Cô nói!

\*  
\* \*

## LỜI DẪN:

Vào ngày 15-8-2012 tình cờ chúng tôi mở mạng lưới điện toán của Thư Viện Hoa Sen, bất ngờ thấy một thư ngỏ đề ngày 18 tháng 12 năm 2010 (Thư này đã gửi từ ngày 16-6-2003) của Tâm Diệu Ban Biên Tập mạng Thư Viện Hoa Sen gửi các bậc Tôn Túc, Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni, cùng Cư sĩ Phật tử. Thư trình bày về Trưởng Lão Thích Thông Lạc (Viết tắt TL TTL) đã khẳng định rằng Phật giáo Đại thừa là của ngoại đạo chứ không phải của Phật giáo, nên Ban Biên Tập mong mỗi Chư Tôn Đức và Phật tử giải quyết sớm vấn đề bất an của Phật tử Phật giáo Đại Thừa.

Vấn đề này đã xảy ra từ cả hơn 10 năm nay và đã có một số bài nhận định của một số vị Tu sĩ và Cư sĩ, nhưng chưa ngăn chặn được sự đả kích Phật giáo Bắc truyền vẫn lan tràn trên các mạng. Cũng không thấy bài viết của HT Thanh Từ là vị Tôn sư của HT Thông Lạc trước kia.

Nhận thấy sự chỉ trích sai lầm, chúng tôi đã vội vã bắt tay vào viết để mong chặn đứng sự sai trái vô cùng tai hại như thế. Sau 3 tháng viết ngày đêm, chúng tôi bắt đầu đưa các bài “Phản Biện Hiện Tượng Thích Thông Lạc” lên 3 mạng: Thư Viện Hoa Sen, Quảng Đức và Thân Tâm An Lạc từ 19 tháng 11 - 2012 đến đầu tháng 01 - 2013 thì hoàn tất 10 bài phản biện; nhiều người đã đọc, đã hiểu rõ sự thật chứng minh khác với lời chỉ trích, trái với sự hiểu biết của TL TTL và không còn hoang mang nữa.

Những bài viết trong sách này, mặc dù phá tà hiển chánh, nghĩa là phá những chỉ trích sai lầm của HT Thông Lạc, nhưng phần lớn là giải thích để mọi người hiểu rõ nghĩa thật, nhận chân giá trị mỗi kinh về một khía cạnh; nhưng tất cả đều giúp Phật tử hiểu để hành trì cho mục đích thoát khỏi sinh tử luân hồi, nên sách này được đặt tên là “Lối Vào Cửa Phật”

Chúng tôi căn cứ theo bản tóm tắt của Ban Biên Tập mạng Thư Viện Hoa Sen và các bài Tu Viện Chơn Như đăng trên mạng mà trả lời, hy



vọng sẽ góp phần trong việc bảo vệ Pháp Bảo; và sự hoàn tất gấp rút nên có những điều khiếm khuyết, xin quý Thiện tri thức bỏ qua cho, người viết chân thành đa tạ.

**NAM MÔ THÍCH CA MÂU NI PHẬT**  
Cali, USA, Phật Lịch năm 2556, ngày 24- 02- 2013.  
**Toàn Không Đổ Đẳng Tiến**

## **LỐI VÀO CỬA PHẬT**

### **PHẢN BIỆN HIỆN TƯỢNG THÍCH THÔNG LẠC**

Trong quan niệm của chúng tôi sẽ tránh dùng danh tự Đại thừa, Tiểu thừa mà thay bằng Bắc truyền, Nam truyền được nhiều chừng nào tốt chừng ấy để tránh bớt sự phân chia có tính cách miệt thị không tốt trong Phật giáo nói chung và để sự phân tích được rõ ràng, chúng tôi xin theo từng điểm thứ lớp mà Ban Biên Tập mạng Thư Viện Hoa Sen tóm lược và các bài Tu Viện Chơn Như đăng trên mạng những điều tác giả Hòa Thượng Thích Thông Lạc đã nêu ra để phân tích mổ xẻ phản bác như dưới đây:

### **I). ĐẠI THỪA LÀ CỬA BÀ LA MÔN.**

**HÒA THƯỢNG THÍCH THÔNG LẠC VIẾT:** *“Phật Giáo Đại Thừa không phải là Phật Giáo chánh thống, mà là Phật giáo theo kiểu kiến giải giáo pháp của Bà La Môn; hay nói cách khác, Phật Giáo Đại Thừa là đạo Bà La Môn lấy tên là Phật Giáo Đại Thừa để lừa đảo tín đồ Phật Giáo, cho nên nghĩa lý toàn bộ kinh sách Đại Thừa là Giáo pháp của Bà La Môn chính gốc. (ĐVXP-Tập 8)”*

### **PHẢN BIỆN:**

Để nhận xét, chúng ta nêu ra chủ thuyết Đạo Bà La Môn so sánh với Triết lý Phật Giáo Bắc truyền như sau:

## 1). QUAN NIỆM VỀ THƯỢNG ĐẾ:

- **Đạo Bà La Môn:** Quan niệm chỉ có Phạm Thiên (Brahman) là hiện thực tối cao, triết lý Bà-la-môn cho rằng Phạm Thiên là thực tại có trước nhất, thực thể duy nhất, tất cả vũ trụ là Phạm Thiên. Vạn vật phát hiện tự nơi ngài và vũ trụ đã có sẵn trong ngài; Ngài là thực hữu vì không phải là hư không, là ý thức vì là nguồn gốc của mọi nhận biết, trực giác tâm linh (Turiya) là bản chất của ý thức về tự ngã duy nhất, nơi mà tất cả muôn vật trong thế giới đều trở về, trở về với thực hữu tuyệt đối yên vui, thanh tịnh an lạc vì đó là hạnh phúc vĩnh hằng.

### - **Phật Giáo Bắc Truyền:**

Trong bài “Bà La Môn giáo và triết học Phật giáo” của tác giả Như Thị viết: “Nếu như Bà-la-môn giáo với đặc trưng đã cho sự cấu thành của hiện tượng nằm trong những quy luật của thần linh thì sự khác biệt của Phật giáo lại thuộc về quy luật nhân duyên; kinh Phật Tự Thuyết, nói về nguyên lý Duyên khởi được đức Phật tóm tắt:

Do cái này có mặt nên cái kia có mặt.

Do cái này không có mặt nên cái kia không có mặt.

Do cái này sinh nên cái kia sinh.

Do cái này diệt nên cái kia diệt.

Quy luật nhân duyên là mối quan hệ chính yếu mà Phật giáo Bắc truyền đề cập khi biện giải về hiện hữu hữu thể; theo Bà La Môn giáo thì con người không thể thấu triệt được bản chất của nó, vì đơn giản là nó thuộc về những quy tắc của nguyên lý tuyệt đối, mà đã là như vậy thì hiển nhiên chỉ có Phạm Thiên (Brahman) mới có đủ thẩm quyền để biết mà thôi.

Còn Phật giáo Bắc Truyền luận rằng Không tánh là thực tánh của các pháp, vì là không tánh nên quy luật nhân duyên được vận hành và trở thành năng lực chi phối sự vận động của các pháp; sự chuyển vận này làm thành các hệ quả mà sanh trụ dị diệt, có, không ... là những biểu tượng phải xảy ra.”

Nói về cõi Phạm Thiên, được biết: 28 tầng trời gồm 6 tầng thấp là cõi Dục giới, 4 tầng trời cao nhất là cõi Vô Sắc giới, và 18 tầng trời ở giữa là cõi Sắc giới, thì 3 tầng trời thấp nhất của Sắc giới là cõi Phạm Thiên chia ra Đại Phạm Thiên ở trên ví như vua, thấp hơn là Phạm Thiên ví như quan và thấp nhất là Phạm Chúng Thiên ví như dân. Tuổi thọ và sự vi diệu thần thông v.v... đều khác nhau, đó là nói vắn tắt.

Đạo Bà La Môn gọi là Ấn Độ giáo thờ Phạm Thiên, Phạm Thiên là Thượng Đế, Thượng Đế sinh ra mọi người Bà La Môn, vì người đạo Bà La Môn đều cho rằng mình là con của Phạm Thiên, nên thường cúng tế

Thượng Đế. Vị Đại Phạm Thiên chính là Thượng Đế của đạo Bà La Môn Ấn Độ giáo vậy.

Đức Phật không công nhận một vị Thần linh tối cao, Phật giáo Bắc truyền không dạy giáo điều thần bí, nhưng có cái Chân như, Niết Bàn ... chính là cái bất sanh bất diệt, không có điểm khởi đầu và cũng không có điểm kết thúc; nó vốn là bản thể của muôn pháp, vì vậy không thể cho nó là một chân lý ban đầu. Do đó chúng ta thấy rõ quan niệm Thượng Đế của Bà La Môn khác biệt hoàn toàn với lý chân như Niết Bàn của Phật giáo Bắc truyền.

## 2). VỀ VÔ THƯỜNG, KHỔ, NGÃ:

- **Đạo Bà La Môn quan niệm:** Đời là vô thường, đời là khổ, nhưng mỗi con người là một **Tiểu ngã** (Atman) có tự ngã bất biến (có linh hồn); Bà La Môn giáo khẳng định: nếu không có Tiểu ngã, tất cả sinh hoạt tinh thần và thể chất của con người đều chấm dứt; nhưng ngay khi cả sinh hoạt tinh thần và thể chất chấm dứt thì Tiểu ngã vẫn tồn tại bất diệt.

- **Phật giáo Bắc truyền:** Cũng quan niệm thân tâm thế giới đều vô thường, đời là bể khổ, nhưng **vô ngã** không có cái ta. vì con người gồm có thân và tâm, Thân gồm bốn thứ Đất Nước Gió Lửa thuộc về đất nước gió lửa chứ chẳng có cái nào là ta; còn Tâm gồm bốn thứ Thọ, Tưởng, Hành và Thức, chúng đều thay đổi không ngừng nên chẳng thứ nào là ta. Nói chi tiết thì tất cả Ngũ uẩn gồm sắc thụ tướng hành thức và mười tám giới phân biệt gồm sáu căn, sáu trần, và sáu thức mỗi thứ đều không thể độc lập được, nên không thật có cái ngã, không thật có linh hồn, chỉ do nhân duyên hòa hợp mà có, giả có chứ không có thực thể riêng của cái ngã hay linh hồn, không thuần nhất bất biến nên chẳng phải tự ngã của ta.

Chúng ta thấy có điểm chung có thể tìm thấy ở bất cứ đâu trong giáo lý Phật giáo Bắc truyền so với Bà-la-môn giáo là quan niệm về tư tưởng luân hồi, khổ đau và tìm cầu giải thoát; nhưng trên bình diện triết học, Phật giáo Bắc truyền không hề có tính thực hữu của bản thể Phạm Thiên và thay vào đó là tự tính vô ngã. Một bên chủ trương vô thật ngã, còn một bên chủ trương tư tưởng có linh hồn và đề cao Bản Ngã tuyệt đối Phạm Thiên thì làm sao Bà La Môn giáo có thể là gốc của Phật giáo Bắc truyền được?

## 3). VỀ NHÂN QUẢ, CÚNG TẾ, KHỔ HẠNH:

- **Đạo Bà La Môn chủ trương:** Nhân quả không chạy khỏi, cần làm lành, cúng tế Thần linh để được giảm tội, hoặc phái Khổ hạnh phải hành xác thân để trừ khỏi tội lỗi đã gây ra như: Hoặc chỉ ăn rau, chỉ ăn cỏ, chỉ uống nước cháo, chỉ ăn gạo sống. Hoặc ăn rễ, búp, lá, hạt. Hoặc mặc áo cỏ, áo vỏ cây, áo bỏ ngoài gò mả; hoặc đứng một chân, nằm trên sỏi đá, nằm trên trái cây vỏ cứng, nằm trên đồng phân bò khô...

- **Phật giáo Bắc Truyền:** Nhân quả được công nhận, phủ nhận thuyết định mệnh, mà nói đau khổ hay hạnh phúc đều do chính ta tạo ra; không chủ trương cúng tế Thần thánh hoặc hành hạ xác thân để diệt trừ tội lỗi, mà phải sám hối, bỏ làm ác, chỉ làm việc lành. Đạo Phật Bắc truyền chủ trương sống theo Trung đạo: biết đủ, không sống xa hoa và không sống khổ hạnh.

Như vậy, mặc dù công nhận nhân quả, nhưng Phật giáo Bắc truyền có đường lối tránh quả báo khác với Bà La Môn giáo; Phật Giáo Bắc truyền chủ trương tránh làm việc ác và làm việc lành để làm nhẹ nghiệp lực đã có.

#### 4). VỀ VÔ MINH:

- **Đạo Bà La Môn quan niệm:** Các trói buộc phát sinh từ sự vương mắc vào vật chất là do linh hồn đã bị dục vọng làm ô nhiễm đó là vô minh.

- **Phật giáo Bắc truyền:** Quan niệm vô minh là u mê không hiểu, ô nhiễm trói buộc, mê lầm chấp trước, nhìn sai lạc không thấy sự thật, là gốc của bất thiện.

Nhìn sơ qua thì thấy quan niệm vô minh của cả hai gần giống nhau, nhưng không phải là hoàn toàn giống, vì Bà La Môn cho rằng do dục vọng mà có vô minh, còn Phật giáo Bắc truyền thì nói vô minh là do ngu si tạo ra, nên nó sâu xa hơn vậy.

#### 5). VỀ BẤT NHỊ NHẤT NGUYÊN

- **Đạo Bà La Môn:** Chủ trương thế giới, con người cùng các vị Thần đều là huyền ảnh huyền tượng, chỉ có Phạm Thiên mới thực sự là sở hữu hiện thực tối cao; con người và Thượng Đế không phải là hai (bất nhị) mà chỉ là một, nên con người sau khi chết sẽ có thể trở về với Thượng Đế (nhất nguyên).

- **Phật giáo Bắc truyền:** Không chủ trương Nhất nguyên, nhưng Bất nhị tức là không phải hai mà cũng không phải một, như như bình đẳng mà không có sự khác biệt giữa cái này với cái kia. Trong Kinh Duy Ma Cật, Bồ Tát Duy Ma Cật hỏi các Bồ Tát về kinh nghiệm nhập Pháp Môn Bất

Nhị của mình, Bồ Tát Đức Thủ nói: “Ta (Ngã) với cái của Ta (ngã sở) là hai, vì có cái Ta nên mới có cái của Ta, nếu không có cái Ta thì sẽ không có cái của Ta, đây là chân nhập Pháp Môn Bất Nhị” .... Còn Kinh Pháp Bảo Đàn, sau lúc Ấn-Tông Pháp Sư làm lễ trước Ngài Huệ Năng, và xin Ngài trưng Áo-Bát để đại chúng được chiêm bái; sau khi thấy Áo-Bát rồi, Ấn-Tông lại hỏi:

- Đức Hoàng-Mai sau khi phó chúc rồi, Ngài truyền thọ như thế nào?

Ngài Huệ-Năng trả lời:

- Ngũ-Tổ không truyền thọ chi cả, chỉ có luận môn kiến tánh thành Phật, Ngài chẳng luận pháp thiên-định và pháp giải-thoát.

- Sao chẳng luận pháp thiên-định và pháp giải-thoát?

- Vì hai pháp ấy chẳng phải là Phật-Pháp, Phật-Pháp là Pháp chẳng hai.

- Phật-Pháp là Pháp chẳng hai là nghĩa sao?

- Pháp-Sư giảng Kinh Niết-Bàn đã hiểu rõ Phật tánh tức Pháp chẳng hai của Phật-Pháp vậy. Như Cao-Quý Đức-Vương Bồ-Tát thưa với Phật rằng: “Người phạm bốn điều trọng cấm (dâm dục, trộm cướp, giết người, và nói bốn điều vọng ngữ), làm năm điều đại nghịch (giết cha, giết mẹ, hại A-la-Hán, khuấy rối chúng Tăng, khởi ác ý mong hại Phật), thì thiện căn và Phật tánh có bị đoạn diệt chăng?” Phật đáp rằng: “Thiện căn có hai thứ, một là thường, hai là vô thường, còn Phật tánh chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, cho nên Phật tánh không đoạn diệt, ấy gọi là Pháp chẳng hai”.

Ấn-Tông Pháp-Sư nghe Ngài giảng, vui mừng chấp tay thưa rằng:

- Sự giảng Kinh của tôi như gạch bể ngói vỡ, sự luận nghĩa của Ngài cũng như vàng ròng.

Như vậy, chúng ta thấy Bà La Môn chủ trương Bất nhị Nhất nguyên khác với Bất nhị của Phật giáo Bắc truyền.

## 6). VỀ GIẢI THOÁT:

- **Đạo Bà La Môn:** Đối với Bà-la-môn giáo, sự giải thoát chính là sự trở về với bản thể Phạm Thiên; bởi vì tiểu ngã (Atman) đã ngày càng đi ra khỏi những quy luật của Đấng sáng tạo. Nguyên nhân là do linh hồn đã bị vô minh, dục vọng làm ô nhiễm để rồi bị trôi lăn trong sanh tử luân hồi không trở về được nữa. Bà La Môn Giáo khẳng định không có những linh hồn cá biệt, tất cả đều là hư huyền, chỉ có giá trị tạm thời và là những hiện thực tương đối; sự đa dạng biến mất khi trí huệ cứu cánh dẫn dắt tâm thức cá nhân hoà nhập với Phạm thiên và như vậy là giải thoát.

Để được giải thoát, Đạo Bà La Môn chủ trương Cúng tế Thần linh, cầu xin ban ơn, đồng thời cũng dùng thiền định Yoga để linh hồn Tiểu ngã (Atman) trở về hợp nhất với Đại Ngã Phạm Thiên (Brahman). Phương pháp trực tiếp để thành tựu cái Ta chân thật tức Tiểu ngã, cũng tức là Đại Ngã Phạm Thiên; thành tựu cái Ta thật tức là phát hiện cái toàn bộ, đó là Thượng đế cội nguồn của tất cả.

- **Phật giáo Bắc truyền:** Phật giáo Bắc truyền không chủ trương cúng tế thần linh, mà khẳng định đặc tính tự lực thể nghiệm và thành tựu Pháp thân Phật của chính mỗi người; giác ngộ trong Phật giáo có nhiều tầng bậc khác nhau tùy thuộc vào nỗ lực dụng công thanh lọc tâm của hành giả nên nó không có một tiêu chuẩn nhất định, nó thuộc về lĩnh vực của thực nghiệm, và cũng chính vì thế mà trong Phật giáo Bắc truyền, những giá trị tế lễ cầu cúng hay van xin để được hoàn thiện giác ngộ đều bị phủ nhận.

Quan niệm không trở về đâu cả, mà sự đồng nhất lại chính là sự nhận ra, giác ngộ được các pháp như thật “nó đang là” mới được gọi là giải thoát. Bởi vậy, trong Phật giáo, các pháp môn, dù là lễ bái, dù là niệm Phật, hay tọa thiền, đả thất,...cũng đều nhằm một mục đích giác ngộ giải thoát. Để giác ngộ giải thoát, Phật dạy có rất nhiều Pháp Môn tu khác nhau, như tu sống với hiện tại, dứt vọng tưởng, tham thiền, tụng Kinh, niệm Phật, trì Chú, thiền định v.v... để thanh tịnh tâm thức ...

Xem như trên, chúng ta thấy chủ trương giải thoát giữa Ba La Môn giáo và Phật giáo Bắc truyền hoàn toàn khác biệt từ tư tưởng đến mục đích, nên không thể bảo rằng “*Phật Giáo Bắc truyền không phải là Phật giáo vì làm cho rằng nghĩa lý toàn bộ kinh sách Đại Thừa theo kiến giải giáo pháp Bà La Môn chính gốc và lấy tên là Phật Giáo Đại Thừa để lừa đảo tín đồ Phật Giáo*” là không có cơ sở.

\*

\* \*

## **ĐỨC PHẬT DẠY:**

(Kinh Pháp Cú)

**Người nào không hiểu rằng: “Chúng ta sắp bị hủy diệt” (mới phí sức tranh luận hơn thua); nếu họ hiểu rõ điều đó thì chẳng còn tranh luận đả phá nữa.**



## II). THIÊN TÔNG LÀ CỦA ĐẠO LÃO

### TRƯỞNG LÃO THÍCH THÔNG LẠC VIẾT:

*“Thiền Đông Độ không phải là của Phật Giáo mà là của Lão Giáo Trung Hoa (Tiên Đạo) Tư tưởng Lão Trang Trung Hoa phát triển, có những điểm tương đồng với tư tưởng kinh sách phát triển Đại Thừa Giáo Ấn Độ. Vì thế, sau này Phật giáo Đại Thừa đồng hóa tư tưởng Lão Giáo lấy tên là Phật Giáo Tối Thượng Thừa” hay còn gọi là “Thiên Tông”. Chủ trương của Thiên Tông là kết hợp Lão Giáo và Đại Thừa, nên thường gọi là “Thiền Giáo đồng hành”.... (ĐVXP-Tập 8)”*

### PHẢN BIỆN:

#### 1). THIÊN ĐÔNG ĐỘ LÀ CỦA ĐẠO LÃO

##### TÁC GIẢ THÍCH THÔNG LẠC VIẾT:

*“Thiền Đông Độ không phải là của Phật giáo mà là của Lão giáo Trung Hoa...”;* muốn biết Thiền Đông Độ có phải là của Lão Giáo hay không, chúng ta phải tìm hiểu về Đạo Lão trước rồi so sánh với Phật giáo như sau:

**1. Đạo Lão cũng gọi là Đạo giáo**, nguồn gốc từ thế kỉ thứ 4 trước Tây Lịch, khi tác phẩm Đạo Đức kinh của Lão Tử (sống thời Chiến Quốc, thế kỉ thứ 6 trước Tây Lịch) xuất hiện. Đạo giáo là một trong Tam giáo từ thời Trung Quốc cổ, song song với Nho giáo và Phật giáo; mặc dù có rất nhiều quan điểm khác biệt nhưng cả ba giáo lí này đã hoà hợp thành một truyền thống.

Đạo giáo thâm nhập nhiều tư tưởng từ thời nhà Chu (1040-256 trước Tây Lịch), những tư tưởng này là vũ trụ luận về trời đất (thiên địa), năm chất {ngũ hành: Kim (sắt), Mộc (gỗ), thủy (nước), hỏa (lửa), thổ (đất)}, thuyết về năng lượng, chân khí, thuyết âm dương và Kinh Dịch. Ngoài ra, những truyền thống tu luyện thân tâm như điều hoà hơi thở, Thái cực quyền, Khí công, Trầm tư, thiết tượng linh ảnh và những huyền thuật với mục đích đạt trường sinh bất tử.

**2. Đạo Đức kinh** cũng được gọi dưới tên của tác giả, là Lão Tử và bao gồm hai quyển với tổng cộng 81 chương. Phần thứ nhất nói về Đạo, phần hai nói về Đức. Tuy nhiên, Đạo Đức kinh không là một bộ kinh có một kết cấu lý luận của một thế giới quan, mà chỉ là một tập hợp của những

ngạn ngữ huyền bí tối nghĩa, làm cho người đọc phải tự lí giải một cách chủ quan; chính vì vậy mà người ta tìm thấy rất nhiều bản chú giải.

### **Đạo Đức là gì?**

- **Đạo** của Lão Tử là một khái niệm trừu tượng chỉ cái có sẵn một cách tự nhiên rằng: “Người ta bắt chước Đất, Đất bắt chước Trời, Trời bắt chước Đạo, Đạo bắt chước Tự nhiên”, Đạo là nguồn gốc của vạn vật, nó chẳng phải cái gì khác ngoài sự tôn trọng tự nhiên.

- **Đức** là biểu hiện cụ thể của Đạo trong từng sự vật, Đức chính là sự luật biến đổi âm dương.

Đạo sinh ra vạn vật, nhưng làm cho vật nào hình thành ra vật ấy và tồn tại được trong vũ trụ là do Đức. Nếu Đạo là cái Tĩnh vô hình thì Đức là cái Động hữu hình của Đạo. Nếu Đạo là bản chất của vũ trụ thì Đức là sự cấu tạo và tồn tại của vũ trụ; con người cũng như vạn vật là từ “Đạo” mà sinh ra, cho nên tu luyện là trở về với “Đạo”.

Sự sinh hóa từ Đạo ra Đức, từ Đức trở về thắm sâu tinh thần biện chứng âm dương, chi phối bởi luật quân bình âm dương, vạn vật tồn tại theo lẽ tự nhiên một cách công bằng, chu đáo, và do vậy mà hợp lý. Công bằng, vì nó luôn bớt chỗ thừa mà bù vào chỗ thiếu, chu đáo vì nó như cái lưới trời lồng lộng tuy thưa mà khó lọt. Bởi vậy mà nó màu nhiệm tới mức không cần tranh mà chiến thắng, không cần nói mà ứng nghiệm; mọi sự mất quân bình đều trái với lẽ tự nhiên, và do đó sẽ tự điều chỉnh theo luật âm dương mà chuyển hóa.

Từ đây, Lão Tử suy ra triết lý sống tối ưu là muốn làm việc gì, phải đi từ điểm đối lập, phải vô vi (không trái đạo lý, tùy thuận tự nhiên, lấy đức giáo hóa dân); đừng làm gì thái quá, vì thái quá thì theo luật âm dương “vật cực tắc phản” (mọi vật đẩy tới cùng rồi thì sẽ bị dội lại), kết quả thu được còn tệ hại hơn là hoàn toàn không làm gì. Triết lý vô vi áp dụng vào đời sống cá nhân là không tranh, không làm những điều không nên làm, áp dụng vào đời sống xã hội Lão Tử không tán thành lối cai trị cưỡng chế, áp đặt của người cầm quyền.

Cả Khổng Tử và Lão Tử đều tiếp nhận sức sống của văn minh nông nghiệp, nhưng trong khi Khổng Tử tìm cách kết hợp nó với văn minh gốc du mục thì Lão Tử dựa hoàn toàn vào nó; do đó Khổng thì “nhập thế”, “hữu vi”, còn Lão thì “xuất thế”, “vô vi”.

Nhưng Trang Tử (khoảng 369 – 286 trước Tây Lịch): Với chủ trương sống hòa mình với tự nhiên của Lão Tử, Trang tử thay bằng lối sống xa lánh, chủ trương yếm thế thoát tục trở về xã hội nguyên thủy: “Núi không đường đi, đầm không cầu thuyền, muôn vật sống chung, làng xóm tiếp liền cùng ở với cầm thú”.

**3. Trang Tử và Nam Hoa chân kinh:** Được viết ở thế kỷ thứ 4 trước TL và tương truyền tác giả là Trang Tử; trong Nam Hoa kinh, thể tính của Đạo được diễn tả qua những ngụ ngôn, những mẩu chuyện có tính cách triết lý. Trang Tử lấy nhiều điểm trong Đạo Đức kinh làm chủ đề, nhưng Trang Tử không hề nhắc nhở những nhà cầm quyền việc an quốc trị dân mà lên án bài bác; mà chỉ với mục đích lừa thế gian là người lí tưởng, và chỉ làm một chân nhân vô sự.

Trong thời Lão Trang, người ta không thấy dấu tích của một tổ chức hay cơ cấu triết học hoặc tôn giáo nào có thể được gọi là Đạo giáo. Chỉ còn một vài tác phẩm có tư tưởng Đạo giáo được lưu lại, tôn vinh là Thánh điển khi Đạo giáo dần dần hình thành; tuy nhiên, tất cả các nhà nghiên cứu đều công nhận là những tác phẩm này đã có mối quan hệ chặt chẽ với sự phát triển của Đạo giáo.

#### **4. Đạo giáo.**

Trong cảnh loạn li cuối thời Đông Hán (thế kỷ thứ 2), tư tưởng của Lão Tử cộng với bản chất duy tâm mà Trang Tử nêu ra đã trở thành cơ sở cho việc thần bí hóa đạo gia thành Đạo giáo; chủ trương cùng với thái độ vô vi của Lão – Trang phản ứng đối với chính sách áp bức bóc lột của tầng lớp thống trị.

Đạo giáo thờ “Đạo” và tôn Lão Tử làm giáo chủ, gọi là “Thái Thượng Lão Quân”, coi ông là hóa thân của “Đạo” giáng sinh xuống cõi trần. Kinh điển của Đạo giáo gọi là Đạo tạng kinh, ngoài sách về nghi lễ, giáo lý, Đạo tạng còn bao gồm cả các sách thuốc, dưỡng sinh, bói toán, tướng số, coi đất (phong thủy), thơ văn, bút ký...; Đạo giáo có hai phái:

1. Đạo giáo phù thủy dùng các pháp thuật trừ tà trị bệnh, chủ yếu giúp cho dân thường khỏe mạnh;
2. Đạo giáo thần tiên dạy tu luyện, luyện đan, dành cho các quý tộc cầu trường sinh bất tử. Đạo giáo thần tiên hướng tới việc tu luyện thành thần tiên trường sinh bất tử, tu tiên có hai cách nội tu và ngoại dưỡng:
  - Ngoại dưỡng là dùng thuốc trường sinh, gọi là kim đan (hay linh đan, thu được trong lò bằng cách luyện từ một số khoáng chất như thần sa, hùng hoàng, từ thạch, vàng).
  - Nội tu là rèn luyện thân thể, dùng các phép tịch cốc (nhịn ăn), dưỡng sinh, khí công... lấy thân mình làm lò luyện, luyện tinh thành khí, luyện khí thành thần, luyện thần trở về hư vô (Đạo). Con người cũng như vạn vật là từ “Đạo” mà sinh ra; cho nên tu luyện là trở về với “Đạo”.

Tóm lại nếu nói về lối hành xử vô vi thì Đạo Lão và Đạo Phật tương đối giống nhau, như đạo Lão quan niệm về cái tâm của con người:

Tướng do tâm sinh

Tâm tịnh Thần sáng  
Thần sáng Trí minh  
Tâm bất tịnh, Thần suy  
Thần bất tịnh Trí bất minh

Cũng tương tự như Phật giáo với quan niệm “Nhất thiết duy tâm tạo”, tất cả đều do tâm này làm chủ tạo tác những thiện nghiệp hoặc ác nghiệp. Nó tương ứng với những hành nghiệp mà chúng sanh đó đã tạo thiện hay bất thiện mà hiện tượng “thần minh trí sáng”. Có thể nói hai quan điểm về tâm của hai tư tưởng tương tự nhau, nhưng mục đích cuối cùng của hai đạo thì hoàn toàn khác nhau; vì Đạo Lão tìm cách đạt Đạo qua việc ứng dụng những phương pháp như Khí công, Thái cực quyền, tập trung cao độ, thiết tưởng (năng lực tưởng tượng), hình dung, thuật luyện kim, nghi lễ và huyền học để tạo một thể giới vi quan từ thân tâm - một ánh tượng của đại vũ trụ - và qua đó đạt được sự hợp nhất với vũ trụ.

Xét về mục đích của Lão giáo như trên, chúng ta thấy quan niệm có một phần nào tương tự, nhưng không phải là giống nhau; vì thế cho rằng *“Thiền Đông Độ không phải là của Phật Giáo mà là của Lão Giáo Trung Hoa (Tiên Đạo) Tư tưởng Lão Trang Trung Hoa phát triển, có những điểm tương đồng với tư tưởng kinh sách phát triển Đại Thừa Giáo Ấn Độ”* là sai sự thật, vì sao? Vì nếu mục đích của việc tu theo Đạo giáo là sống lâu thì mục đích của việc tu theo Phật giáo Bắc truyền là thoát khổ, nếu Đạo Lão tu để trở về hợp nhất với vũ trụ (cũng giống hệt như Bà La Môn Ấn Độ giáo tu để trở về với Thượng Đế Phạm Thiên) thì Phật giáo Bắc truyền tu để thể hiện Chân như, tu để giải thoát, vì vậy cho nên Phật giáo Bắc truyền chẳng thể là của Lão giáo hay Ấn Độ giáo.

**2). TÁC GIẢ TTL VIẾT:** *“Sau này Phật giáo Đại Thừa đồng hóa tư tưởng Lão Giáo lấy tên là Phật Giáo Tối Thượng Thừa hay còn gọi là Thiền Tông. Chủ trương của Thiền Tông là kết hợp Lão Giáo và Đại Thừa, nên thường gọi là “Thiền Giáo đồng hành” cũng là không hiểu Thiền Tông, vì cách hành trì của Thiền Tông do thiện xảo của Chư Tổ hướng dẫn tu hành chỉ là theo vết xe Thiền Tông từ Phật Thích Ca đã làm chứ chẳng phải khác lạ gì như “Niêm Hoa Vi Tiểu” của Phật Thích Ca và Tôn giả Đại Ca Diếp được đại ngộ.*

Rồi sau Tổ Ca Diếp nói với Tôn giả A Nan Đà rằng: “Cây đại phước đờ ròi” (trong khi cây phước không đờ) khiến cho Tôn giả A Nan Đà đại ngộ, đều là của Thiền Tông. Bởi vậy cho nên nếu sự tu của Đạo giáo để thể nhập hợp nhất với đại vũ trụ thì sự tu của Phật giáo Bắc truyền là để

thành Phật, vì Đức Phật đã khẳng định rằng: “Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành”.

**Kết lại,** Đạo Lão gần giống Phật Giáo Bắc truyền nhưng không phải là giống, vì Lão giáo xa lánh cuộc đời sống ẩn dật chứ không phải tu giác ngộ giải thoát khỏi luân hồi sinh tử như Phật Giáo. Tác giả Thông Lạc còn nhầm lẫn giữa Thiên Tông với Giáo môn thiên định như Tông Thiên Thai, Tông Hoa Nghiêm v.v... bên Trung Hoa nên đã dùng “Thiền Giáo đồng hành” (Thiền Tông và Giáo Tông cùng nhau tu hành) để chỉ Thiên Tông với Lão Giáo là sai sự thật. Mặt khác, ở Việt Nam có những pháp Môn tu hoặc Tụng Kinh, hoặc Trì Chú, hoặc Niệm Phật, và thực hành song song với thiên định, đây là Giáo Môn, có những người tu như vậy; rồi lại có người tu Thiên Tông, nên mới có tên “Thiền Giáo đồng hành”.

\*  
\* \*

### **III). TỊNH, MẬT, THIỀN, PHÁP HOA LÀ CỦA BÀ LA MÔN**

#### **HÒA THƯỢNG THÍCH THÔNG LẠC VIẾT:**

*“Tịnh Độ Tông, Mật Tông, Pháp Hoa Tông và Thiền Tông là của Bà La Môn. Khi về họp ở Tỉnh Hội Phật Giáo Tây Ninh, ông Trưởng Ban Tỉnh Hội đề nghị tôi biên soạn giáo án Tịnh Độ Tông, Mật Tông, Pháp Hoa Tông và Thiền Tông. Trong buổi họp hôm đó, tôi đưa ra ý kiến và vạch rõ bốn tông phái này không phải của Phật Giáo mà của Bà La Môn Giáo”.*

#### **PHẢN BIỆN:**

Muốn xác định bốn tông Tịnh Độ Tông, Mật Tông, Pháp Hoa Tông và Thiền Tông là của Bà La Môn Giáo thì phải chứng minh sự kiện chứ không nên nói một cách hàm hồ sai sự thật. Sau đây chúng ta bàn vào chi tiết từng tông để rõ vấn đề hư thực:

#### **1). TỊNH ĐỘ LÀ PHÁP MÔN MÊ TÍN.**

#### **TRƯỞNG LÃO THÍCH THÔNG LẠC VIẾT:**

*“Tịnh Độ Tông là pháp môn mê tín, lừa đảo giới tín đồ bình dân, biến tu sĩ thành những ông Thầy tụng, Thầy cúng tế làm những điều mê tín, phi đạo đức. Các vị Thầy này phá giới luật Phật tận cùng, có một lối sống giống như người thế tục, có vợ con, làm tất cả các nghề nghiệp để sanh sống.”*

**PHẢN BIỆN:** Phải công nhận rằng có một số ít Chùa nhỏ do những người không phải là người xuất gia điều hành, mà do những người có gia đình đảm trách; những người này là người thế tục và coi Chùa như cơ sở nghề nghiệp để sinh sống nên không tuân theo quy củ của Phật Giáo và có thể làm những điều mê tín. Nhưng không phải các Chùa có Tu sĩ thực thụ hành nghề Thầy cúng, cũng không phải các Tu sĩ làm nghề phi đạo đức, mà trái lại các vị làm việc đạo đức giúp cho người chết; vì các vị tu Tịnh Độ thường hộ niệm và làm lễ cầu siêu cho người chết, đây là việc làm độ tha, có tính cách giúp cho người chết và thân nhân người chết an tâm.

Đây là việc làm có tính cách văn hóa Việt Nam, cũng là việc giữ cho người Phật tử tại gia có một mối kết hợp với các vị tu sĩ trong vấn đề sống chết. Nếu không, có thể họ sẽ có sự xa cách với đạo Phật và sẽ tìm đến các đạo khác, vì các đạo khác họ mong mỏi phục vụ bất cứ ai của đạo Phật muốn họ phục vụ, họ mong muốn và nhiệt tình hết cỡ được phục vụ, và nếu Tu sĩ của chúng ta chẳng làm gì cả, thì tương lai sẽ không còn Phật tử tại gia nữa, không còn Phật tử tại gia thì lẽ dĩ nhiên sẽ không còn Phật tử xuất gia, và như thế thì đạo Phật sẽ biến mất tại Việt Nam.

Ngoài ra, các vị Tu sĩ làm các việc hộ niệm hoặc cầu siêu đều được Phật tử cúng dường, như thế có hơn là ngồi đấy mà mong Phật tử cúng dường, tức là ăn của tín thí mà không tu hành tới nơi tới chốn thì sẽ phải trả quả báo khi chết hay sao? Ngoài ra, các vị Tu sĩ Tịnh Độ Tông còn phải tu niệm Phật A Di Đà để được vãng sanh, trong khi tu hành dành chút thời giờ đi làm lễ hoặc hộ niệm cũng giống như bỏ thời giờ đi khát thực để sống vậy, đâu có khác là bao; như vậy các vị Tu sĩ tu Tịnh Độ đã tự độ (có tha độ) và độ tha cho người khác nữa, một việc làm không thể chỉ trích được.

Trước khi bàn về Tịnh Độ Tông có phải là mê tín hay không, chúng ta lược trích mấy lời của Đại lão Hòa thượng Thích Trí Tịnh Viện Chủ Chùa Vạn Đức viết bài “Công Phu Niệm Phật” ngày Khánh tuế 17/7 Nhâm Thìn – 2/9/2012), Ngài nói về cách niệm Phật của chính Ngài như sau:

“Trong mấy mươi năm chấp trì danh hiệu Phật A Di Đà nghĩa là:



1. Bất niệm tự niệm: mình không nghĩ niệm nhưng trong tâm vẫn luôn tự niệm Phật.
2. Niệm lực tương tục: niệm Phật có sức mạnh thường niệm luôn, không lúc nào hờ dớt.

Nếu người nào tự thực hành thì sẽ tự biết, từ chỗ được “chấp trì danh hiệu” là đạt bước đầu tiên về đạo lực trong pháp môn Trì danh niệm Phật. Từ “chấp trì danh hiệu” ở bước đầu tiên này mới được những bước sau như tiến lên tam muội (chánh định) chẳng hạn; đến bây giờ, tôi cũng chỉ được tầng bậc này thôi.

Đời tôi năm nay đã 96 tuổi mà thọ dụng không hết, Thứ nhất: ngũ tạng, lục phủ trong thân không sanh bệnh. Có lần tôi vô bệnh viện để khám bệnh, sau khi khám xong, bệnh viện làm giấy kết quả xét nghiệm về tâm, can, tỳ, phế, thận, máu huyết... Họ tổng kết rằng: kiểm tra kỹ, tất cả đều bình thường.

Kể nữa, có điều làm chứng cho mình biết, các vị đắc đạo lên bậc Thánh, cái ngủ không có, thùy miên tâm sở bị trí lực làm cho thế lực của nó yếu hẳn hoặc mất đi. Người bình thường, thùy miên tâm sở còn nguyên, hễ nằm nhắm mắt thì khởi lên ngủ mê, nếu trần trọc không ngủ được là bị bệnh mất ngủ; còn người được đạo, thùy miên tâm sở yếu hoặc không còn, vì có trí lực chế phục. Từ lâu rồi cho đến bây giờ, mấy tháng nay tôi không ngủ, mấy chú thị giả nói: “Con không ngủ một đêm thì ngày sau không làm gì được! Sư ông mấy tháng không ngủ tinh thần vẫn tỉnh sáng, còn phẫn chấn mạnh hơn lúc trước kia”; thỉnh thoảng tôi cũng ngủ nhưng ít lắm, đến đổi chỉ khi có chiêm bao mới biết mình ngủ.

Trên đường đạo, mình biết rất rõ ràng chứ không phải mù mờ, mù mờ nguy hiểm lắm; chính mình không rõ để nhận biết, rồi tự viết thành sách. Người đọc tưởng rằng đúng, chẳng dè chỉ là phạm phụ tự ý nói ra; tôi thường nói: phải y cứ trong Kinh làm chánh, gọi là Thánh giáo lượng”.

Đại Lão Hòa Thượng nói về sự không ngủ làm người viết này nhớ lại khi đọc về lược sử Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, Ngài đã không ngủ, chương trình làm việc hàng ngày của Ngài kín hết, chỉ trừ từ 1:00 giờ đến 2:00 giờ chiều và từ 4:00 giờ đến 5:00 giờ sáng Ngài nằm nghiêng bên phải định thần cho giãn gân cốt thôi. Bây giờ chính Hòa Thượng Thích Trí Tịnh đã nói như trên, chứng tỏ đã tiến tới đạo rồi, Ngài chỉ không nói hết ra thôi, chúng ta chờ xem ngày Hoà Thượng vãng sinh về Tây phương Cực Lạc như thế nào?

Như vậy Tu Tịnh Độ đúng sẽ đưa tới giải thoát chứ không phải là mê tín; ngoài ra tác giả Thích Thông Lạc trả lời thế nào về các câu hỏi sau đây:

## 1. Biết trước ngày chết:

Tại sao có người tu Tịnh Độ biết trước ngày ra đi, chuẩn bị đầy đủ, ngồi kết già niệm Phật rồi an nhiên thị tịch?

**Bằng chứng:** Bài “Biết Trước Giờ Chết” do Hòa Thượng Thích Tịnh Nghiêm viết về một bằng chứng biết trước giờ chết, ra đi tự tại, như sau:

“Hòa thượng Hải Đức trụ trì chùa Hải Đức ở Huế và cũng là người thừa kế chùa Hải Đức tại Nha Trang, sau Ngài cúng chùa Hải Đức Nha Trang cho Giáo hội Phật giáo Trung phần; Ngài mở Phật học viện Trung phần và cử Thượng tọa Trí Thủ vào làm giám đốc Phật học viện.

Năm ấy, Ngài trên 80 tuổi, Ngài không đau ốm chi. Biết mình sắp về Tây Phương nên sáng ngày 8 tháng 4 Âm lịch, Ngài bảo bà cô nấu ăn, *“Hôm nay cô đi chợ mua hoa trái về cúng vía Phật. Trưa nay thầy về Tây Phương đó”*; bà cô nói, *“Bạch Hòa thượng, năm nay giáo hội làm lễ Phật Đản vào ngày rằm chớ không làm ngày mùng 8 nữa”*, Hòa thượng nói, *“Thế à, thôi, để đến rằm cũng được.”*

Thế rồi đến ngày rằm, bà cô đi chợ mua hoa trái để cúng lễ Phật đản, Hòa thượng bảo thầy tri sự quét chùa sạch, chưng hoa quả, và khi đứng ngọ, lên hương đèn cúng vía Phật.

Nửa buổi, Hòa thượng bảo thị giả hái các bông hoa, nấu nước cho Ngài tắm, thay đồ mới và Ngài bảo bà cô khuấy một chén bột mình tinh để Ngài dùng. Đến gần trưa, Ngài hỏi thầy tri sự: *“Đúng ngọ chưa?”* Thầy tri sự nói: *“Đã gần đúng giờ ngọ rồi”*, Hòa thượng bảo thầy tri sự, *“Mặc áo, lên chùa, đốt hương đèn, đánh trống Bát Nhã, Thầy sẽ đi đó.”*

Thầy tri sự lên chùa đốt đèn nhang xong, đánh trống Bát Nhã, rồi xuống nhà tổ, thấy Hòa thượng ngồi tư thế thiền định, Thầy đến đưa tay trước mũi, thì Hòa thượng đã đi rồi. Thầy liền qua chùa Từ Đàm báo cho Giáo hội biết, Giáo hội cũng vừa làm lễ Phật Đản xong; Chư Thượng tọa, Đại đức, tăng ni liền qua chùa Hải Đức tiếp tục hộ niệm. Một giờ sau, đỡ Hòa thượng nằm xuống và lo tang lễ.

Như vậy, Hòa thượng đã biết trước giờ chết và hẹn lại một tuần, Ngài ra đi một cách ung dung, tự tại; nên biết pháp môn Tịnh Độ là một pháp môn màu nhiệm, đường tắt trong đường tắt”.

## 2. Có hiện tượng lạ:

Tại sao có người tu Tịnh Độ khi sắp chết tự nhiên có mùi hương thơm lạ khắp vùng, hoặc có nhạc trời, hoặc có ánh sáng rực rỡ trong ban đêm, rồi sau đó ra đi?

**Bằng chứng:** Trường hợp người tu khi chết được hộ niệm được vãng sinh được viết trong quyển “Pháp Môn Tịnh Độ” của Toàn Không Đỗ Đăng Tiến như sau: “Năm 1958, một cô giáo ở chợ Lớn 19 tuổi, quy y với Hòa Thượng Thích Khánh Anh (về sau Hòa Thượng làm pháp chủ hội Phật Giáo Tăng Già Nam Việt), cô giáo được đặt pháp danh là Diệu Tâm. Cô ăn chay trường, nuôi mẹ góa, sớm chiều công phu niệm Phật. Ngày 14 và 30 cô thường đến chùa lạy sám hối.

Đến năm 21 tuổi bị bệnh nặng, cô nhờ rước thầy của cô đến tụng niệm, đến lúc sắp lâm chung, cô bảo đỡ cô ngồi dậy vì Quan Âm Bồ Tát đến rước. Lúc ấy vào ban đêm, hào quang sáng rực trên nóc nhà, lối xóm tưởng nhà cô bị cháy, mọi người tới chữa lửa nhưng không phải, mà là có sự lạ lúc cô giáo qua đời”.

Tác giả Thông Lạc nghĩ sao về lời nói của Đại Lão Hòa Thượng Thích Trí Tịnh vẫn còn sống, nếu không tin nữa có thể đích thân diện kiến Ngài để hỏi cho ra lẽ, nghĩ sao về hai câu hỏi có dẫn chứng? Bởi vậy cho nên nói Tịnh Độ Tông mê tín là đã nói sai vậy.

## 2). MẬT TÔNG LÀ PHÁP MÔN TÀ THUẬT

### HÒA THƯỢNG THÍCH THÔNG LẠC VIẾT:

*“Mật Tông là pháp môn tà thuật, huyền hoặc gạt tìn đồ nhẹ dạ, ham mê thần thông, biến ông Thầy thành phù thủy, Thầy bùa, Thầy pháp, v.v...”*

**PHẢN BIỆN:** Mật Tông tuy về hình thức có những lễ lạc khác vì một phần do phong tục nên có vẻ huyền bí, nhưng về hành trì chú trọng ở trì Chú và Thiền định,

Mật giáo chủ trương lối thực hành "Tam mật tương ứng", thân mật, khẩu mật, và ý mật; nghĩa là: Thân, khẩu, ý quyện chặt không rời. Thân ngồi kiết già, Miệng tụng Đà la ni tương tục, Ý lắng nghe lời chú hoặc quán một đối tượng do hành giả pháp nguyện và hướng tâm vào. Pháp hành của hành giả trì Đà la ni là "Tam mật"

Người tu Mật-Tông phải “vừa tu vừa cứu độ”, có nghĩa là hàng ngày trong mọi lúc, ở mọi nơi đều phải nghĩ đến việc làm lợi lạc cho chúng sinh, mình đem cho mà chẳng cần người được cho biết đến, và cũng không cần họ đền ơn...

Khi người không hiểu về Mật Tông mà phê bình Mật Tông thì đó là “nói không có sách, mách không có chứng”, do đó chúng ta cùng tóm lược qua tập “Mật Tông Vấn Đáp” của tác giả Mật Nghiêm viết năm 1992 để hiểu sơ về Mật Tông là thế nào?

Theo tác giả Mật Nghiêm thì: *“nếu coi Mật tông như một ngành chuyên về bùa phép, cầu phước, giáng họa, sai phái quỷ thần, trừ khử tà ma, dị đoan mê tín. Nếu hiểu một cách phiến diện như vậy thì thật là oan cho Mật tông quá! Thật ra Mật tông là một hướng đi gồm nhiều pháp môn chuyên tu giải thoát, với những phương tiện thiện xảo, có thể đưa hành giả đạt được những quả vị lớn hay nhỏ, chắc chắn thành tựu ngay trong hiện kiếp này”*.

Bây giờ chúng ta lần lượt xét: Thế nào là Mật tông, cách hành trì tu và quan niệm của người tu Mật Tông.

## A. THẾ NÀO LÀ MẬT TÔNG?

**1. Định nghĩa Mật Tông:** Mật Tông là một tông phái của Đạo Phật dùng các “MẬT NGŨ” của Chư Phật làm phương tiện tu hành, Mật ngữ có nghĩa là “lời nói kín”. Mật ngữ còn gọi là “Chân Ngôn” (lời nói chân thật), Mật ngữ còn gọi là “Chú”, đây là tiếng thông thường người đời hay dùng nhất; Chú cũng có nghĩa là lời nói bí mật, bí mật vì nó không được giải nghĩa, chỉ có Chư Phật mới hiểu trọn vẹn. Tùy trình độ, căn cơ và có sự ứng dụng mà mỗi người hiểu một khác và đạt kết quả khác, nó chỉ được thông đạt qua Tâm truyền Tâm, giữa Thầy trò, giữa Chư Phật (hoặc người nói ra chân ngôn) với hành giả (Điều này chỉ người nào tu Mật rồi mới chứng nghiệm được), và sau chót là kết quả tùy Tâm hành giả.

### 2. Tại sao lại dùng “Chú” làm phương tiện tu hành?

Tu theo đạo Phật có rất nhiều cách để đi tới “cứu cánh giải thoát”, có người niệm Phật, có người tụng Kinh, có người ngồi Thiền, vậy thì dùng “Chú” cũng chỉ là mượn xe đi đến đích mà thôi. Trong một cuộc hành trình muốn đi tới một điểm nào đó, người ta thường thích chọn xe nào đi cho nhanh và thoải mái. Vậy thì việc chọn “Chú” mà không dùng các phương tiện khác cũng như thế, vì dùng “Chú” thì ngoài “tự lực” của mình còn nhờ “tha lực”, giống như đi thuyền biết trướng buồm lên, nên nhờ được gió đẩy đi nhanh hơn. Người tu Mật-Tông nói đến tha lực là nói đến sức hỗ trợ vô hình từ các cõi xuất-thế-gian đưa đến; bởi vì sức người có hạn mà sức ngoài thì vô hạn, nếu ta biết nương vào sức đó thì sẽ giúp ta sớm đạt kết quả.

### 3. Nhờ đâu ta có tha lực hỗ trợ?

Nhờ ở chân ngôn tức “Chú”, điều này thuộc về bí mật, mà chỉ có thể chứng minh được bằng Đức Tin của mình, sự chứng nghiệm và cảm nhận; kết quả chỉ được chứng minh khi đã hành trì.

#### **4. “Chú” do đâu mà có và đọc Chú có lợi gì?**

“Chú” do TÂM Phật mà có, “Chú” do lòng thương xót chúng sinh mà có; Chư Phật, chư Bồ Tát hoặc các vị khác khởi từ tâm chân thật, từ lòng thương xót chúng sinh mà nói ra “Chú” để cứu độ. “Chú” phát xuất từ TÂM-CHÂN-THẬT nên mới gọi là “Chân ngôn”; vì “Chú” xuất phát từ chỗ vô hạn là Tâm Phật nên lợi ích của nó cũng vô cùng, không thể kể hết. Tuy nhiên, đối với người tu thì lợi ích thiết thực nhất là “Chú” giúp ta tìm cầu giải thoát mau chóng và giúp người khác cùng tiến với ta; còn các lợi ích khác như Thần thông, trừ Tà ma, chữa Bệnh chỉ là phụ, không nên nhìn “Chú” bằng con mắt hạn hẹp đó.

#### **5. Những ai đọc “Chú” được?**

“Chú” là phương tiện của Phật cho mượn nên ai cũng có quyền đọc; tuy nhiên như khi ta mượn một cái xe thì điều cần thiết là ta có biết sử dụng nó hay không. Do đó đọc “Chú” thì ai cũng có thể đọc được, nhưng có kết quả hay không, nhiều hay ít, đó mới là vấn đề, ấy là chưa nói tới có thể cái hại đưa đến nữa. Nói thế không hẳn là chỉ những người tu chân ngôn mới được đọc “Chú” mà bất cứ ai nếu với Tâm thành thật, hướng đến sự tốt lành cho mình và cho người, vẫn có thể dùng “Chú” mà vẫn thấy linh nghiệm.

#### **6. Đọc “Chú” đòi hỏi những điều kiện gì?**

Sự tin tưởng vững chắc vào “Chú”, thành khẩn khi đọc, hướng về làm lợi ích cho chúng sanh. Đối với người tu Mật tông thì còn cần phải: Xả thế nào, dụng Tâm ra sao, dụng ý thế nào, dụng lực làm sao, trì tụng thế nào trong bốn oai nghi: đi, đứng, nằm, ngồi; còn phải làm thế nào Tam-mật tương ưng, làm lợi ích cho chúng sanh thế nào, và hồi hướng công đức ra sao, v.v...

#### **7. Mục đích của việc trì “Chú” là gì?**

Mục đích tối hậu của việc trì Chú là giải thoát cho mình và để cứu độ người khác, và phải tu thành Phật bằng phương tiện trì “Chú” ngay trong hiện kiếp này.

#### **8. Muốn tu trì “Chú” để thành Phật thì phải làm sao?**

Hành giả tu Mật Tông phải thực hiện được “Tam-Mật tương ưng”, nghĩa là làm sao cho “Thân, Khẩu, Ý giống như Phật”. Muốn được “Tam Mật tương ưng” thì phải qua một quá trình tu tập hành trì, đi nhanh hay chậm là do sự tự ngộ và mở Tâm của mình.

## **9. Mật-Tông có đọc Chú, bắt Ấn như Thầy Pháp hành tà không?**

Khi nào tin một cách mù quáng thì là mê tín thật, còn người tu Mật-Tông thì biết rõ việc mình làm, thấy rõ mục đích mình đi tới, vậy sao gọi là mê tín được. Việc Tà hay Chánh do TÂM ý người hành đạo. Nếu tu theo Chánh Đạo, nhưng ta dùng phương tiện đi làm việc xấu, cướp đoạt tiền bạc vợ con của người, lòng đầy tham sân si, thì đó là ta hành Tà. Nếu như Thầy Pháp mà làm việc cứu người không nghĩ đến lợi cá nhân, không hại người lành, ngăn chặn kẻ ác thì đó là Chánh chứ đâu phải Tà; về người tu Mật-Tông mục đích là “tu để thành Phật” vậy làm sao Tà được? Phật và Ma chỉ khác nhau ở lòng “Từ Bi Cứu Độ” mà “Từ Bi Cứu Độ” là tông chỉ của Mật-Tông đấy.

## **10. Vì sao đọc “Chú” lại cần bắt Ấn?**

Ấn là bí pháp thuộc về “thân mật”, khi nào tu lâu sẽ hiểu, đại để có thể tạm giải thích: khi ta bắt Ấn thì làm phát huy cái lực của “Chú” cũng ví như mở đài Tivi mà có thêm ăng ten vậy, đối với người tu Mật thì việc bắt Ấn còn là một sự “thể nhập” vào pháp thân Phật nữa.

## **11. Lợi ích đặc biệt Chú thế nào?**

“Nghiệp” là cái đem con người trôi lăn trong sanh tử luân hồi, nay nhờ “Chú”, ta chuyển được nghiệp, giải được nghiệp để sớm giải thoát; đó là điểm khác biệt quan trọng nhất của Mật-Tông so với tông phái khác. “Chú” còn giúp hành giả lập công bồi đức và tiêu tội nữa; đây là chỉ kể những lợi ích thiết thực cho vấn đề giải quyết sanh tử luân hồi thôi, chứ chưa nói đến lợi ích chữa bệnh, cứu người, tăng thêm tuổi thọ v.v...

## **B. CÁCH HÀNH TRÌ TU MẬT TÔNG.**

### **1. Người tu Mật-Tông phải làm gì?**

Người tu Mật-Tông phải “vừa tu vừa cứu độ”, có nghĩa là hàng ngày trong mọi lúc, ở mọi nơi đều phải nghĩ đến việc làm lợi lạc cho chúng sinh; làm lợi lạc bằng cách “Chú nguyện”, dùng “Chân ngôn Chú pháp”. Đây là một hình thức bố thí có thể được xếp vào loại “Pháp thí”, Phật dạy: “Pháp thí cao hơn tài thí”. Có nghĩa là cao hơn cho tiền bạc, sự bố thí này lại là “Ba-La-Mật” nghĩa là tuyệt đỉnh ở chỗ mình đem cho mà chẳng cần người được cho biết đến, và cũng không cần họ đền ơn.

### **2. Tại sao Mật-Tông chủ trương cứu độ là chính?**

Các Tông phái khác trong Đạo Phật cũng đều thực hiện việc cứu độ, nhưng dưới nhiều hình thức và hoàn cảnh khác nhau, riêng Mật-Tông



đặt nặng vấn đề này hơn; vì người tu Mật là người mang lý tưởng Bồ Tát! Trong chủ trương “Thượng cầu hạ hóa”, người tu Mật quan niệm rằng đó là thực tu, thực tu thì phải hành, không hành thì chẳng chứng được “Cái lý”; có vậy thì “Lý - Sự mới viên dung”.

Các Tổ đã dạy 4 bước tu hành là “Tín, Giải, Hành, Chứng” nghĩa là Tin thì phải Hiểu, Hiểu thì phải Làm, Làm thì mới thấy kết quả; đó là làm tròn tự lợi và lợi tha, tự lợi ở chỗ hằng thường mở rộng TÂM mình, ở trong thiện niệm và làm các việc lành. Lợi tha là cứu độ, Cứu là giúp đỡ, đem ra khỏi chỗ nguy hiểm tai hại; Độ là dìu dắt, nghĩa chính là chở bằng đò qua sông. Vậy “Cứu độ” là giúp đỡ, dìu dắt người qua biển khổ, từ bên này bờ mê sang bên kia bờ giác.

Người tu Mật muốn làm tròn hạnh cứu độ phải thực hiện các điểm sau đây:

- Cứu độ không phân biệt, nghĩa là không khởi Tâm phân biệt thiện ác, giàu nghèo, sang hèn, tốt xấu v.v...
- Cứu độ mà không độ, nghĩa là không thấy mình độ người, và không thấy có người được độ; không vì danh, không vì lợi, không mong cầu đền đáp.
- Sâu xa hơn ta phải hiểu hành động cứu độ là giải thoát, giải thoát cho mình và cho người.

### **3. Người tu Mật có hành lục độ không?**

Cứu độ là con đường làm tròn quả vị, có cả 6 độ nằm trong đó, nếu bạn làm thường hằng thì thấy “LỤC ĐỘ” trong đó cả, vì sao?

Vì khi BỐ THÍ bạn đã TRÌ GIỚI không sân tham, nếu bạn làm thường hằng thì đó là hạnh TINH TẤN; cho mà không cầu lợi không mong đền đáp, đó là hạnh NHÃN NHỤC. Cho mà trong Tâm luôn luôn bình đẳng, không phân biệt thân thù, trụ nơi chánh niệm, đó là THIỀN ĐỊNH; cho mà niệm niệm giải thoát đó là TRÍ HUỆ, đây là con đường đi đến thành PHẬT đó bạn!

### **4. Hành giả Mật-tông vào Đời như thế nào?**

Vào đời bằng cách dẫn thân, quên mình để cứu độ bằng phương tiện thực tiễn, cả vật chất lẫn tinh thần, nhằm mục đích tối thượng là cùng nhau giải thoát; nhưng phải luôn luôn:

- Thức tỉnh tức là sáng suốt,
- Xả kỷ tức là bỏ cái “Ta”, cái Ngã,
- Không chấp tức là tùy duyên,
- Giữ con đường Trung đạo.

- Ngoài ra, người tu Mật lấy “XẢ” làm đầu, lấy “BI” làm căn bản, lấy “TÙY HỖ” chúng sanh làm hành động tiếp xúc, lấy “TỪ” làm môi trường sinh hoạt.

### **5. Hành giả Mật Tông phải có Tâm thế nào?**

Muốn vào Pháp và chắc chắn đi đến thành tựu thì người tu Mật phải:

#### **a. Đối với mình:**

Thực hiện 3 điểm để được nhất tâm và luôn trong chánh niệm là:

- XẢ TẤT CẢ: Là bỏ cái “TA” cái “CỬA TA”, tức xả Ngã và Ngã Sở.
- PHÁ TẤT CẢ: Là phá cái “TÂM PHÂN BIỆT” và “KIẾN CHẤP”.
- LÀM TẤT CẢ: Là “LÀM CÁI THIỆN NGHIỆP” và hằng thường giữ Thân, Khẩu, Ý lành.

#### **b. Đối với người:**

Đối với người phải thường tùy hỷ và lấy “BI TÂM” mà đối xử để:

- CHUYỂN TẤT CẢ: Là dựa vào bi nguyện của Chư Phật, chư Bồ Tát và đem tất cả công đức lực của mình để chuyển hóa cho người khiến nghiệp dữ thành lành, hướng về chánh pháp tu hành.
- THẮNG TẤT CẢ: Là bằng phương tiện thiện xảo, bằng nguyện lực bằng chánh tâm để thắng mọi tà ngụy.
- THÀNH TẤT CẢ: Là người tu Chân ngôn mang Tâm Bồ Tát làm việc Phật làm nên “khởi niệm tất thành”, đó là chỗ thắng diệu của Pháp vậy.

### **6. Cái chướng ngại cho hành giả Mật Tông là gì?**

Cái khó khăn nhất mà tất cả những người mới bước vào con đường “Mật thừa” đều gặp đó là:

- ƯA thích thần thông, hoặc
- MUỐN mau chóng được một cái gì, thành một cái gì!

Tâm lý này cũng đúng thôi, nhưng nó lại trở thành chướng ngại lớn cho hành giả, vì ưa thích thần thông tức mong muốn có quyền năng hoặc là siêu nhân, đó là phát triển tự Ngã; mong mau chóng kết quả là bạn còn tham cầu, còn chưa làm chủ thật sự Tâm mình, khi bạn “tu Pháp Mật” mà còn với tư tưởng đó thì kết quả rất là hạn chế và khó mà chuyên nhất.

### **7. Làm thế nào biết là thành tựu?**

Phật nói “Tự tu tự chứng” vậy thì thành quả không ai giống ai, có người thành tựu lớn, có người thành tựu nhỏ; tùy theo căn cơ phước đức, công phu của mỗi người. Tuy nhiên, thành tựu nói chung của những người “TU GIẢI THOÁT” không phải ở chỗ “biến hóa thần thông, hô phong hoán vũ” mà là tự thấy được:

- TÂM PHẠM của mình ngày một mất,
- NGHIỆP XẤU ngày một bỏ,

- TỪ BI ngày một tăng,
- TINH THẦN ngày một an ổn,
- TRÍ THẤY BIẾT ngày một sáng,
- GIẢI THOÁT ngày một gần v.v...

## C. QUAN NIỆM CỦA NGƯỜI TU MẬT TÔNG

### 1. Cái nhìn của người tu Mật tông ra sao?

Người tu Mật cần phải thể hiện những điều sau đây:

- Lấy vũ trụ làm nhà
- Lấy thiên nhiên làm bạn hữu
- Lấy chúng sinh làm quyến thuộc
- Lấy vạn hữu làm chân thân

Một vị Tổ Mật Tông bên Tây Tạng đã nói:

- Tất cả mọi hình tướng đều là Niết Bàn,
- Tất cả mọi âm thanh đều là Chân ngôn,
- Tất cả mọi chúng sanh đều là Phật.

Mật Tông là thế đó, nên Mật Tông là:

- SỰ SỐNG HIỆN THỰC, hồn nhiên và tràn đầy.
- GIÁO LÝ SỐNG ĐỘNG, hàm súc và phong phú rút ra từ cuộc sống, từ kinh nghiệm hàng ngày.
- LỜI THẬT: Là chân lý, xóa mọi thành kiến, mọi danh xưng, khai thông dòng sống trào tuôn bất tận.

### 2. Làm sao để trì “Chân ngôn” cho có hiệu quả?

Bạn sẽ được Thầy chỉ cho bạn khi nào bạn thực sự vào Pháp hành, vì nó thuộc mật truyền, thường bên Mật Tông khi một vị Thầy truyền cho đệ tử một câu Chân ngôn là vị Thầy đó đã hành qua, đã giàu kinh nghiệm và đã nắm được yếu quyết của nó. Tuy nhiên, có thể trả lời bạn tổng quát như thế này:

- 1/ Trước hết đừng nôn nóng cầu đắc, cầu chứng,
- 2/ Tâm ý phải thanh tịnh, không mưu tính bất chánh,
- 3/ Không dùng chân ngôn trong trường hợp thiếu Tâm Bi,
- 4/ Không nói dối, xảo trá, lừa dối, ngụy biện,
- 5/ Phải thành khẩn, siêng năng,

Sau nữa còn những điểm dành cho người tu Mật đó là:

- 6/ Phải biết nguyện mới thành,
- 7/ Phải có Ấn mới quyết định, v.v...

Đa số thường bị cái lỗi lầm là nghe thấy một câu chú “hay”, có “công năng lớn” là đem ra hành trì, không cần có Thầy chỉ dẫn; như vậy chỉ ưỡng công mà chẳng đem lại kết quả gì. Nếu tu Chân ngôn mà dễ như thế

thì ai tu chẳng được! Rất đáng buồn là đã có những bạn bỏ phí cả những năm tháng dài, để chạy theo sự tham mê vô vọng đó, rồi khi không được gì đâm ra chán nản, mất tin tưởng và quay ra phỉ báng.

Đây cũng là chỗ bí nhiệm của “Mật Môn”, đừng tưởng coi sách là đủ đâu! Những gì được viết ra sách là không còn Mật nữa, là thuộc về “công truyền”; những gì không được viết ra, do Thầy truyền mới là “Mật truyền”, tâm truyền đấy bạn ạ; Chân ngôn là một chén thuốc bổ, nhưng đối với người này nó trở thành thuốc độc, còn đối với người khác nó lại là thuốc trường sanh, vậy hãy xem mình đã áp dụng đúng chưa.

### **3. Thế nào là Tam mật tương ứng?**

Nghĩa đơn giản của Tam mật là:

- Thân mật,
- Khẩu mật,
- Ý mật.

Tương ứng là ứng nhập cùng Phật, Bồ Tát, thông thường giải chữ tương ứng là làm cho giống hay thành Thân, Khẩu, Ý của Phật. Đó là cái nói của người trụ nơi lý thuyết không thật sự hành pháp, có thể nói thế này cho bạn dễ hiểu: Người tu Mật dùng phương tiện của mình để:

- Biến “SẮC THÂN” hiện tại này thành “PHÁP THÂN”, đó là Thân mật.
- Đưa cái ngôn ngữ giới hạn này trở lại với thực tướng của nó, rời danh tự, rời ngôn ngữ, rời tư duy, rời phân biệt, về cái chỗ xuất sanh vô lượng, vô biên nghĩa, vì rốt cùng âm thanh chính là thực tướng, và ngôn ngữ chính là chân lý, đó là Khẩu mật.
- Biến THỨC thành TRÍ vô lậu đó là Ý mật, nói ra dài lắm, phải hành mới hiểu được bạn ạ!

### **D. TỔNG KẾT VỀ QUAN ĐIỂM CỦA MẬT MÔN:**

- Đại bí mật làm TÔNG
- Pháp giới chân như làm THỂ
- Bất tư nghì làm DỤNG
- Tam Mật làm MÔN
- Tối thượng làm GIÁO TƯỚNG

Xét lược qua về Mật Tông, chúng ta thấy rõ ràng là tu Mật Tông hướng đến giải thoát cho hành giả, như thế thì sao bảo rằng “Mật Tông là pháp môn tà thuật, huyền hoặc lường gạt tín đồ nhẹ dạ, ham mê thần thông, biến ông Thầy thành Thầy phù thủy, Thầy bùa, Thầy pháp, v.v...” được chứ? Hơn nữa Mật Tông được lãnh đạo bởi Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 đang phát triển mạnh tại các nước Âu Mỹ với sự hưởng ứng và kính

trọng nhiệt liệt của giới trí thức Tây phương. Chính Mật Tông cùng với các Tông khác không kể Bắc truyền hay Nam truyền đều đang cùng tùy duyên làm cho nẩy mầm Phật pháp khắp thế giới; bởi vậy không nên gieo rắc tà kiến gây hiểu lầm làm hư mầm giống Phật của các người đang hành trì và sẽ hành trì Mật Tông.

### 3). PHÁP HOA TÔNG LÀ PHÁP MÔN PHI ĐẠO ĐỨC.

#### TRƯỞNG LÃO THÍCH THÔNG LẠC VIẾT:

*“Pháp Hoa Tông là pháp môn phi đạo đức, ngồi không mà muốn làm giàu, làm ác mà muốn trốn tránh tội lỗi, biến ông Thầy thành một vị Bà La Môn chuyên tế lễ, cúng bái, cầu khẩn van xin v.v... Biến Đạo Phật thành thần giáo, biến tín đồ mất sức tự chủ, luôn luôn sống trong tha lực, tựa nương vào thần quyền; do thế mới sản xuất ra Quán Thế Âm Bồ Tát cứu khổ cứu nạn.”*

#### PHẢN BIỆN:

Tác giả Thích Thông Lạc phê bình về việc cúng bái cầu xin tha lực, nương thần quyền, đây là tác giả nhắm vào việc van xin Bồ Tát Quán Thế Âm cứu khổ cứu nạn. Chúng ta sẽ lược trích đoạn giải thích trong Phẩm thứ 25 Bồ Tát Quán Thế Âm của “Pháp Hoa Kinh Thâm Nghĩa Đề Cương” của Pháp Sư Thích Từ Thông như sau:

“Phẩm Quán Thế Âm Bồ tát Phổ Môn thường gọi giản lược là phẩm Phổ Môn, phẩm kinh này tùy chủng tánh và trình độ kiến giải của mỗi người mà có sự nhận thức khác nhau; vì vậy khi ứng dụng việc tu tập hành trì, mỗi người theo sự nhận thức của mình mà “tín ngưỡng”.

Thế nên khó tìm một tiêu chuẩn nhất trí về Bồ tát Quán Thế Âm và ý nghĩa của phẩm Phổ Môn này; theo sự giải thích của Hải Ấn đại sư được nhiều bậc đa văn tiền bối tán đồng, phẩm Quán Thế Âm được liệt vào phần Nhập Phật Tri Kiến, giáo nghĩa rất thâm sâu. Đây là pháp thực hành quán niệm dựa trên âm văn (nghe tiếng) của Nhĩ căn và thanh trần. Thanh trần và Âm (Tiếng), Nhĩ căn và Văn (Nghe) vậy. Nhĩ căn có ba đức tánh Viên (tròn đầy), Thông (thông suốt), Thường (thường hằng), nó đặc thù hơn các căn khác.

- Ngồi một nơi yên tĩnh, mười phương có tiếng trống, cùng một lúc nghe đủ cả mười; đó là đức Viên.

- Cách vách có thể nghe tiếng, tiếng gần tiếng xa cũng có thể nghe; đó là đức Thông

- Có tiếng nghe đã đành, không tiếng tánh nghe vẫn có; đó là đức Thường của nhĩ căn vậy.

Phương pháp quán niệm Âm văn rất là quan trọng, tu học phẩm Quán Thế Âm Bồ tát, Phật tử chúng ta hãy gác qua tình cảm do tập quán và truyền thuyết dân gian hời hợt; hãy tìm hiểu kinh điển qua sự thấy biết, tư duy vận dụng lý trí có tánh khách quan, mới có thể nhận chân giáo lý, mới có thể biết được sự thật về những điều Phật dạy chúng ta.

Ở phẩm Thường Bất Khinh Bồ tát thứ 20, đã đề cập Oai Âm Vương Phật. Đó là đức Bản sư đã kín đáo gợi ý, mật chỉ tiền đề cho thính chúng Pháp Hoa Hải hội về Âm Văn trong hồi ấy.

Ở phẩm 21, Như Lai thần lực, Phật mật ý chỉ bày công dụng của Âm Văn tỏ rõ hơn, qua hai sự kiện: tiếng tăng hắng và tiếng khảy móng tay, vang khắp mười phương quốc độ.

Ở phẩm 24, Diệu Âm, công dụng của Âm thanh đến đây đã thành Diệu: Diệu Âm đến, cõi Ta bà rực rỡ, trang nghiêm đẹp đẽ; Diệu Âm về, vắng tiếng, cõi Ta bà trở lại trạng thái cũ, không còn trang nghiêm đẹp đẽ nữa.

Ở phẩm Quán Thế Âm thứ 25 này: Phật dạy cho chúng ta cách Giữ diệu âm ở lại để cõi Ta bà xinh đẹp rạng rỡ mãi; Quán Thế Âm là danh hiệu "Nhân cách hóa một phương pháp tu tập".

- Quán là vận dụng cái trí năng tri, soi rọi vào tâm để nhận thức đối tượng như quán tưởng, quán niệm một đối tượng nào...

- Thế có nghĩa là sự vận động tương tục không ngừng của sự vật, ở đây nhằm chỉ bày sự tương tục của tâm tưởng chúng ta.

- Âm là tiếng, Âm có âm hưởng, âm ba, âm thanh đều là đối tượng của nhĩ căn.

Quán Thế Âm là quán niệm cái tiếng thăm thẳm lặng mà trong như sương, trắng như tuyết, sáng chói như kim cương, nó thường xuyên liên tục không có một phút giây gián đoạn ở lòng ta; ở đời có thứ tiếng nào thường xuyên liên tục không gián đoạn?

- Tiếng của tâm ta, tiếng lòng màu nhiệm của ta là thứ tiếng thường xuyên và liên tục không ngừng, nó luôn luôn nói với chúng ta nếu chúng ta để ý lắng nghe; nó có khả năng nói ngày nói đêm nói ở mọi nơi chốn, chỉ trừ lúc ngủ không chiêm bao, nhưng làm sao biết được thứ tiếng nào là màu nhiệm?

- Thứ tiếng có khuynh hướng tiến lên giải thoát giác ngộ: Bồ thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ; chánh kiến, chánh tư duy, chánh



ngũ, chánh nghiệp, chánh mệnh, chánh niệm và chánh định được liệt vào tiếng màu nhiệm, là diệu âm đó. Trái lại, những thứ tiếng có chất vô minh, phiền não, khổ đau như: tham, sân, si, mạn...người Phật tử phải quên, bỏ nó đi, không nên lưu lại ở ký ức mình.

Diệu Âm tức Quán Thế Âm, Quán Thế Âm tức Diệu Âm đến rồi về để cho cõi Ta bà trở lại trạng thái cũ, không giữ được vẻ xinh đẹp, trang nghiêm nữa; đó là Diệu Âm Bồ tát vãng lai ở phẩm trước.

Nghe phẩm Quán Thế Âm, mỗi người phải đặt mình là một Vô Tận Ý Bồ tát, phải sử dụng ý thức sâu xa vô tận, tư duy thăm thẳm tốt suốt nguồn tâm, để nhận thức thâm nghĩa của kinh. Nếu sử dụng ý thức nông cạn, tư duy hời hợt, "tín ngưỡng" Quán Thế Âm như một đấng thần quyền, sẽ sa vào mê tín dị đoan, làm cho người trí khinh chê, chánh pháp từ đây mai một!

Giả sử có vô lượng chúng sanh đang gánh chịu nhiều điều khổ não mà được nghe "Hạnh Quán Thế Âm", liền quán âm thanh đó, thì họ sẽ được giải thoát những điều khổ não; quán niệm "âm thanh" có nghĩa là quán tiếng tâm mình, là Diệu Âm vậy.

Trọng tâm cứu khổ của Quán Thế Âm nhằm giải thoát sự khổ tinh thần, tất nhiên khi giải thoát khổ tinh thần, thì thân thể lành mạnh và mọi giá trị vật chất sẽ có ở tầm tay; vì vật chất không ngoài tinh thần, tinh thần không ngoài vật chất, hai thứ ấy tác động lẫn nhau, thế thì sự cứu độ, sự ban cho của Quán Thế Âm là cứu độ, ban cho tinh thần, tinh thần thuộc lãnh vực giải thoát giác ngộ của tâm tư và ý thức.

Bồ tát sẽ không ban cho vật chất hữu vi cho chúng sanh đâu, vì làm như vậy tức là dồn đẩy chúng sanh vào con đường khổ ải triền miên không lối thoát; mà Bồ tát thì không thể nào làm việc ác đức và tội lỗi đối với lương tâm mình..."

Thế mà tác giả Thông Lạc và nhiều người không hiểu đã bóp méo sự thật về "Hạnh Quán Âm", đã hiểu và truyền bá Quán Thế Âm như một Bồ tát chuyên làm công tác "từ thiện xã hội" rằng Quán Thế Âm Bồ tát hứa sẽ giúp đỡ, hộ độ tất cả những gì người tín chủ muốn, miễn là "có lễ" và "thiết lễ cầu an" trước tượng Ngài, thành tâm khẩn nguyện và tụng phẩm "Phổ Môn Kinh".

Không, không thể như vậy được, vì Bồ tát là bậc Đại đạo tâm thành tựu chúng sanh, Bồ tát là bậc hữu tình đã giác ngộ, Bồ tát là bậc giác ngộ cho chúng hữu tình. Đạo lý nhân quả Phật dạy Bồ tát đã thân chứng Chánh tà, chân ngụy, chánh pháp, phi pháp, với trí tuệ "hành thâm Bát nhã Ba la mật đa" không cần suy nghĩ, Bồ tát đã biết rõ hết rồi. Thế mà

lại nói: Bồ tát là đại từ đại bi, cứu khổ, cứu nạn, Ngài độ hết thảy chúng sanh vô điều kiện, chỉ cần "cúng dường", "cầu nguyện" và tha thiết "khẩn vái" Ngài.

Ý nghĩa nông cạn đó, việc làm không lý trí đó, với người trí, quả là sự bôi nhọ, sự sỉ nhục nặng nề đối với vị Bồ tát "Đẳng Giác Quán Thế Âm"; muốn hiểu Bồ tát Quán Thế Âm cứu khổ với hình thức nào, chúng ta phải hiểu những vấn đề được biểu trưng về khổ nạn và giải thoát khổ nạn được an vui. Chúng ta dùng chữ nghiêng đậm chỉ Kinh nói và phân tích lời Kinh như sau:

### **1. Về mặt khổ nạn:**

- **Nạn lửa**, chỉ về tánh "thấy biết", vì tánh thấy biết trái ý hay sinh nóng nảy như tánh lửa. Cho nên về lửa có: Lửa ghen hờn tức giận, lửa dâm dục, lửa phụ tình, lửa bất mãn bất bình; lửa oán giận hận thù nung đốt tâm can.

**Do đó: Vào lửa không bị lửa thiêu**, nghĩa là nếu tu Pháp Môn Quán Thế Âm (Phản Văn Văn Tự Tánh) thì sẽ không còn sân hận giận thù nữa mà đạt giải thoát ví như bị lửa đốt không bị cháy.

- **Nạn nước**, chỉ về tánh "nghe biết", vì nếu nghe tiếng đàn ca du dương, nghe giọng nói ôn ền, lời nịnh bợ tâng bốc dễ bị đam mê cuốn trôi, nhận chìm trong luyến ái nhục dục sĩ diện, dần dần đi đến khổ đau; tánh luyến ái nặng nề này được ám chỉ như một hình thức cuốn trôi nhận chìm của tánh nước.

**Do đó: Chìm dưới nước, được vào chỗ cạn**, nghĩa là nếu tu Pháp Môn Quán Thế Âm sẽ không còn bị tham ái dục hành hạ lôi cuốn nhận chìm vào khổ đau nữa mà được thoát khỏi, ví như bị nước cuốn trôi nhận chìm được thoát vào chỗ cạn vậy.

- **Quý la sát**, ám chỉ những kẻ độc hại, hung bạo, tàn ác giết người.

**Do đó: Đi thuyền tìm châu báu trong biển lớn bị lạc vào nước quý La Sát sẽ thoát nạn quý ấy**, nghĩa là nếu tu Pháp Môn Quán Thế Âm sẽ không còn tánh độc hại hung bạo tàn ác giết người nữa, mà được giải thoát; được giải thoát rồi sẽ độ cho các bạn đồng hành cùng giải thoát, ví như gặp Quý La sát sẽ thoát được quý hại.

- **Dao gậy**, ví như sức tác hại của sáu căn tiếp xúc dính mắc vướng víu đối với sáu trần, sinh ra sự đau khổ như bị cắt, bị đánh.

**Do đó: Sắp bị dao gậy chém đánh, thì dao gậy kia bị gãy từng khúc**, nghĩa là nếu tu Pháp Môn Quán Thế Âm thì khi sáu căn tiếp xúc sáu trần sẽ không còn bị dính mắc đưa đến buồn phiền đau khổ như bị

cắt bị đánh nữa mà được an nhiên tự tại, chẳng khác nào bị dao chém gây đánh thì dao gây đều bị gãy vậy.

- **Ma quỷ**, chỉ sự cám dỗ của tham, sân, si, mạn, nghi, giải đãi, thù miên, phóng dật, hôn trầm... sẽ làm cho không còn phân biệt được đâu là thiện đâu là ác rồi tạo ra biết bao khổ đau cho kẻ khác và cho mình.

**Do đó: *Khỏi bị Dạ Xoa và La Sát làm hại, thậm chí chúng không dám ngó nhìn***, nghĩa là nếu tu Pháp Môn Quan Thế Âm sẽ không còn bị cám dỗ của tham sân si, mạn nghi, giải đãi, thù miên, phóng dật, hôn trầm v.v... nữa và như vậy sẽ không còn vô minh tức được giải thoát, chẳng khác nào khỏi bị Dạ Xoa và La Sát làm hại.

- **Gông cùm xiềng xích**, biểu trưng sự ràng buộc mê mờ tối tăm vì những thứ như được mất, đúng sai, vinh nhục, vui buồn làm con người mất tự do tự tại, kìm sức phát triển về thể xác lẫn tinh thần.

**Do đó: *Bị xiềng xích gông cùm, đều có tội hay không, xiềng xích gông cùm thả đều đứt rã***, nghĩa là nếu tu Pháp Môn Quán Thế Âm, dù người có tội hay không sẽ hết bị si mê u tối ràng buộc mà được sáng suốt tự tại, cũng như bị xiềng xích gông cùm đều bị đứt rã.

- **Giặc cướp**, ám chỉ những hành động sai quấy tội lỗi như trộm cướp, tà dâm, nói dối nói chêm chọc, nói thêu dệt, nói ác. Do đó, mất sạch công đức lành ví như bị giặc cướp hết sạch của cải tài sản.

**Do đó: *Gặp đường hiểm nạn giặc cướp, được thoát khỏi và không bị sợ hãi***, nghĩa là nếu tu Pháp Môn Quan Thế Âm sẽ không còn hành động sai quấy gây tội lỗi phải bị tù tội, mà hành động chính đáng gây công đức lành, cũng như gặp giặc cướp được thoát khỏi.

**Đức Phật nói: *Này Vô Tận Ý, Bồ tát Quán Thế Âm oai thần vòi vọi như thế, cho nên chúng sanh phải một lòng tưởng nhớ***, nghĩa là: chúng sinh hãy suy nghĩ sâu xa về Pháp Môn tu Phán Văn Văn Tự Tánh của Quán Thế Âm, và phải một lòng không quên tu.

## **2. Về mặt an vui:**

- **Thất bảo** là vàng bạc, lưu ly v.v... biểu trưng thất thánh tài: tín, giới, văn, tầm, quý, niệm, định, xả.

- **Của báu**, biểu trưng tất cả công đức lành.

- **Con trai**, biểu trưng trí tuệ và giác ngộ, **do đó muốn cầu con trai liền sinh con trai phúc đức trí tuệ**, nghĩa là nếu tu Pháp Môn Quan Thế Âm sẽ đạt được trí tuệ giải thoát.

- **Con gái**, biểu trưng phước đức và giải thoát, **do đó muốn cầu con gái liền sinh con gái có tướng xinh đẹp**, nghĩa là nếu tu Pháp Môn Quán Thế Âm sẽ đạt được công đức giải thoát.

Ngoài ra, tất cả những từ mang tính cách "lành mạnh" và "an vui" trong phẩm kinh này, phải được hiểu là: Phước đức, trí tuệ, giải thoát và giải thoát tri kiến thuộc loại "tâm sở thiện".

Tất cả những danh từ có tính cách tác hại, gây đau khổ, mất mát ở phẩm Phổ Môn đều phải được hiểu: Là những tác động tâm lý thuộc loại "tâm sở bất thiện", không được hiểu đó là sự kiện "cụ thể" ở ngoại cảnh trước mắt, hiểu sai thì nó trở thành chuyện mê tín hoang đường.

Tóm lại, "tâm sở thiện hay bất thiện" cũng được hiểu đó là cách nói về biểu trưng, vì lẽ Quán Thế Âm là pháp tu để "Nhập tri kiến Phật" chớ không phải là một thần thánh để nguyện cầu. Phẩm Phổ Môn là phẩm thứ 25 trong 28 phẩm kinh Diệu Pháp Liên Hoa, nếu đưa vào đây một Bồ tát chuyên làm công tác xã hội tầm thường như thế, thì quả là phỉ báng Thế Tôn lắm vậy.

Xét sự phân tích Kinh Pháp Hoa qua Phẩm Phổ Môn như vậy thì người cho rằng: *"Pháp Hoa Tông là pháp môn phi đạo đức, ngồi không mà muốn làm giàu, làm ác mà muốn trốn tránh tội lỗi, biến ông Thầy thành một vị Bà La Môn chuyên tế lễ, cúng bái, cầu khẩn van xin v.v... Biến Đạo Phật thành thần giáo, biến tín đồ mất sức tự chủ, luôn luôn sống trong tha lực, tựa nương vào thần quyền; do thế mới sản xuất ra Quán Thế Âm Bồ Tát cứu khổ cứu nạn."* là người đã đọc Kinh Pháp Hoa với tư tưởng của một người không dùng quán pháp để xét xem ý nghĩa lời Kinh muốn nói gì, nên đã có sự hiểu lầm vô cùng tai hại đưa đến việc phỉ báng. Nếu là người Phật tử tại gia lầm lẫn có thể không đáng trách, nhưng với một vị Tu Sĩ tu hành học hỏi nghiên cứu Phật pháp trong nhiều năm mà hiểu lầm Phật pháp thì thử hỏi Đức Phật có chấp nhận được không?

Nhân tiện đây cũng xin thưa với quý Phật tử: Đức Phật giảng dạy có lần có lượt từ dễ đến khó, ban đầu Ngài giảng dạy về Tứ Diệu Đế, Bát Chính Đạo, về Mười hai Nhân Duyên, v.v..., rồi dần dần mãi về sau Ngài mới giảng đến các điều khó. Các Kinh như Viên Giác, Lăng Nghiêm, Duy Ma Cật, Kim Cang Bát Nhã, Pháp Hoa v.v... đều thuộc loại Kinh cao siêu khó hiểu. Nếu người đọc đã thấu hiểu các Kinh dễ rồi nghĩa là đã có căn bản giáo pháp rồi thì khi đọc các Kinh khó, chúng ta phải dùng Kinh dễ làm căn bản cho các Kinh khó mới đúng ý Phật, mà các Kinh dễ hiểu chẳng có Kinh nào nói đến sự cầu nguyện cả.

Tuy nhiên nhiều người đọc Kinh căn bản thì hiểu, nhưng khi đọc Kinh khó lại không hiểu hay hiểu sai ý Phật. Khi hiểu sai sẽ đưa đến tai hại vô cùng như trường hợp “Hiện tượng Thích Thông Lạc”; chắc là việc này đã xảy ra nhiều rồi, chỉ là các người ấy không phát biểu viết hay nói ra mà thôi. Hiện nay một số các Chùa có tổ chức Đạo Tràng tụng Kinh Pháp Hoa, không biết rằng có phải là tụng Kinh Pháp Hoa là để hiểu nghĩa Kinh để thực hành hay chỉ là hiểu lời Kinh để cầu được phúc đức theo nghĩa đen của Kinh? Thật là tai họa khi tụng Kinh để hiểu lời Kinh theo nghĩa đen để cầu phước, vì đây chính là phỉ báng Phật vậy.

Một vấn đề khác cũng cần nêu ra, đó là một số các Chùa tụng kinh đã dùng sách chữ Hán Việt, vì hầu hết các Phật tử không học chữ Hán nên khi đọc đều như vịt nghe sấm chẳng hiểu gì cả. Mục đích của tụng kinh là để hiểu lời kinh để rồi sẽ hành theo, chứ không phải tụng kinh cho Phật nghe. Thật là tai họa do một số Chùa đã làm mà không biết, cứ an nhiên làm, tụng nhanh như gió cuốn mưa tuôn, nghe thì hay lắm, mà Phật tử tại gia tụng không hiểu chỉ tụng như con vẹt, chứ không dám hé răng phản nản gì về điều này cả.

Trường hợp thường xảy ra nhiều nhất là Kinh A Di Đà và Bát Nhã Tâm Kinh, một số Chùa tụng trong các buổi Cầu Siêu, lễ Vu Lan v.v... bằng chữ Hán Việt, mặc dầu ngày nay đã được rất nhiều người dịch ra chữ Việt rồi nhưng vẫn còn tình trạng tụng bằng tiếng Hán Việt. Có người nói: tụng không hiểu để dễ đi vào nhất tâm, đây là ngụy biện, vì nếu đọc không hiểu người đọc sẽ miệng đọc còn ý thì nghĩ chuyện khác, chứ nhất tâm cái gì? Thời Phật tại thế, mỗi ngày Đức Phật giảng, các đệ tử phải đọc tụng nhiều lần để hiểu nghĩa lời Ngài dạy rồi thực hành; mong rằng các vị Viện Chủ Chùa và mọi người chúng ta cùng để ý, xin ngàn lần bái tạ, đừng để tình trạng Phật tử đọc Kinh mà không hiểu này xảy ra nữa, như thế mới là tôn trọng Phật.

#### 4). THIÊN TÔNG LÀ PHÁP MÔN CHẤP NGÃ

##### HÒA THƯỢNG THÍCH THÔNG LẠC VIẾT:

*“Thiên Tông là pháp môn chấp, lý luận có logic, dễ lừa đảo giới trí thức, biến Phật Giáo vô ngã thành Phật Giáo hữu ngã trừu tượng, mơ hồ, biến thiền sư thành giảng sư, luận sư, v.v... Sau buổi họp đó các Thầy trong Ban Tri Sự Tỉnh Hội báo cáo về Giáo Hội Trung Ương và Thầy tôi tức là Hòa Thượng Thanh Từ. Tôi biết rất rõ điều đó, nhưng tôi không ngại, là vì*

*tôi xác định: Những gì tôi nói là sự thật, vì sự thật thì còn để mọi người suy ngẫm, chứ sự thật mà dối gạt được ai sao? ... [ĐVXP-Tập 7]*

## **PHẢN BIỆN:**

Nói rằng Thiền Tông là Pháp Môn ngã chấp thì không đúng, vì tất cả các Pháp Môn tu của Bắc truyền đều phải hành vô ngã trong khi tu, nếu sáu căn dính mắc sáu trần, nếu còn tham sân mạn nghi v.v... là người tu còn dính mắc vào cái Ta, tức là chấp Sắc thân là thật có, chấp Thọ Tướng Hành Thức là thật Ta thì sẽ bị cái Ta cái của Ta ngăn cản lôi kéo vào muôn mối, không thể nào đạt quả giải thoát được; chỉ khi tu hành tới vô ngã mới giải thoát được, đã vô ngã rồi thì làm gì có hữu ngã trừu tượng nữa, nên nói rằng Thiền Tông chấp Ngã là không hiểu Thiền Tông vậy.

Ngay cả những người tu Tịnh Độ niệm Phật A Di Đà nếu còn nhớ con nhớ cháu, nhớ gia tài của cải, nhớ cõi Ta Bà sung sướng, v.v... thì dù có niệm Phật như đông tố, như vẹt kêu suốt ngày cũng chẳng thể được về Tây phương Cực Lạc. Huống chi là có người còn nghĩ đến danh lợi cho người đúc tượng mình cho nó oai ta đây là nhất; những người như vậy là còn chấp cái ngã, Phật bảo là người kiêu mạn làm trò hề.

Thiền Tông được truyền từ Phật Thích-Ca Mâu-Ni (623 -543 trước Dương lịch) cho Sơ Tổ Đại Ca-Diếp, và truyền đến Tổ thứ hai mươi tám là ngài Bồ-Đề Đạt-Ma; sau Bồ-Đề Đạt-Ma qua Trung-Hoa làm Sơ Tổ của Thiền-Tông Trung-Quốc và truyền tới Lục Tổ Huệ-Năng tức là Tổ thứ ba mươi ba.

Ở nơi hội Linh-Sơn, đức Phật đưa lên cành hoa (Niêm Hoa Thị Chúng), lúc ấy tất cả đại-chúng đều ngơ ngác (không hiểu), chỉ có Tôn-giả Đại Ca-Diếp mỉm cười (Niêm Hoa Vi Tiếu). Thấy vậy, đức Phật nói: “Ta có Chính-pháp Nhân-tạng, Niết-bàn Diệu-tâm, Thật-tướng Vô-tướng, Pháp-môn vi-diệu, chẳng lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền, nay phú chúc cho Ma-Ha Ca-Diếp”. Từ đó pháp thiền trực tiếp của Thiền-Tông căn cứ theo việc này.

Phương pháp trực tiếp này, đức Phật đã dùng qua nhiều lần, như một lần, đức Phật đem hạt châu-ngọc Ma-Ni ra hỏi Ngũ Phương Thiên-Vương rằng: “Hạt châu-ngọc này màu gì?” Khi ấy Ngũ Phương Thiên-Vương tùy vị trí khác biệt và sự thấy của mình đều trả lời màu sắc khác nhau; Đức Phật giấu hạt châu-ngọc rồi đưa tay không ra hỏi: “Hạt châu-ngọc này màu gì?” Các Thiên-Vương nói: “Trong tay đức Thế-Tôn chẳng có hạt châu-ngọc thì đâu có màu gì!” Đức Phật nói: “Các ông sao quá mê muội điên đảo, Ta đem hạt châu-ngọc thế gian cho xem thì nói có màu

xanh, tím, vàng, đỏ, trắng; Ta thị hiện hạt châu-ngọc chân thật thì chẳng biết gì cả!"; khi ấy Ngũ Phương Thiên-Vương đều tự ngộ đạo.

Nếu Ngài Ca Diếp còn ngã chấp thì chẳng thể đốn ngộ khi Đức Phật chỉ đưa cành hoa lên liền ngộ, Ngũ phương Thiên Vương nếu còn chấp ngã cũng không thể ngộ được. Cái ngộ đạo của Thiền Tông rất là đặc biệt như vậy, do đó chúng ta là người chưa ngộ đạo không sao hiểu nổi đâu. Tu theo Thiền Tông khi có kết quả thì biến Thiền Sư thành luận Sư, Giảng Sư, thành Tổ Sư là lẽ đương nhiên như chúng ta đã thấy những vị Thiền Sư sau khi đốn ngộ rồi thì thông đạt nên nói năng đều đúng pháp chứ không còn mù mờ như những phàm phu chúng ta nữa.

Để thêm ý về Thiền Tông, chúng ta trích dẫn một đoạn trong bài “Phật Giáo Thiền Tông Thực Tế Đến Không Ngờ” của Hòa Thượng Thích Thanh Từ giảng như sau:

“Như tôi đã nói khi tất cả các niệm diệt hết là chứng diệt tận định, nếu trong tâm an định rồi, hành giả nhìn thấy sự vật bên ngoài có dấy niệm không? Không dấy, bên trong lặng thì đối với cảnh bên ngoài cũng lặng, trong lặng ngoài lặng, lúc này còn cái gì (?); chỉ một cái trong lặng, tôi thường nói như quý vị ngồi năm ba phút không một ý nghĩ nào dấy lên, lúc đó có biết không? Biết rõ ràng, tiếng chim kêu mình nghe, bóng người đi mình thấy; thấy biết rành rẽ cái nào ra cái ấy, biết mà không dấy động, lặng yên hằng tri giác, cái biết đó không động cũng không có tướng nên nó không sinh diệt.

Nhưng chúng ta có bệnh vừa thấy thì phân biệt tốt xấu, vừa nghe thì phân biệt hay dở, rồi quên cái thấy nghe ban đầu của mình; nắm bắt theo sắc tướng âm thanh bên ngoài thành ra điên đảo, hiện giờ ai không có cái biết hiện tiền ấy? Thấy tức là biết, biết tức là tâm; như vậy khi ở trong lặng được vọng tưởng rồi, bên ngoài đối duyên xúc cảnh, sáu căn không bị dính kẹt với sáu trần, lúc đó ta là Phật hiện tiền chớ còn gì nữa (!); nhưng nói thế thiên hạ không chịu đâu, phải có hào quang, có hoa sen hiện ở trên trời, trên mây mới được.

Cái biết rõ ràng nơi mắt, đó là cái thật của mình mà chúng ta coi thường, không chịu nhận. Nhìn cây tùng nói nó đáng con gì, vật gì thì thích lắm, chớ nói cây tùng là cây tùng thì không chịu; Phật nói chúng sanh điên đảo là vì vậy, không bao giờ chấp nhận sự thật, không bao giờ chấp nhận sự hiện hữu của mình và muôn vật đúng ở vị trí của mỗi thứ.

Trong hội Linh Sơn, đức Phật đưa cành hoa lên là muốn chỉ cái Ngài đã ấp ủ từ trước tới bấy giờ, đó chính là tâm hiện tiền chân thật đầy đủ nơi mỗi người, là tánh thấy tánh nghe hằng tri hằng giác. Mọi người đều



có tánh thấy, tánh nghe, tánh biết mà không chịu nhận, cứ chạy theo những thứ giả tạm bên ngoài. Phật muốn chỉ thẳng nhưng không làm sao chỉ được, buộc lòng phải nói quanh co đủ thứ phương tiện; Ngài chờ cho nhân duyên chín mùi rồi mới chỉ thẳng bằng cách đưa cành hoa lên. Ở đây đức Phật cốt làm cho hội chúng nhận ra tánh thấy hằng hữu nơi mình, nhưng tất cả đều ngẩn ngơ chứng tỏ không biết gì; tới ngài Ca Diếp nhìn thấy liền cười vì Ngài nhận biết chỗ Phật muốn chỉ, đó là Ngài đã ngộ nên được đức Thế Tôn ấn chứng.

Qua câu chuyện trên, chúng ta thấy Phật đã cố gắng chỉ cái chân thật cho mình, chớ không muốn che giấu làm gì; nhưng vì ta không lãnh hội thôi, cứ theo kinh mà hiểu, kẹt trong văn tự chữ nghĩa nên không thấy được cái sâu kín bên trong. Sau khi Phật nhập Niết-bàn rồi, tôn giả A-nan hỏi ngài Ca Diếp:

- Thừa sư huynh, đức Thế Tôn truyền y kim lãng cho sư huynh, ngoài ra còn có truyền cái gì khác không?

Ngài Ca Diếp kêu:

- A-nan.

Ngài A-nan ứng thình:

- Dạ.

Ngài Ca Diếp bảo:

- Cây phướn trước chùa ngã.

Nhưng thật ra lúc ấy cây phướn có ngã đâu, như vậy mới biết rằng trọng tâm là vừa kêu liền ứng thình dạ, đó là tánh nghe hằng hữu; cái biết từ lỗ tai không có suy nghĩ, nghe kêu thì lên tiếng, chứng tỏ cái biết ấy luôn sẵn nơi ta; đó là ngài Ca Diếp đã trả lời cái đức Phật truyền cho mình rồi, ngay đó ngài A-nan liền nhận được.

Người xưa có cố tình giấu giếm mình gì đâu, chỉ vì không nói được; bởi vì nói ra là trật rồi, chỉ còn thuật “gọi” thôi; khi ngài Ca Diếp kêu, A-nan ứng thình “dạ”, cả hai bên đều không khởi suy nghĩ mà nghe biết rõ ràng, hiện tiền nơi sáu căn của chúng ta; đó là điều cốt tủy đức Phật đã để lại và Chư Tổ nối truyền cho đến ngày nay.

Chúng ta thấy từ Phật tới Tổ Ca Diếp chỉ truyền một thứ, không có khác; nếu khác chẳng thì ở mắt hoặc tai thôi, chớ không có hai pháp. Các Ngài cố chỉ cái biết thật của mình, còn cái biết hơn thua phải quấy là cái biết của thế gian không thật, biết qua bóng dáng vô thường; cái biết thật là biết trực tiếp không qua hình ảnh ngôn ngữ nào hết, đó là chỗ thiết yếu Chư Phật Tổ đã truyền lại cho chúng ta.

Thế thì chỉ “cái đó” gần hay xa, có quyền bí gì đâu, các Ngài chỉ ra một cái thực tế sẵn nơi mình mà chúng ta không thể tưởng tượng nổi,

nên không ai dám nhận “cái đó” của mình hết; đó là giai đoạn đầu từ Phật tới Tổ, qua giai đoạn kể là các Tổ sau này truyền thừa cho nhau; đi quanh co đến đâu rồi cũng trở về chỗ đó.

Tổ thứ ba là Tổ Tăng Xán, Ngài có làm bài “Tín tâm minh”, mở đầu thế này:

Đại đạo vô nan,

Duy hiềm giản trạch

Bao nhiêu đó thôi đã nói hết rồi; chữ Đạo ở đây là lấy từ của bên Lão giáo, Lão giáo nói đạo là chỗ không còn ngôn thuyết, không còn nói năng, là chân lý tuyệt đối; như vậy chân lý cuối cùng chúng ta gọi là đại đạo, Đại đạo không khó, mà khó là tại giản trạch, phân biệt. Cứ nghe gọi trực tiếp trả lời, đưa cái gì lên trực tiếp thấy, đó là đại đạo; còn bước qua cái suy nghĩ thứ hai thì mất đại đạo, bởi vậy có người hỏi ngài Triệu Châu: “Thế nào là đại đạo? Ngài trả lời: “Đại đạo là con đường cái”, đại đạo ở ngay trước mắt không chịu thấy, tức nhiên phải chỉ đường cái; người sau cứ như vậy mà mò nên mò không ra.

Đến ngài Triệu Châu hỏi ngài Nam Tuyền: “Thế nào là đạo?” Ngài Nam Tuyền đáp: “Bình thường tâm thị đạo”, tức tâm bình thường là đạo; Tâm bình thường là sao, chúng ta có tâm bình thường không (?), có mà không biết giữ nên thành không; vậy tâm bình thường là tâm gì? Là tâm không nghĩ thiện không nghĩ ác, không nghĩ phải không nghĩ quấy..., tất cả cái nghĩ hai bên đều không có; thế thì hiện giờ chúng ta có tâm đó không? Ai cũng thừa nhận có mà không sống được với nó vì bỏ quên lâu quá, bây giờ không nhận ra nữa; bởi vậy, tôi nói: chúng ta là những kẻ rất phũ phàng, rất tệ bạc; phũ phàng ai? Phũ phàng mình, cứ xách gói đi đầu này học đạo, đi đầu kia học đạo, cầu khẩn lay lục muốn u đầu sút trán mà tìm vẫn không ra; khi nghe chỗ nào linh thiêng liền chạy đến, rốt cuộc cái sẵn có bên mình lại quên, không phũ phàng là gì?

Chúng ta thường gọi những người điên là bất bình thường, bây giờ tâm mình đang bình thường, tự nhiên khởi nghĩ lăng xăng là bất bình thường, như vậy mình có điên không? Bởi vậy Phật nói chúng sanh điên đảo, rõ ràng đang sống bình thường bỗng dấy niệm chạy tứ tung, rồi kèm đê; khổ chưa? Chúng ta tu mà không chịu sống với tâm bình thường nên trở thành điên đảo, nhưng nếu có ai nói ta điên thì bực tức lộn ngược lên; thế là điên lại càng điên hơn vậy.

Tâm bình thường là tâm không nghĩ phải quấy, hơn thua, tốt xấu..., thấy biết, nghe biết, đối biết, no biết mà không nghĩ suy gì hết, đó là tâm bình thường; cả ngày đi đứng nằm ngồi, sống như mọi người mà tâm không dấy động nên các Thiền sư thường dùng từ như ngậy như ngô,

không lạnh lẽo như người thế gian. Còn chúng ta lạnh lẽo quá, vừa động tới liền nghĩ đông, nghĩ tây; nói một hiểu hai ba, thành ra phiền não điên cả đầu, nhiều người ôm đầu nói tôi khó ngủ quá, nghĩ tứ tung hết làm sao ngủ được.

Mã Tổ ngày xưa khi thấy một vị tăng thường ngồi thiền ở hành lang, Ngài tới nắm lỗ tai thối phù không cho ngồi. Ai không hiểu cứ nghĩ ông già chơi kỳ cục! Bởi chính Mã Tổ lúc đầu ngồi thiền tinh tấn lắm, sau này ngài Hoài Nhượng tới thử mới biết Mã Tổ chưa thông, vì kẹt trong cái ngồi; đến khi đắc pháp nơi Tổ Hoài Nhượng rồi, hễ thấy ai ngồi thiền, Ngài liền tới thối, tại sao? Bởi nếu chấp cho ngồi là thiền, đó là giết thiền; phải biết đi đứng nằm ngồi đều là thiền, chớ không phải chỉ có ngồi mới là thiền.

Chúng ta đi đứng nằm ngồi trong bốn oai nghi đừng có tâm lăng xăng, sống với tâm bình thường thì không ngồi thiền, ngồi nhố cỏ chơi cũng vẫn thiền như thường; song nếu chưa sống với tâm bình thường thì phải ngồi thiền. Tổ sư muốn chỉ cho chúng ta thấy Thiền là vô tâm trong tất cả chỗ, tất cả thời; vô tâm là không có tâm chạy theo, nhưng vẫn có tâm bình thường. Không nghĩ suy phân biệt mà vẫn thấy biết rõ ràng gọi là vô tâm, nên nói nếu được tất cả chỗ vô tâm thì tất cả chỗ là đạo. Chúng ta đi đứng nằm ngồi có khi chạy lên cõi trời, có khi chui xuống địa ngục, có khi làm thánh hiền, có khi làm tướng cướp đủ thứ hết; vì vậy mà trôi lăn trong lục đạo mãi.

Chúng ta sống được với tâm bình thường, dù không cầu giải thoát tự nhiên cũng giải thoát, bởi ta đâu có tạo nghiệp; quý vị thử một ngày sống tâm bình thường xem có tạo nghiệp gì không? Giả sử ta lỡ giẫm chết con kiến cũng không bị định nghiệp, bởi vì nghiệp do ý niệm xấu dấy lên, rồi miệng nói thân làm; nếu thân làm mà tâm không dấy thì không thành định nghiệp”.

Xem lời giảng của Hòa Thượng Thích Thanh Từ, chúng ta đều thấy rõ một lối tu của Phật Giáo Thiền Tông, chứng tỏ rằng không có chỗ nào lời nào chấp Ngã hoặc biến Phật Giáo vô ngã thành Phật Giáo hữu ngã trừu tượng cả.



## IV). ĐẠI THỪA SAI LẦM VỀ VÔ NGÃ

**TRƯỜNG LÃO THÔNG LẠC VIẾT:** “Đức Phật dạy: “Tu là phải lìa xa ý muốn của mình”, cái ý muốn của mình là gì? Là Bản Ngã Ác Pháp, Bản Ngã Ác Pháp không ly thì làm sao có Niết Bàn? **Vô Ngã Ác Pháp là Niết Bàn, chứ không phải Vô Ngã là Niết Bàn**, vì vô ngã cả ác lẫn thiện là cây đá. [trang 41 TCB1] Đạo Phật chủ trương: lấy thiện diệt ác, lấy đạo đức nhân quả làm cuộc sống của mình không làm khổ mình khổ người, từ chỗ này chúng ta suy ra để thấy Đạo Phật không mâu thuẫn, vì Đạo Phật “**Vô ngã ác pháp chứ không phải vô ngã thiện pháp**”; nếu chúng ta tu hành vô ngã cả thiện pháp và lẫn ác pháp thì hóa ra chúng ta là cây, là đá. Cây đá là một loại vô tri vô giác, đó là cái vô ngã của Đại Thừa, Đạo Phật không có vô ngã như kiểu đó. (ĐVXP-Tập 8)

### PHẢN BIỆN:

Căn bản của Đạo Phật là làm lành tránh làm ác, lấy thiện diệt ác, lấy đạo đức nhân quả làm cuộc sống của mình, không làm khổ mình khổ người; đó cũng là tôn chỉ của Phật Giáo Bắc truyền chứ chẳng phải riêng của Nguyên Thủy Nam truyền. Chúng ta lần lượt bàn đến các vấn đề này:

### 1). Vô Ngã Ác Pháp là Niết Bàn

**TÁC GIẢ THÍCH THÔNG LẠC VIẾT:** “Vô Ngã Ác Pháp là Niết Bàn” là không chính xác, chúng ta có thể lược trích dẫn Tứ Thiền trong Kinh Sa Môn Quả của Kinh Trường Bộ thuộc Nam truyền do Hòa Thượng Thích Minh Châu dịch như sau:

Khi Vua A Xà Thế lần đầu tiên tới yết kiến và quy y Đức Phật, được Ngài giảng về quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn như sau:

“Tỳ-kheo tự mình quán năm triền cái (tham ái, sân hận, hôn trầm, trạo hối, nghi) chưa xả ly, như món nợ, như bệnh hoạn, như ngục tù, như cảnh nô lệ, như con đường sa mạc; này Đại vương, cũng như không mắc nợ, như không bệnh tật, như được khỏi tù tội, như được tự do, như đất lành yên ổn, này Đại vương, Tỳ-kheo quán năm triền cái khi diệt trừ chúng.

Khi quán tự thân đã xả ly năm triền cái, hân hoan sinh, do hân hoan nên hỷ sinh; do tâm hoan hỷ thân được khinh an; do thân khinh an lạc thọ sinh; do lạc thọ tâm được định tĩnh. Tỳ-kheo ly dục, ly ác pháp, chứng và trú thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm (nghĩ ngợi), với tứ (ý tứ); Tỳ-kheo thấm nhuần, thấm ướt, làm cho sung mãn tràn đầy thân mình với hỷ lạc do ly dục sinh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do ly dục sinh ấy thấm nhuần”.

Đây là hành giả đạt quả Thiền thứ nhất gọi là Tu Đà Hoàn; hành giả đạt quả Tu Đà Hoàn là bước vào dòng suối chảy đến Niết Bàn ở bước khởi đầu, chứ chưa phải là A La Hán nên chưa tới Niết Bàn được, nên nói “Vô Ngã Ác Pháp là Niết Bàn” là thiếu sót.

## 2). Không phải vô ngã là Niết Bàn

**TÁC GIẢ THÍCH THÔNG LẠC VIẾT:** “*Không phải vô ngã là Niết Bàn*” là không đúng lý, vì trong Tứ thiền, sau khi đạt quả vị thứ Nhất, hành giả tiếp tục hành thiền để đạt quả vị Thứ Hai như sau:

“Lại nữa, này Đại vương, Tỳ-kheo ấy diệt tầm và tứ, chứng và trú thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sinh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm Tỳ-kheo ấy thấm nhuần, thấm ướt làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do định sinh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do định sinh ấy thấm nhuần.

Lại nữa, này Đại vương, Tỳ-kheo ly hỷ trú xả, chính niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là “Xả niệm lạc trú”, chứng và an trú thiền thứ ba. Tỳ-kheo thấm nhuần, thấm ướt, làm cho sung mãn tràn đầy thân mình với lạc thọ không có hỷ ấy, không một chỗ nào trên toàn thân, không được lạc thọ không có hỷ ấy thấm nhuần.

Lại nữa, này Đại vương, Tỳ-kheo, xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú vào thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Tỳ-kheo ấy thấm nhuần toàn thân mình với tâm thuần tịnh trong sáng, không một chỗ nào trên toàn thân không được tâm thuần tịnh trong sáng ấy thấm nhuần”.

Hành giả lià khổ dứt vui, vui buồn đều dứt, không buồn không vui, ly xả tất cả những gì còn sót lại, vị ấy an trụ Thiền thứ tư. Đạt được thiền này rồi, vị ấy không cần phải tiến lên Không vô biên, Thức vô biên, Vô sở hữu và Phi tướng phi phi tướng của ngoại đạo, mà qua Diệt tận định; Diệt tận định còn gọi là Diệt thọ tướng định. Thọ tức là cảm giác của sáu căn đối với sáu trần, tướng là phần bên trong nội tâm; trong nội tâm thì lặng, ngoài đối với sáu trần không dính, như vậy vị ấy đạt vô ngã hoàn toàn, nhập Diệt thọ tướng định, chứng vô sinh tức quả A-la-hán. Hoặc vị ấy tu Tứ Diệu Đế, tư duy về Bát Chính Đạo để biết như thật về lý vô ngã sẽ chứng Vô sinh quả A La Hán, bấy giờ vị ấy chứng nghiệm hạnh phúc tối thượng; đây là Niết Bàn của vị A La Hán, tại sao nói Vô ngã không đạt Niết Bàn?

Đối với Thiền Tông, theo Hòa Thượng Thích Thanh Từ trong bài: “Phật Giáo Thiền Tông Thực Tế Đến Không Ngờ” thì Thiền Tông đi thẳng vào xả niệm thanh tịnh, xả niệm thanh tịnh rồi lại tiếp tục tiến thẳng lên Diệt thọ tướng định, chứ không qua Tứ thiền, không qua Tứ không của ngoại đạo; như vậy chỉ một bước buông niệm là thẳng tới Diệt thọ tướng định chứng Vô sinh; đó là đối chiếu giữa Thiền tông với thiền Nguyên thủy.

### 3). Vô ngã cả ác lẫn thiện là cây đá

#### TÁC GIẢ THÍCH THÔNG LẠC VIẾT:

“*vô ngã cả ác lẫn thiện là cây đá*” là không đúng sự thực, đây là lời của người không hiểu Thiền Tông khi đọc Pháp Bảo Đàn Kinh. Câu chuyện như sau: Lục Tổ Huệ Năng sau khi nghe Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn đọc Kinh Kim Cang cho nghe đến câu “Ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm” (không đặt để cái tâm vào bất cứ cái gì thường hay sinh ra tâm tính rất kỳ đặc) thì đại ngộ, Ngài biết cả thấy các Pháp đều chẳng lià tánh mình, nên buột miệng thốt ra năm câu kệ:

Nào dè tánh mình vốn không sanh diệt,  
Nào dè tánh mình vốn thanh tịnh trong sạch,  
Nào dè tánh mình vốn chứa đầy đủ muôn Pháp,  
Nào dè tánh mình vốn không dao động,  
Nào dè tánh mình vốn sinh ra muôn Pháp.

Do đó Ngũ Tổ ấn chứng và truyền y bát cho Ngài Huệ Năng làm Lục Tổ Thiền Tông, rồi Ngũ Tổ bảo Lục Tổ nên đi về phương Nam vì có những

kẻ phàm phu tranh giành áo bát. Bởi vậy Lục Tổ ra đi, nhưng sau ba ngày tứ chúng biết được việc Lục Tổ đã lãnh áo bát và rời khỏi, nên một số đã đuổi theo mong giành áo bát. Khi Thượng Tọa Huệ Minh theo kịp thoáng thấy phía trước, lúc ấy Lục Tổ nói: “Áo bát là vật làm tin, há dùng sức mà tranh giành được sao?”, rồi Ngài để áo bát trên tảng đá và đi ra núp dưới cỏ tranh. Khi Huệ Minh đi tới thấy áo bát mà không thấy người thì mừng thầm sẽ giành được, nhưng khi cầm nhắc áo bát lên không được thì hoảng kinh bèn nói:

- Hành-giả, Hành-giả, tôi vì Pháp mà đến đây, chứ chẳng phải vì tranh Áo-Bát đâu, xin Hành-giả từ-bi thương xót.

Nghe vậy, ngài Huệ-Năng bước ra khỏi đám cỏ tranh, rồi ngồi trên tảng đá; thầy Huệ-Minh liền làm lễ rồi nói:

- Mong ơn Hành-giả nói Pháp cho tôi nghe.

Ngài Huệ-Năng nói:

- Ông vì Pháp mà đến thì phải dứt hết duyên trần, chớ sinh một niệm tưởng, tôi sẽ nói rõ Phật-Pháp cho ông nghe.

Lẳng lẳng một lúc, đợi cho thầy Huệ-Minh thi hành điều vừa nói, ngài Huệ-Năng mới bảo:

- Ông chẳng nghĩ việc lành, không nghĩ điều ác, chính trong thời gian đó, cái ấy, tức là tỏ thấy cái Bản-lai Diện-mục của Thượng-Tọa Minh vậy.

Thầy Huệ-Minh nghe xong liền rất tỏ sáng, lại hỏi: ...

Có lẽ tác giả Thông Lạc căn cứ vào câu “chẳng nghĩ việc lành không nghĩ điều ác” của Lục Tổ này mà kết luận là gỗ đá chẳng? Nếu hiểu như thế thì cách xa Thiên Tông như trời với đất! Tâm không suy nghĩ tưởng nhớ nhưng tỉnh thức trong sáng như không khuấy nước gậy thành sóng, nếu mặt nước yên tĩnh không gợn sóng sẽ thấy hình bóng rõ ràng; cũng như nước không đục lặn trong sẽ thấy vật dưới đáy vậy, chứ chẳng phải không nghĩ thiện không nghĩ ác như người ngủ mê, người chết giấc chẳng biết gì. Trường hợp Thượng Tọa Huệ Minh trong lúc không có một niệm tưởng nào với tâm tỉnh thức nên khi nghe Lục Tổ nói liền tỏ sáng nghĩa là nhận ra bản thể của mình tức là ngộ. Như vậy thì làm sao nói: “vô ngã cả ác lẫn thiện là cây đá”?

#### **4). Vô ngã ác pháp chứ không phải vô ngã thiện pháp**

**TÁC GIẢ THÍCH THÔNG LẠC VIẾT:** Đạo Phật "*Vô ngã ác pháp chứ không phải vô ngã thiện pháp*".



## **PHẢN BIỆN:**

Đối với Thiền Tông không chấp, nghĩa là không dính mắc, vẫn biết rằng việc thiện là điều tốt phải làm, việc ác là điều xấu phải tránh, nhưng nếu cứ dính mắc vào việc thiện thì tu hành chẳng thể mang lại kết quả mà chỉ được phúc thôi. Nếu còn dính mắc vào việc làm thiện thì tâm sẽ vướng víu vào việc làm thiện, ví như có ta bố thí, có người nhận, như vậy không thể nói là vô ngã được; dù có làm thiện phải coi như không làm không nhớ, không thấy việc làm ấy là quan trọng, do đó sẽ không vướng víu vào việc làm thiện nên tâm được an ổn và mới đạt được vô ngã đích thực và sẽ dẫn tới đạt quả Niết Bàn. Người đạt vô ngã ác pháp như ở trên đã nói chỉ đạt sơ quả mà thôi, khi nào vô ngã cả thiện lẫn ác mới đạt được quả vị Tứ Thiền, do đó điều nhận xét của tác giả Thông Lạc là lầm lẫn vậy.

\*

\* \*

## **V). THIỀN TÔNG GIỐNG NHƯ GỖ ĐÁ**

### **1./ Ngồi thiền không động, không nói nghĩ thì như gỗ đá**

#### **HÒA THƯỢNG THÍCH THÔNG LẠC VIẾT:**

*“Một người tọa thiền thân không động, miệng không nói và ý không tư duy thì giống như cây đá, đó là thiền của Đại Thừa và Thiền Đông Độ, ngược lại thiền định của Đạo Phật thân không hành ác, nhưng thân hành thiện, miệng không nói lời ác, nhưng miệng nói lời thiện, ý không suy nghĩ điều ác, nhưng ý suy nghĩ điều thiện; cho nên Đạo Phật không chấp nhận hành không, không chấp nhận hành ác, chỉ chấp nhận hành thiện. Vì vậy tu theo đạo Phật không trở thành cây đá, mà trở thành một con người hữu ích cho mình cho người, có nghĩa là không làm khổ mình khổ người, tạo cảnh sống thế gian thành cõi Cực Lạc, Thiên Đàng.....[trang 170 TCB 1]*

#### **PHẢN BIỆN:**

Nói rằng: “Một người tọa thiền thân không động, miệng không nói và ý không tư duy thì giống như cây đá, đó là thiền của Đại Thừa và Thiền

*Đông Độ*". Để giải thích, chúng ta tạm lấy 2 trường hợp tu khác nhau tiêu biểu trong nhiều lối tu của Thiền Tông hiện nay như dưới đây:

### **1). XẢ NIỆM THANH TỊNH ĐỊA:**

Niệm dấy lên liền buông bỏ, chúng ta có thể trích một đoạn trong bài “Phật Giáo Thiền Tông Thực Tế Đến Không Ngờ” của Hòa Thượng Thích Thanh Từ như sau:

“... Nói theo thứ bậc Tứ thiền, Sơ thiền gọi là Ly sanh hỷ lạc. Ly là lìa ngũ dục mà được vui. Nhị thiền gọi là Định sanh hỷ lạc, do tâm được an định, tự nhiên thấy vui; tâm yên thấy vui đó là định sanh hỷ lạc. Tiến lên tới Tam thiền gọi là Ly hỷ diệu lạc, nghĩa là ta bỏ cái vui của Ly sanh được cái vui của Định sanh; bây giờ cái vui của định cũng bỏ luôn, chỉ còn niềm vui nhẹ nhàng thăm thẳm bên trong gọi là Ly hỷ diệu lạc, vì vui thô mất đi chỉ còn vui tế nên gọi là diệu lạc. Tiến lên Tứ thiền gọi là Xả niệm thanh tịnh địa, tức buông niệm; niệm dấy lên liền buông, do buông niệm được yên nên gọi là Xả niệm thanh tịnh.

Tu theo thứ tự từng bậc thì như vậy. Cho nên người tu theo Thiền tông không nói cấp bậc gì cả, mà nhảy thẳng vào chỗ vô niệm, nghĩa là đi tắt ngang Xả niệm thanh tịnh. Như thế ngầm hiểu họ cũng trải qua các thứ lớp kia, nhưng không nói từng bậc chứng đắc.

Bởi Phật nói tu Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi phi tướng xứ là bốn loại thiền ngoại đạo, nếu không tiến lên Diệt thọ tướng định thì không thể nhập Niết-bàn được. Vì vậy Phật khuyên các thầy Tỳ-kheo không nên đi theo con đường Tứ không, mà ngang tới Tứ thiền tu qua Tứ Diệu đế, chứng Tứ quả Thanh văn thì tốt hơn.

Nói về Tứ không, trước tiên là Không vô biên xứ, đây là do hành giả dùng tưởng trống không, từ trống không nhỏ tới trống không lớn dần đến vô cùng vô tận, chứng đạt Không vô biên xứ. Bỏ cái không đó quay lại quán thức phân biệt của mình, biết thức phân biệt không có tướng mạo, từ phân biệt thân đến phân biệt tâm, cứ bủa ra khắp hết vô cùng vô tận, đạt được Thức vô biên xứ. Kế tiếp tưởng thân tâm không có gì hết, rỗng tuếch không chỗ nơi, chứng đạt Vô sở hữu xứ; dù tưởng rỗng tuếch vẫn còn là tưởng, nên tiến lên Phi tướng phi phi tướng, nghĩa là không có tướng mà không phải không tướng. Đến đây không còn tướng thô, tướng không, tướng thức mà có tướng vi tế tức tướng rỗng tuếch, còn cái tướng đó cũng phải bỏ, mới qua Diệt tận định; Diệt tận định còn gọi là Diệt thọ tướng định. Thọ tức là cảm giác của sáu căn đối với sáu trần, tướng là phần bên trong nội tâm; trong nội tâm thì lặng, ngoài đối với

sáu trần không dính, tới đây nhập Diệt thọ tướng định, chứng vô sanh tức quả A-la-hán.

Tu theo Thiền tông không mắc kẹt ở Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, mà đi thẳng vào Xả niệm thanh tịnh; Xả niệm thanh tịnh rồi lại tiếp tục tiến thẳng lên Diệt thọ tướng định, chớ không qua Tứ không. Như vậy chỉ một bước buông niệm là thẳng tới Diệt thọ tướng định; đó là tôi đối chiếu giữa Thiền tông với thiền Nguyên thủy, tu theo Tứ đế.

Trên đường tu nếu theo cấp bậc thì thấy được quả này, quả kia. Nhưng thấy “được” thì dễ mắc kẹt trong chứng đắc lắm, chấp bữa nay tôi chứng Sơ thiền rồi, tâm ngã mạn theo đó phát sanh. Còn tu thấy niệm dấy khởi liền bỏ, không nói chứng thì không có gì để chấp, nhờ thế tâm ngã mạn không phát sanh; khi nào các niệm lặng hết, muôn duyên bên ngoài không dính, nội tâm không kẹt, không động, đó là vô sanh, không nói Niết-bàn mà đã nhập trong Niết-bàn, đây là gốc của sự tu.

Thật ra cấp bậc đều là giả danh, cái hiểu, cái sống thực bên trong mới quan trọng, Phật vì phương tiện lập ta cấp bậc để chúng ta dễ tu, đó không phải là mục đích cứu kính; nhưng vì không hiểu, ta lại chấp phương tiện ấy là chân lý nên không nhận ra được chỗ chân thật đức Phật muốn chỉ bày. Lại chỗ chân thật ấy không có tướng mạo nên không thể chỉ thẳng, dùng ngôn ngữ người ta càng không biết do đó buộc lòng đức Phật phải dùng phương tiện nói quanh co; ai nhận được thì tu đúng với tông chỉ của Phật, đạt được kết quả viên mãn.

Thế nên: phương tiện chỉ giúp chúng ta trong một giai đoạn nào thôi, phải cố gắng tiến lên nữa đừng để mắc kẹt trong phương tiện; nếu chúng ta còn kẹt nơi chứng đắc là còn toan tính còn trông đợi, mà toan tính trông đợi thì tâm làm sao yên. Đi tới cứu kính thì phải hoàn toàn vắng lặng mọi suy tư phân biệt, tâm lặng lẽ thanh tịnh mới thể nhập được chỗ chân thật bất sanh bất diệt...”

Xem lời giảng của HT Thanh Từ như vậy thì tác giả Thông Lạc đã căn cứ vào những từ ngữ: “Vô niệm, buông niệm, thấy niệm khởi liền bỏ, các niệm lặng hết, muôn duyên bên ngoài không dính, nội tâm không kẹt, không động, hoàn toàn vắng lặng mọi suy tư phân biệt, v.v...” mà cho Thiền Tông là như gỗ đá thì tác giả Thông Lạc đã không nắm được ý chỉ tu theo Thiền Tông, vì tất cả chỉ là mục đích đạt vô ngã y như Thiền Nguyên Thủy không khác vậy.

Thiền Tông hành trì có khi như không hành, bởi vì hành là tâm hành chứ không phải là thân hành nên tưởng rằng không tu hành gì cả, Thiền

Tông không chấp nhận hành ác, chỉ chấp nhận hành thiện nhưng không bám vào sự chấp làm thiện. Vì vậy tu theo Thiền Tông không trở thành cây đá, mà trở thành một con người hữu ích cho mình và cho người.

## 2). THAM THIỀN:

Trong quyển Pháp Môn Đốn Ngộ của Toàn Không Đổ Đăng Tiến viết: “Phật và các vị Tổ-Sư truyền xuống đường lối tham thiền, nên được gọi là Tổ-Sư thiền, tham thiền được kết quả kiến-tánh gọi là đốn-ngộ; phương pháp tham thiền được đốn ngộ nên gọi là Pháp Môn Đốn Ngộ. Tham thiền cũng không nhất thiết hẳn là phải ngồi thiền, Lục-Tổ Huệ-Năng bên Trung-Hoa giảng: “Phải khi lao động (làm việc) mà tham được mới tốt”. Ngài nói: “Đạo do tâm ngộ, chứ không phải do ngồi, nói ngồi thiền tức là tâm ngồi, chứ không phải thân ngồi, nghĩa là đối với tất cả cảnh giới tâm niệm chẳng khởi gọi là ngồi, trong thấy tự-tánh chẳng động gọi là thiền”.

Có một số người không hiểu đã thực hành sai, bị Tổ Lâm-Tế quở trách như sau:

“Có một bọn người ăn cơm no rồi ngồi thiền quán hạnh, chụp bắt niệm lậu không cho sinh khởi, tránh ồn ào, cầu tĩnh lặng, ấy là pháp ngoại đạo. Tổ-Sư nói: “Nếu ông trụ tâm khán tịnh, cử tâm ngoại chiếu, nhiếp tâm nội trừng (trong lặng), ngưng tâm nhập định; người như thế đều là tạo tác”. Người nghe pháp này làm sao tu nó, chứng nó, trang nghiêm nó, nó vốn chẳng phải vật để cho tu, chẳng phải vật để trang nghiêm được; nếu bảo nó trang nghiêm ông được, thì tất cả vật đều được trang nghiêm. Sơn Tăng (tự xưng) nói hướng ngoài chẳng có pháp, học nhân không lĩnh (lĩnh) hội được bèn cho là hướng trong, rồi liền dựa vách ngồi trạm nhiên chẳng động; chấp lấy cái này là Phật pháp của Tổ môn, thực là sai lầm lớn. Nếu ông chấp lấy cảnh thanh tịnh bất động là đúng, như vậy là ông nhận cái vô minh là chúa tể; người xưa nói: “Chỗ hầm sâu đen tối mịt mù thật đáng ghê sợ” là lý này vậy”.

### 1. Thế nào là tham câu thoại đầu?

Chữ tham tức là nghi, nghi là thắc mắc không hiểu, một việc đã hiểu rồi thì hết nghi, cho nên tham thiền rất chú trọng cái nghi, cũng gọi là nghi tình; muốn khởi lên cái nghi tình này phải nhờ câu hỏi không hiểu nổi, tức là phải nhờ câu thoại đầu, gọi là tham câu thoại đầu. Có nghi tình mới được gọi là tham thiền như: “sinh từ đâu đến (?)”, chẳng thể không nghi chỗ đến, “tử đi về đâu (?)”, chẳng thể không nghi chỗ đi; cái nghi tình này ắt phải phát sinh.

Cũng như tham câu: “Khi chưa có trời đất, ta là gì?” Có biết ta là gì không (?), mờ mịt chẳng hiểu, chẳng biết mình là gì; muốn biết rõ mình mà không biết được thì phải sinh khởi thắc mắc: tại sao muốn biết mà hiểu không được. Lúc ấy hỏi thầm trong bụng “Ta là gì?”, cảm thấy không hiểu thì đáp không ra, đáp không ra thì càng thấy thắc mắc nên trong tâm càng sinh thắc mắc nhiều hơn, đó gọi là nghi tình; có nghi tình tức là tham thiền vậy.

Thiền-Sư Lai-Quả nói:

“Nghi người, nghi vật, nói chung là nghi pháp là hồ nghi, còn cái nghi này (nghi chính mình) tức là công phu tham thiền cũng gọi là chánh nghi vậy”.

Khi ta không hiểu biết nổi, từ đó cứ thắc mắc, cứ thế mà hỏi, tức là có nghi tình, cứ thế mà hỏi mãi, càng hỏi càng thắc mắc, ấy là phát nghi tình; Thiền Tông dùng cách tham hay tham thiền một câu hay một chữ không hiểu để làm cái búa tạ đập bộ óc vô minh gọi là tham thoại đầu.

Ngài Hư-Vân cho thí dụ:

“Thoại đầu là cây gậy, nghi tình là đi, như người cụt chân muốn đi phải nhờ cây gậy, cũng như muốn khởi nghi tình phải nhờ câu thoại đầu vậy”.

## **2. Một số câu thoại đầu tiêu biểu:**

Sau đây là vài câu thoại đầu tiêu biểu, người tham thiền phải cân nhắc cho kỹ trước khi chọn một câu cho mình thực hành, nên nhớ là khi đã chọn và thực hành rồi thì không được đổi sang câu khác.

- 1- Khi chưa có trời đất, ta là gì?
- 2- Khi cha mẹ chưa sinh, bản-lai ta ra sao?
- 3- Chẳng phải tâm, chẳng phải vật, chẳng phải Phật, là gì?
- 4- Chủ nhân thân ta là ai và bây giờ ở chỗ nào?

Câu thoại là câu tự hỏi chính mình, có hỏi phải có đáp, đáp không được thì càng thắc mắc, thắc mắc nhiều gọi là đại nghi tình; hỏi lần đầu đáp không được, hỏi lần thứ hai thứ ba, cứ tiếp tục hỏi mãi ngày đêm không ngừng. Bất cứ khi đi đứng nằm ngồi, đang làm việc tay chân hay trí óc, khi đi bộ, đi xe, ăn cơm, uống nước, đi tiêu, đi tiểu, v.v..., đều phải tiếp tục hỏi hoài, hỏi mãi không giây phút nào để gián đoạn.

Người mới tham thiền đạt đến thoại đầu sẽ đạt đến chỗ tự tại, sẽ được giải thoát tất cả, tức minh-tâm kiến-tánh; người đã đốn-ngộ triệt để trở thành bậc Thánh ngay khi còn sống, chứ không cần chờ tới khi chết, vì người ấy biết hết, hiểu trọn mọi việc.

Xem cách tu Tham Thiền như thế mà tác giả Thông Lạc bảo Thiền Đông Độ là gỗ đá thì rõ ràng là hồ đồ không hiểu về Đông độ Thiền.

\*  
\* \*

## ĐỨC PHẬT DẠY:

**Không lỗi tưởng là có lỗi, có lỗi lại tưởng không lỗi; người ôm ấp tà kiến như thế, địa ngục khó tránh khỏi.**

**Có lỗi biết có lỗi, không lỗi biết không lỗi; người giữ tâm chính kiến như thế, đường lành chẳng còn xa.**

## VI). THIÊN TÔNG LÀ PHÁT TRIỂN TƯỞNG TUỆ

### TRƯỞNG LÃO THÍCH THÔNG LẠC VIẾT:

*“Muốn triển khai Minh trí tuệ, các nhà Đại thừa và thiền Đông Độ dùng pháp hành ức chế niệm thiện niệm ác, cho tâm không niệm thiện niệm ác là định và do tâm định thì phát tuệ (chẳng niệm thiện niệm ác bản lai diện mục hiện tiền), bản lai diện mục hiện tiền là Phật Tánh, mà Phật Tánh là tánh giác, tánh giác tức là trí tuệ. Do những pháp hành tu để triển khai trí tuệ, họ đã lầm, không ngờ đường tu tập ấy lại khai mở tưởng tuệ; khi tưởng tuệ được khai mở thì lý luận của các nhà Đại thừa siêu việt tưởng, nên không tôn giáo nào tranh luận hơn được, nhất là lý Bát Nhã của Đại Thừa. Do lý luận siêu việt tưởng Bát Nhã nên nó đã phá luôn Phật Giáo chính gốc (vô khổ, tập, diệt, đạo). (ĐVXP-Tập 6)*

### PHẢN BIỆN:

**1). Nói rằng:** “Lối tu tập chẳng niệm thiện chẳng niệm ác là pháp hành ức chế niệm thiện niệm ác, là khai mở tưởng tuệ” là lầm lẫn lớn; vì sao? Vì Phật dạy muốn giác ngộ giải thoát cũng như muốn kiến tánh đốn ngộ phải vô ngã, Thiên Tông khi tu thấy niệm dấy khởi liền bỏ, khi nào các niệm lặng hết, mọi suy tư phân biệt hoàn toàn vắng lặng, muôn duyên bên ngoài không dính, nội tâm không kẹt, không động, tâm lặng lẽ thanh

tịnh mới thể nhập được chỗ chân thật bất sinh bất diệt, đây là gốc của sự tu theo Hòa Thượng Thích Thanh Từ.

Còn pháp môn tham thiền tức là tham câu thoại đầu còn gọi là tham khán câu thoại đầu, hoặc tham khán công án, tức là vừa hỏi vừa nhìn ngay chỗ không hiểu không biết ấy; tức là không cần phải dẹp bỏ muôn niệm thiện ác, chỉ chăm chú một niệm tham thoại đầu, nếu được miên mật rồi thì không còn kẽ hở cho bất cứ niệm thiện hay ác nào khởi lên nữa.

Thực ra: khi tham thoại đầu có nghi tình và miên mật, nó tự động chấm dứt tất cả cái biết của bộ óc, tại sao phải chấm dứt cái biết của bộ óc? Tại vì: cái biết của bộ óc là tướng bệnh, là cái biết không chân thật, cũng thuộc cái biết của người ngủ mơ, cái biết của người mù sờ voi, không thật. Người đạt đến thoại đầu sẽ đạt đến chỗ tự tại, sẽ được giải thoát tất cả, tức minh-tâm kiến-tánh và ra khỏi vòng sinh tử luân hồi, nghĩa là hết kiếp hiện tại sẽ nhập Niết-bàn, hay thung dung đến sáu cõi để cứu độ chúng-sanh đều tùy ý muốn.

Bằng những cách tu của Thiền Tông nêu trên, hành giả đạt giải thoát và lúc đó Phật tánh sẽ hiện ra, người tu Thiền Đông Độ trở thành người siêu việt nên không ai tranh cãi được với người đã giải thoát, chứ chẳng phải khai mở Tướng tuệ như tác giả Thông Lạc lầm tưởng đâu. Vì không còn có tướng ở trong tâm thì làm sao khai mở được tướng tuệ, một danh từ lạ vì tướng là tư tướng của phàm phu, còn tuệ là trí tuệ là phát huệ của bậc thánh, hai thứ khác nhau, chúng ta không nên ghép chung làm một, vì cưỡng đặt danh từ này là rắc thêm râu, râu ông nọ cắm cằm bà kia không đúng chỗ.

**2). Nói rằng:** *"Do lý luận siêu việt tướng Bát Nhã nên nó đã phá luôn Phật Giáo chính gốc (vô khổ, tập, diệt, đạo). (ĐVXP-Tập 6)"* thì không đúng, vì căn bản của Phật giáo vẫn là Khổ Tập Diệt Đạo không thể chối cãi, nhưng tiến lên tầng cao thì cái Khổ coi như không còn nữa vì người tu coi cái Khổ không nghĩa lý, nó chỉ là giả có, không thật, ngay cả cái vui cũng như không, nghĩa là vui sướng buồn khổ không dính mắc không chấp chặt vào thân tâm, nếu hành trì được như vậy là đạt đến vô ngã.

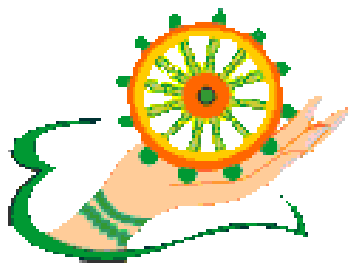
Nói đến Bát Nhã Tâm Kinh, là nói đến chữ Tâm, Kinh Hoa Nghiêm nói lên ý này là: "Nhất Thiết Duy Tâm Tạo", vũ trụ vạn hữu và vạn vô, tất cả đều là Tâm, Tâm bao gồm hư không pháp giới gọi là "Bản Tâm", bản tâm tức là Tự tánh, Tự tánh là Bất Nhị (không hai). Hư không pháp giới tức là Tâm, Tâm tức là hư không pháp giới, chẳng phải là hai cái, không có khác biệt, như vậy mới đúng với cái nghĩa Bất Nhị của Tự tánh.



Tâm Kinh muốn làm cho tất cả muôn ngàn cái tâm sai biệt của chúng ta đều đạt đến chỗ hoàn toàn không sai biệt, hồi phục lại cái Bất Nhị của Tự tánh, cho nên Kinh này dạy chúng ta y theo đó mà thực hành để đạt đến chỗ Bất Nhất Bất Nhị, chỗ hoàn toàn không có sai biệt. Tâm Kinh dạy chúng ta phá chấp tất cả, phá từng thứ lớp, phá tới không còn gì để phá nữa, kết quả được Kiến Tánh, biết rõ được chính mình, đạt đến tự do tự tại, cũng là đạt đến bờ bên kia (Ba La Mật) vậy.

Tâm Kinh dạy phá sạch hết mọi thứ như: Không có sắc, thọ, tưởng, hành, thức; không có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; không có sắc, thanh, hương vị, xúc, pháp; không có nhân thức giới, cho đến ý thức giới. Không có vô minh, cũng không có hết vô minh, cho đến không có già chết, cũng không có hết già chết; không có khổ, tập, diệt, đạo; không có trí huệ, không có chứng đắc, cũng không có chỗ được. Khi đã phá chấp hết mọi thứ sạch không còn dấu vết nào nữa sẽ đạt tới cứu cánh Niết Bàn; ba đời chư Phật y theo Bát Nhã Ba La Mật Đa, đều được đạo quả Bồ Đề.

Vì thế cho nên nói: *“tu tập (Bát Nhã Tâm Kinh) ấy lại khai mở tướng tuệ; khi tướng tuệ được khai mở thì lý luận của các nhà Đại thừa siêu việt tướng, nên không tôn giáo nào tranh luận hơn được, nhất là lý Bát Nhã của Đại Thừa. Do lý luận siêu việt tướng Bát Nhã nên nó đã phá luôn Phật Giáo chính gốc”* là không đứng vững vì Tâm Kinh phá mọi kiến chấp của con người thì làm gì còn Thọ Tưởng Hành Thức nữa. Tác giả Thông Lạc đã cố gán ghép cho Bát Nhã Tâm Kinh một trọng tội là tiêu diệt Phật giáo chính gốc, sự thật lý Bát Nhã của Phật giáo Bắc truyền không tiêu diệt Phật giáo Nguyên Thủy, Nguyên Thủy vẫn là căn bản, nhưng Bắc truyền hành trì ở một tầng bậc cao hơn mau hơn nhưng kết quả vẫn như kết quả của Nam Truyền vậy thôi.



## **VII). THIỀN TÔNG ƯC CHẾ Ý THỨC LÀ HÍ LUẬN**

### **1). Thiền tông ức chế ý thức, đó là định ngoại đạo**

## HÒA THƯỢNG THÔNG LẠC VIẾT:

*“Cái sai thứ nhất của kinh sách Phát Triển và Thiền Tông là: Khi tâm hết vọng tưởng do sự tập trung ức chế ý thức mà cho là định thì định đó không phải là định của Đạo Phật, mà là định của ngoại đạo”.*

## PHẢN BIỆN:

Như đã chứng minh ở phần đầu, ở đây chúng ta có thể trích một đoạn trong bài “Bà La Môn Giáo và Triết học Phật Giáo” của Như Thị để dẫn chứng sự khác biệt giữa Bà La Môn và Phật giáo Bắc truyền như sau:

“Bà-la-môn giáo cho rằng cuộc đời này là sự giả tạm và đau khổ, bởi thế sự giải thoát chính là cần thiết nhất mà tất cả các thể hệ tư tưởng Ấn Độ đều nỗ lực tìm kiếm; đối với họ, sự giải thoát chính là sự trở về với bản thể Phạm Thiên, nhưng tại sao phải trở về? Bởi vì tiểu ngã Atman đã ngày càng đi ra khỏi những quy luật của Đấng sáng tạo Phạm Thiên. Nguyên nhân là do linh hồn đã bị vô minh dục vọng làm ô nhiễm để rồi bị trôi lặn trong sanh tử luân hồi không bao giờ trở về được nữa; muốn diệt dục vọng, vô minh không gì khác hơn là dùng thiền Yoga để đạt được những trạng thái thiền định.

Chính trạng thái thiền định này giúp cho người Bà-la-môn hạn chế tới mức thấp nhất những ảnh hưởng của Ý thức, cái mà họ cho rằng chính nó là nguyên nhân của sự phân biệt đối đãi, vô minh, ham muốn... Bởi thế, Bà-la-môn giáo chủ trương dùng trí tuệ đạt được bằng cách thể nhập các loại định Yoga để loại bỏ sự kiềm tỏa của Ý thức, lúc đó sự giải thoát mới có thể được xảy ra và bản ngã hoàn toàn được thể nhập vào đại ngã Brahman.

Một ảnh dụ thường được các Bà-la-môn dùng để ám chỉ điều này là sự không mộng mị của một giấc ngủ; câu chuyện giữa Indra và Prajapati trong Upanisads kể lại trong một lần đối đáp, Prajapati đã trả lời câu hỏi của Indra rằng, người được hưởng giấc ngủ say không mộng mị là bản ngã. Trong Bà-la-môn giáo, Chândogya Upanisads đã phải dùng đến câu chuyện giữa Prajapati và Indra; câu chuyện này đề cập đến 4 giai đoạn thể nghiệm Atman của Indra, bốn giai đoạn đó là:

Thức (Vishva)

Mộng (Taijasa)

Ngủ say không mộng (Pràjna)

Ý thức tâm linh (Turiya)

Với sự hoàn tất cả bốn giai đoạn trên, người Bà-la-môn có thể được đồng nhất Atman với Brahman đồng thời tận hưởng hạnh phúc của sự vĩnh hằng; đây là thực tại theo Bà-la-môn giáo.

Còn đối với Phật giáo, phạm trù giải thoát bao gồm: đối tượng để giải thoát và phương pháp:

### **1. Đối tượng để giải thoát:**

Về đối tượng, Phật giáo đồng ý với Bà-la-môn giáo khi cho rằng cuộc đời của con người là đau khổ, và nỗi khổ này không có nguyên nhân nào khác ngoài vô minh, ái dục. Muốn hết khổ thì phải loại bỏ những nguyên nhân ấy, tuy nhiên, quan điểm về vô minh của Phật giáo khác với Bà-la-môn giáo ở chỗ: nếu Bà-la-môn cho rằng vô minh là do mối quan hệ giữa Ý thức và cảm giác hiện tượng quá sâu đậm dẫn đến sự mê đắm mà đánh mất tính chất thanh cao của Bản ngã nên bị luân hồi sanh tử, thì Phật giáo lại cho rằng “Bất tri Đệ nhất nghĩa đế vị chi vô minh” (không liễu tri được Đệ nhất nghĩa đế là vô minh)

Theo Phật giáo Nam truyền giải thích, vô minh là không liễu tri được Tứ Đế, còn Bắc truyền Phật giáo thì cho rằng không giác ngộ được bản chất như thật của các pháp gọi là vô minh. Bản chất như thật ở đây tức là bản chất không thật tánh của các pháp và Phật tánh viên dung của chúng sanh. Và Phật giáo cho rằng muốn giải thoát thì trước hết phải liễu tri được Đệ nhất nghĩa đế ấy, cho nên đối tượng giải thoát tất nhiên là con người, nhưng đi sâu vào nội dung thì Bà-la-môn giáo chú trọng ở vấn đề đưa bản ngã con người ra khỏi tầm ảnh hưởng của Ý thức, còn Phật giáo thì lại phát triển Ý thức lên đỉnh điểm của nhận thức, tức là Diệu Quan Sát Trí để chuyển hóa tâm thức và giác ngộ thật tánh các pháp.

### **2. Phương pháp giải thoát**

Do hướng đến sự thể nhập của bản ngã vào Đại ngã làm đối tượng nên các phương pháp của Bà-la-môn giáo để tiếp cận bao gồm thực hành các lễ nghi, nghiên cứu Veda và thực hành Yoga với mục đích hạn chế Ý thức để đạt được giải thoát. Trong khi đó, Phật giáo Bắc truyền lại cho rằng giác ngộ được các pháp như thật “nó đang là” mới được gọi là giải thoát; điều này đã được đức Phật dạy rằng: “Yah pratītyasamutpādam pāsyati so dharmam pāsyati, yo dharmam pāsyati so buddham pāsyati” (Ai thấy lý Duyên khởi, người ấy thấy Pháp; ai thấy Pháp, người ấy thấy Phật). Bởi vậy, trong Phật giáo, các pháp môn, dù là lễ bái, dù là niệm Phật, hay tọa thiền, đả thất,... tất cả đều lấy việc việc nâng cao sự nhận thức của tâm thức lên đến tột đỉnh của sự giác ngộ; nói khác hơn, tất cả chỉ vì hoàn thiện tính năng tự hoạt của tâm, mà một trong các đại diện của cái tâm ấy là Ý thức.

Tóm lại: Thiền Yoga là lối tu có trước đức Phật từ lâu, các đạo sĩ sống nơi hoang vắng, xa lánh sự ồn náo của thế gian, tu luyện lối sống minh triết đặc biệt; thiền Yoga có hai phái khác nhau:

- Hatha Yoga: Chuyên luyện tập thân thể chịu đựng dẻo dai, quyết chí bền vững với thời gian, mong được sống khỏe, sống lâu.
- Raja Yoga: Luyện tập ý chí trở thành năng lực thông tuệ, đem Tiểu ngã Atman hòa nhập vào Đại ngã Brahman”.

Dĩ nhiên Bà La Môn khi đạt đạo của họ chỉ có 5 thần thông, nhưng không có lậu tận thông như 6 thần thông giải thoát của Đạo Phật; xem như thế mà bảo rằng “ức chế ý thức và cái định của Phật giáo Bắc truyền là cái định của ngoại đạo” là không chính xác.

## 2). Hết vọng phát sinh trí tuệ, thực sự là tướng tri

**TRƯỞNG LÃO THÔNG LẠC VIẾT:** *“Cái sai thứ hai là: Trong chỗ hết vọng phát sanh sự hiểu biết, mọi người đều làm tướng mà cho sự hiểu biết đó là trí tuệ; sự thật đó là tướng tri chứ không phải trí tuệ. Đức Phật đã xác định trí tuệ ở đâu thì giới luật ở đó, mà giới luật tức là đức hạnh, cho nên người có đức hạnh là người có trí tuệ, người có trí tuệ là người có đức hạnh”.*

### PHẢN BIỆN:

**1. HT TTH nói rằng:** *“Trong chỗ hết vọng phát sanh sự hiểu biết, mọi người đều làm tướng mà cho sự hiểu biết đó là trí tuệ; sự thật đó là tướng tri chứ không phải trí tuệ”.* Vấn đề này đã chứng minh bác bỏ ở phản biện thứ sáu ở trên khi luận bàn về Tướng tuệ, ở đây tác giả Thông Lạc lại đề ra một danh từ mới nữa là tướng tri; Tướng tri là cái biết của tư tướng, vẫn thuộc lãnh vực phàm phu, nên không thể đạt giải thoát được. Sự thực thì theo Bắc truyền, thân người gồm có thân và tâm, thân là sắc, tâm là thọ tướng hành thức; tất cả sắc thọ tướng hành thức phải không còn được chấp thật nữa mới gọi là vô ngã, muốn vậy hành giả phải quán sát thân tâm là vô ngã.

Thân là sắc do tứ đại, đất là của đất, nước là của nước, gió là của gió, lửa là của lửa chứ đâu có cái nào là của Ta; Tâm gồm Thọ Tướng Hành Thức. Thọ là cảm thọ lúc cảm thọ vui lúc cảm thọ buồn lúc cảm thọ không vui không buồn, không cố định lúc có lúc không như thế thì làm sao bảo Thọ là Ta được, vì cái Ta trường tồn bất biến. Tướng là nghĩ nhớ cái nọ cái kia, khi nghĩ nhớ khi không nên không thể bảo Tướng là Ta được vì cái Ta trường tồn bất biến.

Hành là suy nghĩ tạo tác, khi có hành khi không hành chẳng phải thường hành, nên cũng chẳng thể là Ta; Thức là ý thức phân biệt cũng vậy khi có phân biệt khi không, nên chẳng thể là cái Ta bất biến, do đó cả Thân và Tâm đều không phải là Ta nên vô ngã. Nếu sự quán chiếu đến thuần thực rồi, hành giả sẽ được giác ngộ kiến tánh, nghĩa là khi không còn một tí nào dính mắc chấp chặt vào Thân và Tâm nữa tức là chẳng còn niệm thiện niệm ác thì được giải thoát, và khi đã được giải thoát rồi thì làm gì có tướng tri hay tướng biết nữa.

**2. TL TTH nói rằng:** “Đức Phật đã xác định trí tuệ ở đâu thì giới luật ở đó, mà giới luật tức là đức hạnh, cho nên người có đức hạnh là người có trí tuệ, người có trí tuệ là người có đức hạnh”. Người có giới hạnh đầy đủ thì sẽ có trí tuệ, đó là đối với Nguyên Thủy, còn đối với Bắc truyền thì đức Phật nói tới hai loại trí, chúng ta trích một đoạn của bài Trí Tuệ trong quyển Phật Giáo Căn Bản của Toàn Không Đỗ Đăng Tiến như sau:

- **Căn bản trí:** Là giác tính minh diệu mà mọi chúng sanh đều có sẵn, nhưng bị vô minh che lấp nên chưa xuất hiện, bị đủ thứ thói hư tật xấu như tham sân si mạn nghi v.v... vùi dập; thí dụ như chất vàng lẫn trong quặng đất sỏi đá, như mặt trời bị che bởi sương mù về mùa đông nên chẳng thể hiển lộ được.

- **Hậu đắc trí:** Là trí huệ có được nhờ công phu tu tập, ví như vàng đã được lọc luyện từ quặng đất sỏi, vàng không còn lẫn lộn với bất cứ chất gì khác; người tu hành đến khi hết vô minh phiền não, trí huệ hiện ra.

Tuy phân ra hai loại nhưng chỉ là một, cũng như một thứ vàng, sau khi tu đạt hậu đắc trí tức trí huệ hiện; tất cả những ai tu muốn có trí huệ đều phải giữ Giới là lẽ đương nhiên, nhưng giữ Giới không thôi mà không tu hành gì cả thì giữ giới cả đời cũng chưa chắc đã có trí huệ, bởi vì chuyện đời như màng nhện như sỏi đất luôn luôn quán quýt làm dơ bẩn con người. Khi gỡ được màng nhện này thì màng nhện kia dính vào, khi rửa được thân sạch thì miệng dơ, khi rửa được miệng sạch thì ý nhiễm sự đời, trăm nghìn thứ giữ sao cho trọn vẹn để phát sinh trí tuệ đây nếu không tu?

- **Nguồn gốc trí huệ:** Do chữ Nam Phạn (Pali) “Panna” chữ Bắc Phạn (Sancrit) “prajna”; người Trí Huệ hiểu rõ sự lý cùng tột, là trực nhận tánh không, là giác ngộ, là “Trí biết tực đế, Huệ thông chân đế”. Có thể nói Trí là thể tính sáng suốt trong sạch, Huệ là cái sáng chiếu soi, Trí Huệ rộng lớn (Ba La Mật) là thể tính sáng suốt soi sáng một cách tinh tường không thể nhầm lẫn; trí huệ là sự hiểu biết siêu việt cùng tột, là giải thoát.

- **Làm sao có trí huệ?**

Muốn có trí huệ, đức Phật đã dạy tám vạn bốn nghìn pháp môn tu, người Phật tử có thể chọn bất cứ pháp môn nào thích hợp với mình để tu hành, đều có thể đạt được trí huệ tức là giải thoát. Tuy nhiên, căn cứ duy thức học, sau khi tu theo duy thức, các thức được chuyển biến thành các trí, khi hành giả đạt trí huệ sẽ có bốn trí như sau:

**a. Thành sở tác trí:** Năm thức Nhãn, Nhĩ, Tị, Thiệt, Thân trở thành trong sạch không còn một tí gì bợn nhơ của năm trần là Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, nghĩa là không còn vẩn đục bởi phàm trần. Tâm hành giả: như hồ nước trong lặng không gợn sóng, lúc đó năm thức biến thành “Thành sở tác trí”; nghĩa là năm giác quan của chúng ta trở thành có năng lực thần diệu kỳ bí, chứ không còn là giác quan của kẻ phàm phu chỉ nhận biết một cách hạn hẹp mà thôi.

**b. Diệu quan sát trí:** Thức thứ sáu, là ý thức là thức góp ý nhận biết cho năm thức nêu trên, thức này làm việc suốt ngày đêm không ngưng nghỉ. Ban ngày suy nghĩ tưởng nhớ hết việc này qua chuyện khác, lo lắng buồn khổ, hân hoan sung sướng v.v..., ban đêm khi ngủ mộng mơ đủ cả. Khi tâm viên ý mã (tâm ý như khỉ ngựa) ấy đã được cột lại một chỗ hết đường cựa quậy qua sự tu hành rồi, thức này chuyển thành “Diệu quan sát trí” có công năng quan sát thâm diệu cùng khắp.

**c. Bình đẳng tính trí:** Thức thứ bảy Mạt Na là thức tự ý thức về chính mình, ô nhiễm cho rằng mình có một cái ta, Mạt Na phân biệt chủ thể khách thể tạo nên ý thức nhị nguyên chấp ngã (ta) nhân (người) chúng sanh (muôn loài). Năm giác quan cùng ý thức báo cho Mạt Na thông tin từ bên ngoài không hề đánh giá tốt xấu, chính Mạt Na là kẻ đánh giá phải trái hay dở tốt xấu v.v..., và ra lệnh cho sáu thức kia phản ứng hành động, đồng thời Mạt Na lại đưa tất cả các cảm giác (chủng tử) vào A Lại Da là thức thứ tám. Khi tu hành phá vỡ tan tành chấp tướng ngã nhân chúng sanh thọ giả (cảm giác) của Mạt Na thì nó chuyển thành “Bình đẳng tánh trí”, nghĩa là trí huệ này có năng lực nhận thức chân thật về tính bình đẳng vô ngã trong muôn pháp.

**d. Đại Viên cảnh trí:** Khi cảm giác của tất cả các hoạt động của năm căn và ý được Mạt Na đưa vào A Lại Da, thức này có nhiệm vụ giữ gìn tất cả các tin tức ấy, gọi là chấp trì sinh mạng chủng tử. Khi tu hành đạt đến địa vị vô lậu (không còn ô nhiễm), thức này chuyển thành “Đại Viên cảnh trí”, tức là thành cái trí huệ sáng suốt trong sạch như chiếc gương khổng lồ tròn đầy trong sạch soi chiếu cùng khắp, tương ứng cho chân như Phật tánh.

Tóm lại trong khi tu, hành giả Bắc truyền vẫn phải tuân hành giới luật triệt để chứ không phải là không có đạo hạnh như tác giả Thông Lạc đã lầm tưởng đâu.

### 3). Thiền sư hý luận, nói đông nói tây, la hét chỉ trỏ

#### HÒA THƯỢNG THÔNG LẠC VIẾT:

*“Trí tuệ hiểu biết những tướng pháp như hiểu biết trong kinh sách Đại Thừa và các công án của Thiền Đông Độ là tướng tuệ; sự hiểu biết đó không ích lợi cho mình cho người, sự hiểu biết đó chỉ là một hý luận. Từ xưa đến giờ các thiền sư dựng lên trò hý luận công án nói Đông trả lời Tây, nói Nam trả lời Bắc và còn hơn thế nữa là la, hét, chỉ, trỏ, v.v...(ĐVXP-Tập 8)”*

#### PHẢN BIỆN:

**1. Tác giả Thông Lạc viết: “Thiền Đông Độ là tướng tuệ”.** Như đã phân tích phản biện trong các phần ở trên, tác giả Thông Lạc cho là Tướng tuệ là không đúng: Tướng là tư tướng thuộc lãnh vực phàm phu, Tuệ là trí tuệ là phát huệ đưa đến bậc thánh, hai thứ khác nhau, không nên lầm lẫn tư tướng với trí tuệ, cũng không nên ghép chung tướng với tuệ để nói tướng tuệ, mà phải nói là người tu đạt được trí Tuệ, khi đã đạt được trí tuệ thì không thể bảo rằng sự hiểu biết của Thiền Sư là hý luận. Các cách hét la, đánh đập, chỉ trỏ, hỏi Đông trả lời Tây, hỏi nam trả lời Bắc v.v... chỉ là phương tiện thiện xảo của Thiền Sư để đưa hành giả mau đốn ngộ giải thoát khỏi sinh tử luân hồi mà thôi; những cách hành xử như thế đều không khác khi đức Phật đưa lên cành hoa nơi Hội Linh Sơn, Ngài Đại Ca Diếp nhìn thấy đã mỉm cười và được đức Phật ấn chứng ngộ đạo. Chúng ta nêu ra vài trường hợp kỳ đặc của Thiền sư như sau:

#### 2. Thiện xảo của Thiền Sư:

Trong Thiền Thất từ 20-10-1993 đến 26-10-1993 tại Từ Ân Thiền Đường, Việt Nam, một vị Tăng hỏi Hòa Thượng Thích Duy Lực:

Hỏi: Vừa rồi con có nhập thất, khi công phu xong, con ra ngắm trăng, tự nhiên trong tâm lưu xuất năm câu “Sống diên đảo, nói diên đảo, ăn diên đảo, nghĩ diên đảo, tướng diên đảo,” con không biết đó là cái gì?

Đáp: Dẫu cho lưu xuất đúng với Chơn như Phật tánh cũng là vọng, đừng biết tới, nếu khởi lên cái biết, Thiền tông gọi là “cửa của tất cả tai họa.

“Tổ Sư Thiền là dùng cái không biết để tu, giữ cái nghi để đưa đến kiến tánh, khi kiến tánh sẽ biết hết”; nay có biết tức chướng ngại cho sự tu,



nên nói chữ TRI là cửa tai họa. Ví như ngày trước bên Trung Hoa Hòa Thượng Thủy Lạp, bình thường đã có công phu nhưng chưa ngộ, ông xin yết kiến ngài Mã Tổ để trình công phu, khi vừa bước chân vào, ngài Mã Tổ nói:

- Đánh lễ đi!

Thượng Tọa Thủy Lạp đang lạy xuống bị ngài Mã Tổ đạp nhào một cái liền ngộ; ấy là thành linh chặn đứng sự suy nghĩ phân biệt, Ý thức của chúng ta như nguồn suối, ngày đêm chảy xiết, nên cái biết của Phật tánh chẳng thể hiện ra được; khi thành linh bị chặn đứng thì Phật tánh liền hiện, khỏi cần hỏi nữa, mới biết thủ đoạn của Tổ sư.

Ví như: ngài Huỳnh Bá bảo nhiệm sau khi ngộ (tìm cách chứng tỏ mình đã ngộ), người khác thì nhập thất để bảo nhiệm (gặp vị đã ngộ rồi chứng cho mình đã ngộ), còn ngài lại đi vào một ngôi chùa làm công quả, ai sai việc gì làm việc nấy.

Một hôm, Thừa tướng Bùi Hưu (là người có tham thiền) đến viếng chùa, thấy trên vách vẽ một vị cao Tăng, hỏi người chủ chùa:

- Đây là hình tượng của ai?

- Đó là một vị cao Tăng.

- Hình vẽ đây rồi, còn cao Tăng ở đâu?

Chủ chùa im lặng không trả lời; Bùi Tướng quốc hỏi:

- Chùa này có Thiền sư không?

Đáp: Có một vị mới đến mấy hôm, đang làm công quả, xem cử chỉ thì giống Thiền sư.

- Vậy thì mời Sư đó ra.

Gặp Hoàng Bá, Tướng quốc hỏi:

- Hồi nãy tôi thấy bức tranh này, hỏi Chủ chùa, nhưng ngài lại tiếc lời dạy bảo, chẳng biết Sư có thể chỉ dạy không?

- Xin hỏi.

- Hình tượng ở đây, còn cao Tăng đâu?

Hoàng Bá la lên gọi: Bùi Hưu!

Bùi Hưu đáp: Dạ.

- Ở đâu?

Bùi Tướng quốc liền ngộ, khen rằng: “Thật là Thiền sư!” bèn mời về phủ cúng dường, và lễ Ngài làm thầy. Cho nên, Phật pháp chẳng phải do học, chỉ có Thiền sư kiến tánh rồi mới có cơ xảo đó, khiến người khai ngộ. Nếu người chưa kiến tánh, cứ theo lời nói để trả lời thì làm sao ngộ được; nay quý vị hỏi mà tôi trả lời là muốn khiến cho tin tụt tâm đầy đủ, cứ giữ mãi nghi tình sau này sẽ ngộ.

Xem hai thí dụ kể trên mà cho là: “*sự hiểu biết đó không ích lợi cho mình cho người, sự hiểu biết đó chỉ là một hý luận. Từ xưa đến giờ các thiền sư dựng lên trò hý luận công án nói Đông trả lời Tây, nói Nam trả lời Bắc và còn hơn thế nữa là la, hét, chỉ, trỏ, v.v...*” thì thật là làm lẩn tai hại đối với Thiền Tông và oan cho thiện xảo của chư Thiền sư đã moi gan tim óc mình ra để hướng dẫn chỉ bảo người học đạt mục đích tối thượng mà có người không hiểu đã nhục mạ Thiền sư là hý luận thì thật là không có lời nào nặng bằng!

\*  
\* \*

## **PHẬT PHÁP BỔ ÍCH:**

Người Phật Tử nên tin theo những giáo lý của Phật, vì Kinh Phật ví như mật, ăn mật giữa bát hay chung quanh bát mật đều ngọt cả.



## **VIII). KINH KIM CANG LÀ HÍ LUẬN**

### **TRƯỞNG LÃO THÍCH THÔNG LẠC VIẾT:**

*“Đọc suốt bộ kinh Kim Cang ta không thấy có một pháp hành nào cả, chỉ toàn là hý luận lý thuyết suông. Cho nên nói được nhưng chưa có ai làm được như trong kinh này, Kinh này từ xưa đến nay đã cho chúng ta ăn toàn thứ bánh vẽ...(ĐVXP-Tập 8)”*

### **PHẢN BIỆN:**

## 1). Kim Kim Cang không có pháp hành, toàn là hý luận xuông

**HÒA THƯỢNG THÔNG LẠC VIẾT:** “Đọc suốt bộ kinh Kim Cang ta không thấy một pháp hành nào cả, chỉ toàn là hý luận lý thuyết suông” là không tìm hiểu kỹ càng, vì các kinh Bắc truyền phần nhiều đều là Kinh liễu nghĩa, người đọc kinh Kim Cang mà hiểu được ý nghĩa trọn vẹn thì rất dễ để theo đó áp dụng hành trì; nếu người đọc không nắm vững được ý Kinh thì làm sao biết áp dụng hành theo, nên tưởng rằng chỉ có lý thuyết suông.

Thật ra Kinh Kim Cang (hay Kim Cương), tên đầy đủ là Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Đa (Vajracchedika-prajñāparamita), từ tiếng Phạn: Vajracchedika là Kim Cang, nó có khả năng cắt chém cứng như kim cương. Trong bối cảnh của bài Kinh, chúng ta có thể hình dung ra một chiếc gươm bén chắc chặt đứt các màn hình tướng để lộ ra sự thật, cũng có thể hiểu là kinh có một sức mạnh sắc bén, một sức công phá khủng khiếp, nhằm phá tan mọi kiến chấp.

Kinh nói, Bồ-tát hành đạo, để đạt đến cứu cánh cần phải loại trừ ý niệm về tự ngã; nhưng tự ngã ấy bị bọc trong lớp vỏ vô minh, muốn diệt trừ vô minh phải có định lực và trí tuệ như kim cương mới loại trừ được nó.

Chúng ta từ vô thủy đến nay bị vô minh bao phủ bằng vọng tưởng thành thân của ta, bằng sự khổ vui, bằng tài sản của cải, cho đến gia đình xã hội, núi sông đất nước của ta đều cho là hiện thực; vì vậy cho nên khi không còn được như ý muốn, khi tán gia bại sản, khi núi sông đất nước sụp đổ, thì cái vọng tưởng cũng sụp đổ gây nên tức giận buồn khổ đến tự tử bằng cách có kẻ trầm mình xuống sông, hoặc treo cổ trên cành cây v.v...

Vì thế, khi nghe nói cái ta này là ảo ảnh, là không thực; người nghe có thể kinh hoàng, như nghe sét đánh ngang tai; tiếng sét đó là từ Kim Cang bát-nhã. Nếu chúng ta đọc kinh Kim Cang với sự suy gẫm cao độ thì kinh Kim Cang sẽ chỉ đường để đối diện với ảo ảnh của cái ta, và chỉ cách vận dụng kim cương trí đập vỡ vỏ vô minh bao bọc tự ngã.

Tiếng sắc bén đầu tiên trong Kinh Kim Cang là khi Tôn Giả Tu Bồ Đề hỏi Phật: "Bạch Thế Tôn, Ngài thật hiếm có trên đời, Ngài khéo hộ niệm cho các Bồ Tát, khéo phó chúc cho các Bồ Tát. Bạch Thế Tôn, thiện nam tín nữ đã phát tâm nguyện vô thượng Bồ đề, thì phải an trụ tâm thế nào, hàng phục tâm thế nào?"

Phật bảo Tu Bồ Đề rằng: "Các Bồ Tát nên hàng phục cái tâm như thế này: Tất cả chúng sanh các loài, dù sanh bằng trứng bằng thai, dù sanh bằng ấm thấp bằng hóa sanh, dù có hình sắc hay không hình sắc, dù có tư tưởng hay không tư tưởng, ta phải làm sao giúp chúng đều được diệt độ vào Niết Bàn; diệt độ cho vô lượng vô số vô biên chúng sanh như vậy mà thật ra không có chúng sanh nào được độ cả, tại sao vậy? Tu Bồ Đề! Vì nếu Bồ Tát vẫn còn phân biệt tướng ngã, tướng nhân, tướng thọ giả, thì không phải là Bồ Tát vậy"

Ở đây Phật dạy chúng ta bỏ phân biệt chấp trước cái ta là thật (ngã), xa lià chấp người, vật là thật (nhân, chúng sinh), diệt trừ chấp mạng sống tiếp nối là thật (thọ giả), vì ý thức thường lưu động theo vọng tâm vọng cảnh (gọi là người có thọ giả tướng). Chúng ta có thể diễn giải theo tinh thần Thiền tông là không nên chấp trước, không nên dính mắc vào hình tướng, sắc thanh hương vị xúc pháp trong việc hàng phục tâm. Phần chính của Kinh Kim Cang đều đồng loạt một đường lối thường được dùng là:

"Cái này có (khẳng định), thực ra nó không có (phủ định), vì vậy người ta gọi nó là (khẳng định)".

Như: Như Lai nói Thế giới, thực ra không phải là Thế giới, ấy mới gọi là Thế giới.

Hoặc: Bồ Tát có trang nghiêm cõi Phật, tức không phải là trang nghiêm; chỉ tạm gọi là trang nghiêm thôi.

Hoặc: Thân người to lớn như núi Tu Di thật là to lớn, nhưng không phải là thân to lớn, đó mới thực là thân to lớn.

Suốt phần Tôn Giả Tu Bồ Đề hỏi Phật của Kinh Kim Cang đều chẳng ngoài ý nghĩa ba câu như nêu trên:

Câu thứ nhất: Chấp thật

Câu thứ hai: Phủ định, phá, chống lại câu 1, lọt vào chấp không.

Câu thứ ba: Giả danh, tạm gọi thôi.

Câu thứ ba phá cả ba câu 1, 2, 3, vì cả ba đều là giả danh, nghĩa là bác bỏ chấp thật của câu 1, bác bỏ chấp không của câu 2, bác bỏ chấp **điên đảo tướng** của câu 3, thế nào là điên đảo tướng? Nghĩa là: khi chúng ta gọi cành hoa chẳng hạn, Bồ Tát cũng gọi cành hoa như chúng ta, nhưng chúng ta lại có tư tưởng đẹp xấu, dính mắc yêu ghét, đây là điên đảo tướng; còn Bồ Tát tuy cũng gọi là cành hoa nhưng không dính mắc ý tưởng yêu ghét, thì gọi là **lưu bố tướng** thôi, nên Bồ Tát không có điên đảo tướng. Chúng ta muốn được như Bồ Tát thì phải tu hành sao cho không còn điên đảo tướng, như vậy thì làm sao có thể nói rằng: "*Đọc suốt bộ kinh Kim Cang ta không thấy có một pháp hành nào cả, chỉ toàn là*

hý luận lý thuyết suông”; ở đây ví như người ngủ mê nên đã nói mơ vậy đó.

## 2). Chưa ai làm được như kinh nói, toàn bánh vẽ

### TRƯỞNG LÃO THÔNG LẠC VIẾT:

“Cho nên nói được nhưng chưa có ai làm được như trong kinh này. Kinh này từ xưa đến nay đã cho chúng ta ăn toàn thứ bánh vẽ.....(ĐVXP-Tập 8)

### PHẢN BIỆN:

Câu nói trên chứng tỏ là tác giả không nắm được Kinh Kim Cang của Bắc truyền, không biết về lịch sử Thiền Tông, chúng ta cùng theo dõi tiếp về Kinh Kim Cang do tác giả Trịnh Nguyên Phước phân tích như sau:

“Trong chương 10, để có tâm thanh tịnh, đức Phật khuyên: *“không nên trụ vào sắc mà sanh tâm, không nên trụ vào thanh, hương, vị, xúc, pháp mà sanh tâm, không nên trụ vào chỗ nào mà sanh tâm.”* (Hán văn: Bất ưng trụ sắc sanh tâm, bất ưng trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm. Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm.)

Thoạt nghe câu trên không có vẻ gì đặc biệt, nhưng thật ra chứa đựng thông điệp thâm sâu sắc bén; chính trong khi nghe thầy mình, Ngũ tổ Hoàng Nhẫn đọc lại câu này, mà Lục tổ Huệ Năng hoát nhiên đại ngộ và kêu lên: *“Đâu ngờ tự tánh xưa nay vốn thanh tịnh! Đâu ngờ tự tánh vốn chẳng sanh diệt! Đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ! Đâu ngờ tự tánh vốn không dao động! Đâu ngờ tự tánh sanh ra muôn pháp!”*, và vua Trần Thái Tông cũng đạt được đại ngộ khi đọc đến câu này.

Như vậy, câu Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm hẳn phải có một sức mạnh đặc biệt lắm mới có thể gây chấn động và tuệ giác nơi hai vị Thiền sư xuất chúng này. Đó có thể là 8 chữ nói đến bởi Trúc Lâm Sơ Tổ Trần Nhân Tông khi trả lời một vị tăng hỏi ngài 'cứu cánh là gì?': *“Bát tự đã khai phân phó liễu, Cánh vô dư sự khả trình quân.”*(Tám chữ mở thông đã trao hết, còn gì đâu nữa để trình ông).(Trong bài kệ "Hữu cú vô cú").

Nếu phải thu gọn Kinh Kim Cương vào một câu, chỉ một câu thôi, thì có lẽ chính là câu này. Làm thế nào để an trụ, hàng phục tâm? Đức Phật đã trả lời một cách ngắn gọn câu hỏi của trưởng lão Tu Bồ Đề: *“Đừng để tâm trụ vào một nơi nào hết”*. Bởi vì khi tâm bắt đầu trụ (hay dính mắc) vào sắc, thanh, hương, vị, xúc hay pháp, thì tức khắc tâm dấy lên, tâm bị dao động vì vọng tưởng, cho nên không còn cái thanh tịnh trong sáng ban đầu. Trong Kinh còn nói, trong chương 14, "Nếu tâm còn chỗ trụ, tức

không phải là trụ" (Hán văn: Nhược tâm hữu trụ, tức vi phi trụ)". Như vậy, có thể nói rằng: muốn tâm an trụ thì đừng để cho tâm trụ. Tâm không trụ thì mới an trụ".

Thế mà tác giả Thông Lạc nói rằng: "Cho nên nói được nhưng chưa có ai làm được như trong kinh này, kinh này từ xưa đến nay đã cho chúng ta ăn toàn thứ bánh vẽ"; đọc đoạn trên rồi thì thấy rõ nói như vậy là không đúng sự thật.

\*  
\* \*

## **ĐỨC PHẬT DẠY:**

Người phán xử hấp tấp không phải là hạnh của người đi đúng chính pháp, người thiện trí cần phải thận trọng xem xét phân biệt rõ ràng đâu là chánh và đâu là tà.

Người công bằng phải điều tra thích đáng, không khi nào mất bình tĩnh, mà phải đúng pháp và công bình mới là người dẫn đạo; kẻ trí nhờ sống đúng pháp nên được gọi là người an trụ pháp.

## **IX). KINH PHẠM VÕNG KHÔNG PHẢI LÀ CHÍNH PHÁP**

### **HÒA THƯỢNG THÍCH THÔNG LẠC VIẾT:**

**"Kinh Phạm Võng Bồ Tát Giới không phải là chánh pháp của Phật mà là của Bà La Môn có thâm ý muốn diệt Phật giáo nên mới chế ra Bồ Tát Giới; mục đích của Bồ Tát Giới là bộ sách có hình thức tổ chức người cư sĩ thành một tổ chức để phục vụ cho Phật Giáo Đại Thừa. Phần thứ nhất là khuyến dụ người cư sĩ thọ Bồ Tát Giới để góp công góp của xây dựng đạo pháp của Bà La Môn, nhưng sự thật là phục vụ cho quý Thầy Đại thừa: Bồ Tát Giới là một bộ sách khuyến dụ Phật tử để lừa công sức và lừa của cải, tiền bạc của họ; Bồ Tát Giới là một loại kinh sách với thâm ý diệt Phật Giáo, quý vị đọc cho kỹ lại bộ sách thì mới thấy rõ âm mưu thâm độc của Phật Giáo phát triển Đại Thừa. ... (ĐVXP-Tập 8)"**

### **PHẢN BIỆN:**

Muốn bàn luận, phải hiểu kinh Phạm Võng, do đó chúng ta tóm gọn những giới luật của kinh Phạm Võng, sau đó sẽ tới phần phân tích để biết xem lời của Hòa Thượng Thích Thông Lạc có đúng không?

## 1). SƠ LƯỢC KINH PHẠM VÕNG:

Kinh Phạm Võng nói về Giới luật cho những người tu hành Bồ Tát đạo, muốn lãnh thọ Bồ Tát Giới, thì bất cứ ai, dù là Quốc Vương, Vương tử, Tể tướng, Bách quan, Tỷ khuru, Tỷ khuru ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, Phạm thiên, chư thiên trong mười tám tầng trời Cõi Sắc, chư thiên trong sáu tầng Cõi Dục, những kẻ dâm nam, dâm nữ, nô bộc, tỳ thiếp, tám bộ quỷ thần, súc sanh cho đến những loài do biến hóa, miễn rằng tất cả họ hiểu được lời của vị pháp sư trao giới, thì hết thảy họ đều được thọ giới và có thể trở thành bậc thanh tịnh.

Thời đức Phật còn tại thế, cứ mỗi nửa tháng tất cả các đệ tử của Phật đều phải tụng Giới, Giới tiếng phạn là Pratimoksaśila phiên âm là Ba La Đề Mộc Xoa; Trung Hoa dịch là Bảo giải thoát, nghĩa là bảo trì cho người thực hành thoát ly sanh tử đến đạo quả Vô Thượng Bồ Đề. Do đó, giới là chiếc xe báu, là bậc thầy dẫn đường đi đến Niết Bàn.

Bởi vậy, giới là cơ bản của vạn đức của người tu, là nền tảng của mọi sự trang nghiêm; nhưng giới pháp có ba loại: Một là giới pháp xuất gia gồm có: mười giới, hai trăm năm mươi giới. Hai là giới pháp tại gia gồm có: năm giới, tám giới. Ba là giới pháp cho hàng Bồ Tát xuất gia và tại gia, đó là Bồ Tát tam tụ tịnh giới gồm:

- **Nhiếp luật nghi giới:** Đó là không phạm vào một Giới Trọng và Giới Khinh nào, nghĩa là quyết giữ không làm các việc ác, đành chỉ làm điều ác là trì giới, nếu làm điều ác là phạm giới.

- **Nhiếp thiện pháp giới:** Người thọ trì Bồ Tát giới quyết làm tất cả các việc lành, chính là phụng hành các điều thiện; như vậy làm điều Thiện là trì giới, không làm điều thiện là phạm giới.

- **Nhiều ích hữu tình giới:** Người thọ trì Bồ Tát giới quyết tu hạnh từ bi hỉ xả, làm tất cả các điều lợi ích cho tất cả chúng sanh, không một loài nào mà không hóa độ; như vậy thực hành sự hóa độ là trì giới, không thực hành sự hóa độ là phạm giới.

Riêng về Bồ Tát Giới, nên biết có 2 loại Bồ Tát Giới:

**1. HÀNG BỒ TÁT GIỚI XUẤT GIA** có 2 loại Giới:

- **10 Giới Trọng:**

Giới thứ 1: Sát sanh

Giới thứ 2: Trộm cướp

Giới thứ 3: Dâm dục

Giới thứ 4: Vọng ngữ (nói dối)  
Giới thứ 5: Bán rượu  
Giới thứ 6: Rao nói lỗi của bốn chúng  
Giới thứ 7: Tự khen mình chê người  
Giới thứ 8: Bón sên thêm mắng đui  
Giới thứ 9: Giận hờn không chịu sám hối  
Giới thứ 10: Hủy báng Tam bảo

**- 48 Giới Khinh:**

Giới thứ 1: Không kính Thầy, bạn  
Giới thứ 2: Uống rượu  
Giới thứ 3: Ăn thịt  
Giới thứ 4: Ăn ngũ vị tân  
Giới thứ 5: Không dạy người có tội sám hối  
Giới thứ 6: Không cung cấp, thỉnh pháp (Pháp Sư tới)  
Giới thứ 7: Giải đãi không nghe pháp  
Giới thứ 8: Tâm trái bỏ với Đại thừa.  
Giới thứ 9: Không chăm sóc người bệnh  
Giới thứ 10: Chứa khí cụ sát sanh  
Giới thứ 11: Đi sứ (cho sự thù nghịch)  
Giới thứ 12: Buôn bán phi pháp (buôn người, súc vật)  
Giới thứ 13: Hủy báng (bạc danh đức, cha mẹ v.v...)  
Giới thứ 14: Thiêu đốt (rừng, nhà cửa v.v...)  
Giới thứ 15: Dạy giáo lý ngoài Đại thừa  
Giới thứ 16: Vì lợi nói pháp lộn xộn  
Giới thứ 17: Cậy thế lực khuyến góp  
Giới thứ 18: Không hiểu mà làm thầy truyền giới  
Giới thứ 19: Nói lưỡng hai chiều  
Giới thứ 20: Không phóng sanh cứu vật  
Giới thứ 21: Sân hận báo thù, đem đánh trả đánh  
Giới thứ 22: Tâm kiêu mạn không thỉnh pháp  
Giới thứ 23: Khinh ngạo không tận tâm dạy  
Giới thứ 24: Không tu học Đại thừa  
Giới thứ 25: Tri chúng vụng về (Phải có từ-bi, biết đủ)  
Giới thứ 26: Riêng thọ lợi (phải trọng khách Tăng)  
Giới thứ 27: Thọ biệt thỉnh (không dành của cúng đàn)  
Giới thứ 28: Biệt thỉnh Tăng (thứ tự không thiên vị ai)  
Giới thứ 29: Tà mạng (coi tướng, bùa chú, pháp thuật)  
Giới thứ 30: Quản lý cho bạch y (Bất kính ngày trai)  
Giới thứ 31: Không chuộc (Tượng, cha mẹ, ng tu)



Giới thứ 32: Tồn hại chúng sanh (bán những thứ có hại cho người và những thứ để giết người)

Giới thứ 33: Tà mạng giác quán (coi đánh giết, ca hát)

Giới thứ 34: Tạm bỏ Bồ đề tâm

Giới thứ 35: Không kính thuận cha mẹ, Sư trưởng

Giới thứ 36: Không phát thệ (giữ Giới của Phật)

Giới thứ 37: Không du hành nơi mạo hiểm, có nạn

Giới thứ 38: Trái thứ lớp tôn ti

Giới thứ 39: Không tu phước huệ

Giới thứ 40: Không bình đẳng truyền giới (18 loại)

Giới thứ 41: Vì lợi làm thầy

Giới thứ 42: Giảng thuyết giới cho kẻ ác

Giới thứ 43: Khởi tâm phạm giới không tâm hổ thẹn,

Giới thứ 44: Không cúng dường kinh điển (đọc, chép)

Giới thứ 45: Không giáo hóa chúng sanh

Giới thứ 46: Thuyết pháp không đúng như pháp.

Giới thứ 47: Cấm chế phi pháp (đặt luật phi pháp)

Giới thứ 48: Phá pháp (nói Giới để Vua tìm chế tu sĩ)

**2. HÀNG BỒ TÁT GIỚI TẠI GIA, có hai loại giới:**

**- 6 Giới Trọng:**

Giới thứ 1: Sát sanh

Giới thứ 2: Trộm cướp

Giới thứ 3: Tà dâm

Giới thứ 4: Vọng ngữ (nói dối)

Giới thứ 5: Bán rượu

Giới thứ 6: Rao nói dối của bốn chúng

**- 28 Giới Khinh:**

(1) Giới không cúng dàng cha mẹ, sư trưởng (sơ ý).

(2) Giới uống rượu

(3) Giới không chăm sóc người bệnh

(4) Giới không bố thí người đến xin

(5) Giới không chào hỏi lễ lạy các bậc tôn trưởng

(6) Giới khinh mạn người phá giới: (Tăng ni, cư sĩ)

(7) Giới không thọ 6 ngày bát quan trai giới mỗi tháng

(8) Giới không đi nghe pháp

(9) Giới thọ đồ dùng của Tăng (ngọa cụ, giường, ghế)

(10) Giới uống nước có trùng: (nước trùng cố ý uống)

- (11) Giới đi một mình trong chỗ nguy hiểm
- (12) Giới ngủ đêm tại chùa ni (nam)chùa tăng (nữ)
- (13) Giới vì của đánh người (vì tiền của đánh chữi)
- (14) Giới bố thí thức ăn thừa cho bốn chúng.
- (15) Giới nuôi mèo, chồn
- (16) Giới nuôi súc vật: (voi, ngựa, trâu, dê, lạc đà)
- (17) Giới không chứa ba y, bình bát, tích trượng (để cúng dường chúng tăng)
- (18) Giới không lựa chỗ nước sạch, đất cao để trồng
- (19) Giới buôn không chân chánh: (lật lọng, gian lận)
- (20) Giới hành dâm không đúng thời đúng chỗ.
- (21) Giới gian lận thuế: (nộp, khai thuế gian lận)
- (22) Giới vi phạm luật pháp quốc gia:
- (23) Giới có thực phẩm mới mà không cúng Tam bảo.
- (24) Giới không cho thuyết pháp mà tự cứ làm.
- (25) Giới đi trước năm chúng xuất gia (đi cùng đoàn)
- (26) Giới chia thức ăn cho chư Tăng không bình đẳng
- (27) Giới nuôi tằm: (nuôi tằm lấy tơ)
- (28) Giới đi đường gặp người bệnh không chăm sóc

Bồ Tát không phạm Giới Trọng từ thân miệng đến ý; nếu tự mình làm, hoặc bảo người làm, hoặc khen tặng sự làm, hoặc thấy người làm mà vui theo, đều là phạm Trọng Giới bị tội Ba La Di (ví như bị tử hình: Nam được tái thọ tất cả 7 lần, nữ chỉ một lần thôi). Nếu sau khi thọ giới mà Bồ tát vi phạm một trong các Giới Khinh thì phạm vào tội sơ ý, nếu không khởi tâm sám hối sẽ bị đọa lạc vì do nhiễm ô tạo nghiệp sinh tử luân hồi.

Nếu người thọ giới Bồ-Tát mà không tụng điều giới này, thời người ấy không phải Bồ-Tát, không phải Phật-Tử. Bởi vậy Bồ-Tát cần nên học và hết lòng kính-trọng phụng-trì, nếu có người nào phạm Giới thời hiện đời người ấy không thể phát tâm Bồ-Đề, tất cả diệu quả Phật-Tánh đều bị chôn vùi và bị đọa trong ba ác-đạo.

## 2). PHÂN TÍCH VÀ NHẬN XÉT:

Trong 6 Giới Trọng của Bồ Tát tại gia nằm trong 10 Giới Trọng của Bồ Tát xuất gia, không có gì sai biệt để nói.

Trong 28 Giới Khinh của hàng Bồ Tát tại gia, có 18 điều đều là các Giới thông thường mà người tu hành xuất gia cũng phải giữ nên không thể cho rằng: *“Kinh Phạm Võng Bồ Tát Giới là của Bà La Môn khuyến dụ người cư sĩ thọ Bồ Tát Giới để góp công góp của xây dựng đạo pháp của*

*Bà La Môn và có thâm ý tiêu diệt Phật Giáo*". Chỉ có 10 điều Giới của hàng Bồ Tát tại gia liên quan đến hàng xuất gia, có lẽ cái mà tác giả Thông Lạc gọi là "*Kinh Phạm Võng Bồ Tát Giới có mục đích khuyến dụ đánh lừa người cư sĩ thành một tổ chức để phục vụ cho quý Thầy Đại thừa*", đó là các điều sau đây, chúng ta cùng phân tích:

**Giới (1) không cúng dường cha mẹ, sư trưởng:** Điều này thuộc về đạo đức mà mọi người Phật tử phải có chứ không riêng gì người thọ Giới Bồ Tát.

**Giới (5) không chào hỏi lễ lạy các bậc tôn trưởng:** Điều này cũng tương tự như điều một ở trên.

**Giới (6) khinh mạn người phá giới:** Đây là điều để ngăn tâm kiêu mạn vì cho rằng mình hơn người tu phá giới.

**Giới (9) thọ dụng đồ dùng của chư Tăng:** Đây là để giữ cho sự tự trọng của mỗi con người chứ không riêng gì với chư Tăng vậy.

**Giới (14) bố thí thức ăn thừa cho bốn chúng:** Đây là để giữ không cho tâm khinh người tác hại.

**Giới (17) không chứa ba y, bình bát, tích trượng:** Nếu chúng Tăng tới nhà thì đó là có phước, nên việc cúng dường cũng như quà biếu đâu có gì là quá tốn kém, vả lại cúng dường bố thí Tăng Ni sẽ mang lại nhiều phước hơn là bố thí cho người thường.

**Giới (23) có thực phẩm mới mà không cúng Tam bảo trước:** Đây cũng giống như khi chúng ta có trái cây đầu mùa, hái những quả đầu mùa đem cúng Phật và Tổ tiên Ông bà, đó là lòng hiếu thảo kính trọng.

**Giới (24) Tăng già không cho thuyết pháp mà tự cứ làm:** Vấn đề này phải biết tự trọng, vì nếu mình giỏi thì tự nhiên sẽ được mời thuyết pháp không nên tự cao tự đại.

**Giới (25) đi trước năm chúng xuất gia:** Vì hàng xuất gia là đại diện cho Tăng bảo luôn luôn được sự kính trọng là lẽ thường.

**Giới (26) phân phối thức ăn cho chư Tăng không bình đẳng:** Vì trong giáo điều của Phật có điều bình đẳng, nên phải tôn trọng không vị tình riêng mà bất công trong việc bố thí cúng dàng.

Xem như vậy, 10 điều mà hàng Bồ Tát tại gia phải tuân theo đối với hàng tu sĩ xuất gia không có điều nào là quá đáng. Lại nữa, Giới của Bồ Tát xuất gia cả về Giới Trọng (10 điều) và Giới Khinh (48 điều) đều nhiều hơn Giới của hàng Bồ Tát tại gia chỉ có 6 điều Giới Trọng và 28 điều Giới Khinh; như vậy sự giữ Giới của hàng Bồ Tát xuất gia khó hơn là của hàng Bồ Tát tại gia.

Mặc dầu vậy, Tu sĩ xuất gia trì giới Bồ Tát xuất gia là điều không mấy khó, nhưng người tại gia trì giới Bồ Tát tại gia là điều rất khó; bởi vì Bồ

tát tại gia bị nhiều ác duyên ràng buộc nên rất khó hành trì. Do đó Bồ Tát tại gia nào có thể chí tâm thọ trì giới pháp đã thọ một cách hoàn hảo, người ấy là hương thơm vi diệu, là hoa sen trong sạch, là trân báu chân thực và là bậc đại trượng phu trong hàng Bồ tát tại gia.

Do đó cho rằng: *“Kinh Phạm Võng Bồ Tát Giới là của Bà La Môn khuyến dụ người cư sĩ thọ Bồ Tát Giới để góp công góp của xây dựng đạo pháp của Bà La Môn và có thâm ý tiêu diệt Phật Giáo. Kinh Phạm Võng Bồ Tát Giới có mục đích khuyến dụ đánh lừa người cư sĩ thành một tổ chức để phục vụ cho quý Thầy Đại thừa, Bồ Tát Giới là một loại kinh sách với thâm ý diệt Phật Giáo, đó là âm mưu thâm độc của Phật Giáo phát triển Đại Thừa”* là nói sai lạc sự thật đã được phơi bày rõ ràng ở trên rồi chứ chẳng phải là nói suông đâu.

Phật tử tại gia phát tâm tu hạnh Bồ Tát giới là để rộng bề làm Phật sự và hóa độ chúng sinh; mặt khác, Phật tử tại gia có toàn quyền chọn lựa muốn thọ giới Bồ Tát hay không là tùy tâm người Phật tử, không ai có quyền bắt ép hay dụ dỗ người Phật tử thọ Bồ Tát giới; nếu người Phật tử cảm thấy không thể thi hành theo Bồ Tát Giới thì không nên thọ giới này, mà người đó vẫn là Phật tử quy y và thực hành ngũ giới và có thể tu hành bất cứ pháp môn nào thích hợp để đạt mục đích thoát khỏi sinh tử luân hồi.



## X). KINH DUY MA CẬT NHƯ RẮN THÊM CHÂN

### TRƯỞNG LÃO THÍCH THÔNG LẠC VIẾT:

*“Kinh Duy Ma Cật là kinh phát triển của Đại Thừa. Kinh giáo Đại Thừa là kinh sách chịu ảnh hưởng của nhiều tôn giáo khác nhau và những phong tục tập quán của con người trên hành tinh này mà thành lập ra giáo lý của mình; nó không có gì đặc biệt riêng của nó, chỉ khéo dùng những danh từ thật kêu và cũng giống như vẽ rắn thêm chân, thêm râu, khiến cho mọi người dễ bị lường gạt tưởng là rồng thật. Giáo lý Đại Thừa và Thiền Đông Độ cũng lường gạt tín đồ như vậy, tưởng là một chân lý siêu việt của Đạo Phật, nào ngờ là một giáo lý chấp vá, như chiếc áo may nhiều loại vải thô xấu...(ĐVXP-Tập 8)”*

### PHẢN BIỆN:

Kinh Duy Ma Cật là kinh của Bắc Truyền; nếu nói “*Kinh giáo Đại Thừa là kinh sách chịu ảnh hưởng của nhiều tôn giáo khác nhau và những phong tục tập quán của con người trên hành tinh này mà thành lập ra giáo lý của mình*” thì hoàn toàn không đúng, vì nếu có đi nữa cũng chỉ như thêm màu sắc cho hợp với từng địa phương, nhưng cốt lõi của các Kinh vẫn giữ đúng những gì đức Phật đã nói và đó là lý do tại sao Bắc Truyền ngày nay đã lan rộng không những chỉ ở Á châu mà ra khắp Âu Mỹ Úc Phi của thế giới. Tại sao như thế, vì Phật giáo Bắc Truyền đi đúng với những tinh hoa mà đức Phật đã dạy, nó thích hợp với khoa học và nhu cầu tâm linh của con người tiến bộ trong giai đoạn hiện tại.

Muốn biết Kinh Duy Ma Cật có gì đặc biệt, chúng ta phải lược sơ qua nội dung của Kinh, chỉ đề cập tới những gì chúng ta cần phải học phải nhớ và thực hành thì mới biết được sự thật như thế nào:

**1. Thứ nhất: Phẩm Phật Quốc Tịnh Độ:** Đức Phật giảng về thế nào là sự thanh tịnh của Phật độ, sự thanh tịnh tâm của một vị Bồ Tát; nếu người tâm tịnh bèn thấy cõi tịnh công đức trang nghiêm, còn người tâm uế thì thấy cõi đầy nhơ nhớp xấu xa bất tịnh. Tỉ dụ như Tỳ Kheo tu theo Nam Truyền được quả dự lưu Tu Đà Hoàn, vì chưa hết cấu uế nên chưa được thanh tịnh, nên vẫn phải tái sinh lại cõi người (7 lần); nếu đã đạt quả A La Hán thì đạt Niết Bàn thanh tịnh mà không còn tái sinh lại cõi người vậy.

**2. Thứ hai: Phẩm phương tiện:** Đại Bồ Tát Duy Ma Cật hiện thân cư sĩ giàu có và bị bệnh trong thành Tỳ Da Ly, Cư sĩ hay đến gặp mọi người, tùy duyên giúp đỡ giáo hóa; vì vậy tất cả nhân dân từ vua quan đến hàng cùng đinh đều đến thăm ngài. Nhân dịp này cư sĩ Duy Ma Cật trình bày cho họ những khuyết điểm không thể tránh của thân thể, đặc điểm của thân Phật, và do đó mọi người nên gắng sức tu tập để đạt được thân Phật. Đây là biểu hiện phương tiện của Chư Phật và Chư Đại Bồ Tát trong việc hóa độ chúng sanh

**3. Thứ ba: Phẩm chấp thật lời nói và văn tự:** Phật biết ý Cư sĩ Duy Ma Cật muốn được Phật đoái tưởng nên Ngài lần lượt bảo 10 đại đệ tử và sau là 4 vị Bồ Tát đại diện Phật đi thăm Cư sĩ, nhưng hết thầy đều hổ thẹn từ chối không dám đại diện đi vì họ đã gặp và tự biết không đủ khả năng đối đầu tài biện luận của vị Cư sĩ. Đây là tài biện luận của Cư sĩ Duy Ma Cật, vì Ngài đã chứng nhập thật tướng, thấu nhập bí tạng Chư Phật, nên khó bì đối đáp. Vì thế: trong phẩm này, các lời nói của Ngài Duy Ma Cật có nhiều điều để học hỏi.

Chúng ta hãy trích một đoạn Kinh Phật bảo Tôn giả Tu Bồ Đề đến thăm bệnh để xem cách phá chấp thật của Bồ Tát Duy Ma Cật về lời nói văn tự. Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Thế Tôn! Con chẳng xứng đáng đến thăm bệnh Duy Ma Cật. Tại sao? Con nhớ lại khi xưa vào nhà Ngài khát thực. Ngài lấy bát con đựng đầy cơm, bảo rằng: Này Tu Bồ Đề! Đối với sự ăn bình đẳng thì các pháp cũng bình đẳng, các pháp bình đẳng thì sự ăn cũng bình đẳng, khát thực như thế mới được lấy ăn.

Vậy nếu Tu Bồ Đề chẳng đoạn dứt tham sân si, cũng chẳng cùng với tham sân si, chẳng hoại nơi thân mà tùy nhất tướng (Nhất tướng vô tướng), chẳng diệt si ái mà được giải thoát, dùng tướng ngũ nghịch mà được giải thoát, chẳng trói cũng chẳng mở, chẳng thấy Tứ Đế, phi chẳng thấy Tứ Đế, phi đắc quả, phi bất đắc quả, phi phạm phu, phi lìa phạm phu, phi bậc thánh, phi chẳng bậc thánh, dù thành tựu tất cả pháp mà lìa các pháp tướng, mới được lấy ăn. Nếu Tu Bồ Đề chẳng thấy Phật, chẳng nghe pháp, bợn lục sư (sáu phái) ngoại đạo là thầy của ông, vì họ xuất gia bị đọa, ông cũng đọa theo, mới được lấy ăn.

#### LỢC GIẢI CỦA HÒA THƯỢNG DUY LỰC:

Bợn lục sư ngoại đạo là thầy của ông, vì họ xuất gia bị đọa, ông cũng đọa theo:

1. Thầy có nhiều loại. Thầy Bốn Sư, thầy dạy đạo, thầy y chỉ nuôi cho ăn học, thầy dạy chữ nghĩa thế gian, v.v..., chẳng phải chỉ có thầy Bốn Sư mới được gọi là thầy.

2. Theo Trí Giả Đại Sư có ba loại ngoại đạo.

- Thứ nhất là ngoại đạo chính thức, tu hành thành tựu, được sinh cõi Trời chẳng bị đọa.

- Thứ hai là ở nơi Phật pháp xuất gia mà hành theo pháp ngoại đạo thì phải bị đọa.

- Thứ ba là học Phật pháp thành ngoại đạo, vì hiểu lầm ý Phật, cho ý mình hiểu là đúng chính pháp mà dùng để dạy người, cũng bị đọa như ngoại đạo thứ hai vậy.

Theo sự thật, trong Phật pháp có một số người bốn sư bị đọa mà đệ tử được kiến tánh; chẳng phải bốn sư bị đọa thì đệ tử phải đọa theo. Nguyên nhân bị đọa là bởi vì hành tà pháp mà cho là chính pháp, làm cho chúng sanh hiểu lầm nên mới phải bị đọa; đây là lược giải theo có nghĩa lý. Nhưng đoạn này Ngài Duy Ma Cật cố ý nói ra những lời vô nghĩa lý, ấy chỉ là phương tiện dùng để phá những kẻ chấp thật văn tự lời nói của chư Phật chư Tổ mà thôi. (Lược giải hết)

Nếu Tu Bồ Đề tâm nhập tà kiến, chẳng đến bờ bên kia, trụ nơi tám nạn (Là tám nơi không lợi cho việc đạt giác ngộ: 1- Địa ngục, 2- Súc sinh, 3- Ngạ Quỷ, 4- Trời trường thọ, 5- Biên giới hẻo lánh, 6- Căn khuyết (mù câm), 7- Tà kiến (thấy sai), 8- Thời không có Phật, không Phật pháp), chẳng ra khỏi nạn, lìa pháp thanh tịnh mà đắc vô tranh tam muội, tất cả chúng sanh cũng đắc tam muội ấy, kẻ bố thí ông chẳng gọi là phước điền, kẻ cúng dường ông phải đọa tam ác đạo (Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sinh). Ông cùng ma chúng bắt tay nhau làm bè bạn, ông cùng ma chúng với những trần lao đồng nhau chẳng khác, nơi tất cả chúng sanh có tâm oán ghét, báng Phật hủy pháp, chẳng nhập tăng chúng, cuối cùng chẳng thể diệt độ, ông nếu như thế mới được lấy ăn.

Bạch Thế Tôn! Khi nghe lời dạy này, con cảm thấy ngơ ngác, chẳng hiểu Ngài nói gì, chẳng biết trả lời thế nào, liền để bát lại muốn ra khỏi nhà; lúc ấy Ngài Duy Ma Cật bảo: Này Tu Bồ Đề! Cứ lấy bát đi đừng sợ, ý ông thế nào nếu đem việc này hỏi người huyễn hóa của Như Lai làm ra, người ấy có sợ chẳng?" Con đáp: Không ạ! Ngài Duy Ma Cật nói: Tất cả các pháp, tướng như huyễn hóa, nay ông cũng chẳng nên sợ, tại sao? Tất cả ngôn thuyết đều chẳng lìa tướng huyễn hóa, cho nên người trí chẳng dính mắc văn tự, nên chẳng có sợ; vì tánh của văn tự tự lìa văn tự, chẳng chấp văn tự ấy mới là giải thoát, tướng giải thoát đó tức là các pháp vậy; khi ngài Duy Ma Cật thuyết pháp này, hai trăm thiên tử đắc pháp nhãn

tịnh, vì thế nên con không xứng đáng đại diện Thế Tôn đến thăm bệnh Ngài.

#### LƯỢC GIẢI CỦA HÒA THƯỢNG DUY LỰC:

Kinh Kim Cang nói: Nếu có ai nói Như Lai có thuyết pháp là phỉ báng Phật, vì pháp là văn tự. Nhưng chúng sanh học Phật đều đuổi theo văn tự để tìm hiểu chân lý, Phật rất sợ chúng sanh nhận lầm như thế, kẹt vào lý chướng nên vừa thuyết xong liền phá. Đoạn Tu Bồ Đề thăm bệnh này là chuyên dùng những lời vô nghĩa để phá những người chấp thật vào văn tự lời nói trong kinh điển; Tu Bồ Đề chẳng phải không biết mà sợ, vì hợp tác với Duy Ma Cật nên thị hiện sợ, để cho Duy Ma Cật giảng rõ văn tự và lời nói là tướng huyền hóa; chẳng chấp văn tự ấy là giải thoát, tướng giải thoát đó tức là các pháp vậy. (Lược giải hết)

Đây là bài học quý giá cho tất cả những người tu theo Phật pháp không phân biệt Nam Tông hay Bắc Tông, không phân biệt tu pháp môn này hay pháp môn kia, không kể nam nữ, già trẻ v.v..., tất cả đều nên học và hành theo những lời dạy này.

**4. Thứ tư: Phẩm Tánh Không:** Bồ Tát Văn-Thù-Sư-Lợi vâng lời yêu cầu của Phật đi thăm Bồ Tát bệnh. Khung cảnh là một căn phòng nhà của cư sĩ Duy-ma-cật, nhỏ bé nhưng có thể dung nạp vô số Bồ Tát, thiên, nhân và vô số chúng sinh khác đến nghe cuộc đàm thoại quý hiếm giữa hai vị được tán thán là trí huệ đệ nhất. Cuộc đàm thoại giữa Văn-Thù-Sư-Lợi và Duy-Ma-Cật về nhiều đề tài với sự phân tích sâu sắc về bệnh tình của Duy-Ma-Cật và lĩnh vực hoạt động (sa. gocara) của một Bồ Tát, và bắt đầu là nói về Tính Không (sa. sūnyatā); chúng ta trích một đoạn Kinh rất hấp dẫn đây như sau:

“Lúc ấy, tám nghìn Bồ-Tát, Thanh-Văn, trăm nghìn Trời Người đều muốn đi theo; do đó Văn-Thù cùng với vô số Bồ-Tát, Trời Người như thế cùng nhau cung kính vào thành Tỳ-Da-Ly.

Cư-sĩ Duy-Ma-Cật biết Văn-Thù Bồ-Tát cùng đại chúng đến, bèn dùng thần-lực đem đi tất cả đồ đạc và người hầu, trong phòng trống rỗng chỉ còn có một giường nằm bệnh; Văn-Thù đi đầu vừa bước vào, Cư-Sĩ liền nói:

- Khéo đến Văn-Thù, Tướng (hình dạng) chẳng đến mà đến, tướng chẳng thấy mà thấy (không mà là có).

Bồ-Tát Văn-Thù đáp:

- Đúng thế Cư-Sĩ! Nếu đến rồi thì chẳng đến nữa, nếu đi rồi thì chẳng đi nữa; vì nói đến thì chẳng từ đâu đến, nói đi thì chẳng đi về đâu (ý nói Phật tánh cùng khắp chỗ nào cũng có, lúc nào cũng hiện diện), chỗ được



thấy chẳng còn thấy nữa (có mà là không); hãy bỏ qua việc này, nay bệnh của Cư-Sĩ có bớt mà chẳng thêm không? Thế-Tôn gửi lời ân cần vô lượng để hỏi thăm Cư-Sĩ. Bệnh do đâu mà khỏi, làm thế nào mới khỏi được?

Cư-sĩ Duy-Ma-Cật đáp:

- Từ “Si” có “Ái” thì bệnh “Ngã” sinh, vì tất cả chúng-sanh bệnh nên tôi bệnh, tất cả chúng-sanh không bệnh thì tôi khỏi bệnh, tại sao? Bồ-Tát vì độ chúng-sanh nên vào sinh tử, có sinh tử thì có bệnh; nếu chúng-sanh là được sinh tử thì Bồ-Tát chẳng còn bệnh, nói bệnh này do đâu khỏi, bệnh của Bồ-Tát do đại Bi khỏi...”

Ở đoạn này hai vị Đại Bồ Tát mở màn đã đi ngay vào “Tánh Không”, nói thân mà dùng tâm, Phật tánh để hiển bày trong câu chuyện, nếu hiểu ra thì rõ ràng là câu chuyện tuyệt diệu có một không hai; như thế mà tác giả Thông Lạc nói rằng: *“Kinh này không có gì đặc biệt riêng của nó, chỉ khéo dùng những danh từ thật kêu và cũng giống như vẽ rắn thêm chân, thêm râu, khiến cho mọi người dễ bị lường gạt tưởng là rồng thật”* thì cũng lạ cho lời nói bừa bãi thiếu nghiên cứu quán sát của một người học Phật.

**5. Thứ năm: Phẩm Bất Khả tư nghị:** Nhân việc Tôn giả Xá-lợi-phất suy nghĩ đến chỗ ngồi trong căn phòng nhỏ, Duy-ma-cật biết ý nên nói việc đến là để phát tâm cầu pháp và Ngài giảng ý nghĩa của việc cầu pháp (đây là một bài học quý giá). Cũng vì vấn đề chỗ ngồi mà Cư sĩ thị hiện cõi Tu-di tướng (san. merudhvāja) để mọi người thấy và được Như Lai Tu-di Đấng Vương (san. merupradīparāja) đưa đến 32 nghìn toà ngồi sư tử to lớn; nhân việc này, Cư sĩ Duy-ma-cật giảng sự giải thoát bất khả tư nghị (những việc không thể nghĩ tới và không thể bàn luận) (san. acintyavimokṣa) của Chư Phật và đại Bồ Tát (đây cũng là một bài học quý giá).

**6. Thứ sáu: Phẩm Quán Chúng Sanh:** Cuộc luận đàm giữa Văn-Thù-Sư-Lợi và Duy-Ma-Cật được tiếp nối, bây giờ những điểm quan trọng của một Bồ Tát được đề cập đến. Như Duy-Ma-Cật giảng một trường hợp nghịch lí là Bồ Tát một mặt xem chúng sinh không thật hiện hữu, nhưng mặt khác vẫn phát triển lòng từ bi hỉ xả dành cho chúng sanh; còn đối với sinh tử đáng sợ, Bồ Tát nên y nơi lấy vô trụ làm gốc và từ gốc vô trụ lập tất cả các pháp. (Ở đây có những điều đáng để học và hành, đó là quán chúng sanh không thật mà chỉ là giả tạm có thôi, là mở

lòng Từ Bi Hỉ Xả với tất cả chúng sanh, và vô sở trụ đối với tất cả các pháp).

Phần sau đề cập đến một Bồ Tát thị hiện là một Thiên nữ rải hoa, biến hóa nữ thành nam và nam thành nữ, và đối đáp với Tôn giả Xá Lợi Phất để phá chấp ngã chấp pháp, (Ở đây cũng là một bài học hữu ích).

**7. Thứ bảy: Phẩm Phật Đạo:** Cư sĩ Duy Ma Cật nói rằng: Nếu Bồ Tát hành nơi phi đạo gọi là thông đạt Phật đạo; thế nào là hành nơi phi đạo gọi là thông đạt Phật đạo? Cư sĩ Duy Ma Cật giải thích rằng: Nếu Bồ Tát gây tội ngũ nghịch mà chẳng có buồn giận, đến nơi địa ngục mà chẳng có tội cấu, đến nơi súc sanh mà chẳng có vô minh kiêu mạn, đến nơi ngạ quỷ mà đầy đủ công đức, đến cõi sắc giới và vô sắc giới mà chẳng cho là thù thắng, thị hiện tham dục mà lìa các nhiễm đấm, thị hiện sân hận mà đối với chúng sanh chẳng có quái ngại, thị hiện ngu si mà dùng trí huệ điều phục tâm mình, thị hiện tham lam bôn xén mà bỏ tất cả của cải, chẳng tiếc thân mạng. Đó là lời giảng của Cư sĩ Duy Ma Cật về hành nơi phi đạo gọi là thông đạt Phật đạo.

Còn hỏi thế nào là hạt giống Như Lai?

Cư sĩ trả lời: Có thân là hạt giống Như Lai. Vô minh có ái là giống, tham sân si là giống, tứ điên đảo là giống (Bốn điên đảo: 1. Vô thường chấp thường; 2. Khổ cho là vui; 3. Vô ngã chấp là ngã (ta); 4. Bất tịnh cho là tốt đẹp), ngũ cái là giống (Gồm: Tham ái, sân hận, hôn trầm - thù miên, trạo hối - phóng dật, nghi ngờ), lục nhập là giống (Sắc với mắt, thanh với tai, hương với mũi, vị với lưỡi, tiếp xúc với thân, pháp với ý), thất thức xứ (5 thức đối với 5 giác quan, ý thức và Mạt Na thức) là giống, bát tà pháp là giống (tám tà là: tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà mệnh, tà nghiệp, tà tinh tấn, tà niệm, tà định), cửu não là giống {Buồn (não), khổ (khổ), đắng cay (tắng), hao tổn (nhuế hại), sợ hãi (kỵ), ganh ghét (tật), mất mát (suy), nhục nhã (cơ), chê bai (hủy)}}, thập bất thiện đạo là giống (10 điều ác); nói tóm lại, sáu mươi hai kiến chấp và tất cả phiền não đều là hạt giống Phật.

Nếu kẻ thấy vô vi vào chánh vị thì chẳng thể còn phát Tâm Vô Thượng Bồ Đề nữa. Ví như chỗ gò cao chẳng thể sanh hoa sen, mà nơi bùn lầy ẩm thấp mới sanh hoa sen. Cũng thế, kẻ thấy pháp vô vi vào chánh vị thì chẳng còn có thể sanh khởi Phật pháp, trong bùn lầy phiền não mới có chúng sanh sanh khởi Phật pháp thôi. Như gieo giống nơi hư không thì chẳng thể sanh khởi, ở đất phân bùn mới tốt tươi được; cũng thế, kẻ vào vô vi chánh vị chẳng sanh khởi Phật pháp, kẻ có ngã kiến như núi Tu Di còn có thể phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, sanh khởi Phật pháp.

Nên biết: tất cả phiền não là hạt giống Như Lai, ví như chẳng xuống biển cả thì chẳng được bảo châu vô giá; cũng thế, chẳng vào biển phiền não thì chẳng thể đắc ngọc báu Nhất Thiết Trí vậy.

Lúc ấy Đại Ca Diếp tán thán rằng:

- Lành thay! Lành thay! Lời này rất đúng; thật như lời ông nói, bọn trần lao mới là hạt giống của Như Lai, nay chúng tôi (hàng Thanh Văn) chẳng còn có thể phát tâm Vô Thượng Bồ Đề. Người mang tội ngũ vô gián còn có thể phát tâm sanh nơi Phật pháp, mà chúng tôi đây trọn chẳng thể phát, ví như những người ngũ căn đã hư, đối với ngũ dục chẳng còn cảm xúc. Cũng thế, hàng Thanh Văn đã dứt phiền não trói buộc, xem Phật pháp chẳng còn ích lợi gì nên chẳng phát nguyện nữa; Cho nên, Phạm phu ở nơi Phật pháp có biến chuyển mà Thanh Văn thì không, tại sao? Phạm phu nghe Phật pháp được sanh khởi đạo tâm vô thượng, chẳng dứt hạt giống Tam Bảo; dẫu cho Thanh Văn suốt đời nghe Phật pháp và được sức vô úy v.v... chung qui chẳng thể phát đạo tâm vô thượng.

Chính Phẩm này nói lên một vấn đề mà nhiều người theo Nam Truyền buồn lòng vì không để ý câu chuyện của Kinh Duy Ma Cật có trước khá lâu. Thời nói Kinh Duy Ma Cật, Đức Phật chưa giảng cho hàng Thanh Văn về Đại thừa, nhưng về sau Ngài mới giảng và sau khi đó thì Ngài thọ ký cho các đệ tử Thanh Văn sẽ thành Phật. Vì vậy cho nên những người không nhận chân vấn đề thì thường hay báng bổ nhau, nếu hiểu rồi thì từ nay trở đi nên bỏ qua mọi chuyện “sĩ diện không phải chỗ” thì đâu còn việc bài bác nhau làm cho tâm vẫn đục khiến không thể tu hành được.

Một bên thì bảo Nam Truyền là Tiểu thừa (cỗ xe nhỏ) như hạt giống bị cháy không thể thành Phật được là dựa vào phẩm này, mà không để ý rằng về sau chính Đức Phật đã thọ ký cho hàng Thanh Văn thành Phật thì tiêu nha ở chỗ nào? Còn những người theo Nam Truyền cũng không hiểu rằng kinh Duy Ma Cật đã nói từ trước, mà cho rằng những lời của Ngài Duy Ma Cật là phỉ báng hàng Thanh Văn, do đó đã có những lời rằng “*Kinh giáo Đại Thừa là kinh sách chịu ảnh hưởng của nhiều tôn giáo khác nhau và những phong tục tập quán của con người trên hành tinh này mà thành lập ra giáo lý của mình*” là không hiểu và bóp méo sự thật.

**8. Thứ tám: Phẩm Pháp Môn Không Hai (Bất Nhị):** Cuộc sống của con người có nhiều đau khổ và mãi quẩn quanh trong luân hồi sinh tử là do chấp trước hai thái cực đối nhau; ví dụ như chấp cái ta nên sinh ra chấp cái của ta. Nếu không còn chấp trước thì không còn dính mắc, không dính mắc thì không còn đau khổ; do đó nhập Pháp Môn không hai

là để giải quyết việc vướng mắc của sự đối đãi. Nếu mọi sự đều hết dính mắc ràng buộc như Tám thứ Gió (Bát Phong): Được (Lợi), Mất (Suy), Chê (Hủy), Khen (Dự), Vinh (Xưng), Nhục (Cơ), Buồn (Khổ), Vui (Lạc); tám thứ gió này từng cặp đối đãi nhau, chúng làm cho con người thành điên đảo, nếu hết vướng mắc thì Phật tánh mới có thể hiển lộ.

Trong phẩm này ba mươi một vị Bồ Tát trình bày quan điểm của mình về pháp môn bất nhị, phần Bồ Tát Văn Thù nói: “Nơi tất cả pháp vô ngôn vô thuyết, vô thị vô thức, lia nơi vấn đáp”; còn Cư sĩ Duy Ma Cật im lặng không nói để thể hiện nhập pháp môn bất nhị, vì chẳng có văn tự lời nói mới là chân nhập pháp môn không hai (Đây là một bài học quý giá mà đã có lần Lục Tổ Huệ Năng trả lời câu của Pháp sư Ấn Tông hỏi “Tại sao Ngũ Tổ không truyền thọ chi cả, chỉ luận môn kiến tánh thành Phật mà không luận pháp thiền định và pháp giải thoát” là vì Phật tánh chẳng phải thường cũng chẳng phải vô thường nên là Pháp chẳng hai).

Phải nói thẳng ra rằng: chẳng có Tôn giáo nào trên thế giới loài người này có được lý thuyết Không Hai này, mà thuyết Bất Nhị là đặc thù của Phật pháp, nên nói rằng “*Kinh Duy Ma Cật bị ảnh hưởng của nhiều Tôn giáo khác nhau và những phong tục tập quán của con người trên hành tinh này mà thành lập ra giáo lý của mình*” là cố nói cho có nói mà không hiểu ý nghĩa của Kinh. Phẩm Bất Nhị này mọi người tu hành nên học và hành, không kể Nam truyền hay Bắc truyền, không kể tu pháp môn nào, nếu hiểu biết rõ ràng và hành trì miên mật sẽ rất mau thấy đạo vậy.

**9. Thứ chín: Phẩm Phật Hương Tích:** Nhân tứ chúng sắp tới giờ ăn nên Tôn giả Xá Lợi Phất tự hiện nghi đến việc ăn để Cư sĩ có dịp dùng thần thông trong việc thị hiện cõi Chúng Hương và việc thị hiện Bồ Tát huyễn đi thỉnh một bát cơm hương đặc biệt của Phật Hương Tích, có vô số Bồ Tát cõi ấy cùng đi theo, mang về cho đại chúng ăn no đủ. Sau đó Cư sĩ trao đổi với các Bồ Tát cõi Chúng Hương về cách dạy của Phật Hương Tích chẳng dùng lời nói văn tự, chỉ dùng mùi diệu Hương khiến các Trời Người được vào luật hạnh; còn cõi Ta Bà này chúng sanh càng càng khó dạy, nào là địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, là chỗ tai nạn, là nơi sanh của kẻ ngu. Hễ thân khẩu ý hành việc tà, thì bị quả báo dữ, nên Phật Thích-ca thuyết pháp những lời càng càng để điều phục họ như Lục độ, Tứ nhiếp pháp...

**10. Thứ mười: Phẩm Hạnh của Bồ tát:** Phẩm này trình bày về việc Cư sĩ Duy Ma Cật đưa các Bồ Tát cõi Chúng Hương và đại chúng tới tham kiến Phật Thích Ca. Nhân việc này Tôn giả A Nan khi ngủ thấy mùi

hương thơm đặc biệt và được Cư sĩ giảng ý nghĩa của Cơm cỗi Chúng Hương. Tôn giả cũng được Đức Phật giảng dạy về trí huệ biện tài bất khả tư nghị của Chư Phật và các sự giáo hóa khác nhau của các cỗi Phật đều tùy duyên mà làm Phật sự để dẫn dắt chúng sinh.

Và cũng nhân dịp này, Đức Thích Ca giảng cho các Bồ Tát cỗi Chúng Hương về pháp môn Hữu tận Vô tận giải thoát bằng cách không tận Hữu vi mà cũng không trụ Vô vi. Không tận Hữu vi là chẳng bỏ đại Từ đại Bi... Không trụ Vô vi là Quán pháp vô thường mà chẳng chán pháp thiện, quán thế gian khổ mà chẳng ghét sanh tử, quán pháp vô ngã mà dạy người chẳng thôi nghĩ...; ở đây cũng là bài học hữu ích cần thiết cho mọi Phật tử chúng ta học và hành chứ không riêng gì các vị Bồ Tát cỗi Chúng Hương đâu.

**11. Thứ mười một: Phẩm Bất Động Như Lai:** Phẩm này Đức Phật hỏi Cư sĩ: Ông muốn gặp Như Lai, mà lấy gì để quán Như Lai? Duy Ma Cật thưa: “Như quán thật tướng tự thân, quán Phật cũng vậy. Con quán Như Lai, việc trước chẳng đến, việc sau chẳng đi, nay cũng chẳng trụ (lúc nào cũng như như). Chẳng quán sắc, chẳng quán sắc như (như tự tánh), chẳng quán sắc tánh; cho đến thọ tướng hành thức cũng chẳng quán theo như thế (nghĩa là các thứ đó không còn dính mắc nên không phải quán nữa). Tứ đại (đất nước gió lửa) chẳng khởi đồng như hư không, Lục nhập vô tụ (sáu trần đối với sáu căn không nhóm họp chứa chất) siêu việt lục căn; chẳng ở tam giới (Trời, Thần, Người), tam cấu đã lìa (tham sân si), tùy thuận ba cửa giải thoát...”; tóm lại, tức là quán thân Như Lai như thể không hiện hữu. Do đó, nếu người nào thích hợp với Pháp Môn quán này thì nên tu theo thực hành kiên cố nhuần nhuyễn cách quán Như Lai mà Cư sĩ trình với đức Phật, thì người đó sẽ thấy Như Lai của chính mình vậy; đây là bài học quý giá vô cùng.

Cũng vì việc Tôn giả Xá Lợi Phất thắc mắc về nguồn gốc của Cư sĩ mà Đức Phật cho biết cỗi Diệu Hỉ có Đức Phật Bất Động và do đó bốn chúng ước ao thấy cỗi ấy, nên Đức Phật yêu cầu Cư sĩ cho đại chúng được thấy. Vâng lời Phật Thích Ca, Cư sĩ thị hiện Thần lực đưa cả cỗi Diệu Hỉ có Phật Bất Động và vô số Bồ Tát, Thanh Văn đến gần, mọi người đều thấy rõ ràng.

Ở đây, chúng ta thấy Thần lực của Chư Phật và Chư đại Bồ Tát làm các việc bất khả tư nghị như trên cũng ví như ngày nay khoa học tiến bộ có thể chụp hình từ rất xa nhưng chẳng phải xa đâu như sao Hỏa chẳng hạn rồi truyền về trái đất cho mọi người đều thấy vậy thôi, không có gì nghi ngờ cả. Còn các Đại Thánh thì có thể tạm gọi là chụp hình ở cách xa vô

lượng giải Ngân hà, xa hàng tỷ tỷ năm của tốc độ ánh sáng, rồi đem về cho mọi người thấy chỉ trong giây phút thôi, rõ ràng không thể suy nghĩ bàn luận gì được các việc làm của Phật và Đại Bồ Tát.

Kết luận: Kinh Duy Ma Cật với những đặc biệt về tâm tịnh thì sinh đến nơi tịnh, tâm uế thì sinh nơi uế, về phá chấp thật lời nói và văn tự; về tánh không để phá ngã chấp và pháp chấp. Ngoài ra Kinh còn dạy Pháp Môn Không Hai để trị đối đãi điên đảo của thế gian, và nhiều vấn đề đã nêu ở trên chứng tỏ những lý thuyết cao siêu của Đạo Phật; như vậy nếu nói “*Kinh này, Giáo lý Đại Thừa và Thiền Đông Độ không có gì đặc biệt riêng, mà chỉ khéo dùng những danh từ thật kêu giống như vẽ rắn thêm chân thêm râu, khiến cho mọi người bị lờng gạt tưởng là rồng thật, tưởng là một chân lý siêu việt của Đạo Phật, nào ngờ là một giáo lý chấp vá, như chiếc áo may nhiều loại vải thô xấu....*” thì thật là bất công vì chẳng hiểu Kinh Duy Ma Cật một chút nào nên tuyên bố bừa bãi như thế.

Xin lược trích thêm phần Cư Sĩ Duy Ma Cật tại Ấn Độ thời Phật do Hòa Thượng Thích Trí Quang viết trong phần Tổng Quan kinh Duy Ma Cật như sau:

“Ngài Thái Hư ghi: Đời Đường có Vương Huyền Sách từng đến Ấn độ, bấy giờ nhà của ngài Duy ma vẫn còn. Ông vốn ngờ kinh này nói nhà này nhỏ mà chứa được 900 vạn trời người và 32000 tòa sư tử cao lớn, tòa sư tử thì xác định lớn, mà nhà không biết nhỏ đến đâu. Ông lấy hốt mà đo nhà thì 4 phía đều được 10 hốt, mỗi hốt 1 thước, tức 1 trượng, do vậy mà tán thán thần lực của ngài Duy Ma. Ngài Huyền Trang cũng đến Ấn độ, từng đến nhà ngài Duy ma, nhìn cái nhà nhỏ, bụng nghi kinh nói không thật, muốn viết lên vách nhà để tỏ ý mình. Nào ngờ chấm bút muốn viết thì vách với người cách nhau mãi mà không gần được, sờ cũng không được, gần cả buổi mà không viết được chữ nào; Ngài gác bút mà tán thán di tích còn thế, huống chi thần lực xưa kia (Thái hư toàn thư, 866).

Tham chiếu các kinh khác, như kinh Nguyệt Thượng Nữ chép: ngài Duy Ma họ Lô, vợ là Kim Cơ, con trai là Thiện Tư, con gái là Nguyệt Thượng. Vậy ngài Duy Ma là người thật đời Phật (Thái hư toàn thư 903).

Vài ghi chép trên đây chứng tỏ ngài Duy ma không những là người thật thời Phật, mà còn là vị đại Cư sĩ, đại bồ tát đến có thể gọi là bồ tát bất khả tư nghị. Tuy nhiên, tại sao sách vở của Phật giáo nguyên thủy ghi về đệ tử tại gia danh tiếng của Phật không thấy ghi về ngài, tất phải có một sự húy kỵ nào đó (xin thưa: húy kỵ vì đời sau hiểu lầm Ngài hạ thấp hàng Thanh Văn nên vứt bỏ Ngài khỏi kinh tạng Nam Truyền cho rảnh mắt (!) vậy thôi, có biết đâu rằng ngài Duy Ma Cật là người quyết dạn

đẹp đường xá cho quang đãng sạch sẽ để Phật đi được dễ dàng, vì kinh Duy Ma Cật có trước khi Phật giảng cho hàng Thanh Văn lên một tầng cao hơn và sau đó Phật thọ ký cho hàng Thanh Văn sẽ thành Phật vậy). Thời Phật, nói bồ tát chỉ có đức Di lạc, là sai. Ngoài đức Di Lạc, và ngài Duy Ma, nổi tiếng còn có hoàng hậu Thắng Man, nhất là có 16 người gọi là nhóm Hiền hộ; tất cả đều không được sách vở Phật giáo nguyên thủy ghi đến”.

\*  
\* \*

## **ĐỨC PHẬT DẠY** (Kinh Pháp Cú)

**Đem ác ý xâm phạm đến người không tà vạy, người thanh tịnh vô nhiễm, tội ác sẽ trở lại làm hại kẻ ác như ngược gió tung bụi.**

## **XI). KINH THỦ LĂNG NGHIÊM LỪA ĐẢO MỌI NGƯỜI**

### **TRƯỞNG LÃO THÍCH THÔNG LẠC VIẾT:**

*“Kinh Thủ Lăng Nghiêm đã lừa đảo mọi người; Tánh Biết, Tánh Thấy, Tánh Nghe, những tánh này là thường, lạc, ngã, tịnh, nó luôn luôn có trí tuệ diệu dụng, hằng giác, sáng suốt vô hạn, thế mà lại chui vào cái dải da hôi thúi. Thiền Sư Triệu Châu trả lời cho một thiền tăng hỏi đạo: biết mà cố phạm. Xưa Đức Phật cho những luận thuyết này là những loại luận thuyết trườn uốn như con lươn... Kinh Thủ Lăng Nghiêm là kinh phát triển của Đại Thừa, do người sau viết ra mạo nhận là Phật thuyết, nên lối lý luận thiếu chân thật, không logic, thường mâu thuẫn, v.v... Kinh này chỉ dạy cho chúng ta thấy Phật Tánh thường hằng sáng suốt từ vô thủy cho đến nay. Tất cả chúng sanh từ loài côn trùng, cầm thú đến loài người đều có, có mà ngu như con bò, nên thường chịu khổ từ kiếp này sang kiếp khác. Thà là chịu ngu như loài cầm thú còn hơn có Tánh Giác mà lại ngu thì mới buồn cười cho loại kinh sách xảo ngôn. Suy nghĩ chút xíu, chúng ta sẽ thấy rất nhiều cái sai trong kinh này..[ĐVXP-Tập 8]*

## PHẢN BIỆN:

### 1). Tánh thấy nghe sáng suốt mà chui vào cái đẫy thối

#### HÒA THƯỢNG THÔNG LẠC VIẾT:

*“Kinh Thủ Lăng Nghiêm đã lừa đảo mọi người. Tánh Biết, Tánh Thấy, Tánh Nghe, những tánh này là thường, lạc, ngã, tịnh, nó luôn luôn có trí tuệ diệu dụng, hằng giác, sáng suốt vô hạn, thế mà lại chui vào cái đẫy da hôi thúi”* là miệt thị quá đáng; Kinh Thủ Lăng Nghiêm là một Kinh khó hiểu nên nhiều người đọc không nắm được yếu chỉ của Kinh, nếu không hiểu nghĩa Kinh mà nói rằng Kinh Lăng Nghiêm lừa đảo mọi người thì không nên nói, bởi vì:

Tánh nghe tánh thấy v.v... biểu trưng cho tánh Bồ Đề, nó luôn luôn có trí tuệ diệu dụng, sáng suốt vô hạn, nó thường hằng như hư không, chẳng tăng chẳng giảm, chẳng dao động; nó luôn luôn tồn tại dù đi đứng nằm ngồi hay chết đi nó vẫn không mất vì nó là bất diệt. Sinh tử tiếp nối, đều bởi tâm mê, tâm không là tâm, nhân vì sắc che lấp thành tâm mê; tâm mê làm ô nhiễm tánh thể diệu minh, tánh diệu cường mê để làm mất năng lực chánh định, đọa lạc sinh tử che mất tự tánh chân thường.

Tánh vốn chẳng phải thấy, giá nơi căn mà soi sáng; phân biệt theo vọng duyên, đều do tánh thấy. Thấy sắc thì tâm mờ tối, thấy tướng thì tâm phát sinh: đồng nơi tâm và mắt này mà phân chia có hơn có kém; cái tánh thấy tánh nghe v.v... có thể nói nó biểu hiện của bản thể chân như dưới cái dụng, vì bản thể chân như biểu hiện qua hiện tượng vạn hữu.

Tại sao nó lại chui vào cái đẫy da thịt hôi thối? Cái tánh thấy tánh nghe nó chẳng chui vào cái đẫy da thịt hôi thối, mà nó đã có sẵn từ hồi vào nằm trong bụng mẹ và được sinh ra, chứ chẳng phải nó từ ngoài chui vào sau khi sinh ra đâu; nó vào bụng mẹ và được sinh ra bởi có liên quan nghiệp duyên của cá thể bản thể nghiệp thức của mỗi chúng sanh.

Trong cuộc sống: chúng ta chấp tâm vướng víu cảnh duyên mà phán đoán thì phán đoán đó cũng chỉ là pháp tướng vướng mắc, chưa phải là pháp tánh. Sáu căn chạy theo sáu trần sinh ra dài ngắn, đẹp xấu, đúng sai, yêu ghét điên đảo, rồi bị cuốn theo việc được mất, vinh nhục, khen chê, vui buồn của dòng đời làm cho chân tánh bị lu mờ như mặt trời bị mây che, như nước vẫn đục làm mờ tính trong của nước, như bụi phủ mặt gương trong sáng vậy. Chúng ta hãy cùng xem một đoạn Kinh Lăng Nghiêm mà Đức Phật dạy Tôn giả An Nan mà chúng ta đều phải học như sau:



“Ông A Nan nghe lời dạy bảo thâm thiết của Phật, sung sướng rơi nước mắt, vòng tay mà bạch Phật rằng: Con nghe diệu âm của Phật, dù nhận rõ chân tâm minh diệu vốn là tâm địa thường trú viên mãn, nhưng chỉ nhận trên pháp âm Phật nói; con đang dùng tâm vướng víu cảnh duyên thỏa mãn lòng ái mộ Phật.

Con cũng chỉ nhận thức được một cách mơ hồ chưa dám nhận đó là tâm địa vốn có của mình. Mong Phật thương xót dùng viên âm dạy bảo, nhổ gốc nghi ngờ cho con được về với đường vô thượng giác.

Phật bảo: Các ông còn lấy tâm vướng víu cảnh duyên mà nghe pháp, thì pháp đó cũng chỉ là pháp tướng vướng víu tạm thời, chưa phải nhận được pháp tánh. Ví như có người lấy ngón tay chỉ trăng, người trí nương ngón tay để tìm thấy trăng, nhưng nếu cho ngón tay là trăng, thì không những bỏ mất mặt trăng mà cũng bỏ mất luôn cả ngón tay nữa; vì ngón tay mà đã tưởng là trăng, thì cũng không biết thế nào là sáng, thế nào là tối!

Nay ông lấy sự phân biệt pháp âm của Ta mà cho là tâm, thì lúc không có pháp âm, lẽ ra ông phải còn phân biệt; ví như người ngủ trọ, hết ngủ thì đi, còn chủ quán trọ thì vĩnh viễn ở luôn không đi đâu nữa; cũng vậy, nếu thật là tâm của ông thì không đi đâu, tại sao rời âm thanh thuyết pháp của Ta, cái phân biệt của ông không còn? Sự phân biệt về âm thanh đã vậy, sự phân biệt sắc hương vị xúc cho đến các phi sắc phi hương của pháp trần cũng vậy. Rời đối tượng phân biệt ra cái phân biệt của ông phải thường còn, thì đó mới thật là tâm tánh của ông; trái lại, hễ đối tượng không có, phân biệt cũng không còn, thế là tâm tánh của ông có chỗ trả về, như khách đến rồi đi, không còn là địa vị chủ nhân ông thường trú.

Ông A Nan thưa: Bạch Thế Tôn! Nếu tâm tánh con có chỗ trả về, vậy cái chơn tâm minh diệu Như Lai nói, vì sao lại không có chỗ trả về (?); xin Phật thương xót vì chúng con dạy bảo.

Phật bảo: A Nan! Cái thấy mà ông thấy Ta, dù không phải là chân tâm minh diệu, nhưng nó là tánh thấy trong sáng chưa nhuộm trần lao; nó như vành trăng thứ hai chứ không đến nỗi như bóng trăng đáy nước; Ông hãy chín chắn lắng nghe, nay Ta chỉ cho ông cái nghĩa không chỗ trả về.

A Nan! Đại giảng đường này mở rộng, phương đông mặt trời lên thấy sáng suốt; đêm ba mươi không trăng không mây mù, thấy tối đen. Chỗ có cửa mở thấy thông thương, chỗ có tường thấy ngăn bít, chỗ có phân biệt được thấy cảnh sắc; chỗ trống trơn thấy hư không, chỗ bụi cát tung lên thấy mịt mù, chỗ mưa tạnh mây tan thấy quang đãng.

A Nan! Ông đã thấy các tướng biến hóa như vậy, nay Ta trả các tướng ấy về chỗ bản nhân của nó; A Nan! Cái sáng trả về cho mặt trời, vì không

*mặt trời thì không sáng; bản thân cái sáng thuộc về mặt trời, cho nên trả về cho mặt trời; tối đen trả về cho đêm ba mươi, thông thương trả về cho cửa. Ngăn bít trả về cho tường; cảnh sắc trả về cho phân biệt, hư không trả về cho khoảng trống.*

*Mịt mù trả về cho cát bụi, quang đấng trả về cho mưa tạnh mây tan; sự vật thế gian tuy nhiều, nhưng không ngoài các thứ đó; còn cái thấy mà ông thấy tám thứ đó, ông định trả nó về đâu? Nếu ông trả về cho sáng thì lúc không có sáng lẽ ra ông không thấy được tối. Nhưng trước mắt ông, sáng và tối có sai khác mà cái thấy của ông thì không sai khác; cái có chỗ trả về hẳn nhiên không phải là ông, còn cái thấy không thể trả về đâu, nếu không phải ông thì ai lên vô đó?*

*Vậy nên biết rằng: Tâm ông vốn nhiệm màu, thanh tịnh sáng suốt mà ông tự mê mờ bỏ mất gốc, nhận chịu luân hồi thường bị chìm đắm trong biển sanh tử; thế nên Như Lai gọi các ông là những người đáng thương xót!”*

Nghe Phật giảng rõ ràng như vậy, nếu chúng ta loại bỏ được tất cả những tâm vướng mắc cảnh duyên như sáng tối, thông bít, sắc không, trong đục là các tướng có chỗ trả về nơi sinh ra nó, và phát hiện ra cái không có chỗ trả về, tức là phát hiện được cái tánh thấy không có chỗ trả về vốn có của mình, đó là sự thường trú của tánh thấy là hiện tượng biểu hiện của chân tâm. Nhưng cái tánh thấy nghe ấy cũng chỉ là vàng trắng thứ hai thôi chứ chưa thực hẳn là vàng trắng, vì như trên đã trình bày cái tánh thấy nghe này chính là cái dụng của chân tâm biểu hiện bằng tánh thấy nghe mà thôi; nếu không hiểu ý nghĩa sâu thẳm của lời Kinh Phật dạy lại có tà kiến về những lời dạy cao siêu này thì sao khỏi là người ruồng bỏ lời dạy quý báu của Phật?

Bởi vậy, nói: “*Kinh Thủ Lăng Nghiêm đã lừa đảo mọi người. Tánh Biết, Tánh Thấy, Tánh Nghe, những tánh này là thường, lạc, ngã, tịnh, nó luôn luôn có trí tuệ diệu dụng, hằng giác, sáng suốt vô hạn, thế mà lại chui vào cái da hôi thúi*” là không nắm vững lời Phật dạy.

## **2). Thiền sư luận thuyết trườn uốn như con lươn**

### **TRƯỞNG LÃO THÔNG LẠC VIẾT:**

*“Thiền Sư Triệu Châu trả lời cho một thiền tăng hỏi đạo: biết mà cố phạm. Xưa Đức Phật cho những luận thuyết này là những loại luận thuyết trườn uốn như con lươn...”* Muốn biết rõ có phải như tác giả

Thông Lạc lên án không, chúng ta nêu ra câu chuyện hỏi đạo Thiền Sư Triệu Châu xem như thế nào?

Có người hỏi: Con chó có Phật tánh không?

Thiền Sư Triệu Châu trả lời: Không

Hỏi: Tại sao?

Đáp: Vì nó còn có nghiệp thức (Ý nói Phật tánh bị nghiệp thức che lấp mất)

Có người khác hỏi Thiền Sư Triệu Châu: Con chó có Phật tánh không?

Đáp: Có

Hỏi tiếp: Có Phật tánh tại sao chui vào trong đẫy da?

Đáp: Vì biết mà cố phạm.

Cố phạm ở đây có nghĩa là cố phạm tội gây nghiệp báo nhân quả nên phải chịu quả báo vào trong đẫy da, chứ không phải Ngài Triệu Châu trả lời theo kiểu luận thuyết trườn uốn như con lươn mà tác giả Thông Lạc không hiểu nên ám chỉ đâu. Bởi vì đây là thiện xảo của Phật, chư Tổ và chư Thiền sư, cùng một câu hỏi, mà đối với người này trả lời thế này, đối với người kia trả lời thế khác, lúc này trả lời thế này, lúc khác trả lời thế khác, đều là tùy theo căn cơ, hay nói cho rõ hơn, tùy theo bệnh “chấp thật” sâu hoặc cạn của chúng sinh mà cho thuốc khác nhau.

Cũng vì các Ngài biết được tâm người hỏi muốn chấp có hay chấp không mà các Ngài trả lời khác nhau, mục đích là đưa người hỏi đến chỗ bế tắc không thể suy nghĩ gì được cả, từ chỗ không thể suy nghĩ ấy nếu người tham thiền cơ duyên đã chín mùi rồi thì người đó liền đại ngộ chỉ trong sát na. Để thấy rõ là các Thiền sư đều hành theo đức Phật, chúng ta hãy cùng đọc một đoạn trong “Công Án của Phật Thích Ca” do Hòa Thượng Thích Duy Lực dịch như sau:

Một hôm ngoại đạo hỏi Phật: Hôm qua Ngài thuyết pháp gì?

Phật nói: Thuyết pháp nhất định.

Ngoại đạo lại hỏi: Hôm nay thuyết pháp gì?

Phật nói: Pháp chẳng định.

Ngoại đạo nói: Tại sao hôm qua thuyết pháp nhất định, nay lại thuyết pháp chẳng định?

Phật nói: Hôm qua “định”, hôm nay “chẳng định”.

Đây là Phật đưa người này vào chỗ bế tắc suy nghĩ, nếu cơ duyên đầy đủ thì liền ngộ, còn không thì cứ thế mà thắc mắc mà tham đi; một hôm khác sau khi Thế Tôn thăng tòa, có một Bà La Môn đến cúng dường hoa Ngô đồng.

Phật bảo: Buông xuống đi!

Bà La Môn buông hoa bên tay trái xuống.

Phật bảo tiếp: Buông xuống đi!

Bà La Môn buông hoa còn lại bên tay phải xuống.

Phật lại bảo: Buông xuống đi!

Bà La Môn nói: Nay hai tay con đã không còn gì, sao Phật còn bảo buông cái gì xuống nữa?

Phật nói: Chẳng phải Ta bảo ông bỏ hoa, ông phải buông xả ngoài lục trần, trong lục căn, giữa lục thức, nhất thời xả hết đến chỗ không còn gì để xả; ấy chính là buông thân xả mạng của ông.

Bà La Môn ngay đó ngộ vô sanh nhẫn (thể nhập lý không sinh không diệt)

Chúng ta thấy rõ thiện xảo của chư Thiên sư không khác những gì đức Phật đã từng làm, vì vậy không nên giữ tà kiến sai lầm mà báng bổ các vị Thiên sư và cho những luận thuyết của các ngài là những loại luận thuyết trườn uốn như con lươn con chạch (thường hay chui lườn trong nước bùn để trốn nguy hiểm) là không nên.

### 3). Kinh Lăng Nghiêm lý luận thiếu chân thật

#### HÒA THƯỢNG THÔNG LẠC VIẾT:

*“Kinh Thủ Lăng Nghiêm là kinh phát triển của Đại Thừa, do người sau viết ra mạo nhận là Phật thuyết, nên lối lý luận thiếu chân thật, không logic, thường mâu thuẫn, v.v..”*

#### PHẢN BIỆN:

Tác giả Thông Lạc đã không nêu ra các chứng minh cho điều mình viết, sự thật chẳng ai đủ trí tuệ để viết Kinh Lăng Nghiêm lý luận có thứ lớp, có logic, không mâu thuẫn, chỉ có các bậc Bồ Tát, Tổ Sư mới có thể căn cứ vào lời Phật dạy để viết ra mà thôi, nên chúng ta phải vững tin không nên vì sự không hiểu của mình rồi nói những điều sai quấy mà sinh tội phỉ báng bậc Thánh.

### 4). Có Phật tánh mà ngu như con bò

#### TRƯỞNG LÃO THÔNG LẠC VIẾT:

*“Kinh này chỉ dạy cho chúng ta thấy Phật Tánh thường hằng sáng suốt từ vô thủy cho đến nay. Tất cả chúng sanh từ loài côn trùng, cầm thú đến loài người đều có, có mà ngu như con bò, nên thường chịu khổ từ kiếp này*

*sang kiếp khác; thà là chịu ngu như loài cầm thú còn hơn có Tánh Giác mà lại ngu thì mới buồn cười cho loại kinh sách xảo ngôn” ...*

## **PHẢN BIỆN:**

Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, nhưng vì bị vô minh che lấp như trên đã viết, nên chưa thấy tánh, chưa thấy tánh thì mọi chúng sanh chỉ sử dụng bộ óc để suy nghĩ, mà bộ óc thì tùy nghiệp đã tạo từ kiếp trước để có trí hiện tại, thông minh hay ngu đần đều tùy thuộc ở nghiệp đã tạo. Rõ ràng rằng tác giả không hiểu và không chấp nhận mỗi chúng sinh đều có Phật tánh, cũng không biết rằng Phật tánh bị vô minh che lấp, nên mới nói *“Thà là chịu ngu như loài cầm thú còn hơn có tánh giác mà lại ngu”*. Bởi vì tánh giác bị vô minh che lấp như mây che mặt trời, như nước bị khuấy động làm đục mất tính trong của nước không thể thấy vật ở dưới đáy, như gương bị phủ bụi không thể thấy mặt mũi được

Do không hiểu bản tâm diệu giác sáng suốt sẵn có của mình, nên từ mê, chừa chấp thêm mê, khởi sanh ra các đường luân hồi mãi. Do nhận thức sai lầm khiến cho con người bỏ mất bản tâm thanh tịnh, bản giác thường trú của mình; nếu tu hành liễu đạt được tự tâm diệu giác hiển lộ. Cũng như mây đã tan hết nên sẽ thấy mặt trời, như nước đã lắng trong sẽ thấy các vật dưới đáy rõ ràng, như gương đã lau sạch hết bụi sẽ thấy mặt mũi rõ ràng. Người tu đến liễu đạt lúc đó sẽ hiểu biết suốt thông, dù là người ngu si vô học không biết một chữ như Lục Tổ Huệ Năng bên Trung Hoa chẳng hạn, khi Ngài ngộ rồi thì không ai có thể cãi lại Ngài, vì khi Đạt đạo sẽ có đủ Tam minh Tứ trí Lục thông, nghĩa là có Tuệ Giác hiển lộ và biết ra khỏi sinh tử luân hồi y như vị A La Hán vậy.

## **5). Kinh Lăng Nghiêm có nhiều cái sai**

### **HÒA THƯỢNG THÔNG LẠC VIẾT:**

*“Nếu suy nghĩ chút xíu, chúng ta sẽ thấy rất nhiều cái sai trong kinh (Lăng Nghiêm) này”.*

### **PHẢN BIỆN:**

Thực ra tác giả Thông Lạc đã không dẫn chứng được những chỗ sai, tại sao sai, thế nào là đúng là sai. Chúng ta đã đọc một đoạn lời Phật giảng về cái tánh thấy ở trên và còn biết bao nhiêu lời giảng trong Kinh Lăng Nghiêm như bảy lần phá bỏ vọng thức bị nhận lầm là tâm, và mười phen chỉ rõ cái tánh thấy biết của con người không phải là cái thấy biết ở

giác quan, làm sao an trụ tâm, cách tu “Phản Văn Văn Tự Tánh”, v.v... đều là những bài học quý giá cả, chẳng thể bảo là sai trái được.

Nhân tiện, cũng xin lược trích vài đoạn của Thích Huệ Hưng phỏng dịch cuốn “Pháp Môn Tu Chứng Lăng Nghiêm Đại Định” để lưu ý hành giả tu theo Kinh Lăng Nghiêm như sau: “Phần nhiều người tu hành quan niệm đạt đến trạng thái tĩnh lặng, dứt niệm gọi là đã đắc định, nhưng thật ra vẫn chưa thoát khỏi khuôn khổ của tâm thức; chúng ta cần phải xả bỏ tâm thức dưới mọi hình thái mới hy vọng đạt được tánh định sẵn có của tự tâm, khi đã lìa bỏ được tâm thức vọng niệm đó, ta mới nhận rõ được thể tánh thấy nghe, hiểu biết thường tại trong các giác quan của mình.

Nếu cố gắng cưỡng ép tâm thức sanh diệt để cho yên định, thì chưa tỏ ngộ được chân tâm bất động sẵn có, mà sẽ nhận lầm sự giả tướng là chân thật; thân ta dầu trải qua vô số kiếp trong nẻo luân hồi, nổi trôi trong hằng sa thế giới, nay đây mai đó, cái tánh thấy vẫn thường hằng như hư không, chẳng bao giờ suy giảm, dao động. Nếu hiểu được nơi thân mình cái diệu tánh sẵn có, luôn luôn bất động, không liên hệ đến thân cảnh vọng động lao xao, căn tánh là chân thể của vạn vật, vạn vật là giả tướng của căn tánh.

Cái chân tâm sâu kín nhiệm mầu vẫn tàng ẩn dưới dạng tánh thấy nghe thường nhật, ngày nay người học đạo ỷ lại vào tánh (thiên chân) của mình, không cầu đến chỗ cứu cánh; nghe luận đến căn tánh hiện khởi, lại chấp thủ lấy bản thể thường tịch, lìa bỏ sự tu chứng. Mới an trụ vào bậc sơ giải nhân không (có tri kiến vô ngã) đã tự mãn, không ngờ rằng vi tế nghiệp (vi tế phiền não) vẫn chưa tiêu, làm sao thoát khỏi cảnh giới tình trần; Tâm sinh diệt chưa dứt, làm sao vượt khỏi muôn trùng khổ não trong ba cõi để đạt chứng viên thông, như người canh giữ kho vàng mà vẫn chịu nghèo nàn khổ lụy vậy”.

Về tu chứng lược tóm mục: “Vào đường tu chứng, con đường tinh tấn” như sau: “Hạ thủ công phu đầu tiên là chuyên nghe trở lại tự tánh”. Nghe trở lại tự tánh không phải là lối nghe thông thường bằng nhĩ căn, hiểu biết bằng nhĩ thức, mà chỉ là tánh nghe trong nhĩ căn, tức là cái lý thể vô phân biệt. Với tánh nghe này, dù có hay không có âm thanh vẫn được sáng tỏ rõ ràng, không sai sót, giống như tánh thấy vậy. Như tấm kiếng dù có hình hay không hình, kiếng vẫn sáng tỏ.

Đây chỉ căn cứ vào cái quán xét tiếng tăm, nêu rõ cái thể tánh nghe, không lấy cảnh động tịnh bên ngoài làm tánh nghe... Khi đạt được tánh nghe này mới biết nó sẵn có tự bao giờ, không do tu mới thành, chúng ta bị ám thị ngoại cảnh do loạn tâm nên không biết. Phải tự nghe trở vào

bên trong tự tánh của mình, tuyệt đối một niệm không móng khởi, hồi quang phản chiếu vào tự tánh; khiến diệu cảnh thường hiện hữu, vắng lặng, trong sáng, không được gián đoạn, thiền gọi là công phu miên mật.

Chú tâm thường xuyên vào tự tánh gọi là nhập lưu, vọng ngoại theo tiếng gọi là xuất lưu; dùng cách nhập lưu trở về tự tánh gọi là hiệp giác (hợp với tánh giác), lia bỏ mọi âm thanh ngoại cảnh (thinh trần) gọi là bội (trái ngược) trần (phủi bỏ trần cảnh). Một khi hành giả không chú tâm vào tiếng tăm bên ngoài, chỉ hướng vào trong tánh nghe an trụ vắng lặng, thòi những phân biệt thô thiển không còn nữa, tánh nghe sẽ hiện rõ như mặt nguyệt mùa thu, trong suốt. Nếu thoáng chốc lưu tâm đến âm động bên ngoài, tánh nghe sẽ mờ mịt, không còn sáng suốt nữa; vì vậy không bao giờ quan tâm đến động tịnh, (động tịnh đều không) mới thành tự tánh bản định.

Thực hành lâu dài chắc chắn thành tựu, thể dụng viên dung kín nhiệm đều do tâm địa phát ra. Đó gọi là phát minh bản tánh, chân như diệu giác sáng suốt.

Tu đến đây là cùng tột của sự vong trần (quên), về công năng ngôi vị, ngang hàng Sơ quả của Thanh Văn. Kinh Kim Cang nói: Gọi là nhập lưu mà thật ra không có chỗ vào, vì không vào, sắc, thính, hương, vị, xúc, pháp nên gọi là Tu-Đà-Hoàn. Đây là khi lia được thanh trần thì 6 trần kia đều chấm dứt.

Căn diệt nhưng tánh vẫn còn; căn trần đều dứt năng sở đều vong (mất, chết), không còn tự tha, chỉ một pháp tánh gọi là nhân không, địa vị đồng thời với A La Hán, quả thứ tư của Nguyên Thủy; Kiến hoặc và Tư hoặc đều chấm dứt (cái thấy hiểu sai lầm và nghiệp tập đều chấm dứt). Khi thoát khỏi cả căn và trần, tịch cảnh (tâm tịnh) hiện ra, đó là cảnh sở giác (cảnh được ngộ). Cái trí chiếu soi cảnh sở giác gọi là năng giác (trí ngộ, trí chứng), trí năng giác và cảnh sở giác đều vắng lặng, không còn tương đãi đối lập nhau; đến đây ra khỏi giác quán, lia được pháp chấp, đoạn dứt phân biệt phiền não nhỏ nhiệm.

Bây giờ tiếp đến thoát ly trí trùng (cùng nhau) không (hai cái không), tức là trí diệt hết cả cái trí và cảnh không đã nói ở trên; bởi vì cái trí “trùng không” vừa khởi lên chưa đầy đủ nên cái trí và cảnh không đó trở thành cảnh sở không, và cái trí trùng không thành trí năng (sức làm việc) không, cả hai vẫn tồn tại. Vì vậy, chẳng những trí cảnh sở không kia phải dứt, mà cái trí trùng không cũng phải diệt luôn. Khi duyên ảnh chướng ngại vi tế đó chấm dứt, thành tựu được pháp giải thoát (pháp không), tánh thể chơn quang hiển lộ, trần (thế gian) sa (sai lầm) hoặc ((lừa dối, mê loạn) sạch hết.

\*  
\* \*

## **XII). KINH VIÊN GIÁC KHÔNG PHẢI PHẬT THUYẾT**

### **TRƯỞNG LÃO THÍCH THÔNG LẠC VIẾT:**

*“Kinh Viên Giác không phải kinh sách Phật thuyết mà do các Tổ thuyết, nhưng các Tổ khôn khéo gán cho Phật thuyết để dễ lừa đảo tín đồ Phật Giáo và tín đồ Phật Giáo cũng dễ tin tưởng là tất cả kinh đều do Phật thuyết vì kinh sách Đại Thừa tập kinh nào cũng bắt đầu bằng câu: Như thị ngã văn nhất thời Phật tại Xá Vệ Quốc, kỳ thọ Cấp Cô độc viên dũ ... , chỉ nội câu này cũng đủ lừa đảo người khác rồi. Kinh sách Đại Thừa nào cũng có hai phần: 1- Dụ dỗ 2- Hăm dọa”.*

### **PHẢN BIỆN:**

**1). CHƯ TỔ LÀ NHỮNG NGƯỜI ĐÃ ĐẠT ĐẠO** nên sự hiểu biết rất rộng lớn, tuy không thể bằng Phật, nhưng so với những người chưa đạt đạo thì các Ngài vượt trội về trí tuệ. Hơn nữa, các vị Tổ Sư của Phật giáo không bao giờ có những lời lẽ trái với ý Phật, các Ngài có viết ra thì cũng dựa vào những lời nói của Phật mà viết thành Kinh Luận, vì thời Phật tại thế những lời giảng dạy của Phật không được ghi lại, mà chỉ được kết tập sau khi Đức Phật nhập Niết Bàn 3 tháng và các lần kết tập khác mãi về sau này kể cả Kinh Tạng Nguyên Thủy Nam Truyền chứ không riêng gì Kinh Tạng Bắc Truyền; nên khi kết tập không thể tránh được một số vấn đề còn sót chưa nêu ra hết, nhất là những vấn đề khó khăn cao siêu ít được đề cập đến.

Chúng ta thử phân tích sơ qua một vài phẩm của kinh Viên Giác để thấy rõ ý Kinh như sau:

**VIÊN GIÁC:** Viên tức là Viên mãn, GIÁC tức là Bồ-đề, Viên mãn Bồ-đề chính là Phật quả; bởi vì công đức đầy đủ, không có điều gì là không hiểu biết trọn vẹn nên gọi là VIÊN GIÁC.



**1- PHẨM THỨ NHẤT BỒ TÁT VĂN THÙ** hỏi rằng: “Thế nào là nhân địa tu hành của Như Lai; khi đã phát tâm rồi làm sao để khỏi đọa vào tà kiến?” Phật đáp: Như Lai có Đà-la-ni gọi là Viên Giác. Tánh Viên Giác sinh ra tất cả các pháp thanh tịnh Chân Như, Bồ Đề, Niết Bàn và Ba La Mật. Tu hành của Như Lai đều y viên giác mà đoạn trừ vô minh được thanh tịnh sáng suốt.

Chúng sanh từ vô thủy bị nhiều thứ điên đảo làm mờ tính giác: Lầm nhận tứ đại giả hợp làm thân mình, chấp cái vọng niệm sinh diệt duyên theo 6 trần cho là thật tâm mình; vì mê lầm nên sinh tử luân hồi được gọi là vô minh.

Như Lai biết các pháp đều hư huyền như hoa đốm nên không còn luân hồi; biết các pháp là không, cái biết ấy cũng không luôn: dứt cả có và không, gọi là tùy thuận tánh Viên Giác.

**2- PHẨM THỨ HAI BỒ TÁT PHỔ HIỀN** hỏi rằng: “Nếu các pháp và thân tâm đều huyền hóa, tại sao phải tu pháp huyền?” Phật dạy: Tất cả cảnh vật (thế giới, chúng sanh) đều sanh trong Diệu tâm Viên giác của Như Lai, các pháp diệt mà tính Viên Giác vẫn còn ví như hoa đốm diệt hư không vẫn còn. Nếu cảnh diệt thì huyền tâm diệt theo, lúc đó tâm Viên Giác tự hiện.

Tu là phải: xa lià cảnh giới hư vọng huyền hóa, xa lià tâm biết xa lià, cái xa lià cũng là vọng cần xa lià luôn, cái lià xa lià cũng huyền phải xa lià; như vậy không còn gì để xa lià; đây là dùng cái huyền tu các pháp huyền, biết các pháp đều huyền thì lià được huyền, lià được huyền tức là Giác.

**3- PHẨM THỨ BA BỒ TÁT PHỔ NHÃN** hỏi rằng: “Muốn cầu tâm Viên giác thanh tịnh của Như Lai phải suy nghĩ thế nào, an trụ ra sao và tu thứ lớp thế nào?” Phật khai thị: Suy nghĩ chính niệm, xa lià vọng huyền, tu phép CHỈ (Samatha), giữ cấm giới, ở chỗ vắng sống yên ổn, suy nghĩ Thân do 4 duyên đất nước gió lửa hòa hợp mà có, khi 4 thứ này tan rã thì thân ở đâu, nên nó chỉ là giả tạm huyền hóa. Bốn duyên hòa hợp với 6 căn tai mắt mũi lưỡi thân ý, trong ngoài hợp lại thành cái thân giả tạm rồi khởi ra các phân biệt vọng tưởng, các vọng tưởng này y như có cái hình tướng duyên theo bóng dáng 6 trần sắc phong hương vị xúc pháp nên gọi là Tâm, tâm này hư vọng vì nếu không có trần thì không phân biệt được nữa, rút cục không còn thấy cái gì gọi là Tâm.

Như vậy huyền thân diệt, huyền tâm diệt, huyền trần diệt, nên cái huyền diệt cũng diệt luôn; bởi thân tâm và tướng trần cấu hư huyền đã hoàn toàn diệt, nên Viên Giác phi huyền hiện. Khi “huyền cấu” hết, “pháp đối trị” trừ, “trí đối trị” cũng không, thì tâm không động, thanh tịnh hiện;

tâm thanh tịnh, căn, thức, trần, 4 đại, 12 xứ, 18 giới v.v..., tất cả đều thanh tịnh không động.

**4- PHẨM THỨ BẢY BỒ TÁT OAI ĐỨC** hỏi rằng: “Mong Đức Thế Tôn rộng vì chúng con nói ra tất cả phương tiện tiệm thứ và người tu hành gồm có mấy hạng, khiến cho Bồ-tát ở trong hội này và chúng sanh đời mạt, người cầu Đại thừa mau được khai ngộ, dạo chơi trong biển Đại tịch diệt của Như Lai”. Phật nói: Vì căn tánh chúng sanh không đồng, phiền não sâu cạn khác nhau, nên lập ra ba quán để tùy nghi thực hành như sau:

**Thứ nhất, tu tập Xa-ma-tha:** Tu lâu ngày dần dần khiến tâm không động vắng lặng như gương chiếu, đây cũng gọi là tu Thiền Chỉ.

**Thứ hai, tu tập Tam-ma-bát-đề:** Tu lâu ngày dần dần nhìn thấy các pháp đều như huyễn như mộng, nhằm viễn ly tham muốn chấp thủ, đây cũng gọi là tu Thiền Quán.

**Thứ ba, tu tập Thiền-na:** Tu lâu ngày dần dần lặng dứt mọi tâm niệm như âm thanh im bật trong đồ vật, không bao giờ còn cơ hội vọng thanh nữa; đây cũng gọi là đoạn phân biệt nhằm thấy thật tướng.

Tu tập ba pháp Thiền này, cũng giống như chúng ta hành trì **Thiền Tứ Niệm Xứ:**

**Niệm Thân:** Là quay lại quán chiếu thân Tứ Đại dựa trên những đặc tính Khổ, Vô thường, Vô ngã;

**Niệm Thọ:** Là nhìn vào những cảm thọ về khổ, vui, không khổ không vui dựa trên những đặc tính Khổ, Vô thường, Vô ngã;

**Niệm Tâm:** Là trở lại nhìn vào những chuyển biến của tâm thức nhằm có thể điều khiển tâm một cách thiện xảo dựa trên những đặc tính Khổ, Vô thường, Vô ngã;

**Niệm Pháp:** Là nhìn vào những hiện tượng hiện hữu giữa cuộc đời dựa trên những đặc tính Khổ, Vô thường, Vô ngã.

Đây chính là những pháp tu truyền thống mà chúng ta cũng có thể thấy được trong nhiều Kinh điển của cả Bắc truyền và Nam truyền, Kinh Viên Giác cũng không ngoài trường hợp này; bên cạnh đó, Bồ Tát còn phải luôn luôn ghi nhớ vấn đề giữ giới.

Thực tế mà xét, chúng ta thấy những kinh điển của Bắc truyền chẳng có kinh nào trái với tôn chỉ căn bản của Phật thuyết cả, chẳng có ai biện luận bác bỏ được những lý lẽ mà các kinh Bắc truyền nêu ra. Tất cả đều nhằm vào lý lẽ vô thường, khổ, vô ngã, không, đều dạy con đường diệt khổ, ra khỏi luân hồi, chấm dứt sinh tử để tiến tới giải thoát; như vậy làm sao nói rằng các kinh của Bắc truyền là sai lời Phật dạy được? Đã

không sai lời Phật dạy thì bảo rằng: “lừa đảo người khác” là không đúng lý.

## 2). TÁC GIẢ THÔNG LẠC VIẾT RẰNG:

“Kinh sách Đại Thừa tập kinh nào cũng bắt đầu bằng câu: Như thị ngã văn nhất thời Phật tại Xá Vệ Quốc, kỳ thọ Cấp Cô độc viên dũ..., chỉ nội câu này cũng đủ lừa đảo người khác rồi”, nghĩa là kinh nào cũng nói Phật thuyết tại vườn Cấp Cô Độc nước Xá Vệ là không chính xác, vì có những Kinh Bắc truyền đức Phật thuyết tại những nơi khác chứ không phải tất cả đều thuyết tại vườn Cấp Cô Độc, chúng ta hãy cùng đọc một số dẫn chứng có được dưới đây Phật đã giảng để chứng minh:

- Giảng Kinh Phạm Võng tại Bồ Đề Đạo tràng Ấn Độ.
- Giảng Kinh Địa Tạng tại cung Đế Thích trời Đạo Lợi.
- Giảng Kinh Kim Cang nơi vườn Cấp Cô Độc, Xá Vệ.
- Giảng Kinh Diệu Pháp Liên Hoa tại núi Kỳ Xà Quật nước Ma Kiệt
- Giảng Kinh Nhân Quả nơi Hội Linh Sơn, núi Linh Thứi.
- Giảng Kinh Lăng Nghiêm nơi vườn Cấp Cô Độc Xá Vệ.
- Giảng Kinh Duy Ma Cật nơi vườn Am La Thọ, nước Tỳ Da Ly.
- Giảng Kinh Ưu Bà Tắc nơi vườn Cấp Cô Độc, Xá Vệ.
- Giảng Kinh Viên Giác nơi Thường Tịch Quang Trang Nghiêm cho hàng Bồ Tát và đệ tử nhập chính định nghe.
- Giảng pháp Thập trụ nơi cung Đế Thích cõi trời Đạo Lợi, Dục giới.
- Giảng pháp Thập Hạnh nơi cung trời Diêm Ma thuộc Dục giới.
- Giảng pháp Thập Hồi Hướng tại cung trời Đâu Suất.
- Giảng pháp Thập Thiên Định nơi cung trời Hóa Lạc.
- Giảng pháp Thập Địa nơi cung trời Tha Hóa.
- Giảng Thập Kim Cương nơi cõi Sơ thiên Phạm Thiên.
- Giảng pháp Thập Nhẫn nơi cõi Nhị thiên Quang Thiên.
- Giảng Thập Nguyên nơi cõi Tam thiên Tịnh Thiên.
- Giảng Tâm Địa môn nơi cung Đại Tự Tại Thiên Vương cõi Tứ thiên.

Xem như thế mà nói kinh Bắc truyền Đức Phật chỉ giảng một chỗ tại vườn Cấp Cô Độc nước Xá Vệ thì có đúng không?

## 3). TÁC GIẢ THÔNG LẠC VIẾT CÂU:

“Kinh sách Đại Thừa nào cũng có hai phần: 1- Dụ dỗ, 2- Hăm dọa”; tác giả Thông Lạc hiểu như thế nào mà viết như vậy? Tất cả các lời trong các kinh Bắc truyền cũng tương tự như các kinh Nam truyền, thường nêu ra:

- Sự thực ở đời là vô thường, khổ, vô ngã, v.v...
- Niết Bàn là thường, lạc, ngã, tịnh v.v...

- Muốn thoát hết khổ được vui Niết Bàn thì phải giữ giới phải tu hành, phải thế này phải thế nọ, nghĩa là phải tuân thủ những điều kiện khó khăn vất vả v.v... nên cực.

- Lấy việc giữ giới: sát sanh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ làm đầu, vì những thứ ấy làm tâm ô nhiễm tánh thể diệu minh, làm mất chánh định, đọa lạc sinh tử, che mất chân thường của người tu.

- Phải tự tu tâm mình, không ai tu thay được, nhưng có rất nhiều pháp môn tu, hành giả phải tự lựa lấy pháp môn thích hợp nhất để tu, và phải tuân theo pháp môn chỉ dẫn để tu hành; còn phải kiên nhẫn bền lâu, tinh tấn hành tri kiên cố mới có thể đạt quả giải thoát, chứ chẳng phải là dễ đâu.

- Việc tu này của Phật giáo nói chung là tùy ý mỗi người định liệu lấy chứ không dụ dỗ như một vài Tôn giáo khác dùng đủ mọi cách dụ dỗ o bế người của đạo Phật. Đạo Phật cũng chẳng hăm dọa ai, có làm theo hay không là tùy mỗi người định liệu lấy. Bởi vì khi tu theo Bắc truyền trong bất cứ pháp môn nào cũng đều phải tuân theo những lời chỉ dẫn trong pháp môn tu nên không dễ dàng mà rất gò bó từ thân đến tâm, chứ chẳng phải là dễ dàng như ngồi chơi soi nước ăn bánh đậu mà làm to.

Như có đạo nêu ra tín lý: Nếu tin vị Giáo chủ thì được lên Thiên Đàng, chẳng cần làm gì chỉ cần tin và cầu xin thôi là được ban cho mọi thứ theo ý muốn, lúc chết được lên Thiên Đàng sống sung sướng đời đời, còn được vô số các Thiên nữ hầu hạ nữa, thì đây là dụ dỗ cho một phần thưởng quá sức hậu hĩnh như thế ai mà chẳng ưa thích. Còn nếu không tin thì phải đọa xuống hỏa ngục đời đời, thì đây là hăm dọa nếu không tin sẽ bị trừng phạt đầy xuống hỏa ngục chịu khổ sở vĩnh viễn, một hình phạt nặng nề ghê tợn như thế ai mà chẳng sợ chứ; thật là quá đáng về sự dụ dỗ dọa nạt của con người trên thế gian này!

Hai giáo lý của 2 Tôn giáo hoàn toàn khác hẳn nhau, một đằng chẳng cần làm gì cả, một đằng phải giữ giới luật nghiêm túc, phải nhớ tuân theo phương pháp tu hành có thể gọi là ngày đêm cực nhọc lâu dài mới mong đạt đạo, phần thưởng này là do hành giả tự làm lấy mà hưởng chứ Phật có cho không đâu. Như vậy chúng ta thấy rõ sự khác biệt giữa Phật giáo với các Tôn giáo khác, bởi vậy không nên lẫn lộn, nếu lẫn lộn mà gán ghép cho Phật giáo Bắc truyền dụ dỗ và đe dọa con người là vô lý hết sức và chứng tỏ sự thiên lệch bất công của mình mà thôi.



## XIII). KINH DI LẶC ĐẶT RA ĐỂ LẬT ĐỔ PHẬT THÍCH CA

**HÒA THƯỢNG THÍCH THÔNG LẠC VIẾT:** “Đức Phật Di Lặc không có, đó chỉ là một Đức Phật tượng tượng của các nhà Đại Thừa Bà La Môn, Đức Phật Di Lặc đã được kinh sách Đại Thừa nói đến rất nhiều. Đó là một thâm ý nham hiểm của các nhà Đại Thừa Giáo, đưa Đức Phật Di Lặc ra để làm một cuộc cách mạng Phật Giáo lật đổ Đức Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni, thay thế bằng vị giáo chủ mới là Phật Di Lặc. (ĐVXP-Tập 7)”

### PHẢN BIỆN:

#### 1). Không có Di Lặc, chỉ là sản phẩm của Bà La Môn

**TÁC GIẢ THÍCH THÔNG LẠC VIẾT:** “Đức Phật Di Lặc không có, đó chỉ là một Đức Phật tượng tượng của các nhà Đại Thừa Bà La Môn; Đức Phật Di Lặc đã được kinh sách Đại Thừa nói đến rất nhiều”. Tác giả Thông Lạc đã không đọc Kinh điển Nam truyền nên nói sai rằng Đức Di Lặc do sự tượng tượng của các nhà Đại thừa tạo dựng lên; sự thật thì trong kinh Chuyển Luân Thánh Vương (Cakkavati Sihanàda Sutta) thuộc Kinh Trường Bộ Nam Truyền (Majjhima Nikàya) nơi trang 346, do Hòa Thượng Thích Minh Châu dịch như sau:

“Này các Tỷ kheo, khi tuổi thọ loài Người lên đến tám vạn tuổi, có Thế Tôn tên là Metteyya (Di Lặc) sẽ ra đời, là vị A la hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn; như Ta nay sinh ra ở đời này, là bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Vị này tự mình biết, chứng, và tuyên thuyết quả đất này, gồm có Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, Thế giới này với Sa môn, Bà la môn, loài Trời, loài

*Người; như Ta hiện nay tự mình biết, chứng và tuyên thuyết quả đất này, gồm có Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, Thế giới này với Sa môn, Bà la môn, loài Trời và loài Người. Vị này sẽ thuyết pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, với nghĩa lý văn tự đầy đủ và tuyên thuyết đời sống phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh; như Ta hiện thuyết pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, với nghĩa lý văn tự đầy đủ và tuyên thuyết đời sống phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh. Vị này sẽ có khoảng vài ngàn vị Tỷ kheo Tăng đoàn; như Ta hiện nay có khoảng vài trăm vị Tỷ kheo Tăng đoàn vậy...”*

Như vậy mà nói: “Phật tương lai Di Lặc là sản phẩm tưởng tượng của Phật giáo Bắc truyền” thì thật là oan Thị Kính, cũng giống như có người ngồi trong đáy giếng mà nói việc xảy ra ở trên trời vậy!

## **2). Đưa Di Lặc ra để làm cách mạng lật đổ Đức Thích Ca**

**TÁC GIẢ THÍCH THÔNG LẠC VIẾT:** “Đó là một thâm ý nham hiểm của các nhà Đại Thừa Giáo, đưa Đức Phật Di Lặc ra để làm một cuộc cách mạng Phật Giáo lật đổ Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni, thay thế bằng vị giáo chủ mới là Phật Di Lặc”. Làm sao có thể thay thế Đức Phật Thích Ca Mâu Ni bằng Phật tương Lai Di Lặc được, trong khi ở tất cả các Chùa Bắc truyền đều thờ Phật Thích Ca Mâu Ni, hành theo Kinh của Phật Thích Ca. Nếu có thờ Phật Di Lặc (tương lai) và Phật A Di Đà (quá khứ) thì Phật Thích Ca là chính và ở giữa. Như thế làm sao nói rằng làm cuộc cách mạng lật đổ Đức Phật Thích Ca và thay thế bằng Phật Di Lặc đúng với ý nghĩa của chữ “lật đổ” và “thay thế”?

Mặt khác, chính Đức Phật Thích Ca đã thọ ký cho Bồ Tát Di Lặc sẽ đắc quả Phật trong tương lai xa chứ không phải là gần, nếu tính theo thời gian thì còn lâu lắm. Trong thời gian từ Phật Thích Ca cho đến khi Phật Di Lặc ra đời không có một vị Phật nào ở giữa thời gian đó cả; như vậy giáo lý của Phật Thích Ca là độc tôn của Phật giáo suốt chiều dài từ Phật Thích Ca cho đến khi Đức Phật Di Lặc ra đời, thì làm gì có vụ lật đổ như tác giả dựng lên.

Có muốn lật đổ Phật giáo là các đạo khác dựng lên một Thượng Đế tưởng tượng theo ý con người mà thôi, họ muốn lật đổ Phật Thích Ca Mâu Ni để thay bằng Thượng Đế của họ. Họ đã chiếm đốt phá chùa chiền, họ đã giết Phật tử, tiêu diệt Phật giáo suốt từ Trung Đông, Ấn Độ tới Nam Dương rộng lớn như thế. Họ đã dụ dỗ bằng mọi cách, từ hăm dọa cho đến các tiểu xảo hòng lấy người của Phật giáo hầu triệt tiêu đạo

Phật và bành trướng đạo của họ; việc này đã xảy ra từ ngàn xưa và hàng ngày nay ở khắp mọi nơi trên thế giới, nhất là hiện nay tại Á châu.

Bây giờ chúng ta đang mất dần các Phật tử do chính sách mua chuộc của ngoại đạo, các Phật tử vì không hiểu giáo lý của Phật nên một số người sẵn sàng đổi đạo vì những lời dụ dỗ và những quyền lợi vật chất nhỏ nhặt; bằng chứng ở Nam Hàn Phật giáo đang mất dần Phật tử, trở thành thiểu số rồi, vì sự hoạt động của ngoại đạo quá mạnh mẽ. Bởi vậy, thiết nghĩ, cứ theo cái đà này thì chỉ trong năm bảy nghìn năm nữa đạo Phật sẽ biến mất, chẳng cần năm bảy ngàn năm, chỉ trong năm bảy trăm năm nữa đạo Phật sẽ biến mất thôi, nói chi tới khi Phật Di Lặc ra đời còn quá xa xôi; vì thế nên bỏ ý nghĩ rằng Phật Di Lặc lật đổ thay thế Phật Thích Ca là chuyện tưởng tượng không thật vậy.

Cũng không trách nhiều tác giả Thông Lạc về vấn đề âm mưu dựng Phật Di Lặc lên để thay thế lật đổ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, vì cái nạn ở Việt Nam từ nửa thế kỷ về trước có người tuyên bố là hiện thân của Đức Di Lặc, nên một số người nhẹ dạ tin theo, rồi họ viết in sách mập mờ đánh lộn dùng một số kinh sách của Phật giáo làm chính, lồng xen vào trong những phần không phải của Phật, làm cho người đọc đi vào mê hồn trận nên tưởng là Phật giáo thật, tưởng là Đức Di Lặc ra đời; nếu thật là Di Lặc hiện thân thì chẳng bao giờ tự xưng ra như thế, sự tự xưng này nhiều người không biết, lại tưởng là Phật giáo thật, rõ ràng là thời mạt pháp nên có người vỗ ngực tự xưng Di Lặc như thế.

Việc này xảy ra cũng là bởi từ khoảng hơn ba phần tư thế kỷ về trước có người dùng chiêu bài Phật giáo viết và phổ biến Hội Long Hoa sắp tới rồi để hành ngoại giáo, họ nói: *“Chúng ta phải chuẩn bị sẵn sàng đón Hội Long Hoa của Phật Di Lặc giáng thế!”* Một tiếng nói ấy làm cho nhiều người tưởng thật nên tạo ra nghìn vạn người tin theo về mở Hội Long Hoa; họ chẳng biết rằng Đức Di Lặc ra đời còn tí mù tăm khoảng trên 8 triệu năm nữa! Như thế thì mở hội để đón ai chứ?

Bởi vậy để đáp ứng điều mong mỏi của những người ấy liền có người tự xưng là hiện thân Đức Di Lặc. Đối với Phật giáo các vị đấng đạo chẳng bao giờ vỗ ngực tự xưng rằng: *“ta đã đấng đạo, ta là vị này vị kia”* để lộ ra sự kiêu mạn, những người như thế Đức Phật bảo là người *“tăng thượng mạn, tự mạn, tà mạn cần phải dẹp bỏ”*.

Tác giả Thích Thông Lạc viết *“không có Di Lặc”* là một điểm sai, rồi lại viết *“các nhà Đại thừa đưa Phật Di Lặc ra làm cuộc cách mạng lật đổ thay thế Đức Phật Thích Ca”* thì thật oan cho Phật giáo Bắc truyền biết dường nào! Vì đây chỉ là những ý nghĩ, những việc làm của một vài người lợi dụng Đạo Phật mà làm cho nhiều người hiểu lầm gây tai hại cho Phật

giáo. Chúng ta hãy ý thức cho sâu xa rõ ràng, đừng mắc mưu một vài người mà đi sai lời Đức Phật dạy, hãy cùng nhau trở lại theo chính pháp của Phật, mong lắm thay.

\*  
\* \*

## **XIV). TRUNG QUÁN LUẬN CỦA LONG THỌ LÀ HÍ LUẬN**

**TRƯỞNG LÃO THÍCH THÔNG LẠC VIẾT:** “*Trung Quán Luận của ngài Long Thọ là hí luận...Bởi vậy từ khi có sự hí luận của Ngài Long Thọ với Trung Quán Luận là một tai hại rất lớn cho tín đồ Phật Giáo từ thế hệ này đến thế hệ khác chỉ toàn là ăn thứ bánh vẽ cho nên không mấy vị tu sĩ đạt được giải thoát, đến khi chết không có vị nào mà không đau khổ cả, họ đều lăn lộn trăn trở trên giường bệnh một cách khổ đau không thua gì người thế tục. .(ĐVXP-Tập 9)”*

### **PHẢN BIỆN:**

#### **1). Trung Quán Luận của Ngài Long Thọ là hí luận**

**TÁC GIẢ THÍCH THÔNG LẠC VIẾT:** “*Bởi vậy từ khi có sự hí luận của Ngài Long Thọ với Trung Quán Luận là một tai hại rất lớn cho tín đồ Phật Giáo từ thế hệ này đến thế hệ khác chỉ toàn là ăn thứ bánh vẽ cho nên không mấy vị tu sĩ đạt được giải thoát”.*

Để bàn về vấn đề này, chúng ta phải phân tích một phần Trung Quán Luận, Bồ tát Long Thọ (Nàgàrjuna) làm luận này là do muốn phá hí luận chấp chặt của chúng sanh về hai bên (nhị biên) như có không, sinh diệt, thường đoạn, v.v... để thuyết minh lý trung đạo thật tướng bằng cách quán sát trực tiếp các pháp, phân tích, đối chiếu các mặt của mỗi pháp để tìm ra thật tính của nó, cuối cùng chỉ thấy các pháp do các duyên mà hiện hữu, không pháp nào có thật tánh, do đó Ngài phá bỏ, phủ định hết thảy kiến chấp sai lầm đối với trung đạo thật tướng. Do muốn phá chấp hai bên đối đãi, nguồn gốc của hai bên là "có" và "không", "Có" bao gồm pháp hữu vi (sinh diệt), "Không" bao gồm pháp vô vi (tùy thuận tự nhiên, Niết Bàn); hai bên đã phá thì "Trung" không có chỗ để an lập, Chư



Tổ căn cứ theo kinh liễu nghĩa lập luận cũng là không hai (bất nhị) vậy; khi đọc phân tích, chúng ta nên tập trung tư tưởng mới để hiểu được luận cao siêu này.

**Phẩm thứ nhất đề cập đến nhân duyên** như sau:

1. *Chẳng sinh cũng chẳng diệt,  
Chẳng thường cũng chẳng đoạn,  
Chẳng một cũng chẳng khác,  
Chẳng đến cũng chẳng đi.*
2. *Thường nói là nhân duyên  
Khéo diệt các hý luận  
Con kính đảnh lễ Phật  
Nhân duyên thuyết đệ nhất*
3. *Các pháp chẳng tự sinh  
Cũng chẳng từ tha sanh  
Chẳng cộng, chẳng vô nhân  
Cho nên biết vô sinh*

**Sao nói: “Chẳng sinh cũng chẳng diệt”?** Các pháp từ nhân duyên mà sinh, ví như cây cam nhân từ hạt cam là nhờ duyên của đất nước ánh sáng, nhân công v.v... mà trở thành cây cam. Vì lìa ngoài cây cam trước kia thì cây cam hiện nay không thể có được. Nếu không có cây cam trước kia mà có cây cam hiện nay mới gọi là có sinh ra, song kỳ thật không như vậy; do đó chẳng sinh. Nếu cây cam trước kia diệt thì nay không thể có cây cam, nhưng kỳ thật có cây cam; thế nên chẳng diệt.

Duyên sinh thì chẳng có tự tánh (duyên hợp mới có, duyên lìa thì không) nên nói chẳng sinh tức là nghĩa vô sinh vậy, nếu không có sinh thì đâu có cái gì diệt; cũng vì không có sinh diệt nên sáu việc kia cũng không có (sáu việc kia là: chẳng thường, chẳng đoạn, Chẳng một, chẳng khác, chẳng đến, chẳng đi).

**Nghĩa “Chẳng thường chẳng đoạn” là sao?** Cùng nghĩa chẳng sinh chẳng diệt, vì các pháp nếu thật có thì nay không thể không có, nếu trước sẵn có nay có tức là thường, nhưng không phải thế, trước có nay không có nên là chẳng thường, ví như khi mọc mầm, thì hạt giống biến hoại làm sao nói thường được. Trước có mà nay không tức là đoạn, nhưng không phải thế, ví như từ hạt cam có mầm, từ mầm có cây liên tục, do đó chẳng đoạn; vì thế cho nên nói chẳng thường chẳng đoạn.

**“Chẳng một cũng chẳng khác” là sao?** Các pháp nếu chỉ có một thể thì trước sau như một đâu phải tương tục từ nhân tới quả, do đó nói chẳng một chẳng khác; chẳng một, như hạt cam không là cây cam, cây cam không là hạt cam, thế nên chẳng một; chẳng khác, vì nếu khác thì tại sao

phân biệt đây là cây cam lá cam, mà không nói đây là cây quýt lá quýt; do đó chẳng khác.

**“Chẳng đến cũng chẳng đi” là sao?** Đến là cho rằng các pháp từ chỗ khác đến nhưng mầm trong hột cam không từ đâu đến; nếu đến thì mầm ấy phải từ chỗ khác đi đến hột cam, thế nên chẳng đến; đi cho rằng các pháp đi ra, nếu có đi ra thì có thể thấy mầm từ hột cam đi ra, mầm ở trong hột cam đi ra thì trong hột cam phải có mầm, kỳ thật không như vậy; do đó chẳng đi.

Tiếp theo là 4 câu Kệ thứ ba:

**“Các Pháp chẳng tự sinh” là sao?** Là vạn vật không sinh ra từ chính tự thể nó, mà phải chờ đủ các nhân duyên mới sinh ra; nếu pháp sinh ra từ chính tự thể của nó, thì một pháp có hai cá thể, một là sở sinh, hai là năng sinh; nếu chỉ từ chính tự thể nó sinh ra, thì thành không có nhân duyên và sinh ra lại sinh ra nữa, không cần nhân duyên mà sinh được sao? Không đúng, nên nói các pháp chẳng tự sinh

**“Các Pháp chẳng tha sinh” là sao?** Theo phép đối đãi: có sáng mới có tối, không có sáng thì làm gì có tối, nên tự và tha cũng là đối đãi nhau; ở trên đã chứng minh không có tự thì ở đây cũng không có tha. Do đó nếu không sinh từ chính nó, cũng không sinh từ cái khác, nên các pháp chẳng tha sinh.

**“Chẳng cộng, chẳng vô nhân, Cho nên biết vô sanh” là sao?** Tự với tha đều chẳng thể thành lập như trên đã nói, thì lấy gì để cộng nên chẳng cộng, lại pháp đã từ nhân duyên sinh thì chẳng phải vô nhân; cho nên biết tất cả pháp đều vô sinh, người chứng ngộ tức là ngộ cái pháp "vô sanh" này vậy.

**Tới Phẩm thứ 15: Quán về có, không như sau:**

1. Hữu nếu chẳng thể thành  
Thì vô làm sao thành  
Vì đã có "pháp hữu"  
Hữu hoại gọi là vô
2. Nếu người thấy hữu, vô  
Thấy tự tánh, tha tánh  
Như thế thì chẳng thấy  
Phật pháp chân thật nghĩa
3. Định hữu là chấp thường  
Định vô là chấp đoạn  
Cho nên người có trí  
Chẳng nên chấp hữu, vô

Các pháp do nhân duyên hòa hợp có tướng như huyền như hóa hiện ra, gọi là Có, khi nhân duyên ly tán, tướng pháp như huyền như hóa chia lìa biến mất gọi là Không. Nếu pháp là thực "Có", thực Có thì chẳng thể hoại diệt mà thành Không, nếu thực "Không", thực Không thì chẳng thể sinh "Có".

Tất cả hiện tượng trong vũ trụ đều là pháp sinh diệt, sinh diệt thì chẳng thuộc về Có Không; nếu chẳng sinh diệt là pháp vô vi, lại chẳng dính líu đến sự có không, tự tánh tha tánh, cho nên chấp có chấp không chấp tự chấp tha đều chẳng phải nghĩa chân thật của Phật pháp vậy.

Có và Không theo giáo lý Phật là như vậy, nhưng vì vô minh nên mọi người đều chấp các pháp Có thật có nên rơi vào chấp thường, chấp các pháp Không thật không nên rơi vào chấp đoạn; tất cả đều sai, nên phẩm này quán xét phá lỗi kiến chấp ấy.

Tóm lại, phẩm này gồm:

Câu 1, 2: Nói về tự tính phi hữu.

Câu 3: Nói về tha tính phi hữu.

Câu 4: Nói về tính phi hữu.

Câu 5: Nói về tự tính, tha tính, tính thứ ba phi vô.

Câu 6, 7: Khai thị nghĩa chân thật.

Câu 8 đến 12: Phá hữu vô kiến.

Chúng ta đã xét hai phẩm về các Pháp Hữu vi, nay chúng ta thử xét về phẩm Vô vi:

**Phẩm 22: Phẩm Như Lai**, các bài kệ như sau:

1. *Phi ấm phi lìa ấm*

*Thử bĩ chẳng tướng tại*

*(Này kia chẳng có tướng tồn tại)*

*Như Lai chẳng có ấm*

*Nơi nào có Như Lai*

2. *Ấm hợp có Như Lai*

*Thì chẳng có tự tánh*

*Nếu chẳng có tự tánh*

*Do đâu lập sự Có*

3. *Nếu chẳng có tự tánh*

*Tại sao có tha tánh*

*Lìa tự tánh tha tánh*

*Gọi gì là Như Lai*

4. Người tà kiến thâm sâu  
Thì nói chẳng Như Lai  
Tướng Như Lai tịch diệt  
Sao phân biệt hữu vô

Bốn câu kệ đầu nói về Quán xét Như Lai chẳng phải Ngũ ấm (Ngũ uẩn: Sắc, Thụ, Tưởng, Hành, Thức), chẳng phải do xa lià ngũ ấm, vì các pháp chẳng có tướng tồn tại, và Như Lai cũng chẳng có các ấm, vì Như Lai chẳng ở chỗ nào cả.

Bốn câu kệ thứ hai nói ấm hợp nên có Như Lai, nếu hợp thì chẳng có tự tánh, không có tự tánh thì chẳng có Như Lai; đây là để phá chấp năm uẩn là Như Lai.

Bốn câu kệ thứ ba quán xét nếu chẳng có tự tánh thì không thể có tha tánh, do không có tự tánh và tha tánh thì lấy cái gì gọi là Như Lai mà chỉ là Thế để giả danh thôi.

Bốn câu kệ chót quán xét về nói chẳng có Như Lai của người tà kiến thâm nặng, vì thật tướng Như Lai tịch diệt thì làm sao phân biệt được có hay không Như Lai; đây là Thắng nghĩa để không thể nghĩ bàn.

Tóm lại, Như Lai tức là giống như bản lai, bốn lai thì vô tử vô sinh, vô sinh thì chẳng thể sinh "hữu", cũng chẳng thể sinh "vô"; nên có hay không có Như Lai đều sai, chẳng thể kiến lập nghĩa Như Lai.

Chúng ta xét thêm một phẩm nữa về Vô vi, đó là: **Phẩm thứ 25, phẩm Niết Bàn** như sau:

1. Nếu các pháp đều không,  
Không sinh cũng không diệt,  
Thì đoạn diệt cái gì,  
Sao gọi là Niết-bàn?

Nếu hết thấy pháp tính không, thì không sinh không diệt, không sinh không diệt thì đoạn diệt cái gì mà gọi là Niết-bàn; do đó hết thấy chẳng nên không, vì các pháp chẳng không (tức là có) nên mới đoạn các phiền não, diệt năm uẩn, gọi là Niết-bàn; đây là vấn nạn Niết Bàn vậy.

2. Nếu các pháp chẳng không,  
Không sinh cũng không diệt,  
Vậy đoạn diệt cái gì,  
Sao gọi là Niết-bàn?

Nếu hết thấy thế gian chẳng không (tức là thật có) thì không sinh không diệt, đã không sinh diệt thì đoạn diệt cái gì mà gọi là Niết-bàn; do đó

thực có pháp và không thực có pháp chẳng phải đưa đến Niết-bàn, gọi là Niết-bàn; đây cũng là vấn nạn về Niết bàn.

3. Vô chứng vô chỗ đến,

*Bất đoạn cũng bất thường,*

*Bất sinh cũng bất diệt,*

*Ấy gọi là Niết-bàn.*

Vô chứng đắc và vô chứng quả là không có sở đắc đối với tu hành, vô chỉ là không có chỗ có thể đến mà thôi; bất đoạn là nắm uẩn từ trước lại đây rất ráo không, nên khi đắc đạo vào Vô dư Niết-bàn cũng không có đoạn cái gì. Bất thường là không có pháp có thể nắm bắt, có pháp có thể nắm bắt và phân biệt được thì gọi là thường, còn Niết-bàn vắng lặng không có pháp để phân biệt nên không gọi là thường; bất sinh bất diệt cũng như thế, như vậy gọi là Niết-bàn; đây gọi là hiển bày chính tông về Niết-bàn.

Kinh nói: Niết-bàn chẳng phải có, chẳng phải không, chẳng phải có không, chẳng phải chẳng có chẳng phải chẳng không. Không chấp thọ tất cả pháp, bên trong vắng lặng, gọi là Niết-bàn,

4. Niết-bàn không gọi Có,

*Có là tướng già chết,*

*Không một pháp Có nào,*

*Lìa ngoài tướng già chết.*

Mắt thấy hết thấy vạn vật đều sinh diệt, đó là tướng già chết, Niết-bàn nếu là Có thì có tướng già chết, việc ấy không đúng, do đó Niết-bàn không gọi là Có; lại không thấy riêng có pháp khi xa lìa sinh diệt già chết, mà chỉ do xa lìa tướng già chết nên gọi là Niết-bàn.

5. Nếu Niết-bàn là Có,

*Niết-bàn tức hữu vi,*

*Không một pháp Không nào*

*Gọi là pháp vô vi,*

Niết-bàn chẳng phải là Có vì hết thấy vạn vật từ các duyên sinh đều là pháp hữu vi, nên không có một pháp nào gọi là pháp vô vi; tuy giả gọi pháp thường là vô vi, nhưng lấy lý suy thì pháp vô thường còn không có, huống gì pháp thường là pháp không thể thấy, không thể thủ đắc.

6. Nếu Niết-bàn là Có,

*Có chẳng dung Niết-bàn,*

*Không gì từ chấp thọ*

*Gọi là pháp có được.*

Nếu bảo Niết-bàn là pháp Có, thì kinh không nên nói "không chấp thọ là Niết-bàn", vì không có pháp nào không chấp thọ mà thành Có được. Do đó Niết-bàn chẳng phải Có.

7. *Có chẳng phải Niết-bàn,  
Hưởng gì là Không ư;  
Niết-bàn không tướng Có,  
Chỗ nào có tướng Không?*

Nếu Có chẳng phải Niết-bàn, thì không có làm sao là Niết-bàn, vì nhân nơi Có nên mới có Không, nếu không có Có, thì làm sao có Không. Như kinh nói trước Có mà nay Không, thì gọi là "không có", còn Niết-bàn không phải như vậy, vì chẳng phải Niết-bàn trước Có rồi sau biến thành Không; do đó "không có", cũng không thành Niết-bàn.

8. *Nếu Không là Niết-bàn,  
Sao Niết-bàn không thọ,  
Vì chẳng gì không thọ  
Gọi là pháp Không được.*

Nếu bảo "không có" là Niết-bàn, thì kinh không nên nói "không chấp thọ là Niết-bàn", vì không có cái gì không chấp thọ mà gọi là pháp "không có" được; do đó biết Niết-bàn chẳng phải "không có" (vô).

9. *Vì chấp thọ nhân duyên,  
Nên xoay vần sinh tử,  
Không chấp thọ nhân duyên,  
Ấy gọi là Niết-bàn.*

Vì không như thật biết dính mắc điên đảo nên nhân nơi năm thọ uẩn (sắc thọ tướng hành thức) mà qua lại sinh tử, còn như thật biết điên đảo thì không còn chấp thọ nơi năm uẩn sẽ không còn luân hồi sinh tử nữa; năm uẩn không có tự tính, không còn tương tục, nên gọi là Niết-bàn.

10. *Như trong kinh Phật dạy:  
Dứt hữu dứt phi hữu.  
Niết-bàn chẳng phải hữu  
Niết-bàn chẳng phải vô.*

Phi hữu là không có, không có thì Có đoạn diệt, Phật dạy: "dứt Có dứt không có ấy, gọi là Niết-bàn"; nên biết Niết-bàn chẳng phải Có chẳng phải Không.

11. *Nếu Niết-bàn là hợp  
Của cả hữu và vô.  
Hữu vô tức giải thoát,  
Như vậy là không đúng.*

Nếu bảo Có và Không hợp lại là Niết-bàn, tức Có và Không hợp lại là giải thoát; việc này không đúng, vì hai việc Có và Không trái nhau, làm sao hợp cùng ở một chỗ được.

12. Nếu Niết-bàn là hợp

*Của cả hữu và vô.*

*Chẳng phải là không thọ,*

*Hữu vô từ thọ sinh.*

Nếu Có và Không hợp lại thành Niết-bàn thì kinh không nên nói “Niết-bàn không chấp thọ”, vì sao Có và Không đều do chấp thọ mà sinh, duyên với nhau mà có; do đó Có và Không không thể hợp lại làm thành Niết-bàn.

13. Gọi Có và Không hợp

*Sao thành Niết-bàn được,*

*Niết-bàn là vô vi,*

*Vì Có Không hữu vi.*

Có và Không hợp chung lại không được gọi là Niết-bàn, vì Có và Không thuộc hữu vi mà Niết-bàn là vô vi; do đó Có và Không chẳng phải Niết-bàn.

14. Gọi Có và Không chung

*Sao lại thành Niết-bàn,*

*Có Không không cùng chỗ*

*Như sáng tối không chung.*

Có và Không không được gọi là Niết-bàn, vì Có và Không trái nhau, không thể cùng ở một chỗ, như tối và sáng không có cùng một lúc. Do đó khi Có thì chẳng có Không, khi Không thì chẳng có Có, làm sao Có và Không hợp chung gọi là Niết-bàn.

15. Nếu chẳng có chẳng không

*Được gọi là Niết-bàn,*

*Chẳng có chẳng không ấy,*

*Lấy gì để phân biệt.*

Nếu Niết-bàn chẳng phải có chẳng phải không, vậy chẳng phải có chẳng phải không ấy căn cứ vào đâu để phân biệt; do đó nếu nói chẳng phải có chẳng phải không là Niết-bàn, việc ấy không đúng lý.

16. Phân biệt chẳng có chẳng không,

*Như vậy gọi là Niết-bàn;*

*Nếu Có Không thành Niết-bàn,*

*Thì chẳng “chẳng có chẳng không”.*

Nếu phân biệt chẳng phải có chẳng phải không là Niết-bàn, việc ấy không đúng lý; vì nếu Có và Không mà thành Niết-bàn được, thì sau

chẳng phải có chẳng phải không mới thành Niết-bàn được; nhưng Có gọi là Không ngay trong câu kệ thứ ba đã bị phá ròi. Có và Không còn không có thì làm sao “chẳng phải có chẳng phải không” thành Niết Bàn được; do đó Niết-bàn chẳng phải do chẳng phải có chẳng phải chẳng không mà thành.

17. *Khi Như Lai diệt độ, không thể nói,  
Như Lai hiện hữu hay không hiện hữu,  
Vừa hiện hữu lại vừa không hiện hữu,  
Chẳng có hiện hữu chẳng không hiện hữu.*

18. *Ngay khi đức Như Lai còn tại thế,  
Không thể nói Như Lai có hay không,  
Cũng không thể nói vừa có vừa không,  
Chẳng phải có chẳng phải không hiện hữu.*

Sau khi Như Lai diệt độ, hoặc hiện tại, có Như Lai cũng không chấp thọ; không có Như Lai cũng không chấp thọ, cũng có Như Lai, cũng không Như Lai cũng không chấp thọ; chẳng phải có Như Lai, chẳng phải không Như Lai cũng không chấp thọ. Vì không chấp thọ nên không phân biệt Niết-bàn là có hay là không v.v... lìa ngoài Như Lai thì ai đắc Niết-bàn, lấy pháp gì nói là Niết-bàn; do đó tìm tướng Niết-bàn trong mọi lúc ở mọi nơi, đều không thể có được.

19. *Niết-bàn cùng thế gian,  
Không máy may phân biệt,  
Thế gian cùng Niết-bàn  
Chẳng vi trần phân chia.*

Do nhân duyên của năm uẩn qua lại tương tục nên gọi là thế gian, song bản tính năm uẩn là rỗng không, vắng lặng, không chấp thọ; bởi hết thảy pháp chẳng sinh chẳng diệt, nên thế gian với Niết-bàn hoặc Niết-bàn với thế gian đều không có phân biệt.

20. *Tánh đích thực Niết-bàn  
Tánh đích thực thế gian,  
Hai tánh đích thực ấy  
Không máy may sai khác.*

Suy tìm thực tế của thế gian và Niết-bàn là vô sinh bình đẳng không thể phân biệt, nên không có khác biệt.

21. *Sau khi Như Lai diệt độ,  
Hiện hữu không hiện hữu,  
Kiến chấp ấy nương đâu  
Nơi Phật Niết-bàn sinh;  
Hữu biên hoặc vô biên,*



*Hoặc thường hoặc vô thường,  
Chấp ấy nương vị lai  
Và quá khứ sinh khởi.*

Sau khi Như Lai diệt độ: Còn có Như Lai, không có Như Lai, cũng có cũng không có Như Lai, chẳng phải có Như Lai chẳng phải không có Như Lai; trong 4 kiến chấp ấy gọi là “Tứ Cú” thứ nhất. Tứ cú thứ hai là: Thế gian hữu biên, thế gian vô biên, thế gian cũng hữu biên cũng vô biên, thế gian chẳng phải hữu biên chẳng phải vô biên. Tứ cú thứ ba: Thế gian thường, thế gian vô thường; thế gian cũng thường cũng vô thường, thế gian chẳng phải thường chẳng phải vô thường.

Trong ba loại Tứ cú mười hai kiến chấp ấy, bốn kiến chấp sau khi Như Lai diệt độ Như Lai có không v.v... là dựa vào sau khi Như Lai Niết-bàn mà khởi lên; bốn kiến chấp thế gian hữu biên vô biên v.v... là dựa vào đời vị lai mà khởi lên; bốn kiến chấp thế gian thường vô thường v.v... là dựa vào đời quá khứ mà khởi lên.

Như Như Lai có hay không có v.v... sau khi diệt độ đều không thể có được, Niết-bàn cũng như vậy, như thế gian đời quá khứ, vị lai, hữu biên, vô biên, thường, vô thường đều không thể có được, Niết-bàn cũng như vậy. Do đó nói thế gian và Niết-bàn không có sai khác.

*22. Hết thấy pháp đều rất ráo không,  
Sao có biên giới, không biên giới,  
Cũng biên giới cũng không biên giới,  
Chẳng biên giới chẳng không biên giới.*

*23. Gì là một là khác,  
Đâu có thường vô thường,  
Cũng thường cũng vô thường,  
Chẳng thường chẳng vô thường.*

*24. Các pháp rất ráo không,  
Không thể nào nắm bắt,  
Mọi hý luận dứt sạch,  
Không người cũng không nơi,*

Tất cả pháp, hết thấy thời, mọi chủng tử đều do nhân duyên sinh, rất ráo không, nên không có tự tánh; các pháp như vậy, cái gì là hữu biên, cái gì là vô biên, cũng hữu biên cũng vô biên, chẳng phải hữu biên chẳng phải vô biên. Cái gì là thường, cái gì là vô thường, cái gì là thường vô thường, chẳng phải thường chẳng phải vô thường; cái gì thân tức là thần ngã, cái gì thân khác thần ngã; sáu mươi hai tà kiến như thế đối với Không đều không thể có được. Những gì có sở đắc đều dứt, hý luận đều diệt; vì hý

luận diệt nên thông đạt thật tướng vô tướng của các pháp, được đạo an ổn.

Tóm tắt phẩm Quán về Niết-bàn:

Quả chứng cùng tột của con đường tu Phật là Niết-bàn. Nghe kinh dạy giải thoát sinh tử chúng nhập Niết-bàn hay thoát khỏi ba cõi chúng nhập Niết-bàn, rồi tưởng lầm thật có sinh tử và ba cõi để phải thoát ly, thật có Niết-bàn ở ngoài sinh tử và ba cõi để chúng nhập. Sự thật là thật tánh của sinh tử và ba cõi vốn chân không vắng lặng, chính đó là Niết-bàn; ngộ nhập được hết thấy pháp tánh không, tức là ngộ nhập Niết-bàn vậy; phẩm này một mặt phá kiến chấp Niết-bàn thật có, một mặt hiển bày chân nghĩa Niết-bàn; gồm có:

Kệ 1, 2: Nêu vấn nạn về Niết-bàn.

Kệ 3: Hiển bày chính tông về Niết-bàn.

Kệ 4 đến 16: Nêu Niết-bàn không theo tứ cú

Kệ 17, 18: Như Lai lìa tứ cú (bốn câu)

Kệ 19, 20: Niết-bàn tức thế gian.

Kệ 21 đến 24: Các kiến chấp không phải Niết-bàn.

Quán Như Lai, Quán Niết Bàn là thuộc về phá pháp vô vi, những phẩm Quán Nhân Duyên, Quán Hữu Vô thuộc về phá pháp hữu vi; tất cả pháp “có, không” đều phá, hễ có hai bên tương đối đều phá hết. Nếu phá bỏ được các kiến chấp sai lầm đối với thật tướng, thì thật tướng hiện ra trước trí tuệ chính quán, như vậy được giải thoát tất cả vướng mắc, đau khổ; những phương tiện do Phật và Chư Tổ thiết lập chỉ muốn khiến chúng sanh ngay đó khai ngộ, chứ chẳng phải để nghiên cứu tìm hiểu lý đạo.

Chúng ta đã xét xong hai phẩm thuộc Hữu vi và hai thuộc Vô vi. Tất cả 27 phẩm trong Trung Quán Luận đều thuộc hai loại này; khi xét giải 4 Phẩm nêu trên, tất cả chỉ là luận bàn hiển bày cái thực tướng của muôn pháp như nó là. Chúng ta đã thấy rõ: không có chỗ nào dư thừa, không có chỗ nào vô lý, huống hồ nói luận này là hý luận ư; không thể, không thể nào như vậy được như đã chứng minh ở trên, chỉ là khó hiểu khiến tác giả Thông Lạc tưởng là luận bàn quanh co để mà chơi nên gọi là hý luận.

Trong 27 phẩm dù là hữu vi hay vô vi đều là Quán và phá, như: phẩm thứ nhất phá Nhân Duyên, phẩm thứ nhì phá Khứ Lai, phẩm thứ ba phá Lục Tình, phẩm thứ tư phá Ngũ Ấm (Ngũ Uẩn), phẩm thứ năm phá Lục Chủng (Sáu Thứ giới), phẩm thứ sáu phá Nhiễm và Kế Nhiễm, phẩm thứ

bảy Quán Tam Tướng (Sanh, Trụ, Diệt), phẩm thứ tám Quán Pháp “Pháp Tác” Và “Kẻ Tác”, phẩm thứ chín pháp Bản Trụ (Bản Lai Vốn Đã Có), phẩm thứ mười pháp “Đốt” và “Sở Đốt”, phẩm mười một pháp Bản Tế (Thực Tế Bản Lai Vốn Sẵn), phẩm mười hai pháp Khổ, phẩm mười ba pháp “Hành”, phẩm mười bốn pháp “Hợp”, phẩm mười lăm pháp Hữu Vô, phẩm mười sáu Quán Trói Mở, phẩm mười bảy Quán Nghiệp, phẩm mười tám Quán “Pháp”, phẩm mười chín Quán “Thời”, phẩm hai mươi Quán Nhân Quả, phẩm hai mươi một Quán Thành Hoại, phẩm hai mươi hai Quán Như Lai, phẩm hai mươi ba Quán “Điên Đảo”, phẩm hai mươi bốn Quán Tứ Đế, phẩm hai mươi lăm Quán Niết Bàn, phẩm hai mươi sáu Quán Thập Nhị Nhân Duyên, phẩm hai mươi bảy Quán Tà Kiến.

Trong luận này, mặc dù có quán có pháp, kỳ thực quán cũng là pháp; Tổ thứ 14 Long Thọ theo ý Phật dùng pháp pháp làm phương tiện để phá sự chấp trước của chúng sanh, chúng sanh có cái chấp nào thì phá cái chấp ấy; bất cứ pháp hữu vi, pháp vô vi, tất cả đều phá. Sự phá chấp này để giúp người tu dễ dàng rời bỏ kiến chấp tà tư duy, như thế mà bảo Trung Quán Luận là hí luận là sai sự thực; nó không những không phải là hí luận, không phải là bánh vẽ mà là luân chân thật, là bánh thật giúp cho người tu hiểu được những lời Phật nói, giúp cho người tu dễ dàng đạt đạo; như vậy mới đúng với ý nghĩa của luận này.

Trong thời Đức Phật còn tại thế, nhiều lần Đức Phật nói vắn tắt nên một số Tỳ Kheo không hiểu, do đó các đệ tử học rộng hiểu nhiều đã phải giải nghĩa Đức Phật nói; nhưng Đức Phật nói thì vô lượng, nên các đệ tử thời đó có giải thích cũng không sao cho hết được. Do đó, các vị Tổ nối tiếp về sau tiếp tục giải thích những điều mà các đệ tử Phật không hiểu nghĩa lý, đó là nguyên nhân các vị Tổ đã dựa vào các lời Phật dạy mà viết ra Kinh Luận chưa có, còn thiếu. Trung Quán Luận của Ngài Long Thọ viết ra không ngoài tôn chỉ ấy để phụ với Đức Phật phá những nhận định sai lầm của người tu về hữu vi và vô vi, mục đích là giúp cho người tu đi đúng con đường mà Đức Phật đã dạy và mong muốn chúng ta hiểu đúng hành đúng để đạt quả Niết Bàn đích thực. Với tài biện giải cao siêu như thế, Ngài Long Thọ quả là một vị Bồ Tát ở bậc cao, xin dành lễ Ngài trăm lạy.

Tác giả Thông Lạc cho rằng: “... không mấy vị tu sĩ đạt được giải thoát”; về vấn đề này, nếu cho rằng các luận của Bắc truyền đưa đến tình trạng từ xưa tới ngày nay không mấy người tu đạt đạo là không chính xác. Riêng tu theo Bắc truyền từ ngàn xưa biết bao nhiêu vị đạt đạo, nhất là Thiền Tông từ bên Trung Hoa, Cao Ly, Nhật Bản cho tới Việt Nam con số đạt đạo có thể nói là vô số, ngay cả với Tịnh Độ Tông, số người vãng

sinh Tây Phương Cực Lạc cũng vô số; sao lại nói là không có người nào giải thoát, các sách lịch sử Phật giáo đều đã ghi lại đầy đủ. Nếu bảo rằng đó là giả dối thì không đúng, vì Phật giáo luôn luôn tôn trọng sự chân thực, các sách của Phật giáo không bao giờ dám ghi những điều sai quấy, vì ghi điều sai quấy là tội Địa ngục Vô Gián chứ không phải chuyện rỡ chơi đâu.

## 2). Các người tu theo đều chết đau đớn

**TÁC GIẢ THÍCH THÔNG LẠC VIẾT:** “đến khi chết không có vị nào mà không đau khổ cả, họ đều lăn lộn trăn trở trên giường bệnh một cách khổ đau không thua gì người thế tục” là hồ đồ; có những vị Thiền Sư đã thể hiện sự đau đớn khi tịch vì để dạy các đệ tử về lòng tin, có rất nhiều Thiền sư ngồi kết già mà thị tịch một cách an nhiên. Lại có một số vị để thân bất hoại cho mãi đến ngày nay vẫn không hư thối tan hoại; lại nữa, có nhiều vị nói trước về ngày sẽ rời khỏi thế gian và đúng ngày giờ đã nói mà ra đi một cách tự tại; lại có những vị muốn ra đi vào một ngày nào đó, nhưng vì một sự yêu cầu hay sự việc gì đó, vị ấy hoãn lại ngày ra đi của mình như Ngài Cư sĩ Bàn Uẩn và gia đình ghi trong Bàn Ngữ Lục. Chúng ta theo dõi một đoạn về sự sinh tử tự tại của Gia đình Cư Sĩ Bàn Uẩn như sau:

Cư-sĩ Bàn-Uẩn (740-808): Cư-sĩ Bàn-Uẩn bên Trung-Hoa học đạo ngài Mã-Tổ Đạo-Nhất (709-788) được đại ngộ, sau hướng dẫn lại cho vợ con đều được kiến-tánh cả. Ông Bàn Uẩn tham câu: “Chẳng cùng với muôn pháp làm bạn là người gì?” Sau đó ông đến tham vấn Mã-Tổ, và cũng hỏi như trên, Mã-Tổ đáp:

- Đợi ông hút hết nước Tây giang ta sẽ nói với ông.

Nhân câu nói đó Cư-Sĩ đại ngộ, Ông về nhà lấy thuyền chở hết đồ đạc của cải mang đổ xuống sông Tương và đến chỗ vắng vẻ cất một Thất nhỏ để tu hành; con gái là Linh-Chiếu theo hầu hạ, chuyên việc chẻ tre đan bện mảnh bán nuôi cha. Ông có bài kệ:

Có con trai không cưới,  
Và con gái chẳng gả,  
Cả nhà chung hội họp,  
Cùng bàn việc vô sinh.

Về sau, khi Cư-Sĩ sắp tịch, ông bảo con gái ra xem mặt trời đúng trưa vào cho ông hay; Linh-Chiếu ra xem, vào thưa:

- Mặt trời đã đúng trưa, nhưng bị Sao Thiên Cầu ăn mất!

Ông rời chỗ ra xem, khi trở vào thấy con gái ngồi chỗ của ông và đang thu Thần hóa xác. Ông cười nói: “Con gái ta lanh lợi quá”, rồi ông chờ bảy ngày sau mới hóa.

Cư-sĩ Bàn-Uẩn trước khi viên-tịch có quan Tổng-Đốc (Tỉnh-Trưởng) hỏi:

- Trước khi viên tịch, Ngài có gì để lại cho mọi người và hậu thế không?

Cư-Sĩ Bàn-Uẩn nói:

- Những cái gì có bỏ hết, cái gì không có đừng đem vào.

Xong Cư-Sĩ nói một bài kệ để lại như sau:

Chỉ tự vô tâm cùng vạn vật,

Ngại gì vạn vật thường quấy nhiễu,

Trâu sắt chẳng sợ sư-tử rống,

Giống như người gỗ xem chim vẽ,

Người gỗ bản thể tự vô tình,

Chim vẽ gặp người cũng chẳng kinh,

Tâm cảnh như như chỉ thế ấy,

Nào sợ Bồ-đề đạo chẳng thành.

Nói kệ xong, Ngài ngồi mà tịch.

Vợ ông hay được việc ấy nói: “Con gái ngu si, ông chồng vô tri”, Bà đi báo cho con trai đang làm việc ngoài đồng; người con trai đang cuốc đất nghe tin xong bèn đứng mà tịch, rồi sau đó bà lặng lẽ tịch luôn.

Nếu không phải là người thấu hiểu đạo thì làm sao có thể sinh tử tự tại được, tác giả Thông Lạc trả lời thế nào về sinh tử tự tại của gia đình Cư Sĩ Bàn Uẩn và rất nhiều vị khác? Nếu bảo rằng tất cả những việc ghi nhận của các vị Thiền Sư đều là bịa đặt, thì những người viết lại các Ngữ Lục sự việc xảy ra như thế, rồi lại được ghi vào lịch sử Phật giáo tại các nước Phật giáo Bắc truyền, có ai dám làm chuyện không nói có để rồi chịu quả báo đọa địa ngục? Thiết nghĩ, những người đã mang danh là con Phật dù là Bắc truyền hay Nam truyền đều không ai dám làm điều không nói có.

Xem như thế mà bảo là: “đến khi chết không có vị nào mà không đau khổ cả, họ đều lăn lộn trần trở trên giường bệnh một cách khổ đau không thua gì người thế tục” là xuyên tạc sự thật, vì biết bao nhiêu các vị tu hành tới nơi tới chốn rồi thì đều tự kiểm soát được việc sinh tử vậy.

\*

\* \*

## XV). HAI THIỀN SƯ NAM TRUYỀN CHƯA ĐẮC ĐẠO VIẾT SÁCH SAI

### HÒA THƯỢNG THÍCH THÔNG LẠC VIẾT:

*“Trên đường hoằng hóa độ sanh, Thượng Tọa bộ tuy cố giữ gốc Nguyên Thủy, nhưng vì các vị tu hành chưa chứng đắc nên có sự kiến giải trong giáo lý ấy bằng trí tuệ học giả hoặc bằng những kinh nghiệm chưa đến nơi đến chốn như: Thiền sư Mahàsi, Thiền sư A-Chaan-chah. Hai Ngài có những bài kinh soạn theo kiến giải kinh nghiệm tu hành của mình như: Mặt Hồ Tĩnh Lặng, Thiền Minh Sát Tuệ, v.v... làm sai ý nghĩa và giáo pháp của Đức Phật rất lớn. Vì tu hành chưa tới nơi tới chốn, nên các Ngài biên soạn những loại kinh sách này vô tình để lại cho loài người trong hiện tại và mai sau những tai hại rất lớn, làm hao tài tốn của và phí cả cuộc đời của hậu học chẳng ích lợi gì, khi họ theo tu những pháp môn này. Trong thế kỷ này, tín đồ Phật Giáo khắp năm châu bốn biển đua nhau tu tập thiền Minh Sát Tuệ; tu tập thiền này phải tập trung theo cơ bụng (Phồng, xẹp) nhằm diệt vọng tưởng. Loại thiền ấy thuộc về thiền ức chế tâm nó không phải là thiền của Đạo Phật....(ĐVXP-Tập 8)*

### PHẢN BIỆN:

Tác giả Thông Lạc cho rằng các vị Thiền sư Mahàsi, Thiền sư Ajahn-chah tu theo Nguyên Thủy Nam truyền chưa tới nơi tới chốn, nên đã viết theo kiến giải kinh nghiệm của mình như quyển “Mặt Hồ Tĩnh Lặng của Thiền Sư Ajahn Chah và quyển “Thiền Minh Sát Tuệ” của Thiền sư Mahàsi làm sai ý nghĩa và giáo pháp của Phật.... Để tiện việc nhận xét, chúng ta thử tìm hiểu hai tác giả và lược qua hai tác phẩm của hai vị Thiền Sư nổi tiếng Nam truyền như dưới đây:

#### 1). Thiền sư Ajahn Chad viết Mặt Hồ Tĩnh Lặng sai

**Thiền sư Ajahn Chah** của Thái Lan đã từng đến dạy Phật pháp tại Anh Quốc, Mỹ Quốc và Gia Nã Đại, Ngài viết cuốn Mặt Hồ Tĩnh Lặng do Tỳ Kheo Khánh Hỷ dịch. Trong cuốn sách này đề cập tới những vấn đề:

1. Đạo giản dị về Chân Tám Thánh Đạo ở trong chúng ta là: Hai mắt, hai tai, hai lỗ mũi, một lưỡi và một thân; tám cửa này là toàn thể Đạo (Con Đường); tâm con người đi trên con đường ấy. Biết những cửa này và quan sát chúng thì tất cả giáo pháp sẽ hiện khởi. Sách nói đến Trung Đạo: không nghiêng về lạc thú hay đau khổ mà chỉ đặt chúng xuống (buông bỏ).

2. Sách cũng nói đến việc quan sát hoạt động của tâm, theo dõi tâm di chuyển, chúng ta có thể thấy được những đặc tính căn bản của nó; đó là vô thường, bất toại nguyện và vô ngã. Đối với năm uẩn (sắc thọ tưởng hành thức) phải buông bỏ chúng, không dính mắc vào chúng, không xem chúng là ta hay của ta.

3. Sách còn nói về Chánh kiến, người phát triển chánh kiến bằng cách nhìn mọi vật dưới ánh sáng vô thường, khổ và vô ngã, sẽ chấm dứt được luyến ái và mê lầm, không luyến ái không có nghĩa là ghét bỏ, nhưng đi tìm sự bình an là thoát khỏi khổ đau.

4. Nói về Giới hạnh, có hai trình độ thực hành giáo pháp: Gìn giữ giới luật là phần căn bản đầu tiên, giới luật đem lại hạnh phúc, thoải mái và hòa hợp; thứ đến -- tích cực hơn, không liên quan đến sự thoải mái -- đó là thực hành giáo pháp; muốn thực hành đúng đắn giáo pháp của Đức Phật, phải hiểu rõ giới luật và pháp hành. Đức Phật dạy: "Làm điều lành, lánh xa điều ác, giữ tâm trong sạch." Việc hành thiền của chúng ta cũng vậy: "Lánh xa điều xấu và giữ gìn điều tốt", cuối cùng chúng ta phải bước qua cái tốt lẫn cái xấu; Giải thoát bao gồm tất cả không dính mắc gì cả, từ sự không dính mắc này tình thương và trí tuệ lưu chuyển một cách tự nhiên.

5. Những tên trộm trong tâm: Mục đích của thiền là nắm sự vật lên và đưa vào phòng thử nghiệm để rõ thực chất của chúng. Chẳng hạn, khi nhìn hình dáng của một vật, ta thấy nó xinh đẹp, trong khi đó Đức Phật dạy chúng ta: nó là bất tịnh, vô thường, và chất chứa đau khổ; vậy quan niệm nào đúng chân lý? Những tên trộm chính tông không ở ngoài chúng ta là nhóm đạo chích của tham ái, Ngũ uẩn: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành và Thức đã luôn luôn trộm cắp, đánh đập ta, hành hạ ta đủ điều; tất cả những tên trộm ấy -- sự hiểu biết sai lầm - đưa ta đến hành động sai lầm.

6. Hạnh phúc và Đau khổ: Một thanh niên Tây phương vừa mới đến tu viện trong rừng của Ngài Ajahn Chah xin ở lại để học thiền và sống trong yên tĩnh. Câu nói đầu tiên của lối dạy của Ajahn Chah thường thẳng thắn và trực tiếp vì Ngài nói:

- Tôi hy vọng anh không sợ đau khổ,

Ajahn Chah giải thích rằng:

- Có hai loại đau khổ: đau khổ dẫn đến đau khổ hơn, và đau khổ dẫn đến chấm dứt đau khổ; nếu anh không muốn gặp loại đau khổ thứ hai thì anh chắc chắn sẽ gặp loại đau khổ đầu tiên.

7. Tâm phân biệt: Nghĩa rốt ráo của Chánh Kiến là không phân biệt. Thấy mọi người như nhau, không tốt cũng không xấu, không thông minh cũng không ngu dốt. Tâm phân biệt phát xuất từ tham muốn và si mê, nó nhuộm màu mọi vật bằng lối này; đó là thế giới do chính chúng ta tạo ra, chỉ vì chúng ta so sánh nên mới nhận lấy đau khổ.

8. Theo thầy: Có nhiều hiểu biết sai lầm về sự tập trung tâm ý, nhiều hiện tượng bất thường sẽ xảy ra trong lúc bạn hành thiền; lúc chúng xảy ra, vị thầy sẽ kịp thời hướng dẫn và đặc biệt điều chỉnh những sai lầm của bạn. Vị chân sư thường chỉ dạy những cách hành thiền khó khăn đòi hỏi nhiều nỗ lực của bạn để loại bỏ tự ngã; dầu có gì xảy ra cũng đừng bỏ thầy, hãy để thầy hướng dẫn vì bạn rất dễ quên thực hành.

9. Cái gì còn mới thì đều tốt đẹp: Ngài Ajahn Chah đến thăm một trung tâm thiền ở Hoa kỳ. Được thưởng thức những câu chuyện ý nhị, được nghe giáo pháp qua lối diễn đạt mới mẻ nên các thiền sinh rất thích thú yêu cầu Ngài hãy ở lại thêm một thời gian, nhưng Ngài cười nói: -- Cái gì mới thì đều tốt đẹp, nhưng nếu tôi ở lại dạy các bạn và bắt các bạn thực hành, các bạn sẽ mệt mỏi và chán tôi.

10. Hãy để cho cây mọc tự nhiên: Khi trồng cây bạn không thể thúc ép cây mọc nhanh hơn, cây có bước tiến của nó. Nhiệm vụ của bạn là đào lỗ, trồng cây, tưới nước, bón phân, trừ sâu, v. v..., nhưng cây mọc thế nào là chuyện của cây; việc hành thiền của bạn cũng vậy, bạn hãy vững tin là mọi chuyện sẽ tốt đẹp

11. Hãy để cho cây mọc tự nhiên: Nhóm người hành hương này là những vị đại diện cho một tổ chức tôn giáo Âu Châu đã đến gặp nhiều thiền sư ở Á Châu để hỏi:



1. Tại sao Ngài hành thiền?
2. Ngài hành thiền như thế nào?
3. Kết quả việc hành thiền của Ngài ra sao?

Ngài Ajahn Chah bằng cách hỏi lại ba câu hỏi khác:

1. Tại sao quý vị ăn?
2. Quý vị ăn như thế nào?
3. Sau khi ăn xong quý vị cảm thấy ra sao?

Nói xong Ngài cười, về sau Ngài giải thích rằng: Những lời dạy của Đức Phật nhằm mục đích hướng dẫn mọi người hãy trở về với Trí Tuệ nội tại của mình, trở về với Giáo Pháp tự nhiên của mình. Bởi thế nên Ngài muốn nhắc nhở không cần phải đi khắp Á Châu tìm kiếm lời giải đáp mà hãy trở về tìm hiểu phần bên trong của mình bằng Thiền trong mọi tác động, cố gắng ý thức và tỉnh thức trong mọi lúc, chế ngự sự lười biếng và phiền não, thực hiện trong tỉnh thức mọi tác động hàng ngày.

12. Giữ rắn trong tay: Khi tâm nắm giữ sự đau khổ thì chẳng khác nào bị rắn cắn, nếu thích thú nắm giữ cái gì với tâm tham ái chẳng khác nào nắm lấy đuôi rắn, vì sau đó không lâu, rắn sẽ quay đầu lại cắn ta. Hãy lấy chánh niệm và không luyến ái làm người canh giữ tâm mình vì khi giác quan tiếp xúc với sự vật thì yêu và ghét phát sinh, và si mê đi liền theo đó; nếu với chánh niệm thì cũng sự tiếp xúc đó, nhưng trí tuệ phát sinh.

13. Giới, Định, và Tuệ: Đức Phật chỉ dạy con đường thoát khổ, nguyên nhân khổ đau và con đường thực hành. Trong việc thực hành có con đường đơn giản này thôi. Con đường thoát khổ, tốt đẹp ở giai đoạn đầu: Giới; tốt đẹp ở giai đoạn giữa: Định; và tốt đẹp ở giai đoạn cuối: Tuệ. Nếu xem xét một cách kỹ càng, chúng ta sẽ thấy cả ba nhập một, Giới, Định, Tuệ phải được phát triển để hỗ trợ lẫn nhau; bất kỳ đối tượng gì hiện ra ở sáu căn đều kiểm soát được, nếu mạnh thì có thể tiêu diệt được phiền não Tham, Sân, Si. Giới, Định, Tuệ tạo nên Đạo, nhưng Đạo không phải là Chân Pháp, không phải là mục tiêu mà là con đường dẫn đến chân lý; khi bạn phát triển ba yếu tố này, kết quả sẽ là sự bình an kỳ diệu nhất.

14. Thế nào là tự nhiên: Nếu để tâm con người tự do tiến đến cái gọi là tự nhiên theo cảm tính, không cần rèn luyện; cảm xúc thế nào thì làm theo thế ấy thì tâm sẽ đầy tham lam, sân hận và đau khổ cũng phát sinh từ  
đấy.

15. Điều hòa: Ba điểm căn bản thực hành là Thu Thúc Lục Căn (nghĩa là không chìm đắm và dính mắc trong dục lạc ngũ trần), Ăn Uống Tiết Độ và Tỉnh Thức. Muốn có chánh niệm thì phải có nỗ lực liên tục, chứ không phải chỉ siêng năng một lúc rồi thôi. Dầu bạn hành thiền suốt đêm, nhưng những lúc khác bạn để cho lười biếng ngự trị thì cũng không phải là hành thiền đúng mà phải luôn luôn quan sát, theo dõi tâm.

16. Hãy nương tựa vào mình: Không có chút khác biệt nào giữa những lời tán dương và câu chỉ trích; dầu người ta nói thế nào cũng không quấy rầy được bạn, một người không tự tin sẽ cảm thấy mình xấu khi bị kẻ khác chê xấu. Hãy tự xét: Nếu họ nói sai, hãy quên đi; nếu họ nói đúng, hãy học theo họ; bất kỳ trường hợp nào xảy ra cũng chẳng có gì, chúng ta tất cả đều phải nương tựa nơi chính mình là vậy.

17. Để mặc người ta: Đừng tìm lỗi người, nếu cách cư xử của họ sai lầm, bạn cũng chẳng cần làm khổ mình mà chi. Nếu khi bạn chỉ cho họ thấy sai lầm của họ mà họ vẫn không sửa đổi, hãy để yên như thế.

18. Tình yêu thật sự: Tình yêu thật sự là trí tuệ, còn tình yêu như phần lớn mọi người nghĩ chỉ là một cảm giác tạm bao gồm tham ái và luôn luôn dính liền với đau khổ. Chúng ta không nên dính mắc hay đồng hóa với chúng mà chỉ cần biết chúng là gì, Khi chúng ta thể nhập chân lý, không còn muốn thứ tình yêu ấy nữa, vì lúc đó trí tuệ và tình yêu thật sự sẽ lấn át tham ái và tràn ngập thế gian.

19. Đương đầu với tâm mình: Nếu chịu khó rèn luyện, trước tiên bạn sẽ nhận thấy rằng thân ẩn cư là điều quan trọng. Khi sống ẩn cư bạn có thể nghĩ đến lời khuyên của Ngài Sariputta về ba loại ẩn cư: thân ẩn cư, tâm ẩn cư, xa lánh phiền não cám dỗ ẩn cư. Ngài nói rằng: "Thân ẩn cư là nguyên nhân tạo nên tâm ẩn cư, và tâm ẩn cư là nguyên nhân phát sinh phiền não ẩn cư." khi tâm bạn yên tĩnh, bạn có thể sống bất kỳ nơi nào.

20. Bỏ hết ngôn từ sách vở, và tự mình nhận thức: Lấy những lời dạy của Đức Phật làm căn bản và bắt đầu nghiên cứu tâm mình, khi thực hành bạn dẹp bỏ tất cả ngôn từ, biểu tượng, dự định, kế hoạch, v.v..., và ngưng học hỏi vì sự học hỏi này biến thành chướng ngại nhiều hơn là hỗ trợ; thực ra nếu nhìn vào bên trong chính mình, khi thực hành một thời gian sau sẽ thấy rõ chân lý.

21. Bỏ đói phiền não: Nơi nào bất hòa và khó khăn, nơi đó là chỗ để hành thiền, chúng ta phải biết mỗi nguy hiểm phải đương đầu khi hành thiền là phiền não. Phiền não chẳng khác nào rắn độc, phiền não chẳng khác nào một con mèo, nếu cho nó ăn, nó sẽ quanh quẩn bên ta; đừng cho nó ăn, nó sẽ không quấy rầy nữa. Muốn đề kháng lại phiền não thì bạn đừng cho chúng ăn ngủ theo ý muốn của chúng. Nhiều người cho làm như thế là tự hành hạ mình thái quá, nhưng đó là điều cần thiết để có sức mạnh bên trong; chúng ta phải huấn luyện tâm như huấn luyện một con trâu. Trâu là tư tưởng của chúng ta, và người chăn trâu là thiền sinh, nuôi trâu và huấn luyện trâu là hành thiền, với một con trâu được huấn luyện thuần thục, chúng ta có thể thấy chân lý.

Xét sơ lược về nội dung của tập “Mặt Hồ Tĩnh Lặng”, chúng ta thấy ý nghĩa của sách toàn là nói việc tu hành theo thực tế mà Đức Phật đã dạy, như giữ cho các căn không lạc không khổ, thủ thúc lục căn, tiết độ ăn uống, tỉnh thức liên tục. Quán sát để thấy căn bản của Tâm là vô thường bất toại nguyện và vô ngã, phải có chính kiến về ba thứ ấy sẽ thoát khỏi khổ đau. Người hành thiền phải giữ giới luật và thực hành bằng cách: làm lành tránh làm ác giữ tâm trong sạch; nếu phải khổ đau để chấm dứt đau khổ thì đó là hạnh phúc.

Nếu có tâm phân biệt tâm trộm cắp luyến ái thì sẽ đưa đến sai lầm và khổ đau, hãy hành thiền để tìm hiểu bên trong của mình chứ không cần tìm kiếm đâu xa và vững tin, mọi chuyện sẽ tốt đẹp. Giới định tuệ là con đường thoát khổ nếu giữ chính niệm thì trí tuệ sinh, nếu thực hành rồi thì không cần học hỏi nữa, thực hành một thời gian sẽ thấy chân lý mà thôi. Chúng ta thấy không có một điểm nào dư thừa hay nghịch lý. Tới đây, chúng ta xét qua về Thiền Sư Mahasi viết tập “Minh Sát Thực Tiễn” (Vipassana) do Sư Pháp Thông dịch.

## 2). Thiền sư Mahasi viết tập Vipassana sai ý Phật

**Thiền Sư Mahasi Sayadaw** Miến Điện: Mahasi Sayadaw sinh năm 1904, đã được diện kiến Trưởng Lão Mingun Jetawan Sayadaw (U Nārada Mahāthera, 1868-1955), U Nārada được thừa nhận như người khai sáng ra cách đổi mới cho phù hợp với thời đại mới về kỹ thuật Tứ Niệm Xứ cổ điển nhằm thực hành thiền Minh sát, hay Vipassanā. Vào đầu thế kỷ 20, U Nārada, có ý muốn thực chứng những lời dạy của Đức Phật mà ông đã học, tha thiết đi tìm một Thiền sư có đường lối thiền

trực tiếp, ngài gặp một vị sư mà người ta đồn là đã bước vào các Thánh Đạo cao thượng (tức đã đắc các đạo quả) trong vùng đồi núi của Sagaing ở thượng Miến.

Khi U Nārada đặt ra những Câu hỏi cho vị này, ngài đã hỏi ngược lại: “Tại sao ông lại đi tìm (chân lý) ngoài lời dạy của bậc Đạo Sư; chẳng phải Satipaṭṭhāna, con Đường Độc Nhất, đã được Đức Phật công bố đó sao?” U Nārada đón nhận lời chỉ dẫn này, ông bèn nghiên cứu lại kinh điển và những bản Chú giải theo truyền thống, suy xét sâu xa trên đó, và bước vào thực hành một cách tinh tấn dững mãi, cuối cùng ông đã đi đến chỗ thấu triệt những đặc tính của nó. Những kết quả đạt được trong thực hành đã làm cho tin chắc ngài đã khám phá ra cái ngài đang tìm: một phương pháp tu tập tâm rõ ràng và hiệu quả để đạt đến chứng ngộ cao nhất, và nhiều người tin rằng ngài đã đạt đến sự giải thoát cuối cùng (A-la-hán).

Dưới sự hướng dẫn của bậc thầy tài ba này, Mahāsi Sayadaw đã hành thiền tích cực dựa trên bốn nền tảng chánh niệm (Tứ Niệm Xứ), bắt đầu với quán thân, và đạt được những tiến bộ đáng kể; sau này, không xao lãng việc thực hành Vipassanā, và những hoạt động giảng dạy của mình như trước, và ngày càng được công nhận như một học giả danh tiếng nhất. Năm 1949, Thủ Tướng U Nu của Miến Điện, đã thỉnh cầu Mahāsi Sayadaw trở về Rangoon để dạy những khóa thiền tại Thathana Yeiktha, trụ sở Trung ương của Hội Phật Giáo Quốc Gia Miến Điện. Cho đến năm 1973, hơn 15.000 thiền sinh đã tham dự thiền Minh sát tại trung tâm Rangoon, và hàng trăm ngàn người đã được chỉ dẫn trong hơn một trăm trung tâm thiền địa phương khắp nước Miến; ngoài Miến Điện các trung tâm thiền như Sri Lanka, Ấn Độ, Thái lan cũng được mở hoạt động dưới sự hướng dẫn của ngài Mahāsi Sayadaw. Ngài viên tịch ở tuổi 78, năm 1982,

Những thành tựu nổi bật của ngài như một học giả, một vị thầy và một bậc thiền sư, Mahāsi Sayadaw đã được chỉ định vào vị trí chính yếu của “Người Hỏi” tức người làm nhiệm vụ đặt ra những Câu hỏi liên quan đến Tam Tạng Kinh Điển và Chú giải, theo thể thức giống như các cuộc kết tập kinh điển và Người Trả Lời là Trưởng Lão Tam Tạng Bhaddanta Vicittasārā Bhivatsa ND tại Đại Hội Phật Giáo lần Thứ Sáu tổ chức tại Thủ Đô Rangoon, Miến Điện từ năm 1954 đến 1956 nhân kỷ niệm 2.500 năm Phật lịch.

Cốt lõi của Pháp Hành Minh Sát Thực Tiến là Chánh Niệm, Chánh Niệm là gì? Theo Thiền Sư Mahāsi Sayadaw thì Chánh niệm không phải là giữ cho tâm tập trung trên hơi thở của bạn, cũng không có nghĩa là chỉ

chú ý đến bất cứ điều gì bạn đang làm trong lúc đó; bất luận một người có đủ nghiêm túc trong công việc của mình đều làm một cách bình thường. Ngay cả các con vật cũng thường chú ý làm như con mèo chăm chú hoàn toàn vào việc rình bắt chuột, con cò rình bắt cá, v.v... mà không phạm một sai lầm nào; nhưng chẳng có con mèo, con cò nào có thể đoạn trừ được lòng tham lam, dục vọng, v.v..., của chúng.

Cho dù lúc nào bạn cũng chú tâm đến những gì bạn đang làm cũng sẽ không diệt được tham, sân và si, thực sự đây chính xác là những gì bạn làm trong thiền vắng lặng hay thiền định; dù mỗi lúc bạn chỉ chú tâm đến một đối tượng duy nhất trong năm mươi năm bạn cũng không thể loại được những phiền não trong tâm của bạn mà vẫn còn nguyên xi không thay đổi.

Một người có thể giữ hết thảy mọi giới luật, người khác có thể học thuộc lòng tất cả kinh điển, ai đó có thể đắc định, hoặc một người có thể suốt cuộc đời sống độc cư; tất cả họ có thể định ninh rằng mình đã kinh nghiệm được sự giải thoát tối thượng khỏi mọi phiền não, nhưng thực sự chẳng ai trong họ có thể có được kinh nghiệm đó nếu không tiêu diệt mọi phiền não trong tâm. Do đó, ngoài tất cả những gì họ đã hành họ còn phải loại trừ hết những bất tịnh trong tâm để chứng nghiệm hạnh phúc của sự giải thoát khỏi mọi loại khổ đau.

Sự chú tâm hoàn toàn của bạn vào một đối tượng duy nhất trong mọi lúc cần phải kết hợp với như lý tác ý. Như lý tác ý là sự tác ý hay hướng tâm có ba thiện căn đi kèm. Ba thiện căn đó là vô tham (bố thí), vô sân (tâm từ), và vô si hay trí tuệ. Còn tham sân và si là ba bất thiện căn; hãy để cho tư duy vô tham, tâm từ và trí tuệ ngự trị tâm bạn trong lúc chú tâm vào bất cứ một điều gì.

Bạn phải chú tâm đến bất kỳ ý nghĩ nào liên quan đến chính bạn, hoặc đến một chúng sinh nào đó; bạn luôn luôn có sự quán niệm trong lúc mặc áo quần, trong lúc ăn uống, trong lúc nói chuyện với người khác, trong lúc nghe tiếng, trong lúc thấy một vật, trong lúc đi đứng hay lái xe. Khi bạn chú tâm trọn vẹn với như lý tác ý hoặc với sự quán niệm như vậy, tham sân si của bạn sẽ mất dần đi, bởi vì trong như lý tác ý vô tham từ ái và trí tuệ hoạt động; khi bạn nhận thức đối tượng với tham sân si, tâm bạn sẽ dính mắc vào nó chứ không mở rộng cho bất kỳ một ý nghĩ buông bỏ tham sân si ra được.

Do như lý tác ý, bạn phải học cách thấy ra tính chất vô thường, bất toại nguyện (khổ) và vô ngã trong đối tượng bạn đang nhìn. Như lý tác ý của bạn chỉ ra cho thấy chẳng có đối tượng nào bạn nhận thức, chẳng có cảm thọ hay cảm xúc nào liên quan tới đối tượng ấy giữ nguyên được

như vậy dù chỉ trong hai sát-na liên tiếp, bạn sẽ thấy rằng mọi thứ đều vô thường. Tri kiến hiểu biết về vô thường này cho phép bạn buông bỏ cảm giác bức bối, với trí tuệ bạn thấy ra những gì bất toại nguyện đều vô thường, và thấy được sự liên hệ giữa bất toại nguyện và sự tham lam; khi bạn có như lý tác ý bạn sẽ thấy rằng cái gì vốn vô thường và bất toại nguyện đều không có tự ngã.

Tóm lại: chánh niệm không phải là sự thận trọng, cũng không phải là sự khôn lanh, là trạng thái tâm tự phản tỉnh trên chính nó không để bị vướng vào tham sân và si, những gốc bất thiện gây khổ đau cho bản thân, cho người khác và cho cả hai. Chánh niệm là trạng thái tâm tràn đầy quang đại (vô tham) từ ái (vô sân) và trí tuệ cùng với bi hỷ và xả; nên bất cứ lúc nào bạn chú tâm tới một điều gì bạn phải tự hỏi xem tâm bạn có đầy đủ những yếu tố này không.

### **Satipatthāna là gì?**

Satipatthāna có nghĩa là niệm, hay luôn luôn ghi nhớ, cái người ta cần phải ghi nhớ không quên ở đây là hiện tượng thân, thọ, tâm hay pháp ngay khoảnh khắc (sát-na) chúng xuất hiện đối với họ; điều rất quan trọng là phải loại trừ hoài nghi pháp hành của mình. Việc quan sát các đối tượng như đang đi, đang co, đang duỗi, v.v... không chỉ là một sự luyện tập cơ bản, mà ghi nhớ các hoạt động thân tâm, như đang đi, đang co, đang duỗi, v.v... cũng còn là cách thực hành ở những giai đoạn cao hơn nữa.

Thiền Minh sát (Vipassanā) chú ý tới bất kỳ đối tượng rõ rệt nào - điều này được nói đến trong phụ Chú giải Thanh Tịnh Đạo - Visuddhi magga. Vì thế, hành giả được hướng dẫn bắt đầu công việc Minh sát của mình bằng cách ghi nhận một đối tượng rõ rệt, đó là một đối tượng dễ ghi nhận hay dễ quan sát nhất. Đức Phật dạy một cách rất dễ: "khi đi, biết hay ghi nhận đang đi"; có vậy thôi.

### **Vipassana Ngày Nay**

Xét theo bài kinh Cūṭatathāsankhaya Sutta (Tiểu Kinh Ái Đoạn Tận - Cūṭatathāsankhaya Sutta, Kinh số 37 Trung Bộ I), bài kinh nói về cách làm thế nào để đoạn trừ ái hay tham, thì rõ ràng người ta có thể thực hành Vipassanā mà không cần phải có kiến thức về Vi Diệu Pháp và Pháp Duyên Khởi nếu như họ biết rằng những gì thực sự hiện hữu không ngoài tâm và vật chất (danh và sắc), và danh sắc ấy phải chịu vô thường, khổ và vô ngã.

Người hành thiền phải quan sát tâm và thân, không cần quan sát chúng bằng cách gọi tên, vì gọi tên hoàn toàn không quan trọng, cũng

chẳng phải bằng cách kể ra từng khoản thể này, thể nọ là các hiện tượng tâm lý hoặc vật lý (danh pháp hoặc sắc pháp); thể này, thể nọ là tâm và các tâm sở của nó v.v...; trong thực tế, chỉ biểu thị đặc tính bằng màu sắc và cảm thọ, chứ không có gì khác. Trong cuốn Abhidhamma, gọi là Yếu Nghĩa của Vi Diệu Pháp (Abhidhammatthasatgaha) có lẽ sẽ rất rõ ràng đối với mọi người học Phật, nói như sau: “Lakkhana-rasapaccupatthāna-padatthāna-vasena nāma-rūpa-pariggaho ditthi-visuddhi nāma.” Có nghĩa là: “Kinh nghiệm tâm và thân, dưới dạng các đặc tính, nhiệm vụ, sự thể hiện và nhân gần của chúng, dẫn đến kiến tịnh”.

Chữ ‘sati’, hay niệm nghĩa đen của nó lại là nhớ, vì thế nó được giải thích như là “ghi nhận” cho phù hợp; ghi nhận ở đây chỉ là sự quan sát tâm và thân hay danh và sắc ngay sát-na chúng xảy ra để hay biết đúng như chúng thực sự là. Còn đối tượng phòng và xẹp của bụng được bao gồm trong các hiện tượng vật lý nằm trong sắc uẩn (rūpa-kkhandha); trong nghĩa tối hậu, đối tượng phòng và xẹp của bụng này nằm dưới Sắc uẩn (Rūpa-kkhandha), Xúc xứ (Photthabba yatana), Phong đại (Vāyo Dhātu), và Khổ đế (Dukkha Sacca), được xem như đủ điều kiện làm một đối tượng cho Vipassana (Minh sát) để nhận thức Tam Tướng vô thường, khổ và vô ngã, theo lời dạy của Đức Phật.

Để rõ hơn, chúng ta trích một số câu hỏi và đáp cốt lõi của tập “Minh Sát Thực Tiễn” (Vipassana) như sau:

**1- Bạch Ngài, có phải ngài đã khởi xướng cách quan sát sự “phòng - xẹp” của bụng khi thở?**

Không, tôi không phải là người khởi xướng cách quan sát ‘phòng - xẹp’, thực sự chính Đức Phật đã khởi xướng nó vì Ngài dạy quan sát Vāyo-dhātu, tức quan sát phong đại hay yếu tố gió gồm trong năm uẩn. Sự phòng - xẹp là do phong đại tạo thành.

Mới đầu, một số người đã chất vấn cách quan sát sự phòng - xẹp của bụng này. Tuy nhiên, do bạn bè khuyến khích, sau đó họ đã thử và hiểu được giá trị của nó nhiều đến độ thậm chí họ đã chỉ trích lại những kẻ ưa bói lông tìm vết trước đây. Tôi chắc chắn rằng: người nào thử rồi cũng sẽ hiểu được giá trị của nó từ kinh nghiệm cá nhân của mình, cũng giống như việc nếm đường người nào cũng có thể trực tiếp hiểu vị ngọt của nó từ kinh nghiệm riêng của mình.

**2- Bạch ngài, những khó khăn nào ngài đã gặp phải trong việc giảng dạy thiền Vipassanā này?**

Năm 1939, khi tôi mới bắt đầu dạy thiền Satipatthāna Vipassanā tại quê nhà của tôi, Tu viện Mahāsi, làng Saik Khon, thị trấn Shew Bo. Thời gian

đó, vị trụ trì tu viện kế bên không hoan hỷ với việc giảng dạy của tôi, nhưng, ông không dám chỉ trích công khai trước mặt vì ông biết tôi là người có uy tín; vì thế ông chỉ làm điều đó sau lưng tôi. Cũng có một số vị sư và cư sĩ ủng hộ ông ta, tuy nhiên, tôi không phản ứng gì cả, mà cứ tiếp tục công việc giảng dạy của mình như thường lệ; dù cho họ có chỉ trích như thế nào chẳng nữa, cũng chẳng có gì làm lay động tôi được bởi vì tôi giảng dạy từ kinh nghiệm riêng của mình. Sau đó ngày càng nhiều người bắt đầu chứng minh được điều tôi dạy là chính xác qua kinh nghiệm trực tiếp của tự thân họ; về sau vị sư chỉ trích việc giảng dạy thiền của tôi này, không may vướng phải một người phụ nữ nên phải xả y hoàn tục và Ông qua đời bốn hoặc năm năm sau đó.

### **3- Bạch ngài, vì sao ngài hướng dẫn các thiền sinh ở đây khởi sự công việc thực hành của họ với việc ghi nhận 'phòng, xẹp'?**

Nếu bạn ghi nhận một đối tượng quá đa dạng, hoặc quá vi tế, sẽ phải mất thời gian để phát triển định, trong khi nếu bạn quan sát một đối tượng rõ rệt và giới hạn thì định có thể được khởi dậy nhanh hơn. Đó là lý do vì sao chúng tôi hướng dẫn các hành giả ở đây bắt đầu công việc thực hành của họ với việc quan sát bụng biểu thị đặc tính bằng sự căng cứng, sức ép, rung động, được xem là đồng nhất với vāyo-dhātu hay yếu tố gió.

### **4- Bạch ngài, chỉ có hai đối tượng để ghi nhận là 'phòng, xẹp' thôi sao?**

Đúng vậy, buổi đầu thiền sinh được hướng dẫn ghi nhận chỉ hai đối tượng 'phòng, xẹp', tuy nhiên, họ cũng được hướng dẫn ghi nhận những ý nghĩ nếu chúng khởi lên, và rồi trở lại với đối tượng chính là 'phòng, xẹp'. Với cái đau cũng tương tự như vậy, hành giả phải trở lại với đối tượng chính khi cái đau tan đi, hoặc sau một thời gian phải chẳng cho dù cái đau vẫn còn; điều này cũng áp dụng đối với việc co, duỗi chân tay, hoặc thay đổi oai nghi. Hành giả phải ghi nhận từng mỗi hoạt động hay hành vi cư xử có liên quan, và rồi trở lại với đối tượng chính. Nếu hành giả thấy hay nghe một điều gì nổi bật hơn, hành giả phải ghi nhận nó đúng như nó là, đó là, 'thấy', 'nghe', v.v...; sau khi ghi nhận chúng ba hoặc bốn lần, hành giả phải trở lại đối tượng chính với đầy đủ tinh tấn.

### **5- Bạch ngài, ngài có thể mô tả kinh nghiệm giác ngộ của một người giống như thế nào được không?**

Trạng thái tâm của một người thay đổi một cách phi thường và đột ngột khi họ chứng ngộ Đạo Quả, người ấy cảm thấy như thể mình vừa mới tái sanh; đức tin của họ phát triển một cách rõ rệt dẫn đến sự hỷ lạc, ngây ngất và hạnh phúc tột độ. Đôi khi, những trạng thái tâm này xảy ra nhiều đến nỗi họ không thể nhập sâu vào đối tượng giống như trước được



nữa mặc dù họ vẫn tập trung sự chú ý vào chúng; tuy nhiên, hàng giờ hay hàng ngày sau, những trạng thái tâm như vậy có khuynh hướng dịu lại, và người ấy có thể tiến triển tốt trở lại trong pháp hành. Đối với một số người, họ có thể cảm thấy rất thanh thản; hoặc rõ ràng không muốn hành; hoặc dường như đã thoả mãn với những gì họ vừa thành tựu, và có lẽ do đó mà họ không có ý định thành tựu cao hơn nữa.

#### **6- Bạch ngài, sự mô tả Niết-bàn do những người mà ngài tin đã đạt đến đó là như thế nào?**

Một số mô tả về Niết-bàn do những người, theo tôi tin, đã chứng ngộ thực sự, là như sau:

- Tôi thấy các đối tượng và tâm ghi nhận (hay tâm chánh niệm) đột nhiên ngừng lại.
- Tôi khám phá ra rằng các đối tượng và tâm chánh niệm bị cắt đứt giống một sợi dây leo bị chặt đứt vậy.
- Tôi thấy các đối tượng và tâm chánh niệm rơi xuống như thể tôi không còn cầm được chúng nữa.
- Tôi thấy các đối tượng và tâm ghi nhận rơi xuống thành linh giống như vắt xuống một gánh nặng vậy.
- Tôi cảm thấy như thể tôi đã thoát khỏi các đối tượng và tâm ghi nhận.
- Tôi phát hiện ra rằng các đối tượng và tâm ghi nhận đột nhiên ngừng lại giống một ngọn nến bị thổi tắt.
- Tôi cảm thấy như thể tôi đã rời khỏi các đối tượng và tâm ghi nhận, giống như thoát ra khỏi bóng tối đi vào ánh sáng vậy.
- Tôi thấy cả đối tượng lẫn tâm ghi nhận chìm xuống như thể chúng bị chìm vào nước vậy.
- Tôi khám phá ra rằng cả đối tượng lẫn tâm ghi nhận đột nhiên dừng lại giống như một vận động viên chạy nước rút bị đẩy lại từ phía trước vậy.
- Tôi thấy đối tượng lẫn tâm ghi nhận đột nhiên biến mất.

#### **7- Bạch ngài, ngài tin là có bao nhiêu người đã được giác ngộ dưới sự hướng dẫn của ngài?**

Tôi tin có cả ngàn người đã đạt đến tuệ phân biệt danh sắc (nāma-rūpa pariccheda ñata) từ kinh nghiệm cá nhân của họ, nhờ thực hành nghiêm túc như đã chỉ dẫn, và đề khởi được định mạnh mẽ, trong vòng một tuần lễ. Có cả ngàn người đã kinh nghiệm được tâm và thân (danh - sắc) tương tác lẫn nhau và thay đổi không ngừng, đó là nhân và quả, là trạng thái vô thường, khổ và vô ngã của các hiện tượng; và cũng có cả ngàn người được tin là đã hoàn tất sự chứng ngộ Đạo Quả sau khi họ phát triển tuệ Minh sát thành thực nhờ quan sát tâm và thân từ sát-na này đến sát-na khác.

**8- Bạch ngài, Ngài có thể mô tả cho chúng con biết chúng con phải nhận ra vô ngã như thế nào trong nghĩa tối hậu?**

Một số người tin rằng sự thực chứng vô ngã xảy ra nếu như một lúc nào đó bạn mất cảm giác về hình dáng của thân mình bằng cách mượn tượng sắc thân này như những phân tử; thực ra thực chứng vô ngã không phải là bạn đơn thuần mất đi cảm giác về tính rắn chắc hay hình dáng của thân thể. Mà chính vì bạn đang kinh nghiệm một cách rõ ràng cái tâm biết. Điều này tương tự như các chúng sanh khi ở cõi người tu tập thiền vô sắc, sau khi chết sinh lên cõi trời vô sắc, ở đây họ không có sắc thân vật lý như con người, nhưng vẫn lầm chấp tâm họ là cái “Tôi” hay tự ngã.

Vì thế chỉ đơn thuần mất cảm giác về hình thể rắn chắc thôi thì không thể xem như đó là sự thực chứng vô ngã được. Chỉ khi bạn quan sát tâm và thân (danh - sắc) ngay sát-na chúng xảy ra, và thấy chúng sanh diệt liên tục theo tự nhiên của chúng, không có quyền lực của bất kỳ ai can thiệp vào, bạn mới thực sự thực chứng vô ngã trong nghĩa tối hậu. Nếu bạn theo dõi tâm và thân từ sát-na này đến sát-na khác, bạn chắc chắn sẽ kinh nghiệm những đặc tính thực của các hiện tượng, và thấy chúng sinh diệt.

**9- Bạch ngài, khi đi nếu chúng con phải hay biết về những đặc tính, chúng con có cần quan sát sự cứng (đơ), chuyển động hay di chuyển không?**

Đức Phật dạy: “khi đi, biết đang đi”. Khi chúng ta đi, yếu tố gió hay phong đại nổi bật, yếu tố gió vốn được kinh nghiệm như sức ép, hay sự cứng đơ dưới dạng những đặc tính của nó, hay sự chuyển động, di chuyển dưới dạng nhiệm vụ của nó. Tuy nhiên, Đức Phật đã không chỉ dẫn chúng ta phải ghi nhận nó như là ‘sức ép’, ‘sự cứng đơ’, ‘sự chuyển động’ hay ‘đẩy tới’...

Sự chỉ dẫn đích thực của Đức Phật là: “Khi đi, biết đang đi”, chỉ vậy thôi. Lý do là ngài muốn đưa ra một cách dễ hành và dễ hiểu. Ghi nhận theo ngôn ngữ quy ước tất nhiên là hoàn toàn quen thuộc và dễ dàng đối với tất cả mọi người.

**10- Bạch ngài, có số người nói, sẽ không hợp lý nếu một vị thiền sư không thể xác nhận rằng hành giả này, hành giả nọ trong số những thiền sinh của ông đã trở thành bậc thánh Tu-đà-hoàn (Sotāpanna); điều đó có thực không?**

Đúng vậy, điều đó có thể đúng theo quan điểm của họ, song nó lại rất thích hợp đối với truyền thống Phật giáo - Sāsana, một vị thiền sư không thể xác nhận, rằng người như vậy như vậy trong số những hành giả của

ông đã trở thành bậc Tu-đà-hoàn. Đức Phật là người duy nhất trong địa vị này, để xác nhận sự giác ngộ của một người nào đó, như là Sotāpanna (bậc Tu-đà-hoàn), Sakadāgāmi (bậc Tư-đà-hàm), Anāgāmi (bậc A-na-hàm), hay Arahant (bậc A-la-hán). Ngay cả Tôn giả Sāriputta (Xá-lợi-phất) cũng không bao giờ xác nhận theo cách đó; vì thế chúng tôi cũng không làm điều này, đây là cách thích hợp trong truyền thống Sāsana.

Xét qua về tập “Mặt Hồ Tĩnh Lặng” và tập “Minh Sát Thực Tiễn” với những sự trình bày của Thiền Sư Ajahn Chad và sự giải thích của Thiền Sư Mahāsi Sayadaw trong tập Minh Sát Thực Tiễn (Vipassana), chúng ta thấy không có điểm nào đi ngược lại và làm sai ý nghĩa giáo pháp của Đức Phật. Các vị này không làm các biên soạn tai hại cho các thế hệ trong hiện tại và mai sau, vì nó không trái với lời Phật dạy khi tu theo những điều các vị viết; sự thực thì trong hiện tại chỉ có một số tín đồ Phật Giáo tu tập thiền Minh Sát Thực Tiễn mà thôi. Các vị Thiền sư này tu hành tới nơi tới chốn hay chưa, điều ấy chỉ có bậc Thánh mới biết được và chính các vị tự biết, như người uống nước nóng hay lạnh tự mình biết, và các vị Thiền sư này đã không tự vỗ ngực nói mình đã giải thoát.

Chúng ta có thể dối gạt người nhưng không thể dối gạt được mình, còn người tự nói mình đã đạt đạo mà giải thích kinh sách sai thì chẳng còn có giá trị gì nữa; vì người đạt đạo là người phải thông suốt Phật pháp khi nói ra lời nào, không ai có thể nói khác được. Về tu tập thiền Minh Sát này theo dõi cơ bụng (Phồng, Xẹp), đây không phải nhằm diệt vọng tưởng mà là quan sát Phong Đại (Vāyo-dhātu), tức theo dõi, để ý, quan sát phong đại hay yếu tố gió của một trong Tứ đại trong Sắc Uẩn của Năm Uẩn; sự phồng - xẹp là do phong đại tạo thành, chứ không phải cố ý làm cho bụng phồng lên xẹp xuống như tập Khí công hay thở để chữa bệnh, như vậy nó không phải là loại thiền ức chế tâm như tác giả Thông Lạc đã chỉ trích một cách lầm lẫn.

\*  
\* \* \*

## **XVI). CÁC TỔ HIỂU SAI KHÔNG TÁNH**

**Trong bài KHÔNG TÁNH Trưởng Lão Thích Thông Lạc, trích NLGPD.4. Do bài đăng trên mạng Thân Tâm An Lạc ngày 28-11-2012 có đoạn viết:**

*“Nhưng ở kinh Tiểu Không này dạy không tánh là pháp hữu vi vô thường chịu sự đoạn diệt. Cho nên, kinh sách các bạn phải hiểu đúng nghĩa, đừng hiểu sai, vì chính hiểu sai mà các Tổ mới kiến giải, tưởng giải sinh ra kinh Đại Bát Nhã, mới có Chân Không Diệu Hữu, Bát Nhã Tâm Kinh.*

*Tất cả những điều này chỉ là một ảo tưởng của kinh sách Đại Thừa, còn kinh Tiểu Không thì không có nghĩa đó. Không có nghĩa đó rất rõ ràng vì vô tướng tâm định, không tánh là một pháp hữu vi vô thường, chịu sự đoạn diệt”.*

## **PHẢN BIỆN:**

Để việc phán đoán được rõ ràng, chúng ta chia bài Phản Biện này làm 3 phần: 1. Phân tích một phần Kinh Tiểu Không. 2. Phân tích Bát Nhã Tâm Kinh. 3. Phân tích một số phê bình chỉ trích của tác giả Thông Lạc và so sánh với Bát Nhã Tâm Kinh.

### **1). PHÂN TÍCH MỘT PHẦN KINH TIỂU KHÔNG:**

Chúng ta sẽ dùng chữ nghiêng chỉ Phật nói, chữ đứng ngay để giải thích, và sẽ biện giải Kinh Tiểu Không (Cùlasunnata) trong Kinh Trung Bộ của Nam Truyền, trích gần một nửa Kinh, từ đoạn cuối đến hết Kinh như sau:

Đức Phật nói: *“Lại nữa, này Ananda, Tỷ-kheo không tác ý Vô sở hữu xứ tướng, không có tác ý Phi tướng phi phi tướng xứ, tác ý sự nhất trí do duyên Vô tướng tâm định Tâm vị ấy được thích thú, hân hoan, an trú, hướng đến Vô tướng tâm định”* (Ý Phật nói Tỷ Kheo không còn nghĩ tới Vô sở Hữu Xứ và Phi Tướng Phi Phi Tướng nữa, được không còn tướng nào trong tâm nên được định tĩnh, được định tĩnh nên được thích thú hân hoan an trú trong tâm định tĩnh không có một hình bóng nào).

*Vị ấy tuệ tri như sau: “Các ưu phiền do duyên Vô sở hữu xứ tướng không có mặt ở đây; các ưu phiền do duyên Phi tướng phi phi tướng xứ không có mặt ở đây; và chỉ có một ưu phiền này, tức là sáu nhập duyên mạng, duyên với thân này”.* (Nghĩa là: Hành giả biết rõ các lo buồn về Vô Sở Hữu Xứ và Phi Tướng Phi Phi Tướng không còn; chỉ có lo buồn về Sáu nhập là Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp hiện diện trong thân)

*Vị ấy tuệ tri: “Loại tướng này không có Vô sở hữu xứ tướng”. Vị ấy tuệ tri: “Loại tướng này không có Phi tướng phi phi tướng xứ tướng; và chỉ có một cái này không phải không, tức là sáu nhập duyên mạng, duyên với thân này”. Cái gì không có mặt ở đây, vị ấy xem cái ấy là không có; nhưng đối với cái còn lại, ở đây vị ấy tuệ tri: “Cái kia có, cái này có”. Này Ananda, cái này đối với vị ấy là như vậy, thật có, không điên đảo, sự thực hiện hoàn*

*toàn thanh tịnh, không tánh.* (Nghĩa là: Hành giả biết rõ Vô Sở Hữu Xứ Tướng không còn, biết Phi Tướng Phi Phi Tướng cũng không còn, nên được thanh tịnh, Không Tánh đây là đối với hai loại tướng Vô sở hữu xứ tướng và Phi tướng phi phi tướng, chứ không phải là đối với sáu nhập duyên mạng, vì vậy Phật sẽ nói cái vô tướng tâm định này là hữu vi ở dưới đây).

*Lại nữa, này Ananda, vị Tỷ-kheo không tác ý Vô sở hữu xứ tướng, không tác ý Phi tướng phi phi tướng xứ tướng, tác ý sự nhứt trí do duyên Vô tướng tâm định. Tâm vị ấy được thích thú, hân hoan, an trú, hướng đến Vô tướng tâm định. Vị ấy tuệ tri như sau: "Vô tướng tâm định này thuộc hữu vi, do tâm tự tạo nên. Phàm cái gì thuộc hữu vi, do tâm tự tạo nên, cái ấy là vô thường, chịu sự đoạn diệt"* (Hữu vi vô thường đoạn diệt bởi vì sáu căn còn dính mắc sáu trần trong tâm, còn ô nhiễm), vị ấy tuệ tri như vậy.

*Do vị ấy tuệ tri như vậy, thấy như vậy, tâm được giải thoát khỏi dục lậu, tâm được giải thoát khỏi hữu lậu, tâm được giải thoát khỏi vô minh lậu. Trong sự giải thoát, là sự hiểu biết (nana) rằng đã được giải thoát; vị ấy tuệ tri: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn phải trở lại trạng thái này nữa"* (Ở đây phải nên hiểu: Sinh đã tận là Tâm không còn sinh ra Tướng Vô Sở Hữu, Tâm không còn sinh ra Phi Tướng Phi Phi Tướng nữa; Phạm hạnh sự tu về việc này đã làm xong, không còn trở lại trạng thái này nữa là đã làm xong việc loại bỏ Tướng Vô Sở Hữu và Phi Tướng Phi Phi Tướng, chứ không phải đã làm xong những cái khác đâu, không phải sự SINH TỬ của hành giả hết đâu).

*Vị ấy tuệ tri: "Các ưu phiền do duyên dục lậu không có mặt ở đây; các ưu phiền do duyên hữu lậu không có mặt ở đây; các ưu phiền do duyên vô minh lậu không có mặt ở đây"* (Ở đây nên hiểu là các ưu phiền do duyên dục lậu, các ưu phiền do duyên hữu lậu, các ưu phiền do duyên vô minh lậu của Tướng Vô Sở Hữu, của Phi Tướng Phi Phi Tướng không có mặt ở đây, chứ không phải là các cái khác).

*Và chỉ ở một ưu phiền này, tức là sáu nhập duyên mạng, duyên với thân này"* (Ở đây Phật nói là: chỉ ở ưu phiền Sáu nhập: Sắc, Thanh, Hương, Vi, Xúc, Pháp duyên đến nhập vào Thân hành giả). *Vị ấy tuệ tri: "Loại tướng này không có dục lậu (Loại Tướng Vô Sở Hữu, Phi Tướng Phi Phi Tướng không tham ô nhiễm)". Vị ấy tuệ tri: "Loại tướng này không có hữu lậu"* (Loại Tướng Vô Sở Hữu, Phi Tướng Phi Phi Tướng không có hữu lậu). *Vị ấy tuệ tri: "Loại tướng này không có vô minh lậu (Loại Tướng Vô Sở Hữu, Phi Tướng Phi Phi Tướng không có vô minh Lậu); và chỉ có một cái này*

*không phải không, tức là sáu nhập duyên mạng, duyên với thân này". Và cái gì không có mặt ở đây, vị ấy xem cái ấy là không có (ý Phật nói: cái gì không có trong tâm hành giả cái ấy là không có). Nhưng đối với cái còn lại, ở đây vị ấy biết: "Cái kia có, cái này có". Nay Ananda, cái này đối với vị ấy là như vậy, thật có, không điên đảo, sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh, Không tánh."*

Tại sao ở trên Đức Phật nói: "*chỉ ở một ưu phiền này, tức là sáu nhập duyên mạng, duyên với thân này*", ở đây lại nói "*cái này đối với vị ấy là như vậy, thật có, không điên đảo, sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh, Không tánh*"? Nghĩa là cái ưu phiền là thật có, vẫn còn trong tâm, nhưng những cái gì không có mặt trong tâm thì hoàn toàn được thanh tịnh, đó là Không tánh đối với những cái không có mặt mà thôi, chứ không phải những cái ưu phiền. Đoạn này chứng minh cho câu ở trên Phật nói:

*"Vô tướng tâm định này thuộc hữu vi, do tâm tự tạo nên. Phàm cái gì thuộc hữu vi, do tâm tự tạo nên, cái ấy là vô thường, chịu sự đoạn diệt";* vì những cái có mặt trong tâm thì không thể nói là không, cái gọi là Không Tánh chỉ là đối với những cái vừa loại ra khỏi tâm mà thôi. Đến đây thì chúng ta hiểu rõ thế nào là Không Tánh hay Tánh Không, hai chữ nói đảo qua đảo lại nhưng nghĩa vẫn như nhau. Tới đoạn chót của Kinh Tiểu Không, chúng tôi tóm gọn nhưng ý nghĩa không khác Phật nói như sau:

*"Nay Ananda, phàm có những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong quá khứ, trong tương lai, trong hiện tại, sau khi chứng đạt, đã an trú cứu cánh vô thường thanh tịnh Không tánh (Sunnatam), tất cả các vị ấy sau khi chứng đạt đều chỉ an trú cứu cánh vô thường thanh tịnh Không tánh này. Do vậy, nay Ananda, sau khi chứng đạt Ta sẽ an trú cứu cánh vô thường thanh tịnh Không tánh; như vậy, nay Ananda, các Ông cần phải học tập".* (Nghĩa là các hành giả trong quá khứ, tương lai và hiện tại, sau khi chứng đạt được đến đâu thì an trú đến đó trong cứu cánh thanh tịnh Không Tánh, còn Phật đã đạt cứu cánh tuyệt đối rồi và Ngài luôn luôn an trú trong cứu cánh thanh tịnh vô thường Không Tánh. Do đó Ngài bảo tất cả mọi người phải học và tu tập).

Để kết luận, tâm chúng ta có muôn nghìn sai khác, như lá rừng, như chỉ rối, nhặt bỏ lá này còn lá kia, gỡ được chỗ rối này còn chỗ rối khác, phải công phu không ngưng nghỉ lâu ngày mới mong giải quyết được, cho nên Kinh Tiểu Không, Đức Phật dạy từ dễ đến khó, từ nông đến sâu an trú Không Tánh từng phần một, loại bỏ trong tâm được đến đâu thì nên an trú đến đó, cho tới khi nào không còn gì ở trong tâm nữa, thì lúc đó tiến tới cái Không Tánh hoàn toàn như Phật vậy.

Bây giờ, chúng ta bước qua Bát Nhã Tâm Kinh, phân tích xem nó có khác hay nó giống với Kinh Tiểu Không của Nam truyền?

## 2). PHÂN TÍCH BÁT NHÃ BA LA MẬT TÂM KINH:

Chúng ta phân tích giải thích ý nghĩa Bát Nhã Tâm Kinh, chữ nghiêng đậm là lời Kinh, chữ đứng ngay là giải thích, chúng ta cùng theo dõi:

**BÁT NHÃ:** Là Trí huệ, nhưng Trí huệ này không phải như Trí huệ của thế gian; Trí huệ của thế gian cần phải qua sự tác ý mới dùng được, còn Bát Nhã của Tự tánh thì không cần sự tác ý.

**BA LA MẬT:** Nghĩa là bờ bên kia, nếu chúng ta phát huy được cái đại dụng của BÁT NHÃ thì được đạt đến bờ bên kia là chỗ tự do tự tại, không có khổ não.

**TÂM:** Chữ TÂM biểu tượng cả chân tâm lẫn vọng tâm, cả chánh tâm lẫn tà tâm; còn Bản Tâm tức là Tự tánh, Tự tánh là KHÔNG HAI (BẤT NHỊ); TÂM cũng tức là hư không pháp giới. Nhưng tâm của chúng ta hiện nay có muôn ngàn sai biệt, mục đích của TÂM KINH này là muốn làm cho tất cả muôn ngàn cái tâm sai biệt đều đạt đến chỗ hoàn toàn không sai biệt, hồi phục lại cái BẤT NHỊ của Tự tánh, cho nên Kinh này chỉ rõ đường lối tu hành cho chúng ta, dạy chúng ta y theo đó mà thực hành để đạt đến chỗ BẤT NHẤT BẤT NHỊ.

### *Quán Tự Tại Bồ Tát sau khi đi sâu vào trí huệ Bát Nhã, soi thấy Năm Uẩn đều không, liền qua tất cả khổ nạn;*

Quán Tự Tại Bồ Tát là quán sát TỰ TÁNH Tự Tại của mình hay Quán Tự Tánh Quán Âm của mình; nói cho rõ là quán TỰ TÁNH PHẬT của mình. Chữ ĐI là thực hành, chữ SÂU (Thâm) này tức là siêu việt số lượng, không phải đối với Cạn mà nói Sâu, cũng như chữ ĐẠI của Kinh Đại Bát Nhã, không phải đối với Nhỏ mà nói Lớn, mà là siêu việt số lượng, nếu có số lượng thì không gọi được là Sâu, nếu có số lượng thì không phải là Bát Nhã; khi đã soi thấu thấy Năm Uẩn đều không liền thoát khỏi tất cả khổ nạn.

Trước hết, để hiểu toàn bài Bát Nhã Tâm Kinh, chúng ta cần hiểu KHÔNG là gì, khi đã hiểu rõ chữ KHÔNG rồi thì sau đó phân tích sẽ hiểu dễ dàng hơn: Theo Hòa Thượng Thích Duy Lực giải thích chữ KHÔNG như sau: “Phật pháp nói chữ KHÔNG là để hiện ra cái Dụng tích cực của Tự Tánh, chứ không phải là cái rỗng không tiêu cực như người đời hay hiểu lầm, cũng không phải là cái không ngộ. Chữ KHÔNG này kỳ thực nói ra rất dễ hiểu, ví như một căn nhà, nếu không có cái KHÔNG (chỗ trống)

thì không ở được, một cái tử không có cái KHÔNG thì chẳng thể để đồ được. Một cái tách nếu không có cái KHÔNG thì chẳng thể đựng nước trà được, nếu hai cái tách to bằng nhau, nhưng một cái mỏng sẽ có cái Không lớn hơn là cái tách dày; cho nên có thể suy ra, bất cứ cái gì nếu không có cái Không thì chẳng thể dùng được.

Muốn Dùng thì phải có cái KHÔNG, cái KHÔNG đến cùng tột thì cái Dụng cũng được đến cùng tột; cái Dụng của Tự Tánh cũng như vậy, hễ KHÔNG đến đâu thì Dụng đến đó, KHÔNG đến vô cực thì Dụng đến vô cực, mà Dụng đến vô cực tức là Phật, cũng là hoàn toàn phát huy được cái Dụng của Bát Nhã, đến lúc đó cái Đại Dụng, Toàn Dụng của BÁT NHÃ cùng khắp hư không pháp giới, ánh sáng ấy chiếu đến đâu thì tất cả tai nạn khổ sở đều bị tiêu tan sạch”, do đó mới nói “CHÂN KHÔNG DIỆU HỮU”.

Không này, kinh Lăng Nghiêm gọi là Không Như Lai Tạng, kinh Hoa Nghiêm gọi là Pháp Giới Tánh, Pháp Thân; kinh Viên Giác gọi là Viên Giác, cái biết thường hằng viên mãn. Kinh Lăng Già gọi là Viên thành thật Trí hay Đại viên cảnh Trí. Thiền tông gọi là Tâm, Chân Tâm, Tự Tánh, Phật Tánh, Tâm Không, Tâm Ấn; Mật tông gọi là Kim Cương Giới, thế giới bản thể, tất cả đều biểu trưng cho chữ KHÔNG.

***Này Xá Lợi Tử, Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc; sắc tức là không, không tức là sắc; thọ tướng hành thức cũng lại như thế.***

SẮC là tất cả vật chất có hình có tướng, KHÔNG thì không phải là vật chất, hai cái khác nhau, nhưng ý của Kinh này thì nói SẮC, KHÔNG bất nhị, chẳng có khác biệt; như Kinh Hoa Nghiêm nói: "NHẤT THIẾT DUY TÂM TẠO", Sắc là do tâm tạo, KHÔNG cũng là do tâm tạo, hai cái đều không có Tự Tánh nên nếu không chấp cái SẮC là thật thì SẮC TỨC LÀ KHÔNG, không chấp cái KHÔNG là thật thì KHÔNG TỨC LÀ SẮC; cũng là cái nghĩa không hai (bất nhị) của Tự Tánh, hai cái vốn không khác biệt chỉ vì chúng sanh có bệnh chấp thật nên mới phân biệt có SẮC có KHÔNG.

SẮC uẩn trong Ngũ uẩn như vậy thì bốn uẩn kia: THỌ TƯỚNG HÀNH THỨC cũng như vậy, cho nên nói CŨNG LẠI NHƯ THẾ; không những thọ, tướng, hành, thức như vậy, mà vũ trụ vạn vật tất cả đều phải như vậy. Thí dụ lấy “ta” mà nói thì "Ta chẳng khác không, không chẳng khác ta, ta tức là không, không tức là ta", cái nghĩa trong Kinh này cũng như “Nghĩa Ba Câu” trong Kinh Kim-Cang và cái nghĩa "Lià Bốn Câu" (Ly Tứ Cú) như sau:



Suốt phần Tôn Giả Tu Bồ Đề hỏi Phật của Kinh Kim Cang đều chẳng ngoài ý nghĩa ba câu như:

Hoặc: Bồ Tát có trang nghiêm cõi Phật, tức không phải là trang nghiêm; chỉ tạm gọi là trang nghiêm thôi.

Hoặc: Thân người to lớn như núi Tu Di thật là to lớn, nhưng không phải là thân to lớn, đó mới thực là thân to lớn.

Câu thứ nhất: Chấp thật

Câu thứ hai: Phủ định, phá, chống lại câu 1, lọt vào chấp không.

Câu thứ ba: Giả danh, tạm gọi thôi.

Câu thứ ba phá cả ba câu 1, 2, 3, vì cả ba đều là giả danh, nghĩa là bác bỏ chấp thật của câu 1, bác bỏ chấp không của câu 2, bác bỏ chấp điên đảo tưởng của câu 3,

Còn áp dụng vào là Tứ cú, thí dụ về việc khởi niệm thì:

Hễ: "Khởi niệm" thì lọt vào cú thứ nhất, "Không khởi niệm" lọt vào cú thứ hai, "Chẳng khởi niệm chẳng không khởi niệm" lọt vào cú thứ ba, "Cũng khởi niệm cũng không khởi niệm" lọt vào cú thứ tư, nên phải là Tứ cú.

***Này Xá Lợi Tử, tướng của tất cả các pháp, nó không sinh không diệt, không dơ không sạch, không thêm không bớt; vì thế trong tướng không nó không có sắc, thọ, tưởng, hành, thức; không có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; không có sắc, thanh, hương vị, xúc, pháp; không có nhãn thức giới cho đến ý thức giới.***

Đoạn này dùng chữ KHÔNG để phá sạch Tri kiến chấp thật của mọi người Phàm phu chúng ta, như ở trên đã nói "NHẤT THIẾT DUY TÂM TẠO", cũng gọi là KHÔNG TƯỚNG, cái KHÔNG TƯỚNG đó chẳng phải chỉ KHÔNG những cái có hình tướng, mà cũng KHÔNG những cái vô hình tướng. Như thấy có chẳng phải thật có, thấy chân chẳng phải thật chân là KHÔNG TƯỚNG, thấy không chẳng phải thật không, thấy giả chẳng phải thật giả, cũng là KHÔNG TƯỚNG. Nói tóm lại, không có một pháp nào chẳng phải là KHÔNG TƯỚNG, cái KHÔNG TƯỚNG này chẳng phải đối với có mà nói không, nó không có đối đãi, không lọt vào tứ cú; hai chữ KHÔNG TƯỚNG cũng là biệt danh của Tự Tánh vậy.

Mục đích là để phá ngũ uẩn, phá lục trần, phá lục thức, chữ KHÔNG này chẳng phải là cái vô của tuyệt diệt mà là cái Không của "không thật"; bởi vậy ở đây dùng chữ KHÔNG để phá sạch Tri kiến chấp thật của mọi người.

***Không có vô minh, cũng không có hết vô minh cho đến không có già chết, cũng không có hết già chết.***

Câu này để phá 12 Nhân duyên, vì tất cả pháp đều là KHÔNG TƯỞNG, tức là chẳng phải thật, vô minh đã chẳng phải thật thì không có vô minh để Hết (Tận), già chết chẳng phải thật thì không có già chết để hết; nhưng trước mắt chúng ta thấy có già, có chết thì làm sao nói chẳng phải thật được? Hiện nay chúng ta thấy rõ ràng có sinh có tử, nhưng chẳng biết cái sanh tử đó là do cảm giác sai lầm của chúng ta sinh ra.

**Chứng minh:** Trong Kinh Viên Giác Phật có nói: Do vọng tâm của chúng ta ngày đêm hoạt động không ngừng cho nên thấy có sanh tử luân hồi, cũng như thân mình xoay không ngừng thì thấy căn nhà xoay vậy. Căn nhà xoay dụ cho sanh tử luân hồi, căn nhà ngưng xoay dụ cho Niết Bàn. Cái xoay của căn nhà là do cái xoay của thân thể sinh ra cảm giác sai lầm như thế, căn nhà ngưng xoay dĩ nhiên cũng là do cảm giác sai lầm mà ra, bởi vì căn nhà có xoay hồi nào đâu mà nói căn nhà ngưng xoay? Do vọng tâm hoạt động thấy có sanh tử luân hồi và do vọng tâm ngưng hoạt động mà hiển hiện Niết Bàn (liễu thoát sinh tử) cũng là lý lẽ này vậy.

Như thế chứng tỏ Thập nhị nhân duyên chẳng phải thật, mà hàng Duyên Giác chấp đó là thật, cho nên đoạn này dùng chữ KHÔNG để phá cái Tri kiến chấp thật của hàng Duyên Giác.

***Không có khổ, tập, diệt, đạo.***

Câu này là phá hàng Thanh Văn, hàng Thanh Văn gọi KHỔ, TẬP, DIỆT, ĐẠO là Tứ Thánh đế, chúng ta ở trong sanh tử chịu đủ thứ Khổ, là do cái tâm tập nhiễm tích Tập, rồi tu hành đến khi cái khổ sinh tử được diệt, nên gọi là Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Như đoạn trên đã nói: sinh tử là do cảm giác sai lầm của vọng tâm hoạt động mà sinh ra, thì Khổ, Tập, Diệt, Đạo này chẳng phải là thật, cho nên ở đây lấy chữ KHÔNG để phá cái Tri kiến chấp thật của hàng Thanh Văn.

***Không có trí tuệ, không có chứng đắc, cũng không có chỗ được; Bồ Tát y theo Bát Nhã Ba La Mật Đa, có tâm không ngăn ngại, vì tâm không ngăn ngại nên không sợ hãi.***

Câu này là phá hàng Bồ Tát tức là Đại Thừa, nếu người tu Bồ Tát chấp Trí tuệ là thật thì bệnh chấp thật vẫn còn, cho nên nói KHÔNG TRÍ TUỆ KHÔNG CHỨNG ĐẮC, ý là không có Trí huệ cho mình đắc được (VÔ SỞ ĐẮC), nếu tất cả đều Không Chứng Đắc thì tâm được không động, tâm không động là tâm thanh tịnh, tâm được thanh tịnh thì cái Dụng của Bát Nhã tự hiển lộ, Dụng của Bát Nhã hiện ra thì đạt đến bờ bên kia, cho nên

Kinh nói Y THEO BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA, TÂM KHÔNG NGĂN NGẠI, muốn làm cho tâm không ngăn ngại thì phải KHÔNG TRÍ TUỆ KHÔNG CHỨNG ĐẮC, nếu chấp có trí tuệ, có sở đắc thì sẽ bị cái trí tuệ cái chứng đắc ấy ngăn ngại rồi. Đã được tâm không ngăn ngại tức là tự do tự tại, thì đương nhiên KHÔNG SỢ HÃI nữa; đoạn này là phá sạch cái Tri kiến chấp thật của hàng Bồ Tát.

***Xa lià mộng tưởng điên đảo, đạt tới cứu cánh Niết Bàn.***

Hai chữ XA LÌA (VIỄN LY) cũng là để phá, mấy đoạn trước lấy chữ KHÔNG để phá, đoạn này muốn phá cái Tri kiến chấp Phật, nên dùng hai chữ Xa Lià để nhấn mạnh thêm; nếu chấp có cứu cánh Niết Bàn thật để chứng nhập thì cái Tri kiến chấp thật này tức là điên đảo mộng tưởng, cho nên đoạn này CỨU CẢNH NIẾT BÀN cũng phải phá cho sạch sẽ luôn.

Trong kinh này, từ Phạm phu, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát cho đến Phật Thừa, chia làm năm đoạn để phá, phá tới sạch hết không còn gì để phá nữa rồi mới có tư cách thành Phật; như trong Kinh Kim Cang, phá tới phá lui nhiều lần: Phật hỏi Tôn giả Tu Bồ Đề:

- Này Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao, Như Lai được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chẳng, Như Lai có nói pháp chẳng?

Tu-bồ-đề thưa:

- Như con hiểu qua nghĩa Phật nói, không có pháp nhất định tên là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng không có pháp nhất định Như Lai có thể nói; vì có sao? Vì pháp Như Lai nói đều không thể chấp, không thể nói, chẳng phải pháp, chẳng phải phi pháp; vì tất cả bậc Hiền Thánh đều do pháp vô vi mà có sai biệt.

Nếu thấy pháp Như Lai được Vô Thượng Chính Đẳng là thật thì cũng còn có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả ...; vì nói thành Phật thì ai thành Phật, Ta thành phải không? Thấy có pháp thành Phật thật thì phải có người thành Phật, đó là còn ngã, còn ngã thì còn nhân, còn chúng sanh, thọ giả; nếu thế Phật là phạm phu mất rồi! Nếu cho rằng “Phật có nói pháp thật” cũng không được, phạm những gì nói ra đều là tướng hư giả; ở đây chúng ta thấy nếu phá những cấp dưới thấp thì mọi người dễ chấp nhận, còn phá luôn cả Phật thì mọi người cảm thấy rất khó chấp nhận, nên trong kinh Kim Cang mới phải phá tới nhiều lần là vậy.

***Ba đời Chư Phật y theo Bát Nhã Ba La Mật Đa, được đạo quả Bồ Đề.***

Câu này mới chính thức thành PHẬT, cứu cánh Niết Bàn của đoạn trên chưa phải thành PHẬT, phải phá luôn cứu cánh Niết Bàn, sau khi phá

sạch chấp thật Tri kiến Phật rồi mới đủ tư cách thành PHẬT. Ba đời Chư Phật quá khứ, Phật hiện tại và Phật vị lai đều phải y theo BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA mà thực hành; phá sạch tất cả Tri kiến, không còn một pháp nào để chấp thật mới có thể đạt đến giác ngộ tối cao Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác.

Nếu cứu cánh Niết Bàn ở đoạn trên đã chứng nhập rồi, ở đây còn chứng nhập thêm nữa là không đúng, cho nên cứu cánh Niết Bàn ở trên cần phải phá; đoạn sau tả cái sức Dụng do sự phá của KHÔNG mà hiển lộ ra, như thế mới được phù hợp.

***Nên biết Bát Nhã Ba La Mật Đa là Đại Thần Chú, là Đại Minh Chú, là Vô Thượng Chú, là Vô Đẳng Đẳng Chú, trừ hết thảy khổ nạn không hư dối.***

Câu này diễn tả cái Dụng của Bát Nhã, ở đây Thần chú chia làm bốn cấp, tùy theo sự phá KHÔNG của từng trình độ cao thấp mà hiện ra cái Dụng lớn nhỏ, phá trống được bao nhiêu thì cái Dụng hiện ra được bấy nhiêu. Bốn cấp Thần chú là đại diện cho sức Dụng bằng ĐẠI THẦN CHÚ, phá được Tri kiến hàng Thanh Văn rồi thì hiện ra cái sức Dụng bằng ĐẠI MINH CHÚ, phá được Tri kiến của Bồ Tát rồi thì hiện ra cái sức Dụng bằng VÔ THƯỢNG CHÚ, phá sạch được Tri kiến Phật rồi thì hiện ra cái sức Dụng bằng VÔ ĐẲNG ĐẲNG CHÚ. Đến đây đã phá tới chỗ không còn gì để phá nữa, sức Dụng của Bát Nhã đã đạt được đến Cứu cánh, không có gì có thể bằng được, nên gọi là không còn bậc nào cao hơn nữa (VÔ ĐẲNG ĐẲNG); cuối cùng trừ hết thảy khổ nạn không hư dối, đến đây là đạt được đến chỗ tự do tự tại rồi.

***Cho nên nói ra lời Chú Bát Nhã Ba La Mật Đa, Chú ấy rằng: "Yết đế yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, Bồ đề tát Bà ha; Ma ha Bát Nhã Ba La Mật Đa.***

Sau chót nói đến chú Bát nhã Ba La Mật Đa, Thần chú là đại diện mệnh lệnh hoặc sức Dụng tự động của Tự Tánh, cho nên không cần giải nghĩa.

Tóm lại Bát-nhã Tâm Kinh nói: "Y theo Bát-nhã này, người nào muốn thành Tu Đà Hoàn phải phá hết chấp thật của sắc và không, Cách tu là: Phá hết sạch chấp thật của Sáu Căn: Mắt Tai Mũi Lưỡi Thân ý, Sáu Trần: Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp, và Sáu Thức: Nhãn Nhĩ Ty Thiệt Thân Ý Thức. Như Mắt-Sắc-Nhãn Thức chẳng khác Không, Mắt-Sắc-Nhãn Thức là Không, Tai-Thanh-Nhĩ Thức chẳng khác Không, Tai-Thanh-Nhĩ Thức là Không v.v..., cho đến Ý-Pháp-Ý Thức chẳng khác Không, Ý-Pháp-Ý

Thức là Không. Tất cả đều chẳng khác Không, đều là Không rồi thì tâm được không động, tâm không động là tâm thanh tịnh, tâm được thanh tịnh thì cái Dụng của Bát Nhã tự hiển lộ theo kết quả tu hành của mình mà sẽ đắc quả Tu Đà Hoàn.

Muốn thành A-la-hán phải phá chấp thật hết sạch Ngũ Uẩn: sắc, thọ, tưởng, hành, thức; phải phá chấp thật khổ, tập, diệt, đạo. Nghĩa là hành giả tu quán thấy sắc dù đẹp dù xấu, dù to dù nhỏ, dù cứng dù mềm v.v... đều chẳng khác không, đều là không; thấy thọ vui buồn, thọ khổ sướng đều chẳng khác không, đều là không; thấy tướng nhớ hình nọ ảnh kia, nhớ tới danh nọ địa vị kia đều chẳng khác không, đều là không; thấy hành suy nghĩ khởi làm cái này, tính toán làm cái kia đều chẳng khác không, đều là không; thấy thức phân biệt so sánh đủ thứ điên đảo chẳng khác không, đều là không.

Hành giả còn phải tu quán thấy Khổ chẳng khác không, Khổ là không; quán thấy Tập sinh ra Khổ chẳng khác không, Tập sinh ra Khổ là không; quán thấy Diệt Khổ chẳng khác không, Diệt Khổ là không; quán thấy Đạo quả của Khổ chẳng khác không, Đạo quả của Khổ là không. Khi đã phá sạch hết chấp thật của Năm Uẩn và khi quán thấy hết sạch tất cả chấp thật Khổ Tập Diệt Đạo thì tâm được không động, tâm không động là tâm thanh tịnh, tâm được thanh tịnh thì cái Dụng của Bát Nhã tự hiển lộ theo kết quả tu hành của mình mà đắc quả A-la-hán.

Muốn thành Bích Chi Phật phải phá chấp thật 12 Nhân duyên, nghĩa là tu quán thấy Vô minh ngu si chẳng khác không, Vô minh si mê là không; quán Hành từ suy nghĩ nói năng hành động chẳng khác không, Hành động tạo tác là không; tu quán Thức từ Nhãn thức, Nhĩ Thức, Tỵ thức, Thiệt thức, Thân thức, Ý thức, Mạt Na thức và A Lại Đa thức chẳng khác không, là không, tu quán cho đến Danh Sắc, Lục nhập, Xúc, Thọ, Ái, Thủ, Hữu, Sinh, Già chết đều chẳng khác không, đều là không. Khi quán thấy hết sạch tất cả chấp thật về 12 Nhân Duyên như thế rồi thì tâm được không động, tâm không động là tâm thanh tịnh, tâm được thanh tịnh thì cái Dụng của Bát Nhã tự hiển lộ theo kết quả tu hành của mình mà thành Bích Chi Phật.

Muốn thành Bồ-tát phải phá chấp thật Trí tuệ, phá chấp thật có Chứng đắc; nghĩa là tu quán thấy Trí tuệ chẳng khác không, Trí tuệ là không; quán thấy Chứng đắc chẳng khác không, Chứng đắc là không. Khi quán thấy phá hết sạch chấp thật Trí tuệ và tất cả đều không sở đắc thì tâm

được không động, tâm không động là tâm thanh tịnh, tâm được thanh tịnh thì cái Dụng của Bát Nhã tự hiển lộ theo kết quả tu hành của mình mà thành Bồ-tát.

Muốn thành Phật phải y theo Bát Nhã Ba La Mật Đa, hành giả phải phá chấp thật tất cả những gì phải phá từ phàm phu, Thanh Văn, Duyên giác, Bồ Tát, cho đến phá chấp thật luôn Cứu cánh Niết Bàn tức là phá chấp Tri Kiến Phật là thật; nghĩa là tu quán thấy Niết Bàn chẳng khác không, Niết Bàn là không thì tâm được không động, tâm không động là tâm thanh tịnh, tâm được thanh tịnh thì cái Dụng của Bát Nhã tự hiển lộ cùng khắp, Dụng của Bát Nhã hiện ra thì đạt đến bờ bên kia, được đạo quả Bồ Đề thành Phật".

Tất cả đều nhờ Bát-nhã, như thế Bát-nhã Tâm Kinh bao gồm hết thầy Phật Pháp, tùy người hành trì được nhiều hay ít mà được đạo quả tương ứng.

### 3). PHẢN BIỆN PHẦN CHỈ TRÍCH:

Tác giả Thông Lạc viết:

*"Tâm không phóng dật tức là tâm thanh thản, an lạc và vô sự. Tâm thanh thản, an lạc và vô sự là tâm không động hay gọi "không tánh". Không tánh tức là tâm bất động trước các ác pháp và các cảm thọ, chứ không phải không tánh là "Tánh không". Các bạn đừng hiểu lầm như các Tổ. Ở đây Phật không nói Tánh không như trong kinh Đại Bát Nhã của Đại Thừa".*

**1. Tác giả Thông Lạc viết về:** *"Tâm không phóng dật tức là tâm thanh thản, an lạc và vô sự".* Theo chỗ hiểu thông thường thì tâm không phóng dật không phải là tâm thanh thản an lạc và vô sự, mà tâm không phóng dật là phải để ý xem tâm mình thấy những gì không còn dính mắc, có những gì dính mắc, đúng như ý Phật dạy, ví như: "không tác ý nhân tướng, không tác ý thân tướng, chỉ tác ý lâm tướng", nghĩa là không còn nghĩ tới người và thân xóm, chỉ còn nghĩ tới rừng thối. Không phóng dật như vậy là phải để ý quán sát những gì xảy ra trong tâm chứ không phải ngồi đấy mà thanh thản, an lạc và vô sự, chẳng cần biết đến những gì xảy ra trong tâm là sai ý Phật.

**2. Tác giả Thông Lạc viết về:** *"Tâm thanh thản, an lạc và vô sự là tâm không động hay gọi "không tánh".*" Đây là tâm gỗ đá dích thực, vì không để ý gì cả, chỉ thanh thản, an lạc, và vô sự thì có khác gì gỗ đá; cái tâm không động này giống như người chết không động, đây là không ngơ

chứ chẳng phải Không Tánh Phật chỉ, cái Không Tánh Phật chỉ là cái biết rõ không còn có cái nọ cái kia, biết rõ còn có cái này cái khác, sự thật hiện hoàn toàn thanh tịnh, Không Tánh. Khi đã biết rõ như vậy rồi, hành giả nhớ nghĩ mãi (niệm) như thế, dần dần đi vào định tức là không động, ở trong cái không động này tức là an trú trong Không Tánh.

**3. Tác giả Thông Lạc viết về:** *“Không tánh tức là tâm bất động trước các ác pháp và các cảm thọ, chứ không phải không tánh là “Tánh không”.”* Ý Phật là: Cái gì tâm đã loại bỏ được rồi thì đó là Không Tánh, chứ Phật không nói là ác pháp hay cảm thọ, bất cứ cái gì mà tâm đã loại bỏ được không còn ghi nhớ trong tâm nữa thì đó là Không Tánh. Thí dụ loại bỏ được Sắc, Thọ, Hành rồi thì được Không Tánh về những thứ ấy, Tưởng và Thức còn có trong tâm thì nhận biết có trong tâm, loại bỏ được ít thì Không Tánh nhỏ, loại bỏ được nhiều thứ thì Không Tánh lớn hơn, loại bỏ không còn gì loại bỏ được nữa thì Không Tánh đồng với Phật.

**4. Tác giả Thông Lạc viết:**

*“An trú “KHÔNG” của Phật giáo không có nghĩa là Tánh không, Chân không, Trí Tuệ Bát Nhã Ba La Mật. Chữ KHÔNG có nghĩa không chướng ngại pháp, tức là không có dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Đó đó, chữ KHÔNG TÁNH phải hiểu nghĩa đúng đắn theo Tứ Diệu Đế, chứ không thể hiểu nghĩa theo kiểu Đại Thừa và Thiên Tông cho Không tánh là Tánh không, là Phật tánh là sai”.*

Nếu hiểu rõ lời giải thích về cái Không của Bát Nhã Tâm Kinh ở trên thì thấy cái Không của Nam truyền và Bắc truyền hoàn toàn giống nhau, chữ KHÔNG là để hiện ra cái Dụng tích cực của Tụ Tánh, chứ không phải là cái rỗng không tiêu cực như tác giả Thông Lạc và người đời hay hiểu lầm, vì nếu phá được một phần thì cái Dụng có một phần, nghĩa là phá được chướng ngại pháp một phần thì cái Dụng có một phần, cái Dụng có một phần thì cái Không có một phần. Khi đã phá được một phần chướng ngại rồi thì cái phần ấy không còn dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu nữa, như thế đâu có khác gì hiểu theo nghĩa Tứ Diệu Đế? Ở đây là tác giả Thông Lạc hiểu lầm mà cho rằng nghĩa chữ Không của Bát Nhã Tâm Kinh sai với Kinh Tiểu Không, sự thật thì không hề có sự khác biệt.

**5. Tác giả Thông Lạc viết:**

*“Như vậy không tánh không có nghĩa là không có, mà cũng không có nghĩa là chân không, tánh không, v.v... như nghĩa của các nhà Đại Thừa.*

*Không tánh có nghĩa là không có dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu, chứ không phải tánh không của trí tuệ Bát Nhã.*

*Ở đây, nếu các bạn không hiểu rõ mục đích của đạo Phật là chỗ bất động tâm trước ác ác pháp và các cảm thọ, nếu các bạn hiểu khác nghĩa bất động này, là các bạn đã hiểu sai lệch bài kinh trên đây”.*

Tác giả Thông Lạc đã hiểu lầm chữ Chân Không, Tánh Không của Bát Nhã Tâm Kinh là cái rỗng không tiêu cực như người đời hay hiểu lầm; thực ra chữ KHÔNG hay Chân Không hay Tánh Không v.v... là do cái Dụng tích cực của Tự Tánh như đã giải thích ở trên. Khi phá được bao nhiêu tâm dính mắc (như phá được Sắc rồi) là Tánh Không hiện ra bấy nhiêu và khi phá được bao nhiêu thì những dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu của những cái ấy đều vắng bóng không còn. Như thế thì chẳng khác gì cái Không Tánh mà Đức Phật nói trong Kinh Tiểu Không mà chính tác giả Thông Lạc đã viết:

*“Đến đây các bạn đã hiểu không tánh rồi chứ. Không tánh chỉ là tâm bất động, nhưng bất động đối với thân tướng và nhân tướng chứ không phải bất động hết các pháp, vì thế chỉ còn có một ưu phiền này tức là sự nhất trí do duyên lâm tướng”.*

Cái Tánh Không này là biểu hiện cái DỤNG của TỰ TÁNH, phá được một phần thì có một phần Tánh Không, phá hết thấy thì Tánh Không ngang với Phật. Chỉ có điều là Kinh Tiểu Không Đức Phật chỉ giảng phần căn bản đầu, còn Bát Nhã Tâm Kinh thì dạy chúng ta từ đầu cho tới khi thành Phật, nên tuy Kinh chỉ có 262 chữ Hán Việt mà đầy đủ tất cả, như vậy thì sự đánh giá Kinh này là “Mẹ Ba Đời Chư Phật” không phải là quá đáng vậy.

## **6. Tác giả Thông Lạc viết: “Đức Phật nói:**

*{{“Sanh đã tận Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn phải trở lại trạng thái này nữa”. Vô tướng tâm định này thật hữu vi, do tâm tư tạo nên. Phàm cái gì thuộc hữu vi do tâm tư tạo cái ấy là vô thường, chịu sự đoạn diệt”.*

*Đọc đến đoạn kinh này các bạn thấy đức Phật đã xác định rất rõ vô tướng tâm định vẫn là pháp hữu vi do tâm tư (ý thức) tạo nên cái ấy là vô thường, chịu sự đoạn diệt. Như vậy làm sao các bạn hiểu nó là Chân Không diệu hữu, Trí Tuệ Bát Nhã, Tánh Không. Những từ này trong kinh sách Đại Thừa chỉ cho Phật tánh là một pháp vô vi thường hằng bất biến. Nhưng ở kinh Tiểu Không này dạy không tánh là pháp hữu vi vô thường chịu sự đoạn diệt. Cho nên, kinh sách các bạn phải hiểu đúng nghĩa, đừng*



*hiểu sai, vì chính hiểu sai mà các Tổ mới kiến giải, tướng giải sinh ra kinh Đại Bát Nhã, mới có Chân Không Diệu Hữu, Bát Nhã Tâm Kinh.*

*Tất cả những điều này chỉ là một ảo tướng của kinh sách Đại Thừa, còn kinh Tiểu Không thì không có nghĩa đó. Không có nghĩa đó rất rõ ràng vì vô tướng tâm định, không tánh là một pháp hữu vi vô thường, chịu sự đoạn diệt.}}*

Đoạn Kinh trên vẫn phù hợp đối với Bát Nhã Tâm Kinh, khi hành giả chỉ mới phá được chút ít, ví dụ như hành giả chỉ phá được Sắc, còn Thọ, Tướng Hành Thức vẫn còn dính mắc thì cái Dụng cũng chỉ biểu hiện được Tánh Không ở phần vắng mặt Sắc thôi; cho nên vẫn còn hữu vi vô thường chịu sự đoạn diệt và hành giả vẫn còn trong vòng sinh tử, bởi vậy phải phá cho hết chấp ngã mới ra khỏi luân hồi sinh tử.

Chữ “Chân Không Diệu Hữu” tức là cái Dụng để chỉ khi đã phá được một phần thì cái Dụng của Tự Tánh hiển lộ được một phần tương ứng với những gì đã phá, nó cũng tương tự như Không Tánh mà Kinh Tiểu Không nói đó. Chẳng có gì là thần bí mà nhiều người lầm tưởng, nhưng cái tổng thể của Tự Tánh cũng gọi là Phật Tánh thì nó thường hằng bất biến không thể nghĩ bàn được; thử hỏi khi đã loại bỏ hết sạch trơn mọi dính mắc rồi thì có đạt A La Hán không? Chắc chắn là đạt A La Hán và cao hơn nữa là thành Phật, thì có còn hữu vi không, có còn luân hồi không? Chắc chắn là không còn hữu vi, không còn hữu vi thì hết sinh tử, không còn sinh tử thì chấm dứt luân hồi, phải không?

**7. Tác giả Thông Lạc viết:** *“Cho nên, kinh sách các bạn phải hiểu đúng nghĩa, đừng hiểu sai, vì chính hiểu sai mà các Tổ mới kiến giải, tướng giải sinh ra kinh Đại Bát Nhã, mới có Chân Không Diệu Hữu, Bát Nhã Tâm Kinh”.*

Như đã chứng minh toàn bài Bát Nhã Tâm Kinh cho tới đây chứng tỏ chính Tác giả Thông Lạc là người hiểu sai; thế mà lại khuyên người khác đừng hiểu sai thì cũng lạ, chỉ thấy lỗi người khác mà chẳng chịu thấy lỗi của mình! Tác giả Thông Lạc đã hiểu sai, nên nghĩ không đúng, sinh ra giải thích theo kiến giải của mình về Bát Nhã Tâm Kinh và nhiều Kinh khác; do đó đã viết ra biết bao nhiêu chê bai chỉ trích sai lầm làm hoang mang biết bao nhiêu người đang tu theo Phật Giáo Bắc truyền, làm họ không biết đâu là thật đâu là giả thực sự. Từ sự hoang mang làm họ nản chí, từ sự nản chí họ xuống tinh thần, từ sự xuống tinh thần họ đâm ra buồn rầu phiền muộn! Thật là khổ thay cho những việc làm tưởng là giúp người, chấn chỉnh dẹp bỏ Phật pháp Bắc truyền, ai ngờ lại là chỉ trích hầu hết sai lầm đưa đến tai hại không lường được!

Chỉ có chúng ta không hiểu Kinh nên hành sai, đây là điều vô cùng tai hại; chỉ có chúng ta hiểu sai ý Kinh nên có kiến giải sai lầm, giải thích sai lầm, cho là thế này hay thế kia theo sự giải thích nông cạn của chúng ta, chứ Chư Tổ Sư là những người đã tu hành đạt tới một mức cao rồi thì làm sao lầm lẫn được. Vì vậy sự phê phán của Tác giả Thông Lạc không có cơ sở để bài bác Bát Nhã Tâm Kinh; đã không có chỗ chỉ trích được thì không nên viết các Kinh Phật giáo Bắc truyền “*chỉ là một ảo tưởng của kinh sách Đại Thừa*”; bởi đây chỉ là viết sai sự thật mà thôi.

## **ĐỨC PHẬT DẠY:** (Chương 19 Kinh 42 Chương)

Quán Trời Đất là vô thường, quán thế giới vũ trụ là vô thường, quán tâm linh giác là Bồ Đề. Hiểu như thế thời sẽ mau chóng đạt đạo.

## **XVII). KINH ĐỊA TẠNG LÀ XẢO TRÁ GÂY MÊ TÍN**

### **1. Kinh Địa Tạng là của Bà La Môn mục đích lường gạt**

**TRƯỞNG LÃO THÍCH THÔNG LẠC VIẾT:** “*Kinh Địa Tạng là của Bà La Môn là loại kinh xảo trá gây mê tín cho mọi người, dạy những điều phi đạo đức, lạc hậu và lừa đảo; cầu siêu là mê tín...*”

*Do bài TUẦN THẤT của Trưởng Lão Thích Thông Lạc đăng trên mạng Thân Tâm An Lạc ngày 15-11-2012. (Trưởng Lão Thích Thông Lạc, trích ĐVXP.7, TG.2011, tr.204-210) XVII).*

### **PHẢN BIỆN:**

Chúng ta phải hiểu Kinh Bắc truyền phần lớn là Kinh liễu nghĩa, nên nếu không quán chiếu thì sẽ chẳng hiểu được thâm ý của Kinh, sinh ra mê tín, sinh ra bài bác, sinh ra nghi ngờ vì sự bài bác có lý theo nghĩa đen nông cạn. Đúng là thời mạt pháp nên sinh ra đủ thứ phá hoại Phật

giáo, từ hiện tượng “Vô Thượng Sư Thanh Hải”, nay đến “Hiện Tượng Thích Thông Lạc”, một đảng lúc đầu đội lốt Phật giáo hành ngoại đạo, một đảng là Phật giáo hành Nam truyền đả kích kinh Bắc truyền; việc này cũng giống như một đàn gà cùng một mẹ mà đá nhau. Tác giả Thông Lạc chẳng bảo vệ gia tài chung của Phật chỉ vì thiếu tìm hiểu kỹ lưỡng trước khi nói hay viết mà thôi; chúng ta sẽ phân tích kinh Địa Tạng và phản biện những điều chính mà tác giả Thông Lạc nêu ra để chỉ trích một cách thậm tệ.

## 1). PHÂN TÍCH KINH ĐỊA TẠNG:

Căn cứ vào Kinh Địa Tạng do Đại Lão Hòa Thượng Thích Trí Tịnh dịch năm 2001, chúng ta nên tìm hiểu ý nghĩa của kinh này trước khi bàn đến những chỗ Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Thông Lạc nêu ra. Trước hết, chúng ta phân tích ngay tựa đề của kinh Địa Tạng được ghi như sau:

Chí tâm quy mạng lễ:  
U minh Giáo chủ Bản tôn  
Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát.  
Lạy đức Từ bi đại Giáo chủ!  
Địa là dày chắc, Tạng chứa đủ.  
Cõi nước phương Nam nổi mây thơm,  
Rưới hương, rưới hoa, hoa vãn vũ,  
Mây xinh mưa báu số không lường.  
Lành, tốt trang nghiêm cảnh dị thường,  
Người, Trời bạch Phật: Nhân gì thế?  
Phật rằng Địa Tạng đến Thiên đường!  
Chư Phật ba đời đồng khen chuộng.  
Mười phương Bồ Tát chung tin tưởng,  
Nay con sẵn có thiện nhân duyên,  
Ngợi khen Địa Tạng đức vô lượng:  
Lòng từ do chứa hạnh lành,  
Trái bao số kiếp độ sinh khỏi nạn,  
Trong tay đã sẵn gậy vàng,  
Động tan cửa ngục cứu toàn chúng sanh,  
Tay cầm châu sáng tròn vin,  
Hào quang soi khắp ba nghìn Đại thiên.  
Diêm Vương trước điện chẳng hiền,  
Đài cao trước cảnh soi liền tội căn,  
Địa Tạng Bồ Tát thượng nhân,

Chúng minh công đức của dân Diêm Phù!  
Đại Bi, Đại Nguyện, Đại Thánh,  
Đại Từ, Bản Tôn Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát.

## **GIẢNG GIẢI:**

Xin dùng chữ nghiêng cho kinh, chữ đứng ngay cho giải thích, nếu chúng ta đọc rồi quán chiếu kỹ càng thì sẽ thấy:

### ***Chí tâm quy mạng lễ:***

Đây là tâm trí hết lòng cung kính tôn trọng.

### ***U minh Giáo chủ bản Tôn Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát:***

U minh biểu trưng ngu si nên mê mờ u tối, Địa là đất là nơi chỗ, Tạng là A Lại Đa Thức, Tạng thức. Giáo chủ Bản tôn Địa Tạng là bản tâm, tự tính, nơi Tạng thức của chính mình, là Bản tôn Địa Tạng của mình, giáo chủ của chúng sanh trong tâm còn đang mê mờ u tối.

### ***Lạy đức Từ bi đại Giáo chủ!***

### ***Địa là dày chắc, Tạng chứa đủ.***

Địa là tâm địa, tâm địa thì bền vững không gì phá hoại được, nên nói dày chắc; Tạng là A Lại đa thức là thức thứ tám của duy thức học, thức này có nhiệm vụ chứa tất cả nghiệp lành dữ từ nhiều kiếp đến ngày hôm nay nên nói Tạng chứa đầy đủ hết.

### ***Cõi nước phương Nam nổi mây thơm,***

### ***Rướn hương, rướn hoa, hoa vãn vũ,***

### ***Mây xanh mưa báu số không lường.***

### ***Lành, tốt trang nghiêm cảnh dị thường,***

Cõi nước phương Nam là Nam Thiệm Bộ Châu tức cõi Diêm Phù Đề. Ba câu tiếp là khi mình đã nhận ra bản tâm Phật tánh của mình rồi thì tất cả ngoại cảnh đều tốt đẹp trang nghiêm như ba câu này diễn tả nào là hương thơm hoa vãn vũ, nào là mây đẹp mưa báu do Chư Thiên cúng dàng đầy khắp.

### ***Người, Trời bạch Phật: Nhân gì thế?***

### ***Phật rằng Địa Tạng đến Thiên đường!***

Người, Trời khi thấy những cảnh lạ như trên hiện ra thì thắc mắc hỏi Phật, Ngài trả lời là Bồ Tát Địa Tạng đến, có nghĩa là Bản tôn Địa Tạng

hiển lộ, tức là cái tâm thanh tịnh, cái tâm giác ngộ ứng hiện nên mới có cảnh Chư Thiên mừng rỡ rải hương hoa.

***Chư Phật ba đời đồng khen chuộg.***

***Mười phương Bồ Tát chung tin tưởng,***

Khi đã giác ngộ rồi thì ba đời Chư Phật đều khen chuộg khen ngợi sự đạt đạo của người đó, mười phương Chư Bồ Tát cùng tin tưởng, mười phương Chư Bồ Tát thấy có một vị đạt đạo nên cùng đến tham kiến để học hỏi nên nói là chung tin tưởng.

***Nay con sẵn có thiện nhân duyên,***

***Ngợi khen Địa Tạng đức vô lượng:***

***Lòng từ do chứa hạnh lành,***

***Trải bao số kiếp độ sinh khỏi nạn,***

Thiện nhân duyên là may gặp được Phật pháp, khi khen Địa Tạng công đức vô lượng thì tâm mình phải là tâm Địa Tạng mới phải lẽ. Có lòng từ tức là do tâm từ và tâm từ chứa vô lượng hạnh lành, dù trải qua vô vàn kiếp để cứu độ chúng sinh cũng không ngại gian nan, nghĩa là dù chúng ta có trải qua bao lâu đi chăng nữa chúng ta vẫn một tâm cứu giúp chúng sinh. Mỗi một niệm tham, sân, si, mạn, nghi, buồn, vui, hơn, thua, được, mất, vinh, nhục, v.v... là một chúng sinh trong ta, ta phải độ cho hết không còn một chúng sinh nào trong tâm ta mới hoàn tất nhiệm vụ, tức là khi địa ngục không còn một chúng sinh nào ta mới chịu thành Phật. Đây là ý nghĩa của kinh nói khi nào hết chúng sinh trong Địa ngục thì ngài Bồ Tát Địa Tạng mới thành Phật, mà chúng sinh là ở trong tâm của mỗi người.

***Trong tay đã sẵn gậy vàng,***

***Động tan cửa ngục cứu toàn chúng sanh,***

Trong tay Bồ Tát Địa Tạng cầm Tích Trượng có 4 cái khoen vòng tượng trưng cho Tứ Đế, có 12 khuy tượng trưng 12 Nhân duyên; cũng có khi Ngài cầm Tích Trượng có 6 vòng khoen tượng trưng cho 6 căn. Tích Trượng ví như gậy vàng, vì dẹp được Tứ Đế, thoát khỏi 12 Nhân duyên, 6 căn hết vướng mắc khỏi 6 trần, lúc đó gậy vàng động tan cửa Địa ngục vô minh của tham sân si mạn nghi v.v... để cứu độ toàn thể chúng sinh của chính mình.

***Tay cầm châu sáng tròn vin,***

***Hào quang soi khắp ba nghìn Đại thiên.***

Tay Ngài cầm châu ngọc sáng chói, đây là ngọc tâm. mỗi người đều có, khi hết tham sân si rồi thì ngọc tâm hiển bày nên hào quang soi khắp ba nghìn Đại Thiên nghĩa là Phật tánh hiển bày chiếu khắp cõi Phật, tức là khắp giải Ngân Hà, như thế là đạt đến giải thoát vậy.

***Diêm Vương trước điện chẳng hiền,  
Đài cao trước cảnh soi liền tội căn,***

Diêm Vương đối trước mặt tội nhân thì thật là dữ dằn khiếp sợ, đài cao trước cảnh soi liền tội nhân, nghĩa là khi chúng ta làm bất cứ chuyện gì dù lành dù ác đều được Mặt Na Thức thứ 7 truyền vào ngay cho A Lại Đa Thức ghi giữ, chứ không thể giấu giếm được, chẳng cần phải điều tra, dù có trốn tránh được ở thế gian nhưng chẳng thể nào trốn khỏi tâm thức của mình, vì thế cho nên nói: Đài cao trước cảnh soi liền tội căn, làm bất cứ việc gì đều được ghi ngay tức khắc, như cảnh tới trước gương liền có hình. Diêm Vương chính là mình, mình là Diêm Vương xử tội của mình vậy, Phật giáo chẳng cần áp dụng hình phạt, chỉ cần nói ra sự thật này thôi bạn ạ, hãy tự liệu lấy mình mà hành động; biết như vậy rồi bạn có dám làm ác không?

***Địa Tạng Bồ Tát thượng nhân,  
Chứng minh công đức của dân Diêm Phù!  
Đại Bi, Đại Nguyện, Đại Thánh,  
Đại Từ, Bản Tôn Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát.***

Địa Tạng Bồ Tát chứng minh cho công đức của chính mình, tâm mình là nguồn gốc của mọi công đức và cũng là nguồn gốc của mọi việc ác; chính tâm là giải thoát mà cũng là luân hồi sinh tử, nên tự tâm mình sẽ chứng minh cho mình vậy. Người vì Bản tôn Địa Tạng Bồ tát của mình thì phải luôn luôn thể hiện Địa Tạng tự tánh của mình bằng từ bi bằng thế nguyện rộng lớn để phá đổ tường thành vô minh để cứu vớt mình ra khỏi địa ngục tham sân si mạn, v.v...của chính mình.

Chỉ cần phân tích tựa của Kinh là chúng ta đã hiểu ý chỉ của Kinh Địa Tạng là thế nào rồi, nên suốt cuốn Kinh phải được hiểu theo đường hướng này mới đúng với Lý của Kinh, còn không thì sẽ đi sai lạc và rơi vào mê tín. Bây giờ chúng ta cũng nên giải thích về vài điều chính, mà Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Thông Lạc nêu trong kinh Địa Tạng ra để lên án chỉ trích thật là nặng nề!

## 2). Cầu siêu làm tuần thất là mê tín

### PHẦN PHẢN BIỆN:

#### 1. TRƯỞNG LÃO THÍCH THÔNG LẠC VIẾT:

*“Như có người nào sắp mạng chung, hàng thân quyến trong nhà nếu có một người vì người bệnh sắp chết đó mà niệm lớn tiếng danh hiệu của một đức Phật, thời người chết đó, trừ được năm tội lớn vô gián, các nghiệp báo khác đều tiêu sạch” (kinh Địa Tạng, trang 133). Lời trong kinh này là một lời dạy phi đạo đức, lừa đảo những người không hiểu, mê tín, lạc hậu; luật nhân quả là một đạo luật công bằng và công lý, làm sao lại có Bồ Tát hoặc đức Phật nào dám giải cứu cho kẻ làm ác?*

#### GIẢI THÍCH PHẢN BIỆN:

Nếu người thường nhớ bản tâm Địa Tạng tự tính của mình thời dạy bảo người sắp chết sám hối, niệm Phật thiết tha dũng mãnh đến nhất tâm thì người đó sẽ được đến cõi Phật và tiếp tục tu hành nên công đức ngày càng tăng trưởng, còn nghiệp của người ấy sẽ không tăng lên. Như Kinh Quán Phật Vô Lượng Thọ, Đức Phật bảo Tôn giả A Nan và Bà Vi Đề Hi: Có chúng sanh tạo nghiệp ngũ nghịch, thập ác. Do ác nghiệp phải đọa ác đạo trải qua nhiều kiếp thọ khổ vô cùng. Người ngu ấy lúc sắp lâm chung gặp thiện tri thức nói diệu pháp dạy bảo niệm Phật. Người ấy bị khổ bức không rảnh niệm.

Thiện hữu bảo rằng nếu người chẳng thể niệm Phật kia được thì người xưng danh hiệu Nam mô A Di Đà Phật, chí tâm xưng danh chẳng dứt. Do xưng danh hiệu Phật nên trừ nhiều tội sanh tử. Lúc chết thấy hoa sen dường như mặt trời, rồi được vãng sanh Cực Lạc thế giới ở trong hoa sen, (đây là đời nghiệp vãng sanh); mãn 12 kiếp hoa sen ấy mới nở, Quan Thế Âm Bồ Tát và Đại Thế Chí Bồ Tát dùng âm thanh đại bi vì người ấy diễn nói thật tướng các pháp, nói pháp trừ diệt tội, người ấy nghe pháp rồi rất vui mừng liền niệm Phật phát tâm Bồ Đề, đây gọi là người hạ phẩm hạ sinh.

Người ấy mang nghiệp theo rồi tu dần dần tăng trưởng công đức, vì ở đó không tạo nghiệp ác nên nghiệp bất thiện không tăng, còn ở Ta Bà nghiệp bất thiện chùng chất mỗi ngày thêm lên. Bồ Tát hoặc đức Phật A Di Đà không cứu nổi người ấy nếu người ấy không dũng mãnh sám hối và thiết tha niệm Phật mong về cõi Phật, đây là do cái tâm kiên cố của người ấy ngày đêm không ngưng nghỉ niệm cho tới nhất tâm bất loạn,

tức là đạt được tâm thanh tịnh nhất như, như thế mới có thể được vãng sinh, chứ chẳng phải dễ đâu.

Người có nghiệp nặng vẫn vãng sinh được, cũng như người tội nặng vẫn đạt đạo được như trường hợp Angulimala là người đã giết và chặt 999 ngón tay của 999 người, sau Angulimala gặp Phật nhận cho xuất gia và tu hành được đắc quả A La Hán, đó là bằng chứng có tội nặng, có nghiệp nặng vẫn đắc đạo không ai chối cãi được. Xem như vậy, lời trong kinh này là một lời dạy đạo đức, không lừa đảo mê tín; luật nhân quả vẫn áp dụng vậy.

## 2. TRƯỞNG LÃO THÍCH THÔNG LẠC VIẾT:

*“Đây là một đoạn kinh lừa đảo dối gạt làm hao tổn tiền của con người rất nhiều: “Có thể vẽ, cho đến dùng vàng bạc, đồng sắt đúc nắn hình tượng Địa Tạng Bồ Tát, đốt hương cúng dường, chiêm lễ ngợi khen, thì chỗ người đó ở có 10 điều lợi ích”.*

*Những gì là mười?*

*Một là đất cát tốt màu.*

*Hai là nhà cửa an ổn mãi mãi.*

*Ba là người chết được sanh lên cõi trời.*

*Bốn là những người còn sống hưởng sự lợi ích.*

*Năm là cầu chi cũng được toại ý cả.*

*Sáu là không có tai họa về nước và lửa.*

*Bảy là trừ sạch việc hư hao.*

*Tám là dứt hẳn các ác mộng.*

*Chín là khi ra lúc vào có thần hộ vệ.*

*Mười là thường gặp bậc thánh nhân”.*

*(kinh Địa Tạng, trang 155).*

*Trên đây là những lời nói xảo trá, dối người. Làm gì có chuyện vẽ hình, đúc tượng Bồ Tát Địa Tạng, thờ cúng mà đất ở đó lại tốt màu. Đất xấu là đất xấu, chỉ có bón phân, đổ rác mục thì đất mới có màu mỡ trở lại. Còn đất tốt là đất tốt, đất phù sa nên mới tốt chứ đâu phải thờ hình tượng Bồ Tát Địa Tạng mà tốt được. Thật là kinh sách gạt người, chỉ có người không hiểu mới tin kinh Địa Tạng mà thôi”.*

## GIẢI THÍCH PHẢN BIỆN:

Chúng ta phân tích từng điểm:

Có thể vẽ, cho đến dùng vàng bạc, đồng sắt đúc nắn hình tượng Địa Tạng Bồ Tát ..., đây là Tâm chúng ta như người thợ vẽ, thợ đúc, thợ nặn, tạo hoàn cảnh chánh báo và y báo của mỗi chúng sanh, tạo nên tất cả sự



vật trên thế gian, tạo cả sáu đường v.v..., khi đã vẽ xong hoặc đúc nắn tượng Địa Tạng Bồ Tát xong, nghĩa là khi dùng đủ mọi phương tiện để tu, cũng như miệt mài chăm chỉ luôn luôn nhớ tu hành thì sẽ thấy được Như Lai Tạng của mình hiển lộ, thấy được Địa Tạng của mình tức là đã hết chúng sinh trong địa ngục của tâm mình; lúc ấy thiếu gì người đốt hương cúng dường, chiêm lễ ngợi khen. Bởi vậy sau khi người ấy đạt đạo rồi thì sẽ được lợi ích:

- **Một là đất cát tốt màu**, vì đã thấy Như Lai rồi thì chỗ ở cảnh vật (y báo) đều là tốt đẹp như trân bảo bảy báu, nên nói đất cát tốt màu, đây là đất tâm nhiệm màu, chứ chẳng phải là đất bùn gai góc của thế gian đâu mà cần phân bón.

- **Hai là nhà cửa an ổn mãi mãi**. Khi đã thấy Như Lai của mình rồi thì ra khỏi sinh tử luân hồi, chỗ ở là Niết Bàn, ở Niết Bàn chẳng phải là nơi nhà ở yên ổn mãi mãi sao?

- **Ba là người chết được sanh lên cõi trời**: Khi đã đạt đạo rồi sẽ giáo hóa chúng sanh, chúng sanh học hỏi giáo pháp và thực hành thì sẽ được giải thoát khỏi sinh tử luân hồi, nói chi là lên cõi Trời mà không được sao?

- **Bốn là những người còn sống hưởng sự lợi ích**: Lợi ích của giáo pháp do giảng dạy Phật pháp thì không gì sánh được nếu chịu học hỏi và thực hành, nên nói những người sống còn hưởng lợi ích.

- **Năm là cầu chi cũng được toại ý cả**: Người đạt đạo nếu muốn gì mà chẳng được, mà đâu cần cầu cũng có tất cả.

- **Sáu là không có tai họa về nước và lửa**: Nước là tham lam, ái dục nhận chìm chúng sinh, lửa là sân hận giận thù, lửa dâm dục, lửa oán hận phụ tình đốt cháy chúng sinh, còn người đạt đạo làm gì còn tham sân si nữa thì làm sao bị nước lửa hại được chứ?

- **Bảy là trừ sạch việc hư hao**: Đối với người đạt đạo thì đâu còn được mất, hơn thua, vinh nhục, vui buồn nên không hư hao gì cả, vả lại cũng chẳng dơ chẳng sạch, chẳng thiếu chẳng dư, chẳng thêm chẳng bớt, bởi vì là như như làm sao hư hao được.

- **Tám là dứt hẳn các ác mộng**: Người đạt đạo dứt ác mộng là dĩ nhiên, đâu còn tạo nghiệp dữ mà có ác mộng.

- **Chín là khi ra lúc vào có thần hộ vệ**: Đương nhiên rồi, Thiên thần hộ vệ vị ấy vì quý vị Thiên Thần tình nguyện muốn bảo vệ bậc Thánh và muốn được bậc Thánh dạy bảo.

- **Mười là thường gặp bậc thánh nhân**: Người đạt đạo gặp Chư Phật và Chư Bồ Tát mười phương là chuyện thường không có gì khó cả, phải không?

Như vậy Kinh Địa Tạng có lừa đảo ai đâu, chỉ có người không hiểu ý Kinh mới nói Kinh dối gạt người, là sai sự thật không thể chối cãi; chỉ có người không hiểu ý Kinh nên nói sai và thực hành sai thôi, đã hiểu Kinh rồi thì không thể bài bác Kinh Địa Tạng được nữa, phải không?

### **3. TRƯỞNG LÃO THÍCH THÔNG LẠC VIẾT:**

*“Từ cuốn kinh Địa Tạng, chúng ta suy ra tất cả những cuốn kinh khác của kinh sách phát triển, cũng đều là loại kinh xảo trá lừa đảo gây mê tín cho mọi người. Đây là một đoạn kinh nói láo nhất, chúng tôi xin trích ra để quý vị nghiên cứu:*

*“Chiêm lễ hình tượng của Địa Tạng Bồ Tát và đọc tụng kinh bốn nguyện này tự nhiên được rất ráo xa lìa biển khổ, chứng đạo Niết Bàn an vui, vì thế nên được ủng hộ một cách lớn lao như thế”.* (trang 154, kinh Địa Tạng).

#### **Giải thích phản biện:**

Nếu chúng ta cung kính tự tính của chính mình, đọc tụng Kinh Bản Nguyện này mà quán chiếu cho hiểu được ý Kinh rồi theo đó hành trì, nghĩa là bỏ tham sân si v.v..., tránh làm ác, chỉ làm việc lành, tu hành tới nơi tới chốn rồi thì sau chót là lìa khổ, thoát khỏi luân hồi sinh tử, chứng đạt Niết Bàn, thì lúc ấy làm sao? Buồn hay vui? An vui là cái chắc chắn rồi còn gì nữa? Vì thế cho nên được ủng hộ một cách vô cùng lớn lao là lẽ đương nhiên, có phải thế không?

Xem sự phân tích như trên thì nếu nói *“Kinh Địa Tạng là xảo trá, là dối gạt người, gây mê tín cho mọi người”*, chỉ là do không hiểu nghĩa Kinh mà sinh chuyện, đang sóng lặng gió yên, mọi người trong thanh bình mà tự nhiên nổi mây đen sấm chớp kinh hoàng, làm mọi người đều hoảng sợ mất hết hồn vía. Thật là tội cho Kinh Địa Tạng quá đi, mục đích Kinh Địa Tạng là cứu khổ chúng sinh, nhưng lại bị có người xé nát ném Kinh liệng xuống chà đạp như thế có tội cho Kinh Địa Tạng biết dường nào không! Phải không các bạn?

Từ cuốn Kinh Địa Tạng này, chúng ta suy ra phần lớn những cuốn kinh của Phật giáo Bắc truyền đều là loại kinh liễu nghĩa chứ không phải là kinh bất liễu nghĩa, là quyền giáo chứ không phải là kinh thật giáo, nên người đọc phải lấy các kinh bất liễu nghĩa, thật giáo làm căn bản, nếu thấy hiểu kinh liễu nghĩa sai ý nghĩa căn bản thì phải quán chiếu lời kinh làm sao cho nghĩa của kinh liễu nghĩa đi đôi với kinh bất liễu nghĩa mới là đúng.

Tỉ dụ: Chúng ta đã đọc Kinh Đại Bát Niết Bàn, biết được Đức Phật nói rằng: *“Hãy tự thấp đuốc lên mà đi”*; nếu kinh Địa Tạng bảo: Cầu nguyện Địa Tạng Vương được cái này cái kia tức là chỉ ngồi đấy mà cầu không tu hành gì cả là trái với lời Phật dạy ở kinh Niết Bàn rồi. Như vậy ta phải quán chiếu xem kinh muốn nói gì, chứ không nên hiểu theo nghĩa đen rồi kết luận là thế này thế nọ là người bỏ quên không dùng tới trí tuệ của mình vậy.

Để kết luận, chúng ta đã thấy rõ những lời chỉ trích kinh Địa Tạng là sai và do đó lời phê bình các kinh khác của Bắc truyền cũng là sai luôn; đã là kinh của Phật giáo thì không thể sai được, chỉ có chúng ta hiểu sai và áp dụng sai mà thôi, nên nói *“các kinh của Bắc truyền là loại kinh xảo trá lừa đảo gây mê tín cho mọi người”* là hoàn toàn không đúng lý.

#### **4. TRƯỞNG LÃO THÍCH THÔNG LẠC VIẾT:**

*“Tóm lại, Phật giáo chủ trương không có linh hồn, nên làm tuần thất là mê tín. Kinh Địa Tạng là kinh Bà La Môn ngoại đạo dạy những điều phi đạo đức và lừa đảo.*

*Không có linh hồn thì cầu siêu cho ai, cầu như vậy có ích lợi gì? Xin quý phật tử cứ đọc kinh sách của Phật giáo Nguyên Thủy rồi suy ngẫm, đừng để mắc lừa kinh sách phát triển, những tà sư ngoại đạo hiện giờ nhiều lắm”.*

#### **GIẢI THÍCH PHẢN BIỆN:**

Phật giáo chủ trương không có linh hồn, nhưng có tâm thức có nghiệp thức chứ chẳng phải linh hồn, vì nếu là linh hồn thì tự linh hồn có thể chọn lựa chỗ tốt để đến, còn nghiệp thức thì tùy nghiệp mà phải đi đầu thai ở một trong 6 cõi. Người chết ví như cây đèn thứ nhất được châm lửa qua đèn thứ hai, nếu không có cây đèn thứ nhất thì sẽ không có cây đèn thứ hai, nghĩa là phải có một người chết rồi thì sẽ có một người khác tái sinh hay một Ngạ quỷ, hay một Súc sinh, hay một người Địa ngục, hay một Thần, hay một người Trời tùy theo nghiệp của người ấy.

Theo một số sách viết không chủ trương có khoảng thời gian từ khi chết đến lúc tái sinh, nghĩa là sau khi chết tái sinh liền vào một trong sáu cõi; nhưng theo Kinh sách Tây Tạng lại viết: *“Sau khi chết, có trạng thái của “Thân Trung Ấm”, tức là có người sau khi chết tái sinh liền, có người tái sinh sau 1, 2, 3, 4 . . . ngày cho đến chậm nhất là 49 ngày”*, như vậy có trái nhau không? Chúng ta thấy đức Phật đã đề cập nhiều đến những người có ác nghiệp nặng đọa Địa ngục nhanh như phóng thanh kiếm

xuống nước, những người làm thiện, có tu sinh lên Trời nhanh như tên bắn, đúng là liền sau khi lâm chung tái sinh ngay.

Nhưng chúng ta không thấy đức Phật đề cập đến trường hợp của người bình thường là người không có nghiệp ác nặng, nhưng có cả nghiệp thiện và bất thiện gần tương tự nhau; nguyên nhân là vì các nghiệp thiện ác nhiều đời cho đến nay chưa quyết định dứt khoát, do tâm thức của người chết lúc nghĩ thiện lúc nghĩ ác, cứ thay nhau sinh rồi diệt diệt rồi sinh, nghiệp ác nghiệp thiện thay đổi không ngừng. Có lẽ vì vấn đề này vô ích đối với việc tu hành, làm mất thời giờ tu hành nên đã không được đức Phật đề cập tới; hơn nữa vấn đề Thân Trung Ấm này chỉ để giải thích thêm chi tiết cho việc tái sinh của những người bình thường, không có gì gọi là trái ngược với lời Phật dạy.

Ngoài ra, tìm kiếm trong Kinh điển, chúng ta thấy trong Tạp A Hàm, do Hoà Thượng Thích Minh Châu Chủ Tịch Hội Đồng chỉ đạo và 8 vị Hoà Thượng phiên dịch, quyển 2, Kinh số 640, trang 606 dòng thứ 15, trang 607 dòng thứ 10, đức Phật có nói tới chữ “Thân Trung Ấm vào thai mẹ”. Như vậy chứng tỏ là có Thân Trung Ấm, có thời gian từ khi chết tới lúc tái sinh, chứ Chư Tổ của Phật Giáo Bắc Truyền không sáng tác ra, chư Tổ chỉ triển khai từ lời Phật dạy thôi. Thời gian chưa tái sinh gọi là Trung Ấm, bởi vì ấm trước đã hết ấm sau chưa sinh nên gọi là Trung Ấm; thời gian tái sinh trong 49 ngày từ cuốn “Thân Trung Ấm” (Bardo Thodol) do Tổ Liên-Hoa Tây-Tạng (Padma Sambhava) dùng Thần thông nhìn nhiều người từ lúc vừa mới chết tới hết 49 ngày mà viết ra vào khoảng năm 750 của thế kỷ thứ 8 Dương lịch.

Thêm vào, nếu chúng ta để ý đến trường hợp tái sinh của các vị Lạt Ma Tây Tạng thì rất rõ ràng rằng các ngày tái sinh của các vị này không phải là ngày các vị qua đời, mà sau một số ngày; như vậy đã quá hiển nhiên rồi không còn điều gì nghi ngờ nữa về Thân Trung Ấm. Đây chính là nguồn gốc có căn cứ Phật pháp của việc Hộ niệm và Cầu Siêu để giúp cho người qua đời được lợi lạc phần nào, vì nếu có hộ niệm hay cầu siêu sẽ giúp và hướng dẫn thần thức, tâm linh hay hương linh người chết hướng về Tam Bảo, sám hối niệm Phật, quy hướng tâm thiện.

Như thế, việc Hộ niệm, Cầu siêu, làm việc lành sẽ giúp tốt phần nào cho người chết trong việc vãng sinh hay tái sinh, vì tư tưởng lúc chết và trong lúc chưa tái sinh của người ấy rất ảnh hưởng đến việc tái sinh; nếu có tư tưởng thiện người ấy có dấu hiệu được tái sinh đến chỗ tốt, đó là lý do và ý nghĩa của việc Hộ niệm và Cầu siêu. Tuy nhiên việc này cũng chỉ giúp được chút ít mà thôi, việc chính là phải tu hành; nhưng những người không tu hành mà được chút ít cũng là quý giá, thí dụ: Như đáng

lẽ phải vào loài Ngạ quỷ lại được tái sinh làm người chẳng hạn; do đó việc Hộ niệm và Cầu siêu không thể nói là phi đạo đức lừa đảo mê tín, mà là một việc làm để giúp người qua đời vậy.

Đây cũng là việc làm có tính cách văn hóa Việt Nam, người chết được có nghi thức Tôn giáo uy nghi, cũng là để giữ Phật tử tại gia có một mối kết hợp với các vị tu sĩ trong vấn đề sống chết. Nếu không, có thể họ sẽ có sự xa cách với đạo Phật và sẽ tìm đến các đạo khác, vì các đạo khác họ mong mỗi phục vụ bất cứ ai của đạo Phật muốn họ phục vụ, họ mong muốn nhiệt tình hết cỡ được phục vụ và họ tổ chức Tang lễ vô cùng long trọng khiến một số Phật tử khi sắp chết đã đổi đạo. Nếu Tu sĩ của chúng ta chẳng làm gì cả thì thiếu sót, và tương lai về lâu về dài dần dần sẽ không còn Phật tử tại gia nữa, không còn Phật tử tại gia thì lẽ dĩ nhiên sẽ không còn Phật tử xuất gia, như thế thì đạo Phật sẽ dần dần biến mất; bởi vậy việc Hộ niệm và Cầu siêu cho người chết vẫn cần thiết vì cả hai sự lợi ích như đã trình bày ở trên.

Có một điều cần lưu ý là chương trình Cầu siêu cần phải được xét lại cho thích hợp để tránh việc làm có tính cách mê tín như tụng kinh Địa Tạng với mục đích cầu cứu người trong Địa ngục, tụng kinh Pháp Hoa phẩm Phổ Môn để cầu cứu khổ cứu nạn là không thích hợp vì không hiểu nghĩa lý Kinh. Trong các lễ Vu Lan, Cầu siêu, chúng ta chỉ nên làm: Quy y Tam Bảo Phật Pháp Tăng cho vong linh, đọc sám hối cho vong linh, đọc Vãng Sinh Tịnh Độ Thần Chú, Thất Phật Diệt Tội Chân Ngôn, và tụng Kinh A Di Đà. Khi làm lễ Cầu an đọc sám hối, Đại bi chú, Chú Lăng Nghiêm, tụng kinh Bát Đại Nhân Giác và Bát Nhã Tâm Kinh. Đó là các chùa tu theo Tịnh Độ Tông và Giáo Tông, còn tu theo Mật Tông thì tùy nghi mà sắp xếp cho thích hợp với tôn chỉ của Pháp môn tu. Riêng các chùa Thiên Tông thì không cần Cầu siêu hay Cầu an, nên từ ngàn xưa tới nay các vị tu Thiên Tông chẳng bao giờ đi làm lễ cầu siêu, giống như các chùa Nam Truyền vậy.

Một vấn đề khác cần nhắc lại, đó là một số các Chùa tụng kinh đã dùng sách chữ Hán Việt, vì hầu hết các Phật tử không học chữ Hán nên khi đọc đều chẳng hiểu gì cả. Mục đích của tụng kinh là để hiểu lời kinh để rồi sẽ hành theo, chứ không phải tụng kinh cho Phật nghe. Một số Chùa đã làm mà không biết, cứ an nhiên làm, tụng nhanh như gió cuốn mưa tuôn, nghe thì hay lắm, mà Phật tử tụng không hiểu chỉ tụng như máy không dám phàn nàn gì về điều này cả.

Trường hợp thường xảy ra thường là Kinh A Di Đà và Bát Nhã Tâm Kinh, một số Chùa tụng trong các buổi Cầu Siêu, lễ Vu Lan v.v... bằng chữ Hán Việt, mặc dầu ngày nay đã được rất nhiều người dịch ra chữ Việt rồi

nhưng vẫn còn tình trạng tụng bằng tiếng Hán Việt. Thời Phật tại thế, mỗi ngày Đức Phật giảng, các đệ tử phải đọc tụng nhiều lần để hiểu nghĩa lời Ngài dạy rồi thực hành; mong rằng các vị Viện Chủ Chùa và mọi người chúng ta cùng để ý, xin đừng để tình trạng Phật tử đọc Kinh mà không hiểu xảy ra nữa, như thế mới là tôn trọng Phật.

## **5. TRƯỞNG LÃO THÍCH THÔNG LẠC VIẾT:**

*“Nhìn vào cuốn kinh có hình Địa Tạng Vương cưỡi con sư tử lông xanh, hình ảnh một vị Phật mà cưỡi một con thú, hình ảnh ấy phản lại đạo đức từ bi, bình đẳng của đạo Phật. Một vị tu sĩ mà bắt con vật chở mình đi thì còn nghĩa lý gì là tu sĩ đạo Phật. Hình ảnh đó là bắt loài thú làm nô lệ, đó là hình ảnh giai cấp vua chúa”.*

**GIẢI THÍCH PHẢN BIỆN:** Như đã giải thích ở trên về ý nghĩa của kinh liễu nghĩa, Địa Tạng Vương là bản tâm, tự tính, nơi Tạng thức của chính mình, là Bản tôn Địa Tạng của mình, giáo chủ của chúng sanh trong tâm mình. Địa Tạng Vương cưỡi trên lưng con Sư Tử, Sư tử rống lên các loài đều sợ, đó là biểu tượng trí tuệ trừ tất cả các phiền não của chúng sanh trong tâm mình; màu xanh tượng trưng cho lòng tin kiên cố; đây chỉ là biểu trưng tượng trưng bằng con vật nhưng mô tả ý nghĩa khác cao siêu mà thôi, chứ chẳng phải nghĩa đen đâu mà lầm to.

Đức Phật khi giảng kinh thường lấy vật nọ cái kia để ám chỉ hoặc so sánh cho người nghe dễ hiểu, tinh thần Bắc truyền cũng vẫn theo truyền thống của Phật, chứ chẳng có gì lạ cả, hãy đọc trong Tạng Kinh của cả Nam truyền và Bắc truyền thì sẽ thấy rõ; nếu không tìm hiểu suy nghĩ thì hiểu sai. Ví như Đức Phật dùng ngón tay chỉ mặt trăng để chúng ta thấy mặt trăng, chúng ta lại tưởng là Phật cho xem ngón tay, thành ra đâu có thấy mặt trăng, tương tự như vậy, Chư Tổ viết ra ý của Phật bằng chữ, chúng ta cứ theo chữ mà hiểu (giống hệt thấy ngón tay), không chịu căn cứ vào chữ mà suy nghĩ tìm hiểu nghĩa lý của chữ để tìm nghĩa thật, do đó có sự hiểu lầm, rút cục đọc kinh cũng như không đọc, có khi còn tệ hại nữa là khác, vì hiểu sai lạc nên hành động sai lạc đưa đến khổ não cho mình và cho người.

Bởi vậy nếu không hiểu mà chỉ trích thì hết chỗ nói rồi, vì đã làm nhiều người hoang mang không biết đâu là sự thực, có người đã nói rằng Hòa Thượng Thích Thông Lạc nói đúng 99%, vì đọc hiểu theo nghĩa đen thấy sự chỉ trích có lý quá, nhưng khi phân tích nghĩa lý của Kinh thì trái ngược hẳn lại, nên chỉ còn đúng có 1% thôi, đúng 1% là đối với người không hiểu nghĩa lý Kinh nên đã hành sai nghĩ lầm nói trật giống như tác

giả Thông Lạc. Cũng vì không hiểu Kinh như thế nên có người đang tu theo Bắc truyền đã bỏ để tu theo Nam truyền, tu gì cũng tốt thôi, nhưng như thế là mất bao nhiêu thời gian tu đã qua trong nhiều năm bỏ phí vì chuyển pháp môn tu.

Tác giả Thông Lạc cùng một vài người bị ảnh hưởng, hiểu sai Kinh Bắc truyền, giống như người đang thưởng thức hương thơm của hoa, đang thưởng thức vị ngon ngọt của trái quả, lại vứt quăng hoa liệng quả đi, giẫm đạp lên mà nói rằng hoa quả này hư thối, mọi người phải tránh xa. Thật là tai hại thay cho những hành động thiếu suy xét kỹ lưỡng như thế, bởi vậy chuyện này chẳng phải nhỏ đâu, tất cả là hành động phá hoại Phật giáo, phỉ báng Chư Tổ sư của Bắc truyền. Hậu quả thì mọi người đều đã biết về việc phá hoại Phật giáo và nhục mạ bậc Thánh đối với người khởi xướng việc này và người tiếp tay cho việc làm này là như thế nào, khỏi phải nói ra thì ai cũng biết rồi.

\* \*

## **XVIII). KINH ĐẠI THỪA KHÔNG PHẢI PHẬT NÓI**

### **TRƯỞNG LÃO THÍCH THÔNG LẠC VIẾT:**

***“Kinh sách Đại Thừa không phải Phật thuyết”***

*Do bài đăng trên mạng ngày 21-12-2012 của Trưởng lão THÍCH THÔNG LẠC, trích NLGPD.4, TG.2010, tr.125-132*

### **1). Kinh sách Đại thừa không phải Phật thuyết**

#### **TÁC GIẢ THÍCH THÔNG LẠC VIẾT: LỜI PHẬT DẠY:**

*“Này các Tỳ kheo! Có thể có Tỳ kheo nói: “Này Hiền giả, tôi tự thân nghe từ miệng Thế Tôn, tự thân lãnh thọ như vậy là pháp, như vậy là luật, như vậy là lời dạy của vị Đạo sư”. Này các Tỳ kheo, các Ngươi không nên tán thán, không nên hủy báng lời nói của Tỳ kheo ấy. Không tán thán, không hủy báng, mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi câu, cần phải được học hỏi kỹ lưỡng và đem so sánh với kinh, đối chiếu với luật. Khi đem so sánh với kinh đối chiếu với luật, nếu chúng không phù hợp với kinh, không tương ứng với luật thì các Ngươi có thể kết luận: “Chắc chắn những lời này không phải là lời của Thế Tôn và Tỳ kheo ấy đã thọ giáo sai lầm”.*

*“Và này các Tỳ kheo, các Ngươi hãy từ bỏ chúng; khi đem so sánh với kinh, đem đối chiếu với luật và nếu chúng phù hợp với kinh, tương ứng với luật,*



thì các Người có thể kết luận: “Chắc chắn những lời dạy này phải là lời dạy của Thế Tôn và Tỳ kheo ấy đã thọ giáo chơn chánh”. Nay các Tỳ kheo như vậy là đại giáo pháp thứ nhất, các người hãy thọ trì”. (Kinh Trường Bộ tập 1 trang 618, kinh Đại Bát Niết Bàn. Mahàparinibbàna Sutta, DN.16)

Đúng vậy, khi đem ra so sánh chúng ta thấy rằng kinh sách Đại Thừa không phải Phật thuyết 100%. Cho nên, những lời di chúc cuối cùng của đức Phật đã dạy chúng ta phải cân nhắc kỹ lưỡng để không bị những kiến giải, tưởng giải của các Tổ lường gạt. Như vậy, rõ ràng đức Phật đã biết trước, sau này các Tổ sẽ làm sai lệch kinh sách Phật, cho nên Ngài đã chuẩn bị cho người đời sau còn có chỗ dựa vững chắc để loại trừ những tà pháp của ngoại đạo đang pha trộn trong giáo pháp Nguyên Thủy của Phật.

Đọc đoạn kinh này các bạn còn nghi ngờ chúng tôi nói kinh sách Đại Thừa và Thiền Tông sai nữa không? Những Giáo pháp phát triển sau thời đức Phật đều mang tính trừu tượng, mơ hồ, mê tín, ảo tưởng, không thực tế, nó được truyền thừa từ nước này sang nước khác, trong một thời gian khá dài trên 2000 năm.

## PHẢN BIỆN:

Tác giả Thông Lạc không biết rằng trong Kinh số 5 trang 70, Phẩm Thanh Văn, quyển số 2 Tăng Nhất A Hàm thuộc Đại Tạng Kinh của Phật giáo Bắc truyền do Hòa Thượng Thích Trí Tịnh chứng minh, Hòa Thượng Thích Minh Châu chủ tịch và 7 vị Phó Chủ tịch phiên dịch, cũng có một bài tương tự mà chi tiết hơn Kinh Trường Bộ Nam truyền, như sau:

### KINH SỐ 5:

**{{Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:** «Nay có bốn đại nghĩa được quảng diễn; những gì là bốn? Khế kinh, Luật, A-tỳ-đàm (A Tỳ Đạt Ma, Luận), Giới; đó gọi là bốn.

Tỳ-kheo nên biết, nếu có Tỳ-kheo nào từ phương Đông (Tây, Nam, Bắc) đến, tụng kinh trì pháp, phụng hành cấm giới. Vị ấy nói rằng: ‘Tôi có thể tụng kinh trì pháp, vâng giữ cấm giới, học rộng nghe nhiều.’ Giả sử, Tỳ-kheo kia có nói những gì, cũng không nên thừa nhận khi chưa đủ để dốc lòng tin tưởng. Hãy cùng Tỳ-kheo kia thảo luận, chiếu theo pháp mà cùng thảo bàn. Thế nào là y chiếu theo cùng thảo bàn? Y chiếu theo pháp mà luận, đó là bốn đại luận được quảng diễn này, tức là Khế kinh, Luật, A-tỳ-đàm, Giới. Nên cùng với Tỳ-kheo kia phân biệt pháp được nói bởi Khế kinh, được hiển hiện trong Luật.



*Giả sử khi tìm trong Khế kinh được nói, trong Luật được hiển hiện, trong pháp được phân biệt; nếu những điều được hiển hiện ấy tương ứng với Khế kinh, tương ứng với Luật và Pháp, khi ấy bèn thọ trì. Nếu không tương ứng với Khế kinh, Luật, A-tỳ-đàm, thì nên trả lời người kia như vậy: ‘Này bạn, nên biết đây chẳng phải là những lời dạy của Như Lai, mà những lời bạn nói, chẳng phải gốc của chánh kinh; sở dĩ như vậy là vì nay tôi thấy nó không tương ứng với Khế kinh, Luật, A-tỳ-đàm. Vì không tương ứng nên phải hỏi về sự hành trì giới, nếu không tương ứng với giới hạnh, nên nói với người kia: ‘Đây chẳng phải là tạng của Như Lai!’ Hãy lập tức đuổi đi; đây gọi là gốc của nghĩa đại nghĩa được quảng diễn thứ nhất”.*

Xem như vậy mà tác giả Thông Lạc lấy Kinh điển Nam truyền ra để đả phá Phật giáo Bắc truyền là nghĩa thế nào chứ? Chúng ta thấy những lời Phật dạy được viết trong Kinh Tạng Nam truyền sơ sài không đầy đủ như trong Kinh Tạng Bắc truyền; cũng tương tự như trên đây, những gì Phật nói được viết trong Kinh Tạng Nam truyền hầu hết đều được viết trong Kinh Tạng Bắc truyền. Do đó đọc 2 đoạn kinh nêu trên chúng ta thấy tác giả Thông Lạc đã viết những điều không đúng vì tỏ ra là người thiếu cẩn cố chấp, muốn loại bỏ Phật giáo Bắc truyền với lý lẽ sai sự thực. Ngoài ra có nhiều lời dạy cao siêu của Phật không được ghi trong Kinh Tạng Nam truyền nhưng được ghi trong Kinh điển Bắc truyền, và những phần này chẳng ai có thể bác bẻ là sai ý Phật, như đã chứng minh ở các phần bên trên. Như vậy mà tác giả Thông Lạc cho rằng Kinh điển Bắc truyền không phải của Phật nói thì chỉ là người cố chấp, đóng bít trí tuệ của mình mà thôi.

## **2). Đức Phật biết đời sau sẽ làm sai giáo pháp**

**TÁC GIẢ THÔNG LẠC CHÚ GIẢI:** *“Trước khi vào Niết Bàn đức Phật đã biết chắc người đời sau sẽ kiến giải, tưởng giải làm sai lệch giáo pháp của mình, nên Ngài đã di chúc lại những lời sau cùng này để chúng ta cẩn thận đối chiếu với kinh sách Nguyên Thủy và kinh sách Đại Thừa. Khi đối chiếu chúng ta mới nhận xét kinh sách Nguyên Thủy dạy đạo đức làm Người làm Thánh, đó là **“Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành”** hoặc **“Ngăn ác diệt ác pháp, sinh thiện tăng thiện pháp”**, còn kinh sách Đại Thừa dạy: **“Cúng bái cầu siêu, cầu an, tụng kinh, niệm Phật, niệm chú, ngồi thiền ức chế tâm, lạy hồng danh sám hối cho tiêu tội, v.v...”**”.*

*Như vậy kinh sách Đại Thừa dạy mê tín, sống trong thế giới ảo tưởng (Niết Bàn, Cực Lạc Tây Phương)”.*

## **PHẢN BIỆN:**

*“Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành”* hoặc *“Ngăn ác diệt ác pháp, sinh thiện tăng thiện pháp”*, điều này mọi người Phật tử đều học và hành chứ không riêng gì Nam truyền nên miễn bàn.

**1. Tác giả Thông Lạc viết rằng:** *“kinh sách Đại Thừa dạy: “Cúng bái cầu siêu, cầu an, tụng kinh, niệm Phật, niệm chú, ngồi thiền ức chế tâm, lay hồng danh sám hối cho tiêu tội, v.v...”* Tất cả các vấn đề nêu trên chỉ là phương tiện để dẫn dắt chúng sinh mà thôi: Cúng bái cầu siêu để giúp người qua đời được lợi lạc (xin xem phần phản biện “Tuần Thất” nơi mục XVII), Cầu an, tụng kinh để chúng sinh hiểu lời Phật dạy và an tâm thích thú trong việc *“Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành”*, như thời Phật tại thế, mỗi khi Ngài dạy điều gì, các Tỳ Kheo phải học để nhớ mà thực hành, thì bây giờ tụng kinh cũng cùng mục đích như vậy. Niệm Phật, trì Chú là cách tu của Tịnh Độ Tông (xin xem phần phản biện Tịnh Độ Tông nơi mục III phần 1) và Mật Tông (xin xem phần phản biện Mật Tông nơi mục III phần 2).

**2. Tác giả Thông Lạc cho rằng** *“Thiền Tông ngồi Thiền là ức chế tâm”* là không đúng sự thật như đã chứng minh ở phần trên (xin xem phần phản biện “ngồi thiền là ức chế tâm” nơi mục III phần 4, mục IV và mục V).

**3. Tác giả Thông Lạc đã hiểu sai mà cho rằng:** *“kinh sách Đại Thừa dạy mê tín, sống trong thế giới ảo tưởng (Niết Bàn, Cực Lạc Tây Phương)”*, Kinh sách Bắc truyền không dạy mê tín, chỉ có những người giống như tác giả Thông Lạc không hiểu kinh Bắc truyền rồi hành sai thành ra mê tín thôi, hoặc có người chưa hiểu thấu kinh điển, rồi viết sách làm sai lệch chứ Kinh không dạy mê tín, không dạy Phật tử sống trong ảo tưởng như tác giả làm tưởng rồi sinh ra chỉ trích bừa bãi.

**4. Lay niệm Hồng Danh Chư Phật** là một lối Sám Hối tội lỗi giúp cho hành giả nhẹ bớt nghiệp chướng trong việc tu hành, như ngày xưa thời Phật còn tại thế, có những Tỳ Kheo phạm tội phỉ báng bậc Thánh, sau khi sám hối được Phật hay các vị Thánh Tăng tha nên hết tội, còn có Tỳ Kheo Cù Ba Ly phạm tội phỉ báng bậc Thánh, không chịu sám hối trước Phật sau bị mụn nhọt hành hạ đau đớn khổ sở cho đến chết bị đọa địa

ngục được ghi rõ ràng trong Tăng Nhất A Hàm, quyển 1, phẩm Tam Bảo, trang 363, là một bằng chứng cho việc lễ lạy niệm Hồng danh Chư Phật để sám hối tội lỗi là việc đúng chứ không phải mê tín.

Nguồn gốc của sự lễ lạy từ thời đức Phật còn tại thế, các đệ tử của Phật từ vua quan đến dân chúng mỗi lần đến gặp đức Phật đang ngồi, họ đều quỳ xuống, hai tay chống đất, đầu cố cúi, trán sát gần chân Phật để tỏ sự tôn kính lòng ngưỡng mộ vô bờ bến đối với bậc tối thượng tôn. Công đức của một vị Phật đã là vô biên, thì công đức của Chư Phật không thể nghĩ bàn được, nên việc lễ lạy Chư Phật phải là việc làm có ý nghĩa không thể bài bác.

**Cách sám hối lễ niệm Hồng Danh** là một cách sám hối dễ nhất trong 5 cách sám hối là:

- 1. Lễ lạy niệm danh hiệu Chư Phật**, như đã nói ở trên.
- 2. Lập giới đàn sám hối**, phải có Thánh Tăng là bậc thanh tịnh chứng minh, ngày nay khó tìm ra Thánh Tăng.
- 3. Quán tướng sám hối**, người sám hối trước hình tượng Phật phải trình bày tội lỗi đã phạm, nguyện ăn năn hối lỗi và không tái phạm, làm như thế đến khi nào thấy hào quang mới ngưng, lối quán tướng này cũng chẳng dễ.
- 4. Quán Tâm vô sinh**: là quán tâm mình không sinh, Kinh nói: “Tội lỗi từ tâm sinh cũng từ tâm diệt, nếu tâm không sinh tội kia cũng chẳng còn, thế mới thật là sám hối”, quán này chẳng phải dễ làm.
- 5. Quán Pháp vô sinh**: Quán thật tướng của các Pháp không sinh, chẳng diệt, không bị “không - thời” thay đổi chuyển dời; khi biết được thật tướng rồi thì tội lỗi gá vào đâu mà tồn tại được nữa; cách quán này càng khó hơn.

Lễ lạy niệm danh hiệu Chư Phật có công dụng quán tướng công đức của Chư Phật để noi theo các Ngài, tránh làm ác chỉ làm việc lành, noi theo học hỏi mở lòng Từ Bi Hỷ Xả đối với tất cả chúng sanh v.v... trong việc tu hành giải thoát luân hồi sinh tử. Sám hối này mỗi lần vừa niệm và vừa lạy còn có công dụng trừ kiêu mạn, diệt chấp cái ta cái ngã, sẽ giúp cho sự tu hành mau có kết quả; lại bảo vệ sức khỏe cho người sám hối (giống như tập thể thao vì các động tác thân đứng lên quỳ xuống lễ lạy, miệng niệm tên các vị Phật). Do đó không nên nói rằng “*kinh sách Đại Thừa dạy mê tín, sống trong thế giới ảo tưởng*”, vì những lời của tác giả Thông Lạc vô tình đã cổ võ cho sự bất tôn kính Phật, là một điều không nên nói.

### 3). Ba La Đề Mộc Xoa của Tổ không phù hợp Phật giáo

**TRƯỞNG LÃO THÔNG LẠC VIẾT:** “*Dem giới bốn Ba La Đề Mộc Xoa của các Tổ ra đối chiếu với giới kinh của Phật, thì chúng ta thấy giới bốn không phù hợp, không tương ứng với giới kinh một bên thì ngăn cấm như pháp luật, không đúng với tinh thần tự giác, tự nguyện của đạo Phật. Còn giới kinh dạy đạo đức làm Người làm Thánh để tâm hoàn toàn vô lậu và đúng theo tinh thần tự giác tự nguyện không có bắt buộc, không có khuyến dụ, không có mua chuộc. Cho nên, giới bốn Ba La Đề Mộc Xoa và kinh sách Đại Thừa chắc chắn không phải Phật thuyết, do các Tổ chịu ảnh hưởng kinh Vệ Đà của Bà La Môn biên soạn ra, nên không phù hợp và không tương ứng với những lời Phật dạy”.*

#### **GIẢI THÍCH PHẢN BIỆN:**

Giới luật thông thường của Cư sĩ là 5 giới, 8 giới, giới luật của Tăng là 10 giới, 250 giới; còn Bồ Tát tại gia 6 giới trọng và 28 giới khinh, Bồ Tát xuất gia 10 giới trọng và 48 giới khinh.

Giới Thanh Văn là cẩn thận giữ gìn (chỉ trì), tức là không làm là giữ giới; Giới Bồ Tát có cái không làm là giữ giới, có cái không làm là phạm giới (như thấy người tai nạn mà không cứu là phạm giới). Giới Thanh Văn thân làm thì phạm, còn giới Bồ Tát có khởi niệm là phạm (như dù thân không làm mà nghĩ đến ăn cắp là phạm giới, còn gây tai nạn mà không cố ý gây tai nạn là không phạm), gọi là Tâm Địa giới. Một điểm cần để ý là qua Giới luật và cách tu, chúng ta thấy rõ là: Giới Thanh Văn không làm hại người, làm lợi mình và lợi người; giới Bồ Tát không làm hại người, làm lợi người dù có hại cho mình; như thế mà mang giới luật của Nam truyền ra để chỉ trích giới luật của Bắc truyền là nghĩa lý làm sao?

Giới bốn Ba La Đề Mộc Xoa cho hàng Bồ Tát không kém đạo đức hơn là hàng Thanh Văn thì làm sao có thể bài bác được; mặt khác giới luật của hàng Bồ Tát cũng như giới luật của hàng Thanh Văn, người nào thấy thích hợp có thể thực hành được thì theo, chứ không có việc dụ dỗ hay ép buộc ai cả, tác giả Thông Lạc hoàn toàn hiểu lầm nên đã nói sai về khuyến dụ mua chuộc là hoàn toàn phi lý. Giới luật cho hàng Bồ Tát cũng chẳng có chỗ nào trái với lời Phật dạy, nên không thể nói là “*Giới luật của hàng Bồ Tát không phù hợp với lời Phật*” dạy được (xin xem bài phân tích về Kinh Phạm Võng nơi mục IX).

#### 4). Kinh sách kết tập bởi những người chưa chứng đạo

##### TÁC GIẢ THÔNG LẠC LẠI VIẾT:

*“Cho nên, những kinh sách này được kết tập bởi những người tu hành chưa chứng đạo, thành một tạng kinh xô bồ không biết bài kinh nào tu trước, bài kinh nào tu sau. Trong khi giáo lý của Phật giáo được chia ra làm 8 lớp học và ba cấp rõ ràng, nó là một chương trình giáo dục đào tạo con người có đầy đủ đạo đức nhân bản - nhân quả, xây dựng lại cuộc sống của con người mà mọi người không còn làm khổ cho nhau nữa, biến thế gian này thành cảnh giới Thiên Đàng, Cực Lạc”.*

##### GIẢI THÍCH PHẢN BIỆN:

Nói rằng kinh sách Phật giáo Bắc truyền được kết tập bởi những người chưa chứng đạo là thiếu hiểu biết về sự kết tập kinh điển của cả Bắc truyền và Nam truyền. Trong Phật giáo Bắc truyền cũng có ba cấp: Giới Định Tuệ, cũng có Tứ Đế và 8 lớp học về Tám Chánh Đạo, cũng có 37 trợ Đạo phẩm v.v... không khác Phật giáo Nam truyền. Chúng ta cùng theo dõi diễn tiến kết tập Kinh điển, sự phân chia các bộ phái và sự truyền Phật pháp như sau:

Theo dõi lịch sử Phật giáo, khoảng 100 năm sau khi Phật nhập Niết Bàn, có sự kiện một nhóm khoảng 700 Tu sĩ ở một địa phương Bạt Kỳ (Vajji) thuộc nước Tỳ Xá Ly (Vasali) đưa ra mười điều sửa đổi Giới của Phật, vì họ căn cứ vào lời Phật dạy dò trước khi nhập Niết Bàn rằng “*Này A Nan, từ nay trở đi Ta cho phép các Tỳ Kheo tùy nghi bỏ các giới nhỏ nhặt, hãy lễ độ, trên dưới hòa thuận với nhau, đó là pháp kính thuận của người xuất gia*” (xin xem Trường A Hàm, quyển 1, Kinh Du Hành, trang 205). Nên có sự bất đồng giữa Tôn Giả trưởng lão Da Xá tuổi Hạ 120 năm (mỗi năm an cư học giáo lý trong ba tháng là một tuổi hạ) và nhóm Bạt Kỳ.

Sau đó Tôn Giả Da Xá đến gặp Tôn giả trưởng lão Ly Bà Đa tại Ấp Ba Lợi, rồi hai vị cùng đến Bạt Kỳ lập “hội đồng” bàn luận gồm 8 người. Nhóm Bạt Kỳ 4 người, Tôn giả Nhất Thiết Khứ tuổi Hạ 136 năm đại diện; nhóm Ấp Ba Lợi 4 người Tôn giả Ly Bà Đa tuổi Hạ 120 năm đại diện. Tôn Giả Ly Bà Đa hỏi, Tôn Giả Nhất Thiết Khứ trả lời về mười điều sửa đổi Giới đều phi pháp hết; do đó các vị tu hành ở Bạt Kỳ phải tôn trọng tất cả những Giới Luật Phật đã đặt ra, không được sửa đổi. Mặc dù phải chấp hành Giới luật đầy đủ, nhóm Bạt Kỳ thuộc học phái Thượng tọa bộ

(Sthaviravada) tách riêng và thành lập học phái Đại chúng bộ (Mahasanghika); tuy tách ra, nhưng nhóm này vẫn hành đầy đủ theo các giáo pháp Phật dạy.

- Sau một thời gian trên mười năm, sự chia rẽ càng trầm trọng hơn, nên Thượng Tọa Bộ đã rời khỏi nước Ma-kiệt-đà sang nước Ca-thấp-di-la lập căn cứ hành đạo, rồi phát triển rộng ra khắp vùng Tây-Bắc Ấn Độ. Thượng Tọa Bộ cho rằng A-la-hán tức là Phật, A-la-hán là mục tiêu cuối cùng; trong Ba Tạng thì họ coi Kinh là chủ yếu, nhưng lại lấy Giới Luật làm nơi y chỉ. Đại Chúng Bộ thì cho rằng A-la-hán vốn bất toàn, vẫn còn nhân gian tính, chỉ đoạn trừ kiến tư hoặc mà vẫn còn trần sa hoặc và vô minh hoặc, chưa phải là quả vị Phật. Tình trạng xung đột ý kiến cả về giới luật lẫn giáo nghĩa giữa hai bộ phái Thượng Tọa và Đại Chúng đã kéo dài hàng thế kỉ.

- Đến thế kỷ thứ Tư trước Dương lịch nhiều cuộc tranh biện về giáo lý Phật vẫn tiếp tục xảy ra giữa các học phái; Phật giáo dưới triều đại vua A Dục vào năm 307 trước Dương lịch có **kết tập Tam Tạng lần thứ hai** quan trọng (lần đầu sau khi Phật nhập diệt 3 tháng) do 1000 Thánh Tăng đứng đầu bởi Trưởng Lão Mục Kiền Liên Tu Đế (Moggaputta Tissa) tại Lâm Viên thành Hoa thị, nước Ma Kiệt bằng **thổ ngữ Bắc Phạn** (Sanskrit).

- Đến thế kỷ thứ Ba trước Dương Lịch đã có 19 học phái Phật giáo khác nhau được thành lập và rất thịnh hành trên đất Ấn. Riêng Thượng Tọa Bộ phân chia thành 11 bộ phái là: Nhất Thiết Hữu Bộ, Tuyết Sơn Bộ, Độc Tử, Pháp Thượng, Hiền Trụ, Chánh Lượng, Mật Lâm Sơn, Hóa Địa, Pháp Tạng, Âm Quang, và Kinh Lượng Bộ. Đại Chúng Bộ chia thành 8 bộ phái là: Nhất Thuyết Bộ, Thuyết Xuất Thế Bộ, Kế Dận Bộ, Đa Văn Bộ, Thuyết giả Bộ, Chế Đa Sơn Bộ, Tây Sơn Trú Bộ, Bắc Sơn Trú Bộ; và tất cả các bộ phái đều tự cho mình là xuất phát từ giáo lý chính thống của Đức Phật!

- Năm 240 trước Dương Lịch, Tôn giả Ma Thần Đà đã đem giáo lý Thượng Tọa Bộ truyền sang nước Tích-lan.

- Tới năm 83 cuối thế kỷ thứ Nhất trước Dương Lịch, Vua Ca Ni Sắc Ca (Kanishca) thỉnh Hiệp Tôn giả (Parsva) và chọn được 500 vị Thánh Tăng là những người có đủ Tam Minh Lục Thông, tinh thông nội giáo Tam Tạng, ngoại điển quán triệt Ngũ Minh. Lần **kết tập thứ ba** này do Ngài Thế Hữu làm đệ nhất và Hiệp Tôn giả đệ nhị. Kết tập tại thành Ca Thấp Di La (Kasmira) nước Kiền Đà La, lần này bằng **chữ Nam Phạn** (Pali); cũng trong thế kỷ này, các kinh sách Phật được viết thành chữ Sanskrit và Pali.

- Sau đó vào đầu thế kỷ thứ Nhất, Kinh sách Phật được truyền ngả Đông Bắc qua Trung Hoa, và ngả Đông Nam qua các nước Đông Nam Á.
- Phật giáo được chính thức truyền vào Việt Nam từ thế kỷ thứ Nhất và thứ Hai, nhưng có một giả thuyết cho rằng Phật giáo đã được truyền bá vào Việt Nam từ năm 111 trước Dương lịch.
- Từ năm 386 Dương Lịch nhà Bắc Ngụy Trung Hoa tôn Phật giáo là Quốc giáo và đồng thời Phật giáo được lan truyền qua Triều Tiên.
- Thế kỷ thứ Năm Phật giáo Nguyên thủy (Theravada) được truyền bá vào Miến Điện, trong khi đó tại Trung quốc thì Phật giáo Tịnh độ thờ Đức Phật A-Di-Đà phát triển mạnh.
- Năm 520 Bồ-đề Đạt-ma (Bodhidharma) rời Ấn độ đến Trung quốc bằng đường biển và là Tổ Thiền Tông. Năm 538 các nhà Sư Triều Tiên sang Nhật truyền Phật đạo.
- Năm 580: Nhà sư người Ấn Tì-ni Đa-lưu-chi (Vinitaruci) từ Trung quốc sang Việt Nam tu tại chùa Pháp Vân (Bắc Ninh); vị sư này là người đầu tiên đưa Thiền học vào Việt Nam.
- Thế kỷ thứ Bảy Phật giáo thuộc Đại chúng bộ được truyền đến Miến điện và Tây tạng.
- Tới thế kỷ thứ Tám người Hồi giáo bắt đầu xâm lược và bắt đầu tiêu diệt Phật giáo Ấn độ, năm **1193**: Quân Hồi giáo tràn vào Ấn, đốt phá san bằng tất cả chùa chiền và tu viện Phật giáo và giết tăng sĩ.

Đó là nguồn gốc và diễn tiến của cả Phật giáo Bắc truyền và Nam truyền, và ngoại đạo sâm hại tiêu diệt Phật giáo; xem như thế suốt mấy trăm năm Phật giáo phân hóa mới đầu có 2 phái, dần dần phân hóa tới 19 phái mà phái nào cũng cho mình là chánh. Nếu nói rằng: *“những kinh sách này được kết tập bởi những người tu hành chưa chứng đạo...”* là không có cơ sở, và nói rằng Phật giáo Bắc truyền là của Ngoại đạo là không hiểu về Phật giáo.

Phật giáo Bắc truyền là Phật giáo phát triển tiến bộ theo hạnh Bồ Tát, thế mà tác giả Thông Lạc nói ngược đời rằng chỉ có Phật giáo Nam truyền: *“giáo dục đào tạo con người có đầy đủ đạo đức nhân bản - nhân quả, xây dựng lại cuộc sống của con người mà mọi người không còn làm khổ cho nhau nữa, biến thế gian này thành cảnh giới Thiên Đàng, Cực Lạc”*. Xin hỏi rằng ở các nước tu theo Nam truyền từ mấy ngàn năm nay đã có nơi nào thành Thiên Đàng Cực Lạc chưa (?), hay mọi người chỉ nghe đường về xứ tuyết Tây Tạng huyền bí, và mọi người chỉ nghe Thiền tông đã có vô số vị Thiền sư kiến tánh đốn ngộ mà thôi.



## 5). Người trước tu sai, người sau đều tu tập sai hết

### TÁC GIẢ THÔNG LẠC CÒN VIẾT:

*“Các Thầy xa xưa người trước tu sai, người sau sai và người ngày nay cũng đều tu tập sai hết. Tu sai mà không ai biết để chỉ chỗ mình đã sai, nên kéo dài sai nhiều thế hệ”.*

### PHẢN BIỆN:

Đây là lời nói của Phật hoặc của bậc Đẳng giác Bồ Tát, bậc Tổ sư hay A La Hán đích thực, chứ chẳng phải của người đọc kinh Bắc truyền không hiểu nghĩa lý của kinh mà dám phán đoán chỉ trích các bậc tiền nhân tôn kính là người tu sai; giải thích sai ý nghĩa của Kinh thì có ai tin rằng người ấy đã chứng đạt không? Vì một bậc gọi là giác ngộ đạt đạo rồi thì đọc kinh sách đều hiểu suốt thông, ví như Lục Tổ Huệ Năng dù không biết một chữ, nhưng khi có người đọc một đoạn của cuốn Kinh xong thì Ngài giảng nghĩa lý suốt thông rõ ràng làm người nghe như uống nước cam lộ; tại sao? Vì lời Ngài giảng mới lạ chưa từng được nghe, người nghe Ngài nói xong trí tuệ mở mang nên vô cùng hân hoan như người khát được uống nước, như người bị bệnh được khỏi; bởi vậy, lời chỉ trích các bậc Thánh của tác giả Thông Lạc không ai tin nổi.

Chúng ta cùng đọc một đoạn trích lược trong Từ Ngữ Phật Học của Cư sĩ Hạnh Cơ về sự đả phá Phật giáo Đại Chúng Bộ (Bắc truyền sau này) của ngài Thế Thân (Vasubandhu, có sách dịch là Đại Thiên) như sau:

Trong ba anh em con một vị quốc sư họ Kiền-thi-ca (Kausika) thuộc dòng Bà-la-môn nước Kiền-đà-la (Gandhara), miền Tây-Bắc Ấn-độ, sống vào khoảng cuối thế kỉ thứ 4 đầu thế kỉ thứ 5 DL, cùng có tên Bà Tẩu Bàn Đậu, thì người anh cả lấy biệt danh là A Tăng Già, tức Vô Trước; người em út lấy biệt danh là Tỉ Lân Trì Bạt Bà; chỉ có người ở giữa là không có biệt danh, mà vẫn dùng tên Bà Tẩu Bàn Đậu, tức là Thế Thân.

Lúc đầu cả ba anh em Bà Tẩu Bàn Đậu đều xuất gia tu theo Hữu Bộ (Nam truyền): Ngài Tỉ Lân Trì Bạt Bà thì ở hẳn bên Hữu Bộ, chứng quả A-lahán, không có hạnh gì đặc biệt. Ngài Vô Trước tu một thời gian thì chuyển hướng sang Đại chúng Bộ, sau Ngài trở thành sáng tổ của phái Du Già Hành của Phật giáo Ấn-độ. Trong khi đó, ngài Thế Thân lại đi thẳng vào Kinh Lượng Bộ (tách ra từ Hữu Bộ), lập chí cải thiện giáo nghĩa của Hữu Bộ, bèn sang nước Ca-thấp-di-la (Kasmira) để nghiên cứu Tỳ Bà Sa Luận.



Sau bốn năm, ngài trở về bản xứ (tức kinh thành Bồ-lộ-sa-bố-la, nước Kiền-đà-la), giảng thuyết Luận Tì Bà Sa, và sáng tác A Tì Đạt Ma Câu Xá Luận; sau đó, khi ngài Vô Trước trở về quê nhà tĩnh cư, thì ngài Thế Thân chuyển sang nước A-du-xà để hành đạo. Tại đây, không những ngài đã hăng say xiển dương giáo lí Hữu Bộ, mà còn cực lực đả kích Đại Chúng Bộ, cho rằng kinh điển của Đại Chúng Bộ không phải do Phật nói. Về sau, phải nhờ người anh Vô Trước dùng phương tiện khai thị, ngài mới tỉnh ngộ, chuyển sang tín phụng và hoằng dương giáo pháp Đại Chúng Bộ.

Theo Bà Tẩu Bàn Đậu Pháp Sư Truyện ghi chép: Lúc bấy giờ ngài Thế Thân đang hành đạo tại nước A-du-xà, cực lực xiển dương giáo pháp Hữu Bộ và hủy báng kinh điển Đại Chúng Bộ; anh của ngài là Vô Trước (lúc đó vẫn cư trú ở quê nhà), biết em mình là bậc trí tuệ hơn người, thông hiểu sâu rộng cả giáo nghĩa nội ngoại. Ngài sợ rằng Thế Thân sẽ phải chịu ác báo do tội hủy báng, phá hoại giáo pháp Đại chúng Bộ, nên đã cho sứ giả sang nước A-du-xà báo tin cho Thế Thân, rằng ngài đang bị bệnh trầm trọng, Thế Thân hãy về gấp cho ngài được gặp mặt.

Được tin báo, Thế Thân liền theo sứ giả trở về nước. Ngài vào phòng thăm anh và hỏi thăm bệnh tình, ngài Vô Trước nói: “Anh đang bị tâm bệnh rất nặng, là do em gây ra đó!” Ngài sững sốt hỏi lại: “Vì sao tâm bệnh của anh lại do em gây ra?” Vô Trước nói: “Em không tin giáo pháp Đại chúng Bộ, ngày đêm hủy báng. Do ác nghiệp này mà em sẽ vĩnh viễn trầm luân trong ác đạo, anh vì em quá lo lắng, sầu khổ!” Thế Thân nghe thế thì lo lắng, liền xin anh giảng cho nghe về giáo nghĩa Đại Chúng Bộ; ngài Vô Trước liền vì em mà thuyết giảng tóm tắt các yếu nghĩa của giáo pháp Đại Chúng Bộ, ngài Thế Thân vốn là bậc trí tuệ, nên nghe đến đâu là thâm nhập đến đấy, hoàn toàn rỗng suốt, và nhận ra rằng, giáo pháp Đại Chúng Bộ thật sự cao sâu vượt quá giáo pháp Thượng Tọa Bộ.

Từ đó, ngài tôn anh làm thầy để học hỏi, ngài Vô Trước bèn đem tất cả sở học và sở đắc của mình về giáo pháp Đại Chúng Bộ truyền dạy hết cho em. Càng thâm nhập yếu nghĩa, ngài Thế Thân càng ân hận về việc ngày trước vì quá si mê mà đã kịch liệt hủy báng Đại Chúng Bộ. Khi lòng ăn năn đã lên đến cao độ, ngài liền đến trước người anh Vô Trước để bày tỏ lòng sám hối.

Để đền tội cũ, ngài nói: “Trước kia em đã dùng cái lưới của mình để hủy báng giáo pháp Đại Chúng Bộ, thì hôm nay em phải cắt bỏ cái lưới này để tạ tội” (ý nói muốn chết đi). Ngài Vô Trước vội vàng khuyên bảo rằng: “Dù em có cắt cả ngàn cái lưới cũng không thể nào diệt được tội cũ; chi bằng, nếu ngày trước em đã dùng cái lưới của mình một cách khéo

léo trong việc hủy báng, thì ngày nay em cũng cứ dùng chính cái lưỡi ấy của mình một cách khéo léo để tuyên dương giáo pháp Đại Chúng Bộ; được như thế thì tội lỗi ngày xưa chắc chắn sẽ tiêu trừ hết.”

Sau đó thì ngài Vô Trước viên tịch, và ngài Thế Thân trở lại A-du-xà để khởi đầu một chương trình mới; thật vĩ đại, chuyên việc xiển dương giáo nghĩa Đại Chúng Bộ. Ngài đã trước tác các bộ luận, đặc biệt là về hai môn học Du Già và Duy Thức, ngài chú giải các bộ luận đã lưu hành từ trước và luận giải các kinh điển Đại Chúng Bộ.

Tương truyền, khi còn ở Hữu Bộ Nguyên thủy, ngài đã soạn đến 500 bộ luận để tuyên dương giáo nghĩa Hữu Bộ và bài bác Đại Chúng Bộ; và sau khi đã qui hướng rồi, ngài cũng lại soạn đến 500 bộ luận để tuyên dương giáo pháp Đại Chúng Bộ. Vì vậy, người đời đã tôn gọi ngài là vị Thiên Bộ Luận Sư. Tất cả những tác phẩm của ngài, dù thuộc phạm vi Nguyên thủy ngày trước, hay thuộc phạm vi Đại Chúng Bộ lúc về sau, vẫn nghĩa đều tinh diệu. Bất cứ ai được thấy được nghe cũng đều tin tưởng và cầu học, đều lấy đó làm điển tích căn bản cho sự học tập; chúng nhân thuộc các bộ phái Phật giáo khác và ngay cả ngoại đạo cũng vậy, ai nghe danh ngài cũng kính trọng vậy.

Để kết thúc cho phần này, chúng tôi trích một đoạn trong Trường A Hàm, quyển 2, **Kinh Thanh Tịnh**, trang 578 (tương đương với TẬP II, mục 29. Kinh Thanh Tịnh (Pàsàdika Sutta) thuộc Kinh Trường Bộ Nam truyền, trang 368 mạng Thư Viện Hoa Sen), Phật dạy hàng Tỳ Kheo về không tranh cãi hơn thua như sau:

*“Ta đối với những pháp đó đã tự chứng ngộ, đó là: Bốn Niệm xứ, Bốn Thần túc, Bốn Ý đoạn, Bốn Thiền, Năm Căn, Năm Lực, Bảy Giác chi, và Tám Thánh Đạo. Vậy các Thầy phải hòa hợp với nhau một cách triệt để, chớ có sự chê bai chỉ trích lẫn nhau, đã đồng học một thầy thì phải hòa hợp như nước với sữa; đối với Chánh pháp của Như Lai, cần phải tự làm sáng tỏ lên, mong được an vui. Khi đã được an vui rồi, nếu có Tỳ Kheo trong khi thuyết pháp bị người nói rằng: “Câu nói của Ông không đúng, nghĩa lý sai lầm”.*

*Vị Tỳ Kheo đó nghe xong, không thể cho lời nói đó là đúng hay không đúng, nên nói với vị kia rằng: “Thưa Thầy, điều đó thế nào? Văn cú của tôi như vậy, văn cú của Thầy như vậy; nghĩa lý của tôi như vậy, nghĩa lý của Thầy như vậy, bên nào tối thắng, bên nào hạ liệt?” Nếu Tỳ Kheo kia đáp rằng: “Văn cú của tôi như vậy, nghĩa lý của tôi như vậy; văn cú của Thầy như vậy, nghĩa lý của Thầy như vậy, văn cú của Thầy cũng tối thắng”. Người kia nói như thế thì không nên cho là sai hay là đúng, nên can gián người kia: “Thôi đi, đừng nên chỉ trích mà hãy cùng nhau tham khảo ý*

*kiến, hòa hợp cùng nhau một cách triệt để; chớ có tranh tụng vì học cùng một thầy, phải nên hòa hợp như nước với sữa”.*

Chúng ta thấy rằng đức Phật đã biết trước sau khi Ngài nhập Niết Bàn sẽ có đệ tử của Phật tranh cãi đả phá nhau, chỉ trích nhau, chia bè phái, mà không chịu ngồi lại với nhau để cùng hòa hợp tham khảo ý kiến của nhau. Do đó từ sau khi Ngài nhập Niết Bàn đến nay, Phật giáo luôn luôn bị cái nạn giặc trong là những người cùng Phật giáo đả phá giáo pháp của nhau vì cho giáo pháp của phe mình là đúng của Phật, còn giáo pháp của phe khác là sai không phải của Phật, muốn phe mình là độc quyền duy nhất. Ngày nay thì tác giả Thông Lạc đã chỉ trích đả phá Phật giáo Bắc truyền không phải của Phật rờng rã suốt trên 10 năm nay, thế mà lại có người phụ họa cho việc tiêu diệt Phật giáo Bắc truyền thì thật là hết chỗ nói rồi.

Còn cái nạn giặc ngoài là ngoại đạo luôn luôn thâm lẩn tàn phá Phật giáo bằng đủ mọi cách mà chúng ta đã thấy, cái gần đây là có hai người mạo danh là Thiên sư, Cư sĩ; họ ăn cắp bài viết của một vị Tu sĩ để vào sách mang nhan đề Phật giáo, rồi lồng vào trong bằng bài viết lời của Phật theo lối lý luận của tà giáo để lừa gạt Phật tử chúng ta. Đây là hành động vô cùng xảo trá ác độc tệt hại, có thể nói hành động này của ngoại đạo giống như những con vật cắn trộm vậy đó, vì cắn trộm thì không ai biết nó cắn lúc nào, nó lẳng lặng đớp một cái, làm cho người bị cắn đau thấu xương tủy. Những kẻ ấy dù che giấu được với mọi người, nhưng chẳng thể giấu được tâm thức của chính họ, nên chẳng thể tránh được tội vào súc sanh, ác quỷ, địa ngục sau khi chết, mà chẳng có quyền lực nào cứu nổi tội của họ!

\*

\* \*

## **XIX). TỔNG KẾT:**

Nếu nói rằng chỉ có Phật giáo Nam truyền mới là Phật giáo, còn đều là những thứ Phật giáo cải cách của ngoại đạo thì đó là phủ nhận một giá trị thực tiễn; vì thực ra ta phải hiểu thế nào là Phật giáo. Trước hết ta phải hiểu: Phật giáo là tất cả những sinh hoạt nào nhằm biểu hiện những nguyên lý mà đức Phật và các thế hệ Phật tử kế tiếp đã chứng nghiệm. Nhưng các cơ cấu xã hội luôn luôn biến đổi theo luật vô thường nên những hình thức sinh hoạt gọi là Phật giáo ban đầu không còn thích hợp

một cách hoàn toàn nữa; do đó sự tạo dựng những hình thức sinh hoạt Phật giáo mới là một sự cần thiết phải có, nếu người Phật tử không muốn cho Phật giáo bị diệt mất mà không ngoài mục đích là nuôi sống những nguyên lý của Phật giáo.

Do đó chúng ta thấy có Phật giáo Bắc truyền, Phật giáo Nam truyền; mặc dù vậy, chúng ta vẫn thấy trong Phật giáo Bắc truyền có tông phái Nam truyền, cũng như trong Phật giáo Nam truyền vẫn có tư tưởng và lối hành trì Bắc truyền. Chúng ta phải thấy rõ rằng cả bộ Nikaya tạng kinh Pali của Phật giáo Nam truyền cũng như bốn bộ A Hàm của tạng kinh Bắc truyền đều là những kinh điển căn bản của Phật giáo và về nội dung có rất nhiều điểm giống như nhau. Như thế Phật giáo là kết hợp của giáo lý Nam truyền và Bắc truyền, không phân biệt thời gian, địa phương, xóa bỏ những quan niệm hẹp hòi hình thức chủ quan thiên lệch, bằng cách hướng dẫn người Phật tử sống đúng theo những nguyên lý căn bản của Phật giáo, có như vậy Phật giáo mới có thể tồn tại nảy nở lâu dài được.

Chúng ta đọc nhận xét của Hòa Thượng Thích Quảng Độ khi dịch cuốn “Nguyên Thủy Phật giáo Tư Tưởng Luận” của Kimura Taiken người Nhật, do Âu Dương Hãn Tồn dịch từ Nhật ngữ sang Hán ngữ, bài nhận xét viết:

“(…) Phật giáo cũng như cái cây có ba phần: phần gốc, phần thân cây và phần ngọn bao gồm nhiều cành lá. Phần gốc là căn bản Phật giáo, phần thân cây là Tiểu Thừa Phật Giáo, phần cành lá là Đại Thừa Phật Giáo. Người ta không thể nào tưởng tượng được sự tồn tại của một cái cây mà không có gốc nhưng nếu chỉ có gốc không thôi thì cây ấy không còn sức sống; hoặc giả có gốc, có thân cây mà không có cành lá thì cây ấy cũng như cây trong mùa đông không khỏi gầy cho người ta cái ấn tượng trơ trụi.

Nếu phần gốc và thân cây giữ cho cái cây đứng vững, thì phần cành lá sum suê, xanh tốt là sự biểu dương cho cái sức sống mãnh liệt của toàn bộ cái cây; hơn nữa tàn cây tươi thắm tỏa ra che rợp khoảng không gian có đủ sức mang lại cho người lữ hành trên con đường dài mệt mỏi những phút giây êm mát, thoải mái giữa buổi trưa hè oi bức. Cái cây Phật Giáo cũng thế: cả ba phần Căn Bản, Tiểu Thừa, Đại Thừa có hợp lại, bổ sung cho nhau thì mới là cái cây Phật giáo hoàn toàn. (.....)

Do đó theo thiển kiến, quan điểm của các nhà Đại Thừa (Bồ Tát) xưa đối với các nhà Tiểu Thừa (La Hán) cũng như những thành kiến của các nhà Tiểu Thừa đối với các nhà Đại Thừa đều là sai lầm. Chẳng hạn quan niệm của các nhà Đại Thừa thường cho các nhà Tiểu Thừa là hạng “tiêu

nha bại chủng” (dứt hạt giống Phật), nghĩa là hạng người ích kỷ, chỉ biết tìm cầu giải thoát cho riêng mình, không lo “hoằng pháp lợi sinh” để tiếp nối cái tinh thần truyền đạo của Phật v.v... là quan niệm rất sai lầm, hoàn toàn không đúng với sự thật lịch sử.

Khi đọc lịch sử truyền bá Phật pháp, không ai biết đến trường hợp Phú-lâu-na (Punna): Ở mạn tây Ấn Độ thuở xưa có một địa khu gọi là Du-lâu-na (Sunaparanta), Phật giáo chưa được truyền đến đây và dân bản xứ thì rất hung ác. Phú-lâu-na có ý định qua đó truyền giáo, bèn đến xin phép Phật để đi; Phật bảo:

- “Dân xứ Du-lâu-na dữ tợn, khó thuyết phục lắm, nếu ông đến đây mà họ sỉ vả ông thì sao?”

Phú-lâu-na trả lời:

- “Con nghĩ rằng họ vẫn là những người hiền lành, vì họ đã không dùng gậy gộc đánh đập con”.

- “Vậy nếu họ dùng gậy đánh ông thì ông nghĩ sao?”

- “Con nghĩ họ vẫn là người lương thiện vì họ đã chẳng dùng dao búa chém giết con”.

- “Thế lỡ họ dùng dao búa giết thì ông nghĩ sao?”

- “Con nghĩ là họ vẫn tốt và con phải cảm ơn họ vì nhờ họ mà con xả bỏ được cái thân như nhóp khố đau này”.

Biết được ý chí kiên quyết và dũng cảm ấy, Phật liền tán đồng và cho phép Phú-lâu-na đến truyền đạo tại xứ đó; ai dám bảo thái độ ấy là thái độ “độc thiện kỳ thân”, là “tiêu nha bại chủng”?

Đây chỉ là một trường hợp điển hình trong vô số trường hợp khác mà ở đây chúng tôi không thể kể hết được; hơn nữa, cứ nhìn vào tình hình Phật giáo Tiểu Thừa tại các nước như: Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, v.v... Hiện nay ta cũng thấy rõ công đức truyền bá và duy trì Phật pháp của các nhà Tiểu Thừa như thế nào rồi, đặc biệt tấm gương sáng chói của Anagarika Dhammapala (người Tích Lan) gần đây cũng chính là tiếp nối cái tinh thần truyền thống của những Phú-lâu-na và Mahinda (đem Phật pháp vào Tích Lan) từ nghìn xưa vậy.

Trái lại, quan niệm của các nhà Tiểu Thừa thường cho rằng Đại Thừa là “phi Phật thuyết” (Đại Thừa không phải Phật nói ra, ngụ ý là ngoại đạo), rồi tự mãn với lối sống truyền thống của mình, tự đóng kín, không chịu tìm hiểu các kinh điển của Đại Thừa thì quan niệm ấy nếu không là cố chấp thái quá thì cũng là hơi hẹp hòi. Nếu bảo Đại Thừa “phi Phật thuyết” thì ngoài một bậc Đại giác “cùng tận chúng sinh nghiệp tính” ra, ai có được những tư tưởng siêu việt như tư tưởng trong các kinh Đại Thừa? Rồi độc giả (nếu tôi hân hạnh có được) sẽ thấy, thế giới quan

“trùng trùng duyên khởi” một kiến trúc vĩ đại, trong Hoa Nghiêm, thế giới quan “không” của Bát Nhã, tư tưởng “chư pháp thực tướng” trong Pháp Hoa, tư tưởng “ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm” trong kinh Kim Cương, cho đến tư tưởng “vô trụ niết bàn”, “phiền não tức bồ-đề”, v.v...; tất cả những tư tưởng mêng mênh, bao la và thăm thẳm ấy đều bắt nguồn từ tư tưởng của Nguyên Thủy.

Phật pháp chỉ có một vị, đó là vị giải thoát, nhưng phương pháp để đạt đến giải thoát thì có rất nhiều và phương pháp nào -- dù là Đại Thừa hay Tiểu Thừa cũng đều nhằm đạt đến mục đích nhất vị kể trên. (...)

Chúng ta cũng nên đọc qua ít hàng viết “Nhận định của Hòa Thượng Thích Minh Châu Tiến sĩ Phật học tại Ấn Độ, Viện Trưởng Đại Học Vạn Hạnh trong nhiều năm, Chủ Tịch hội đồng phiên dịch Kinh Tạng cả Nam và Bắc truyền của Việt Nam, Ngài viết:

“Đọc kỹ tiến trình tư tưởng Phật giáo, chúng ta sẽ thấy các luận sư không vị nào là không muốn diễn đạt cho thật sự trung thành giáo nghĩa nguyên thủy của đức Từ Phụ. Dầu cho sự diễn đạt đặt dưới nhiều quan điểm và khía cạnh sai khác, lồng vào những bối cảnh có thể nói là mâu thuẫn, nhưng chúng ta vẫn nhận thấy những sóng ngầm đồng nhất, thật sự nguyên thủy trong sự cố gắng trung thành của các nhà luận sư. Cho nên quan điểm của một số học giả Pàli cho rằng những gì ngoài ba Tạng Pàli là ngụy tạo, vừa nguy hiểm, vừa nông nổi nếu không phải là lạc hậu.

Nguy hiểm vì tự mình phủ nhận những cố gắng trung thành với đạo Phật nguyên thủy của các nhà luận sư, như chúng ta đã thấy quá rõ ràng trong tập sách này. Nguy hiểm hơn nữa là chúng ta phủ nhận luôn những tinh hoa đạo Phật nguyên thủy do chính các nhà luận sư khai thác và diễn đạt. Nông nổi và lạc hậu, vì ngày nay các nhà học giả Phật giáo phần lớn đều chấp nhận một số tư tưởng Đại thừa là những tư tưởng của đạo Phật nguyên thủy và xác nhận chính trong tam tạng Pàli, được kiết tập trong một thời gian một vài thế kỷ, lẽ dĩ nhiên phải có những đoạn phi nguyên thủy xen kẽ vào. Nếu có nhà học giả nào chịu khó so sánh bốn tập A Hàm với các tập Pàli Nikàya tương đương, các vị ấy sẽ thấy có nhiều đoạn văn A Hàm Trung Hoa lại nguyên thủy hơn các đoạn văn Pàli.

Thái độ của một số Phật tử Đại thừa ngược lại xem những gì Tiểu thừa là thiếu cận, nhỏ hẹp, không đáng học hỏi cũng là một thái độ nguy hiểm, nông nổi, nếu không phải là ngây thơ, phản trí thức. Nguy hiểm vì tự nhiên phủ nhận ba tạng Pàli, bốn bộ A Hàm và các luật tạng, những tinh hoa tốt đẹp nhất và nguyên thủy nhất của lời Phật dạy. Và làm vậy chúng ta mắc mưu các nhà Bà-la-môn giáo đã khôn khéo loại bỏ ra ngoài

Phật giáo những tinh ba của lời Phật dạy, bằng cách gán cho danh từ "Tiểu thừa"; nông nổi và ngây thơ, vì thật sự danh từ Tiểu thừa và Đại thừa không tìm được trong ba tạng Pàli và bốn bộ A Hàm và chỉ là những danh từ được tạo ra về sau.

Hơn nữa, tìm hiểu quá trình lịch sử tư tưởng Phật giáo, chúng ta chỉ có thể hiểu được tư tưởng Đại thừa sau khi chúng ta tìm hiểu được tư tưởng nguyên thủy; loại bỏ tư tưởng nguyên thủy để tìm hiểu tư tưởng Đại thừa cũng như thả mồi bắt bóng, và bắt bóng ở đây là bắt bóng tà ma ngoại đạo, mới thật sự nguy hiểm hơn. Các nhà gọi là Đại thừa cần phải xác nhận một sự thật lịch sử, là các nước Tiểu thừa chống giữ sự xâm nhập của ngoại đạo tà giáo kiên trì và hữu hiệu hơn các nước Đại thừa; lý do chính là tư tưởng Đại thừa và tà giáo ngoại đạo nhiều khi cách xa chỉ có gang tấc, và nhiều nhà tự cho là Đại thừa lại sẵn sàng bước qua biên giới ấy”.

Tiếp lời Hòa Thượng Thích Minh Châu, đây là những điều hiểu sai nghĩa Kinh như Kinh Địa Tạng, phẩm Phổ Môn Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, nên một số người đã hành giống như ngoại đạo là bước qua biên giới rồi. Nhưng như lời Phật giảng thì chúng sinh tiến từ thấp dần dần lên cao, Đức Phật nói tùy duyên cứu giúp tất cả chúng sanh mọi loài từ Trời, Người, Ngạ quỷ, Súc sinh cho tới Địa ngục để thể hiện được Từ Bi Hỷ Xả. Nếu chúng ta cho rằng những việc sai trái không thể chấp nhận được, tức là chúng ta có bệnh CHẤP quá nặng; nếu có bệnh chấp thì chúng ta đi ngược lại lời dạy của Phật, nên chúng ta phải tùy duyên mà hành động cho thích hợp với từng hoàn cảnh khác biệt trong việc giáo hóa chúng sanh.

Cái phải nói đến là điều tác giả Thích Thông Lạc chê bai các kinh là hý luận, không phải là của Phật giáo mà là của ngoại đạo để lường gạt, v.v...; chê bai các Tổ sư của Bắc truyền suốt chiều dài trên 2000 năm lịch sử Phật giáo là quá sức tưởng tượng của mọi người. Đây là không hiểu nghĩa kinh luận do thiếu suy nghĩ tư duy, không có chính kiến đưa đến tà kiến nhục mạ Phật giáo Bắc truyền. Cũng vì lý do đó mà chúng tôi chẳng dặng đùng khi nhìn thấy sự chỉ trích sai lầm, bất đắc dĩ phải lên tiếng và giải thích dài dòng cho được đầy đủ để bảo vệ chánh pháp của Phật; chứ chúng tôi không hề khi không có nguyên nhân mà tự nhiên bỏ thời giờ sức lực viết ra một cách vô cớ.

Nếu như tác giả Thông Lạc tìm mấy người hay mấy chùa hành sai về một vấn đề nào đó để chỉ trích mà không đả phá Kinh Tạng của Bắc truyền thì sự việc là có lợi ích và mọi người đều tôn trọng; bởi vì dù trong giáo phái nào cũng có thể có những người hiểu sai lời Phật dạy rồi

làm sai, nhưng tiếc thay tác giả Thông Lạc đã không làm như thế vì chỉ muốn dẹp bỏ hệ thống Phật giáo Bắc truyền, nên đã không tiếc lời đả phá, mà trong đó có cả vị Tôn sư cũ của mình và biết bao nhiêu bạn đang tu hành nữa!

Để kết thúc, chúng ta thấy Phật giáo Bắc truyền đúng là cành lá hoa trái sum suê của Phật giáo, Phật giáo Nam truyền là gốc rễ thân cây, tuy hai mà một. Chúng ta gạt ra không bao giờ dùng tới các danh từ như “tiểu thừa, đại thừa” mà thay vào bằng chữ “Nguyên thủy, Nam truyền, Nam tông, Bắc truyền, Bắc tông, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát v.v...” cho được bình đẳng. Chúng ta từ bỏ quan niệm “Tiểu thừa tiêu nha bại chúng”, chấm dứt cho rằng “Đại thừa là của ngoại đạo để lừa gạt dụ dỗ v.v...” Chúng ta không vỗ ngực cho rằng pháp môn tu của mình là nhất, còn của người khác là sai v.v... Có như vậy mới xứng đáng là người con của Phật.

Đến đây, người Phật tử an tâm để tiếp tục những gì mình đang theo đuổi, không còn bị những nhận xét sai lầm về Kinh điển Bắc truyền làm tâm chúng ta dao động nữa, không còn gì phải nghi ngờ hoang mang nữa mà vững tin vào Tam Bảo Phật Pháp Tăng, vì tất cả đều đã được phân tích tỉ mỉ từng điểm trắng đen. Đối với hai bộ sách mà tác giả Thích Thông Lạc viết đầy sai trái như đã chứng minh, thì hỏi rằng các cuốn sách ấy có xứng đáng để người Phật tử mất thời giờ quan tâm đến không? ..

H ẾT

## **LỜI CUỐI:**

Chúng tôi chân thành cảm tạ chư Tôn đức, Thiện tri thức đã viết dịch giảng Kinh Luận sách đã nêu, nhờ đó tác phẩm này được hoàn thành đầy đủ trong việc phá tà hiển chánh để giữ gìn Pháp Bảo, và tập biên soạn này xin cống hiến đến tất cả những người trân quý Phật pháp.

**Cali. USA, Phật Lịch năm 2556, ngày 24 - 02 - 2013**

**NAM MÔ THÍCH CA MÂU NI PHẬT**

**Toàn Không Đổ Đăng Tiến**

## **LỐI VÀO CỬA PHẬT**



# PHẢN BIỆN HIỆN TƯỢNG THÍCH THÔNG LẠC

## TRÍCH DẪN THAM KHẢO

01. Thư Ngỏ của Tâm Diệu, BBT mạng Thư Viện Hoa Sen.
02. Ấn Độ giáo trong mạng Wichita
03. Bà La Môn giáo và triết học Phật giáo của Như Thị.
04. Bản chất BàLaMôn với sự nhìn đạo Phật, T Quảng Nguyên.
05. Đạo Đức Kinh của Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ.
06. Lão tử trong Bách Khoa Toàn Thư mạng Wikipedia.
07. Quan điểm Vô vi Lão tử & Đạo Phật, Thích Pháp Như.
08. Công phu niệm Phật của Hòa Thượng Trí Trí Tịnh.
09. Biết trước giờ chết của Hòa Thượng Thích Tịnh Nghiêm.
10. Pháp Môn Tịnh Độ của Toàn Không Đỗ Đăng Tiến, 2011.
11. Kinh QuảSaMôn, TrườngBộ Kinh, HT Th Minh Châu dịch.
12. Mật Tông Vấn Đáp của Mật Nghiêm, 1992.
13. Kinh Pháp Hoa, HT Thích Trí Tịnh dịch, Ấn tống 2003.
14. Pháp Hoa Thâm Nghĩa Đề Kinh, Ph Sư Thích Từ Thông.
15. Phật giáo Thiền Tông thực tế không ngờ, HT Th Thanh Từ.
16. Pháp Môn Đốn Ngộ của Toàn Không Đỗ Đăng Tiến, 2007.
17. Pháp Bảo Đàn Kinh của Thiền sư Thích Duy Lực dịch
18. Phật giáo Căn Bản của Toàn Không Đỗ Đăng Tiến, 2009.
19. Công Ấn của Phật Thích Ca do HT Thích Duy Lực dịch.
20. Thiền Thất trong Duy Lực Ngữ Lục.
21. Kinh Kim Cang Bát Nhã do HT Thích Duy Lực dịch giải.
22. Đọc và hiểu Kinh Kim Cương của Trịnh Nguyên Phước.
23. Kinh Phạm Võng của HT Thích Duy Lực giảng lược.
24. Kinh Phạm Võng Bồ Tát Tâm Địa, HT Th Trí Tịnh dịch.
25. Kinh Phạm Võng Bồ Tát Tâm Địa, Thích Nữ Trí Hải dịch.
26. Tại gia Bồ Tát giảng nghĩa của Thích Pháp Chánh dịch.
27. Kinh Duy Ma Cát, HT Thích Duy Lực dịch giảng.
28. Kinh Duy Ma Cát do Hòa Thượng Thích Trí Quang dịch.
29. Kinh ThủLăngNghiêm Trục Chỉ Đề Cương, PhS Từ Thông
30. Pháp TuChứng LăngNghiêm ĐạiĐịnh, Th HuệHưng dịch
31. Tổng luận Kinh Lăng Nghiêm của HT Thích Thiệן Siêu.

32. Bồ Tát hạnh trong kinh Viên Giác của Thích Nguyên Tịnh.
33. Đại Phg Đẳng ViênGiác LượcGiải, HT Th Giải Năng dịch.
34. Kinh Viên Giác do Thích Duy Lực dịch giảng.
35. Kinh ChuyểnLuânVương SưTử Hống, Kinh Trường Bộ.
36. Kinh Di Lạc do Chùa Xá Lợi ấn tống năm 1973.
37. Trung Quán Luận của HT Thích Duy Lực dịch giảng
38. Trung Luân của Long Thọ, HT Thích Thiện Siêu chú giải.
39. Trung Luận của Bồ Tát Long Thọ, HT Thích Viên Lý dịch.
40. MặtHồTĩnhLặng của Th sư Ajahn Chad, Th Khánh Hỷ dịch.
41. MinhSátThựcTiễn, TS Mahasi Sayadaw, PhápThông dịch.
42. Không Tánh của TL Thích Thông Lạc, đăng trên mạng Thân Tâm An Lạc ngày 28-11-2012, Trích trong NL GPD4..
43. Kinh Tiểu Không trong Kinh Trung Bộ, Nguyên Thỉ.
44. Bát Nhã Tâm Kinh Giảng Giải của HT Thích Thanh Từ
45. Bát Nhã Tâm Kinh Lược Giải của HT Thích Duy Lực
46. Bát Nhã Tâm Kinh Thiên Giải của Đương Đạo
47. Tuần Thất của Trưởng Lão Thích Thông Lạc, đăng trên mạng Thân Tâm An Lạc ngày 15-11-2012, trích ĐVXP.7
48. Kinh Địa Tạng của HT Thích Trí Tịnh dịch năm 2001.
49. Đôi Điều Cương Yếu về Kinh Địa Tạng, Thích Thông Huệ.
50. Tập A Hàm, quyển 2, HT Th Minh Châu Chủ Tịch dịch.
51. Kinh sách Đại thừa không phải Phật thuyết của TL THÍCH THÔNG LẠC, đăng trên mạng Thân Tâm An Lạc ngày 21-12-2012, trích NLGPD.4, TG.2010, tr.125-132.
52. Kinh số 5, quyển 2, Tăng Nhất A Hàm.
53. Kinh Thanh Tịnh, quyển 2, thuộc Trường A Hàm
54. Kinh Du Hành, quyển 1, thuộc Trường A Hàm.
55. Niên Biểu Phật Giáo của Hoàng Phong.
56. Từ ngữ Phật Học của Cư Sĩ Hạnh Cơ
57. Xét Tư Tưởng PG NguyênThủyLuận, HT Thích Quảng Độ.
58. Nhận định về “Đại thừa, Tiểu thừa”, HT Thích Minh Châu.

## **TOÀN KHÔNG ĐỖ ĐĂNG TIỄN**

